

**Trường Đại Học Sư Phạm Tp.HCM  
Khoa CNTT**



**CÔNG NGHỆ DẠY HỌC  
BÁO CÁO ĐỒ ÁN LÝ THUYẾT**

**MOODLE 1.9  
E- LEARNING COURSE**

**GV: Th.s Lê Đức Long**

**SV: Nhóm 03.**

**Bùi Thị Ngọc Linh\_K36.103.032**

**Nguyễn Thùy Ngân\_K36.103.044**

**Phạm Thị Mai Quý\_K36.103.064**

**Nguyễn Thị Thêm\_K36.103.070**

TP.HCM, 31/12/2013

# MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU .....	3
CHƯƠNG 2: CÀI ĐẶT VÀ CẤU HÌNH MOODLE .....	27
CHƯƠNG 3: CẤU HÌNH TRANG WEB CỦA BẠN.....	48
CHƯƠNG 4: TẠO CATEGORY VÀ COURSES.....	96
CHƯƠNG 5: THÊM TÀI NGUYÊN TĨNH VÀO KHÓA HỌC .....	140
CHƯƠNG 6: THÊM TÀI LIỆU KHÓA HỌC TƯƠNG TÁC .....	165
CHƯƠNG 7: THÊM NỘI DUNG XÃ HỘI VÀO KHÓA HỌC.....	228
CHƯƠNG 8: CHÀO ĐÓN SINH VIÊN CỦA BẠN.....	256
CHƯƠNG 9: CÁC TÍNH NĂNG DÀNH CHO GIÁO VIÊN (FEATURES FOR TEACHERS) .....	281
CHƯƠNG 10: MỞ RỘNG VÀ QUẢN TRỊ MOODLE.....	300

## CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

### 1. Triết học Moodle

Moodle được thiết kế để hỗ trợ một phong cách học tập được gọi là cấu trúc nhóm. Điều này nói lên phong cách học tập là tương tác. Triết lý mang tính xã hội tin rằng mọi người học tốt nhất là khi họ tương tác với các tài liệu học tập, xây dựng các tài liệu mới cho người khác và tương tác với các sinh viên khác về tài liệu. Sự khác biệt giữa một lớp học truyền thống và lớp triết lý mang tính xã hội là sự khác biệt giữa một bài giảng và thảo luận

Moodle không yêu cầu bạn phải sử dụng phương pháp cấu trúc nhóm cho bạn các khóa học. Tuy nhiên, tốt nhất hỗ trợ phương pháp này. Ví dụ, Moodle cho phép bạn thêm năm loại tài liệu khóa học tĩnh mà một sinh viên đọc, nhưng không tương tác với:

- Các trang văn bản
- Các trang web
- Liên kết đến bất cứ điều gì trên Web (bao gồm cả các tài liệu trên trang web Moodle của bạn)
- Một cái nhìn vào một trong các thư mục của khóa học
- Một nhãn có hiển thị bất kỳ văn bản hoặc hình ảnh

Tuy nhiên, Moodle cho phép bạn thêm sáu loại tài liệu học tập tương tác. Đây là tài liệu khóa học mà một sinh viên tương tác, bằng cách trả lời câu hỏi, vào văn bản, hoặc tải lên các tập tin:

- Assignment (tải lên tập tin để được xem xét bởi các giáo viên)
- Choice (một câu hỏi duy nhất)
- Journal
- Lesson (một hoạt động phân nhánh, có điều kiện)
- Quiz (một bài kiểm tra trực tuyến)
- Survey (với kết quả có sẵn cho các giáo viên và / hoặc sinh viên)

Moodle cũng cung cấp năm loại hoạt động, nơi sinh viên tương tác với nhau. Chúng được sử dụng để tạo ra các tài liệu học xã hội:

- Chat (chat trực tiếp trực tuyến giữa sinh viên)
- Forum (bạn có thể có không hoặc nhiều bản tin trực tuyến cho mỗi khóa học)
- Glossary (sinh viên và / hoặc giáo viên có thể đóng góp điều kiện để trang web toàn chú giải)

- Wiki (đây là một công cụ quen thuộc để cộng tác với hầu hết các sinh viên trẻ và nhiều sinh viên trở lên)
- Workshop (những hỗ trợ thẩm định và thông tin phản hồi của bài tập mà sinh viên tải lên)

Cho đến nay, chúng tôi đã liệt kê năm loại tài liệu học tập tĩnh, và mười một loại tài liệu học tập tương tác. Ngoài ra, trên một số Moodle thêm nhiều loại tiện ích mô-đun tương tác. Ví dụ, một trong những tiện ích mô-đun cho phép sinh viên và giáo viên để sắp xếp cuộc hẹn với nhau

## 2. Kinh nghiệm Moodle

Moodle khuyến khích sự tương tác và thăm dò, kinh nghiệm học tập của sinh viên thường sẽ là phi tuyến tính. Ngược lại, Moodle có vài tính năng cho thi hành một thứ tự cụ thể theo một khóa học. VD Moodle ko có tính năng yêu cầu sinh viên hoàn thành khóa học 101 trước khi đăng ký học khóa học 102. Thay vào đó, bạn phải tự ghi danh cho sinh viên trong mỗi khóa học. Ngoài ra Moodle cũng không có tính năng yêu cầu sinh viên hoàn thành chủ đề 1 trong khóa học trước khi cho phép sinh viên sang chủ đề 2. Nếu bạn muốn thực hiện theo dòng chảy tự nhiên, bạn sẽ cần phải tự đặt sinh viên vào nhóm được ủy quyền để xem Chủ đề 1, và sau đó khi hoàn thành, đặt sinh viên vào các nhóm được ủy quyền để xem chủ đề 1 và 2, và như vậy

Là một quản trị hoặc giáo viên, bạn cần thực hiện theo một danh mục khóa học, hoặc thông qua tài liệu trong một khóa học cá nhân, thường đòi hỏi sự can thiệp hướng dẫn. Tuy nhiên, nếu bạn thiết kế trang web của bạn với phong cách phi tuyến tính của Moodle, bạn sẽ thấy rằng nó cung cấp cho bạn sự linh hoạt và khả năng tạo ra sự hấp dẫn cho các khóa học trực tuyến

Moodle trở nên phổ biến hơn, có nhiều nhu cầu cho các tính năng mà thi hành một dòng chảy tuyến tính thông qua một khóa học. Module đang được phát triển để khóa và mở các hoạt động dựa trên hiệu suất của sinh viên trong các hoạt động trước đó. Kiểm tra tin trên Moodle.org , lộ trình, và các trang module cho tình trạng của những nỗ lực này.

Trong phần này, tôi sẽ đưa bạn vào một quá trình học của một trang web học tập Moodle. Bạn sẽ thấy kinh nghiệm của sinh viên từ thời điểm sinh viên đến trang web này, vào một khóa học, và hoạt động thông qua một số tài liệu trong khóa học. Bạn cũng sẽ thấy một số sinh viên tương tác với sinh viên, và một số chức năng được sử dụng bởi các giáo viên để quản lý khóa học. Trong đó, tôi sẽ chỉ ra nhiều tính năng mà bạn sẽ học cách thực hiện điều này trong cuốn sách, và làm thế nào các trang web demo sử dụng các tính năng đó.



## 2.1. The Moodle Front Page (Trang Moodle)

### 2.1.1. Khi đến trang web (Arriving at the site)

Bạn có thể yêu cầu người truy cập đến trang web của bạn đăng ký và sau đó đăng nhập trước khi thấy bất kỳ một phần nào của trang web của bạn, hoặc cho phép người truy cập vào với một Tài khoản của khách

The screenshot shows the Moodle front page for 'Wilderness Skills'. At the top right, it says 'You are not logged in. (Login)' and 'English (en\_us)'. The page is divided into several sections:

- Main menu:** About Wilderness Skills, How to Use this Site, Enroll for a Course.
- Calendar:** November 2005. A calendar grid shows the 6th of the month highlighted.
- Upcoming Events:** There are no upcoming events. Links for 'Go to calendar...' and 'New Event...' are provided.
- Desert Plants Course Added:** A new course has been added to our Wild Plants section. After taking our free course, *Basic Botany for Foragers*, you're ready to learn about the plants found in some of the harshest places on Earth. Below this are links for 'Win a Prize: Test Your Wilderness Knowledge' and 'Global Chat Room'.
- Available Courses:**
  - Free Courses:** Free Wild Pictures, Wilderness Skills Discussions, FREE COURSE: Basic Botany for Foragers.
  - Wild Plants:** A Walk on the Beach, By the Water's Edge.
- Welcome message:** Welcome to the Wilderness Skills site. If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills. The first course, *Basic Botany for Foragers*, is free. It covers the terms and concepts you need to know to understand most field guides and to talk about wild plants. Try the free course, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.
- Login:** Username: [input], Password: [input], Login button.

Điều đầu tiên một người học truy cập sẽ nhận thấy là thông báo ở phía trên và trung tâm của trang

VD: ở trên là khóa học thực vật sa mạc. Dưới thông báo là 2 hoạt động là :một bài kiểm tra, thi giải (Win a Prize): kiểm tra kiến thức, và một phòng chat: Phòng chat toàn cầu (Global Chat Room). Tham gia một trong hai hoạt động này thì yêu cầu sinh viên phải đăng ký trong trang web

**Wilderness Skills**
You are not logged in. (Login)

wildskills » Login to the site
English (en\_us) ▼

**Returning to this web site?**

Login here using your username and password:  
(Cookies must be enabled in your browser) ?

Username:

Password:

---

Some courses may allow guest access:

---

Forgotten your username or password?

**Is this your first time here?**

Hi! For full access to courses you'll need to take a minute to create a new account for yourself on this web site. Each of the individual courses may also have a one-time "enrollment key", which you won't need until later. Here are the steps:

1. Fill out the New Account form with your details.
2. An email will be immediately sent to your email address.
3. Read your email, and click on the web link it contains.
4. Your account will be confirmed and you will be logged in.
5. Now, select the course you want to participate in.
6. If you are prompted for a "enrollment key" - use the one that your teacher has given you. This will "enroll" you in the course.
7. You can now access the full course. From now on you will only need to enter your personal username and password (in the form on this page) to log in and access any course you have enrolled in.

### 2.1.2. Vô danh (nặc danh)(anonymous) , khách (guest) và truy cập đăng ký (registered access)

Lưu ý: Một số khóa học có thể cho phép khách truy cập ở giữa trang. Bạn có thể thiết lập ba cấp độ truy cập cho toàn bộ trang web của bạn, và cho các khóa học cá nhân:

Truy cập nặc danh cho phép mọi người xem nội dung của Trang web của bạn. Chú ý rằng không có truy cập nặc danh cho khóa học. Ngay cả khi một khóa học được mở cửa cho khách, các khách phải hoặc tự đăng nhập vào sử dụng như là khách hoặc các trang web phải tự động đăng nhập vào một người truy cập như là khách

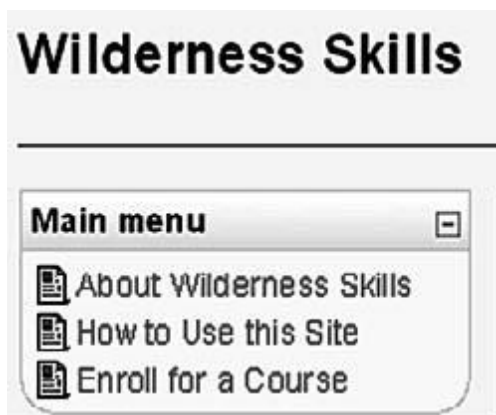
Truy cập khách yêu cầu người dùng đăng nhập như là khách. Điều này cho phép bạn theo dõi việc sử dụng, bằng cách nhìn vào số liệu thống kê cho khách sử dụng. Nhưng tất cả mọi người đăng nhập như là người dùng Khách, bạn không thể theo dõi cá nhân người dùng

Truy cập đăng ký yêu cầu người dùng đăng ký trên trang web của bạn. Bạn có thể cho phép mọi người đăng ký có hoặc không có email xác nhận, yêu cầu một mã số đặc biệt để

ghi danh, tự tạo ra các tài khoản, tài khoản nhập từ một hệ thống khác, hoặc sử dụng một hệ thống bên ngoài (như máy chủ và LDAP) cho các tài khoản của bạn

### 2.1.3. Menu chính

Trở về Trang (Front Page) , chú ý menu chính ở góc trên bên trái. Menu này gồm có ba tài liệu cho người sử dụng những gì về trang web , và làm thế nào sử dụng nó.



Trong Moodle, biểu tượng cho người sử dụng các loại tài nguyên sẽ được truy cập bởi một liên kết. Trong trường hợp này, biểu tượng cho người sử dụng là những trang web hay văn bản. Các tài liệu học tập mà một sinh viên quan sát hoặc đọc, chẳng hạn như trang web hoặc trang văn bản, siêu liên kết, và tập tin đa phương tiện được gọi là tài nguyên.

### 2.1.4. Khối (Blocks)

Có lịch và các sự kiện sắp diễn ra bên dưới menu chính. Đây là những khối, trong đó bạn có thể chọn để thêm vào FrontPage, và mỗi khóa học cá nhân.

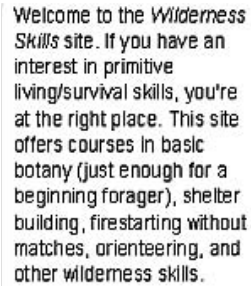


Các khối khác hiển thị một bản tóm tắt của khóa học hiện tại, một danh sách các khóa học có sẵn trên các trang web, tin tức mới nhất, ai đang online, và các thông tin khác. Ở dưới bên phải của Trang bạn sẽ nhìn thấy khối Đăng nhập

Bạn có thể thêm các khối để vào trang trước của trang web của bạn bởi vì Front Page là cơ bản của một khóa học. Bất cứ điều gì mà bạn có thể thêm vào một khóa học, chẳng hạn như tài nguyên và các khối có thể được thêm vào Trang

### 2.1.5. Mô tả trang web

Ở bên phải của Trang, bạn nhìn thấy một mô tả trang web. Đây là tùy chọn. Nếu đây là một khóa học, bạn có thể chọn để hiển thị Mô tả khóa học.



Welcome to the *Wilderness Skills* site. If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills.


Trang Web hoặc Mô tả khóa học có thể chứa bất cứ điều gì mà bạn có thể đặt trên một trang web. Nó chủ yếu là một khối mã HTML được đưa vào Trang

### 2.1.6. Các khóa học có sẵn

Bạn có thể chọn để hiển thị các khóa học có sẵn trên các trang trước của trang web của bạn.

Trong Trang web VD của tôi, tôi đã tạo ra một thể loại cho khóa học miễn phí và một cho Cây hoang dã. Các khóa học miễn phí cho phép người dùng khách vào. Các khóa học trong các chuyên mục khác yêu cầu người dùng đăng ký.



Nhấp vào biểu tượng thông tin  bên cạnh mỗi khóa học sẽ hiển thị Mô tả khóa học. Nhấp chuột vào một tên khóa học sẽ đưa bạn vào học. Nếu khóa học cho phép truy cập vô danh (nặc danh), bạn sẽ được dẫn trực tiếp vào khóa học. Nếu khóa học cho phép truy cập Khách, hoặc yêu cầu đăng ký, bạn sẽ được đưa đến màn hình đăng nhập.

## 2.2. Inside the course

### 2.2.1. Breadcrumbs

Trong màn hình tiếp theo, người sử dụng đã đăng nhập như khách và bước vào khóa học thực vật học cơ bản (Basic Botany course). Chúng tôi biết điều này từ các dấu vết Breadcrumbs ở phía trên bên trái của màn hình, mà cho chúng ta biết tên của trang web và khóa học. Trong phía trên bên phải, chúng ta thấy một xác nhận rằng người dùng đã đăng nhập dưới tên khách

The screenshot shows a Moodle course page for "FREE COURSE: Basic Botany for Foragers". At the top right, it says "You are currently using guest access (Login)". The breadcrumb trail is "wildskills » Wild Plants 1".

**Course categories**

- Free Courses
- Wild Plants
- Tracking and Animal Observation
- Shelter and Fire

Search courses... All courses...

**Activities**

- Assignments
- Chats
- Choices
- Forums
- Journals
- Lessons
- Quizzes
- Resources
- Surveys
- Wikis
- Workshops

**Topic outline**

### Welcome

#### Course Summary

This course covers the terms and concepts you need to understand most wild plant field guides. It also introduces you to some of the most common and useful wild edible plants in North America. Try this course for free, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.

#### Course Description

Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you

**Latest news**

May 20 08:12  
Teacher Number1  
Field Trip June 20 more...  
Older topics ...

**Calendar**

<< November 2005 >>

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Global events Course events

**People**

Participants

**Upcoming Events**

### 2.2.2. Khối (Blocks)

Tương tự như Front Page, khóa học này sẽ hiển thị khối Lịch và Sự kiện sắp tới. Nó cũng hiển thị các khối cho những tin tức mới nhất, con người, hoạt động, và danh mục khóa học. Khối hoạt động liệt kê tất cả các loại hoạt động và tài nguyên mà có sẵn trong khóa học này. Nhấp vào liên kết sẽ hiển thị các loại hình hoạt động. Ví dụ, nhấp Thử nghiệm hiển thị màn hình này:

Topic	Name	Quiz closes	Best grade
2	Life Cycles of Plants	Thursday, November 9 2006, 04:50 AM	
3	Leaf Types and Shapes	Saturday, July 8 2006, 04:15 PM	

Lưu ý rằng các breadcrumbs ở đầu bây giờ chỉ ra tên trang web, tên khóa học, và cũng chỉ ra rằng bạn đang xem bài trắc nghiệm trong khóa học. Khóa học được tổ chức bởi Chủ đề, và số lượng của mỗi chủ đề được hiển thị ở cột bên trái. Khi người sử dụng đã đăng nhập như khách, và nhiều người sử dụng có thể sử dụng ID đó, cột Best grade không có ý nghĩa ở đây. Nó chỉ ra chỉ cấp cao nhất cho tất cả mọi người mà những ai đã từng cố gắng làm bài kiểm tra này với truy cập khách (Guest access). Nhấp chuột vào tên của một bài kiểm tra có người sử dụng để bài kiểm tra đó. Trong breadcrumbs ở trên cùng của trang (the navigation line), cách nhấn Wild Plants 1, đưa người dùng trở lại khóa học.

Trước đó, tôi nhận xét về bản chất phi tuyến tính của nhiều khóa học Moodle. lưu ý rằng mặc dù người dùng đã không hoàn thành Chủ đề 1, các bài trắc nghiệm cho Chủ đề 2 và 3 được mở cho người dùng. Ngoài ra, nhìn vào khối hoạt động, bạn có thể thấy tất cả các tài nguyên cho khóa học này là cung cấp cho người sử dụng ở tất cả các lần. Sau đó, chúng tôi sẽ thảo luận về tính năng cho phép bạn chọn lọc ẩn và hiển thị các hoạt động khác nhau.

### 2.2.3. Topics (chủ đề)

Moodle cũng cho phép bạn tổ chức một khóa học theo tuần. Trong trường hợp đó, mỗi phần được dán nhãn với một ngày, thay vì một số. Hoặc, bạn có thể chọn để làm cho khóa học của bạn duy nhất, diễn đàn thảo luận lớn.

**Topic outline**

## Welcome

### Course Summary

This course covers the terms and concepts you need to understand most wild plant field guides. It also introduces you to some of the most common and useful wild edible plants in North America. Try this course for free, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.

### Course Description



Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you.

Welcome to *Basic Botany for Foragers*. This course introduces you to foraging. Foraging is identifying, gathering, and using wild plants for food, medicine, and tools.



Before continuing, it is very important that you read and understand the following warning: **Eat only those plants you can positively identify and that you know are safe to eat. Identify and collect wild plants only under the guidance of an experienced forager. This course is an excellent preparation for learning to identify plants under the guidance of an expert, but is not a substitute. You should learn under someone qualified and experienced in the collection of wild plants in your area. Common sense dictates that if you have any doubt as to a plant's safety, don't eat it.**

To learn more about this course, select *Course Goals and Outline* below. To meet your fellow foragers, join the *Course Discussion*. To jump into the course, just select a lesson.




-  [Course Goals and Outline](#)
-  [Wild Plants Chat Room](#)

---

### Group Activities

-  [Course Discussion](#)
-  [Group Wiki](#)



### Before You Start the Course: Do These Activities

-  [The Plants Around You](#)
-  [Have you tried edible wild plants?](#)
-  [Foraging Journal](#)


---

- ### Types of Plants


Identifying the basic types of plants: woody, herbaceous, and succulents.

  -  [Types of Plants](#)
  -  [What kind of plant is it?](#)
- ### Life Cycles of Plants

Like all living things, plants have a life cycle. This lesson covers the different types of life cycles found in the plant world.



  -  [Life Cycles of Plants](#)
- ### Leaves

Leaves are one of the most important identifying features of a plant. This section covers many of the terms used in field guides and botany texts.

  -  [Leaf Types and Shapes](#)
- ### Flowers

Along with leaves, flowers are the most important identifying feature. This section covers flower parts and terminology used to describe flowers.

Dandelion flower

  -  [The Parts of a Flower](#)
  -  [Dissect a Flower Online](#)

Hầu hết các khóa học được tổ chức theo chủ đề. Lưu ý rằng các chủ đề đầu tiên, mà tôi đã dán nhãn Chào mừng bạn, không đánh số. Moodle cung cấp cho bạn một chủ đề 0 để sử dụng như giới thiệu khóa học.

Giáo viên có thể ẩn và hiển thị chủ đề theo ý thích. Điều này cho phép một giáo viên mở và đóng các hoạt động như một quá trình của khóa học.

Chủ đề là mức thấp nhất của tổ chức trong Moodle. Hệ thống phân cấp là: Site (trang web) | Course (Khóa học)|Category (Danh mục) | Course Subcategory (optional) (Khóa học tùy chọn)| Course (Khóa học) | Topic (chủ đề). Tất cả các mục trong khóa học của bạn thuộc về một chủ đề, ngay cả khi khóa học của bạn chỉ bao gồm Chủ đề 0.

#### 2.2.4. Join a Discussion (tham gia thảo luận)

Nhấp vào Thảo luận khóa học, dưới hoạt động nhóm, sinh viên đến diễn đàn khóa học. Nhấp vào dòng chủ đề mở ra chủ đề đó. Bạn có thể thấy trong ảnh này chụp màn hình mà giáo viên bắt đầu với bài đầu tiên. Sau đó, William Rice để lại một tin nhắn kiểm tra, và một sinh viên trả lời cho các bài viết gốc:

The screenshot shows a Moodle forum interface. At the top, there is a breadcrumb trail: "wildskills » Wild Plants 1 » Forums » Course Discussion » Field Trip June 20". To the right of the breadcrumb is a search box with a question mark icon and a "Search forums" button. Below the breadcrumb is a dropdown menu set to "Display replies in nested form". The main content area displays three forum posts in a nested view. The first post is titled "Field Trip June 20" by "Teacher Number1" on Friday, May 20, 2005, at 08:12 AM. The text of the post asks if the user knows that Central Park in New York City contains many edible wild plants and provides contact information for a field trip. The second post is a reply titled "Re: Field Trip June 20" by "William Rice" on Thursday, May 26, 2005, at 08:29 AM, with the text "test". The third post is another reply titled "Re: Field Trip June 20" by "Student Number1" on Monday, October 3, 2005, at 09:24 AM, providing feedback on the field trip. Each post includes a "Reply" link and, for the replies, a "Show parent" link.

Đó là tin nhắn kiểm tra không dùng cho sinh viên của chúng tôi. May mắn thay, các giáo viên đã chỉnh sửa quyền diễn đàn này. Vì vậy, họ có thể xóa các bài viết theo ý thích. Giáo viên cũng có thể đánh giá bài viết phù hợp của họ, như thể hiện trong hình bên dưới:





Search forums

Display replies in nested form



**Re: Field Trip June 20**

by William Rice - Thursday, May 26 2005, 08:29 AM

test

Delete | Reply



**Re: Field Trip June 20**

by Student Number1 - Monday, October 3 2005, 09:24 AM

This field trip was excellent. Mr. Brill really knows his stuff. But it moved a little too fast for those of us who wanted to take pictures and thorough notes. I would have liked more time with each plant.

Show parent | Split | Delete | Reply

Ratings: 1 / 1 | 1 / 1

Send in my latest ratings

Moodle hỗ trợ một cách tương tác và hợp tác học tập, hs cũng có thể được trao cho khả năng để đánh giá bài trên diễn đàn và các tài liệu được gửi bởi hs khác

### 2.2.5. Hoàn thành workshop (Complete a Workshop)

Tiếp theo, các sinh viên sẽ tham gia vào một workshop được gọi là Observing the Familiar (Quan sát quen thuộc)

## Observing the Familiar


**Current phase:** Allow Submissions and Assessments  
**Start of submissions:** Monday, October 3 2005, 09:30 AM (37 days 5 hours)  
**End of submissions:** Tuesday, October 3 2006, 09:30 AM (327 days 18 hours)  
**Start of assessments:** Monday, October 3 2005, 09:30 AM (37 days 5 hours)  
**End of assessments:** Tuesday, October 3 2006, 09:30 AM (327 days 18 hours)  
**Maximum grade:** 16 (Specimen Assessment Form)

### Show Workshop Description

**Submit your Assignment using this Form:**

Submission Title:

Submission:



Path:

Trong Workshop này, các sinh viên viết và cập nhật một số nhận xét được xác định. Những nhận xét này sau đó được đánh giá bởi các sinh viên khác trong lớp. Khi sinh viên đầu tiên vào Workshop, họ thấy hướng dẫn để hoàn thành Workshop xác định.

### Workshop Directions

You might want to print out these directions for reference.

1. Choose three or four plants from your everyday environment. They don't need to be edible wild plants. We're at the beginning of the course, so you probably can't identify many edible plants yet, anyway! However, they should be as different as possible from one another. For example, you might choose a vine, a low-growing weed, a tree and a flower.
2. In this topic, you will see a wiki called "Observing the Familiar." Enter the wiki, and start a subsection with your name for the title. Use the style *Heading 2* for the section head.
3. Create a sub-section, using the style *Heading 3* for the heading. Name the section today's date.
4. Enter observations about the plant's appearance, texture, smell, etc. **Do not taste the plant unless an experience, qualified forager has confirmed it is edible. Wash your hands after handling it.** Also record your observations about the area immediately around the plant: the soil, nearby plants, shade and sun..
5. Over the next few weeks, return to the workshop every few days to record changes on the plants and their immediate environment. Especially, record your observations after a significant weather event: rain, a dry spell, an unseasonable change in temperature, etc.

Continue

Sau khi đọc những hướng dẫn, sinh viên tiếp tục đến hình thức nộp workshop (thể hiện ở bên phải).

Lưu ý trình xử lý trực tuyến mà các sinh viên sử dụng để viết các bài tập. Cung cấp cho các sinh viên cơ bản tính năng WYSIWYG. Trình xử lý đơn giản cùng một từ xuất hiện khi người sáng tạo khóa học tạo ra các trang web, hoặc khi sinh viên viết mục Bài tập trực tuyến, và vào những thời điểm khác khi người dùng chỉnh sửa và định dạng văn bản trình xử lý

Ở phía trên của trang, bạn có thể thấy rằng workshop này đã mở cửa và đóng cửa ngày nộp, và đánh giá. Nó cũng có một giá trị điểm tối đa là 16. Khi các sinh viên đánh giá công việc của nhau, họ sẽ thấy những tiêu chí đánh giá và bao nhiêu điểm mỗi tiêu chí là giá trị.

Nếu bạn có thể đọc Bước 5 trong các hướng dẫn workshop trên, bạn có thể thấy rằng các sinh viên sẽ trở lại workshop này vài ngày để cập nhật bài tập này. Để làm điều này, tác giả khóa học sử dụng một tính năng cho phép sinh viên gửi lại các workshop. Tác giả tất nhiên có thể chọn để cho phép một đơn nộp thay thế.

#### 2.2.6. Đánh giá Công việc của sinh viên (Assessing Other Students' Work)

Trong tiểu mục trước, bạn đã làm thế nào một sinh viên nộp một bài tập đến một workshop. Sau mỗi sinh viên nộp một bài tập, sinh viên được đưa ra một cơ hội để đánh giá công việc của sinh viên khác. Trong hình bên dưới, sinh viên số 2 vừa nộp một bài tập, và bây giờ có thể đánh giá công việc của sinh viên 1. Sinh viên 2 sẽ bắt đầu đánh giá bằng cách nhấp vào liên kết Truy cập

**Current phase:** Allow Submissions and Assessments  
**Start of submissions:** Monday, October 3 2005, 09:30 AM (37 days 12 hours)  
**End of submissions:** Tuesday, October 3 2006, 09:30 AM (327 days 11 hours)  
**Start of assessments:** Monday, October 3 2005, 09:30 AM (37 days 12 hours)  
**End of assessments:** Tuesday, October 3 2006, 09:30 AM (327 days 11 hours)

**Maximum grade:** 16 (Specimen Assessment Form)

## Show Workshop Description

Please assess these Student Submissions

Submission Title	Action	Comment
Chamomile Growing in the Cracks of the Sidewalk	Assess	

### Your assessments of work by your peers

No Assessments Done

### Your Submissions

Submission Title	Action Submitted	Assessments
Edible Weeds in my Lawn	Wednesday, November 9 2005, 09:59 PM	0

You are logged in as Student Number2 (Logout)

Theo đánh giá công việc của bạn bởi các đồng nghiệp của bạn, bạn có thể thấy rằng người sử dụng này chưa đánh giá công việc của người khác.

Mẫu đánh giá ở trên cùng của trang, hiển thị các hình thức mà học sinh sẽ sử dụng để đánh giá công việc của người khác. Tuy nhiên, nó là một hình thức mẫu. Vì vậy, nó không ảnh hưởng đến đánh giá của bất kỳ ai.

**Assess this submission** ⓘ

**Assessment of Chamomile Growing in the Cracks of the Sidewalk**

**Assessment**  
Thursday, November 9 2006, 09:59 PM

**Element 1:** Please comment on the variety of plants chosen by this student. Weight: 2.00

Select	Criterion
<input checked="" type="radio"/>	No variety.
<input type="radio"/>	A good variety of plants.
<input type="radio"/>	Outstanding variety.

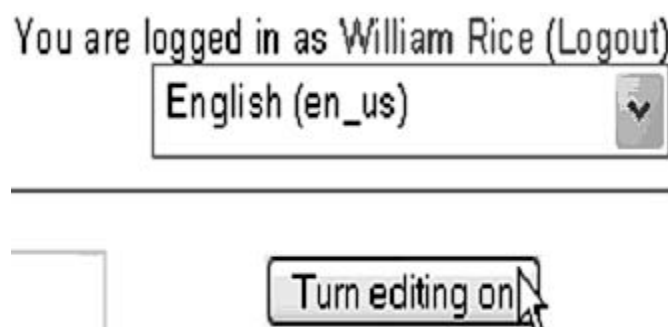
**Feedback:**

Nhấp vào liên kết Đánh giá sẽ trả về các hình thức đánh giá workshop đã nộp của sinh viên 1. Người sử dụng hiện tại, sinh viên 2 sử dụng hình thức này để đánh giá công việc. Các giáo viên sẽ đánh giá workshop của sinh viên 1. Vì vậy, không chỉ Moodle cung cấp cho bạn khả năng làm việc của các học sinh cùng lớp, nhưng cũng cung cấp khả năng đánh giá về công việc của sinh viên khác. Vì Moodle nhấn mạnh hợp tác

## 2.3. Chế độ chỉnh sửa (Editing Mode)

### 2.3.1. Chế độ chỉnh sửa bình thường

Khi một người sử dụng khách hoặc sinh viên đăng ký trang web học tập của bạn, Moodle hiển thị các trang bình thường. Tuy nhiên, khi một người nào đó với đặc quyền đăng nhập, Moodle cung cấp một nút để chuyển sang chế độ chỉnh sửa:



Nhấp vào Turn editing on trên Moodle để vào chỉnh sửa:


- Chế độ bình thường

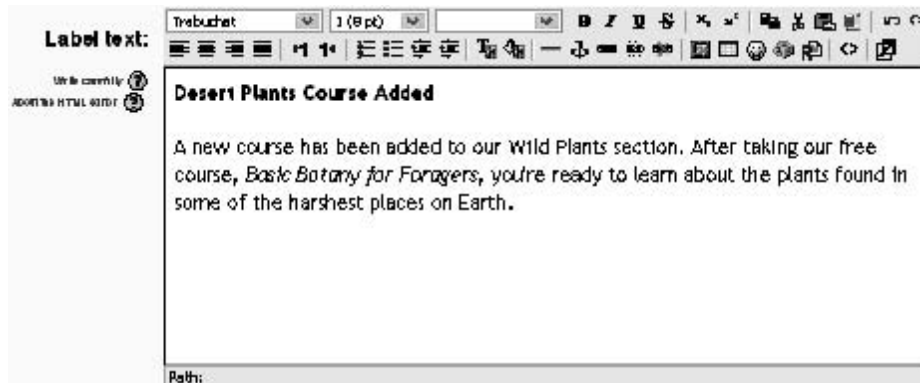


- Chế độ chỉnh sửa




### 2.3.2. Biểu tượng chỉnh sửa (The Editing Icon)

Nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa  cho phép bạn chỉnh sửa nội dung đứng trước biểu tượng. Ví dụ, nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa theo sau đoạn cho phép bạn chỉnh sửa thông báo:



Nhấp vào biểu tượng Chỉnh sửa bên cạnh các bài kiểm tra, sẽ đưa bạn đến cửa sổ chỉnh sửa cho bài kiểm tra đó. Trong cửa sổ đó, bạn có thể tạo, thêm, và loại bỏ câu hỏi, thay đổi chương trình phân loại, và áp dụng các thiết lập khác cho bài kiểm tra.

### 2.3.3. Biểu tượng xóa (The Delete Icon)

Nhấp vào biểu tượng xóa  sẽ xóa mục đứng trước biểu tượng.

### 2.3.4. Biểu tượng ẩn/hiện (The Hidden/Shown Icons)


Tôi gọi những biểu tượng ẩn/hiện thay cho ẩn/hiện vì biểu tượng cho trạng thái hiện tại của mục và không có gì xảy ra khi bạn bấm vào nó.

Biểu tượng ẩn chỉ ra rằng mục này ẩn từ các sinh viên. Nhấp vào để hiện các mục để sinh viên vào

Biểu tượng hiển thị cho thấy mục hiển thị cho các sinh viên. Nhấp chuột vào nó ẩn các mục từ các sinh viên

Nếu bạn muốn loại bỏ một mục từ một khóa học trong khi vẫn giữ nó để sử dụng sau này, hoặc nếu bạn muốn giữ một mục ẩn của sinh viên trong khi bạn đang làm việc trên nó, giấu nó thay vì xóa nó.

### 2.3.5. Biểu tượng nhóm (The Group Icons)

Đây là biểu tượng nhóm  áp dụng cho các mục

Nhóm là kiểm soát kiểm các mục dựa trên số lượng sinh viên thuộc nó

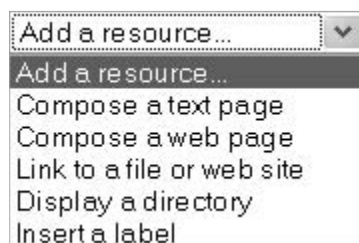
## 2.4. Nguồn tài nguyên và các hoạt động (Resources and Activities)

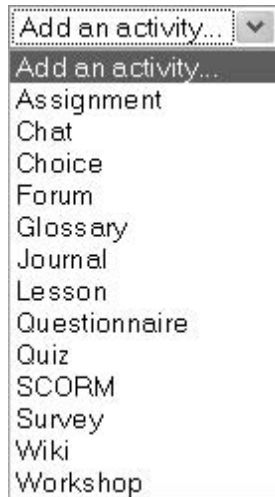
Tài liệu khóa học mà một học sinh quan sát hoặc đọc, chẳng hạn như trang web hoặc trang văn bản, siêu liên kết (hyperlinks), và các tập tin đa phương tiện (multimedia files), được gọi là các nguồn tài nguyên. Tài liệu khóa học mà một học sinh tương tác, hoặc các tài liệu cho phép tương tác giữa các học sinh và giáo viên được gọi là hoạt động. Bây giờ chúng ta hãy xem làm thế nào để thêm một số nguồn tài nguyên và các hoạt động vào trang web Moodle của bạn.

Trong chế độ chỉnh sửa, bạn có thể thêm các nguồn tài nguyên và các hoạt động cho một khóa học. Moodle cung cấp các hoạt động nhiều hơn các nguồn tài nguyên, chẳng hạn như trò chuyện, diễn đàn, tạp chí, Quiz, Wiki, và nhiều hơn nữa.

### 2.4.1. Thêm nguồn tài nguyên và các hoạt động

Bạn thêm nguồn tài nguyên và các hoạt động bằng cách sử dụng các menu thả xuống xuất hiện ở chế độ chỉnh sửa:





Chọn một mục đưa bạn đến cửa sổ chỉnh sửa cho các loại mục. Ví dụ, chọn Link đến một tập tin hoặc trang web hiển thị cửa sổ bên phải. Lưu ý rằng bạn có thể làm nhiều hơn chỉ cần chỉ định một hyperlink. Bạn có thể cung cấp cho liên kết này một tên người dùng, và mô tả tóm tắt. Bạn cũng có thể mở nó trong một cửa sổ mới, và làm nhiều hơn nữa



**Link to a file or web site** ?

**Name:**

**Summary:** Trebuchet 1 (8 pt) B I U S x<sub>2</sub> √ [Rich text editor toolbar]

**Path:**

**Location:** http://  [Choose or upload a file ...] [Search for web page ...]

**Window:** [Hide settings] ?

- Same window
  - Put resource in a frame to keep site navigation visible
- New window
  - Allow the window to be resized
  - Allow the window to be scrolled
  - Show the directory links
  - Show the location bar
  - Show the menu bar
  - Show the toolbar
  - Show the status bar
  - Default window width (in pixels)
  - Default window height (in pixels)

Hầu hết các nguồn tài nguyên và các hoạt động mà bạn thêm vào Moodle có một bản tóm tắt. Bản tóm tắt này xuất hiện khi một sinh viên chọn một mục. Ngoài ra, nếu các mục xuất hiện trong một danh sách (ví dụ, một danh sách của tất cả các tài nguyên trong một khóa học) thì bản tóm tắt được hiển thị

Khi xây dựng các khóa học, bạn sẽ dành phần lớn thời gian của bạn vào cửa sổ chỉnh sửa cho các mục mà bạn thêm vào. Bạn sẽ tìm thấy hành vi của họ và sự xuất hiện rất nhất quán. Sự hiện diện của một bản tóm tắt là một trong những ví dụ về sự nhất quán đó. Một ví dụ khác là sự hiện diện của các biểu tượng trợ giúp ? bên cạnh tiêu đề của cửa sổ. Nhấp vào biểu tượng này sẽ hiển thị một lời giải thích của các loại mục

## **2.5. Khối quản lý ( The Administration Block)**

Tất cả các nội dung của khối quản lý được hiển thị chỉ khi một người nào đó là quản lý, hoặc bởi quyền người tạo ra khóa học đã đăng nhập. Sinh viên có cài nhìn nhiều hạn chế đối với các khối này. Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy quan điểm của sinh viên đối với khối quản lý bên trái, và giáo viên là bên phải



Các lựa chọn về biến đổi khối này tùy thuộc vào việc bạn đang xem Front Page hoặc một khóa học, và các đặc quyền mà bạn có.

Lựa chọn trong khối này chỉ ảnh hưởng đến quá trình hiện hành. Ví dụ, chọn Logs từ Front Page để hiển thị một trang nơi bạn có thể xem các logs cho tất cả các hoạt động trang web, trong khi lựa chọn nó từ các khóa học để hiển thị logs chỉ dành cho khóa học

## 2.6. Và nhiều hơn nữa

Quá trình học của một trang web học tập này giới thiệu cho bạn những điều cơ bản của kinh nghiệm Moodle. Các chương tiếp theo đưa bạn qua cài đặt Moodle và tạo các khóa học. Nếu bạn làm việc thông qua các chương theo thứ tự, bạn sẽ khám phá ra rằng nhiều tính năng không được đề cập trong quá trình học của một trang web học tập này. Và Moodle là mã nguồn mở, tính năng mới có thể được thêm vào bất cứ lúc nào. Có lẽ, bạn sẽ là người đóng góp một tính năng mới cho cộng đồng Moodle.

## 3. Kiến trúc của Moodle (The Moodle Architecture)

Moodle chạy trên bất kỳ máy chủ web hỗ trợ các ngôn ngữ lập trình PHP, và một cơ sở dữ liệu. Nó hoạt động tốt nhất, và có sự hỗ trợ nhiều hơn, khi chạy trên máy chủ web

Apache với một cơ sở dữ liệu MySQL. Các yêu cầu, Apache, PHP và MySQL được phổ biến cho hầu hết các máy chủ web thương mại, kể cả những web chi phí thấp.































Hệ thống quản lý học tập Moodle nằm trong ba nơi trên máy chủ web của bạn:

- Ứng dụng này chiếm một thư mục, với nhiều thư mục con cho các modules khác nhau.
- Tập tin dữ liệu sinh viên và giáo viên tải lên, chẳng hạn như hình ảnh và bài tập của sinh viên, nằm trong thư mục dữ liệu của Moodle.
- Tài liệu học tập mà bạn tạo ra với Moodle (các trang web, quizzes, workshops, lessons...), điểm, thông tin người dùng, và người dùng đăng nhập được lưu trong cơ sở dữ liệu của Moodle.

### **3.1. Các thư mục ứng dụng của Moodle (The Moodle Application Directory)**

Hình dưới đây cho bạn thấy thư mục ứng dụng Moodle của tôi. Không biết nhiều về Moodle, bạn có thể đoán chức năng của một số thư mục. Ví dụ, thư mục admin nắm giữ các mã PHP tạo ra các trang quản lý, thư mục lang giữ bản dịch của giao diện Moodle và thư mục mod giữ các module khác nhau:

Location: /www/moodle/moodle

Select	Type	Permission	User	Group	Size	Date	Filename
<a href="#">« BACK</a>							..
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 05 22:05	<a href="#">admin</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	May 24 02:03	<a href="#">auth</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">backup</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">blocks</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">calendar</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 23 22:05	<a href="#">course</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Jun 18 22:11	<a href="#">doc</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">enrol</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	May 24 02:04	<a href="#">error</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">files</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">filter</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 27 22:05	<a href="#">grade</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">lang</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">lib</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 23 22:05	<a href="#">login</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 07 22:04	<a href="#">message</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Oct 19 14:47	<a href="#">mod</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	May 24 02:07	<a href="#">pix</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">rss</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Aug 01 22:25	<a href="#">sso</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 29 22:05	<a href="#">theme</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	Sep 28 22:04	<a href="#">user</a>
<input type="checkbox"/>		drwxr-xr-x	williamr	williamr	4096	May 24 02:07	<a href="#">userpix</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	15087	Jul 04 22:13	<a href="#">config-dist.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r-----	williamr	williamr	724	Sep 30 13:24	<a href="#">config.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	5931	Jul 12 22:16	<a href="#">file.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	4893	May 24 02:03	<a href="#">help.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	7529	May 24 02:03	<a href="#">index.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	23503	May 24 02:03	<a href="#">install.php</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	943	May 24 02:03	<a href="#">README.txt</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	2923484	Jul 06 02:09	<a href="#">tags</a>
<input type="checkbox"/>		-rw-r--r--	williamr	williamr	515	Sep 10 22:05	<a href="#">version.php</a>

Tập tin Index.php là Trang chủ của Moodle. Nếu một học sinh đã truy cập vào web Moodle của tôi, trang đầu tiên học sinh sẽ đọc là tập tin <http://moodle.williamrice.com/index.php>.








Trong trang web của tôi, khóa học miễn phí Basic Botany for Foragers là khóa học số 4. Chỉ có hệ thống Moodle biết nó là khóa học số 4. Chúng ta biết nó là Basic Botany for Foragers. Khi một học sinh bước vào khóa học đó, URL trong trình duyệt của học sinh đọc <http://moodle.williamrice.com/moodle/course/view.php?id=4>. Trong hình trên, bạn có thể thấy rằng /courses là một trong các thư mục trong cài đặt Moodle của tôi. Khi người dùng điều hướng trang web, các trang .php khác nhau làm công việc trình bày thông tin.

Mỗi thành phần cốt lõi của Moodle và các module là các thư mục con riêng, phần mềm có thể dễ dàng cập nhật bằng cách thay thế các tập tin cũ với cái mới. Bạn nên định kỳ kiểm tra các trang web tin tức <http://www.moodle.org> về bản cập nhật và sửa lỗi.

### 3.2. Thư mục dữ liệu của Moodle (The Moodle Data Directory)

Moodle lưu trữ các tập tin tải lên bởi người sử dụng trong một thư mục dữ liệu. Thư mục này không nên được truy cập vào bởi mọi người trên các trang web. Có nghĩa là bạn không nên gõ địa chỉ URL cho thư mục này và truy cập nó bằng cách sử dụng một trình duyệt web. Bạn có thể bảo vệ nó bằng cách sử dụng một tập tin .htaccess, hoặc bằng cách đặt các thư mục bên ngoài thư mục tài liệu của máy chủ web.

Trong cài đặt của tôi, ảnh chụp màn hình trước cho bạn thấy rằng thư mục tài liệu web cho moodle.williamrice.com là /www/moodle. Vì vậy, tôi đặt thư mục dữ liệu bên ngoài /www/moodle trong /www/moodledata:

Location: /www							
Select	Type	Permission	User	Group	Size	Date	Filename
		drwxrwxr-x	root	williamr	4096	Oct 24 14:45	<u>moodle</u>
		drwxrwxr-x	williamr	williamr	4096	Jul 11 16:45	<u>moodledata</u>
		drwxrwxr-t	williamr	williamr	4096	Mar 28 2005	<u>www</u>
		-rw-rwxr--	williamr	williamr	24	Aug 22 2003	.bash_logout
		-rw-rwxr--	williamr	williamr	191	Aug 22 2003	.bash_profile
		-rw-rwxr--	williamr	williamr	124	Aug 22 2003	.bashrc
		-rw-rwxr--	williamr	williamr	3511	Aug 22 2003	.screenrc

Trên máy chủ của tôi, thư mục /www/moodledata tương ứng với tên miền phụ [www.moodledata.williamrice.com](http://www.moodledata.williamrice.com). Tên miền phụ này được bảo vệ khỏi những truy cập

mở bằng một tập tin .htaccess. Thư mục /www/www tương ứng với tên miền gốc [www.williamrice.com](http://www.williamrice.com).

### **3.3. Cơ sở dữ liệu của Moodle (The Moodle Database)**

Trong khi lưu trữ các tập tin thư mục dữ liệu của Moodle tải lên bởi các sinh viên, cơ sở dữ liệu của Moodle lưu trữ hầu hết các thông tin trong trang web Moodle của bạn. Các cơ sở dữ liệu lưu trữ đối tượng mà bạn tạo ra bằng cách sử dụng Moodle. Ví dụ, Moodle cho phép bạn tạo web cho các khóa học của bạn. Mã thực tế HTML của các trang web được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu. Liên kết mà bạn thêm vào một khóa học, các thiết lập, và nội dung của forum và wiki, quizzes được tạo ra với Moodle là những ví dụ của dữ liệu được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của Moodle.

Ba phần của Moodle là ứng dụng, thư mục dữ liệu và cơ sở dữ liệu làm việc với nhau để tạo ra trang web học tập của bạn. Chương 9 nói về việc sao lưu và khôi phục sự cố, đó là một ứng dụng rõ ràng của kiến thức này. Tuy nhiên, làm thế nào để biết ba phần làm việc với nhau là hữu ích trong khi nâng cấp, xử lý sự cố, và di chuyển trang web của bạn giữa các máy chủ.

## **4. Tóm tắt (Summary)**

Moodle khuyến khích thăm dò và tương tác trong sinh viên và giáo viên và cả hai. Khi thiết kế khóa học và giáo viên, bạn sẽ có hầu hết các công cụ theo ý của bạn nếu bạn làm việc với xu hướng này và làm cho kinh nghiệm học tập của bạn tương tác tốt. Tạo các khóa học với các forum, peer-assessed workshop, journals, surveys và bài học tương tác là làm việc nhiều hơn để tạo ra một khóa học từ một loạt các trang web tĩnh. Tuy nhiên, nó cũng hấp dẫn và hiệu quả hơn, và bạn sẽ thấy rằng đáng nỗ lực để sử dụng nhiều tính năng tương tác của Moodle.

Trong khi giảng dạy một khóa học trực tuyến trong Moodle, hãy nhớ rằng Moodle cho phép bạn thêm, di chuyển, và sửa đổi tài liệu khóa học và các công cụ chấm điểm on-the-fly. Nếu không được phép của chính sách của tổ chức của bạn, đừng ngần ngại thay đổi một khóa học để đáp ứng nhu cầu của học sinh.

Cuối cùng, tìm hiểu những điều cơ bản của kiến trúc của Moodle, và ít nhất là đọc trong "cài đặt" và "cấu hình" trong Chương 2. Đừng ngại công nghệ. Nếu bạn khó khăn khi làm chủ nghệ thuật giảng dạy, bạn có thể sử dụng các tiềm năng của Moodle

## CHƯƠNG 2: CÀI ĐẶT VÀ CẤU HÌNH MOODLE

### 1. Installing Moodle

Cài đặt Moodle bao gồm:

- Lấy không gian và các quyền trên một máy chủ web mà có khả năng cần thiết để chạy Moodle
- Tạo ra các tên miền phụ và / hoặc thư mục cần thiết cho Moodle và dữ liệu của nó
- Nhận và giải nén Moodle, và tải nó lên máy chủ web của bạn
- Tạo ra các thư mục dữ liệu
- Tạo cơ sở dữ liệu của Moodle
- Kích hoạt trình cài đặt và chỉ định cài đặt cho site Moodle của bạn
- Thiết lập công việc định kỳ

Mỗi bước được bao phủ trong các phần theo sau.

Các nhà xuất bản và tác giả của cuốn sách này góp phần hướng dẫn cài đặt Moodle [installationwiki.org](http://installationwiki.org). Trên trang web này, bạn sẽ tìm thấy các hướng dẫn cài đặt mới nhất cho Moodle và nhiều ứng dụng mã nguồn mở khác.

#### 1.1. Cài đặt bước 1 (Installing Step 1) – The Web Server

##### 1.1.1. Bao nhiêu dịch vụ Hosting bạn cần? (How Much Hosting Service Do You Need?)

Chỉ với vài chục sinh viên, Moodle chạy tốt trên một dịch vụ web-hosting khiêm tốn. Tại thời điểm này, nhiều công ty hosting cung cấp dịch vụ có thể chạy cài đặt Moodle nhỏ cho ít hơn \$ 10 một tháng. Đưa ra quyết định dựa trên các yếu tố thảo luận ở đây

##### ❖ Không gian đĩa (Disk space)

Khi cài đặt Moodle mới sẽ chiếm khoảng 55MB không gian đĩa, đó không phải là nhiều. Hầu hết các không gian sẽ được chiếm bởi nội dung được thêm vào trong khi người dùng tạo và có các khóa học. Đưa ra quyết định dựa trên bao nhiêu không gian bạn cần cho các loại khóa học bạn dự định cung cấp. Bạn sẽ cần không gian ít hơn nếu các khóa học chứa chủ yếu là văn bản và một vài đồ họa so với các tập tin âm nhạc hoặc các tập tin video. Ngoài ra, xem xét các không gian đĩa bị chiếm đóng bởi các tập tin mà các sinh viên sẽ tải lên. Các sinh viên sẽ tải lên các tập tin nhỏ xử lý văn bản, đồ họa lớn, hoặc các tập tin

đa phương tiện rất lớn? Khi xác định bao nhiêu không gian đĩa bạn cần, hãy xem xét kích thước của các tập tin mà các khóa học bạn sẽ phân phối và học sinh sẽ nộp.

### ❖ **Băng thông (Bandwidth)**

Moodle là một sản phẩm dựa trên web, vì vậy nội dung khóa học và bài tập được bổ sung trên web. Bất cứ khi nào một người đọc hoặc người dùng kết nối đến một trang web, họ đang sử dụng băng thông. Khi người dùng đọc một trang trên trang web Moodle của bạn, tải về một video, hoặc tải lên một bài báo, người đó sử dụng băng thông của bạn. Các khóa học, sinh viên, các hoạt động, và đa phương tiện có trên web Moodle của bạn, nhiều băng thông bạn sẽ sử dụng. Hầu hết các dịch vụ lưu trữ thương mại bao gồm một khoản cố định băng thông trong dịch vụ của họ.

Nếu tài khoản của bạn sử dụng nhiều băng thông hơn mức cho phép, một số dịch vụ sẽ cắt truy cập trang web của bạn. Những người khác giữ cho trang web của bạn lên, nhưng tự động hoá đơn cho bạn cho thêm băng thông. Lựa chọn thứ hai thích hợp hơn trong trường hợp nhu cầu đột xuất. Trong khi quyết định trên một dịch vụ lưu trữ, tìm ra bao nhiêu băng thông họ cung cấp và những gì họ làm gì nếu bạn vượt quá giới hạn đó

### ❖ **Bộ nhớ (Memory)**

Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ lưu trữ chia sẻ, tài khoản của bạn sẽ được chia sẻ một máy chủ web với các tài khoản khác. Tất cả các tài khoản chia sẻ bộ nhớ, hoặc RAM của máy chủ đó. Trong thời điểm nhu cầu cao, rất ít bộ nhớ sẽ có sẵn cho mỗi tài khoản. Trong thời điểm nhu cầu thấp, tài khoản của bạn có thể sử dụng nhiều bộ nhớ hơn.

Moodle chạy tốt hầu hết trên các dịch vụ lưu trữ chia sẻ. Tuy nhiên, khi bạn có một số lượng lớn các khóa học, hoặc các khóa học lớn, thường xuyên sao lưu tự động Moodle thường không thành công trên các máy chủ chia sẻ với giới hạn bộ nhớ thấp. Quản trị trang web nhận được khoảng hạn chế này bằng cách thủ công sao lưu trang web của họ, một khóa học tại một thời điểm, hoặc bằng cách di chuyển đến một máy chủ khác nhau.

Nếu trang web của bạn có thể có nhiều hơn một vài khóa học hoặc khóa học nào có kích thước được đo bằng hàng chục MB, và bạn muốn sử dụng sao lưu tự động, nghiên cứu máy chủ web của bạn. Đặc biệt là tìm kiếm các diễn đàn trên Moodle.org để tìm hiểu xem bất kỳ khách hàng khác của máy chủ đó đã phàn nàn về việc sao lưu tự động không do thiếu bộ nhớ. Nói chung, thói quen sao lưu tự động Moodle là không hiệu quả, và bạn có thể muốn xem xét lựa chọn thay thế cho một trang web lớn.

#### **1.1.2. Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)**



Kiểm tra với dịch vụ hosting của bạn để đảm bảo rằng bạn sẽ nhận được những điều kiện tiên quyết tối thiểu sau đây:

- Không gian đĩa đủ cho phần mềm Moodle, tài liệu khóa học của bạn, và các tập tin mà các sinh viên sẽ tải lên.
- Đủ băng thông để phục vụ các tập tin khóa học của bạn, và cho sinh viên tải lên tập tin của họ.
- PHP.
- Khả năng tạo ra ít nhất một cơ sở dữ liệu MySQL, hoặc phải có nó tạo ra cho bạn.
- Khả năng tạo ra ít nhất một người sử dụng cơ sở dữ liệu MySQL, hoặc phải có nó tạo ra cho bạn.
- Bộ nhớ chia sẻ hoặc dành riêng đủ để chạy sao lưu tự động của Moodle. Bạn có thể không biết bao nhiêu cho đến khi bạn đã thử nó.

Khi bạn xác nhận rằng bạn có những mục, bạn đã sẵn sàng để tiến hành cài đặt.

Nhiều dịch vụ hosting cũng cung cấp tự động cài đặt của Moodle. Tìm kiếm dịch vụ hosting bằng cách sử dụng thuật ngữ 'Fantastico' và 'moodle', hoặc 'một cú nhấp chuột cài đặt' và 'moodle'. Đây thường là chia sẻ dịch vụ hosting. Vì vậy, bạn sẽ có những hạn chế hiệu suất tương tự như cài đặt Moodle trên một máy chủ chia sẻ. Tuy nhiên, họ đơn giản hóa việc cài đặt và do đó cung cấp một cách nhanh, rẻ tiền để có được một trang web Moodle và chạy.

Bạn cũng nên nghiên cứu các dịch vụ được cung cấp bởi các đối tác Moodle chính thức. Bạn có thể tìm hiểu thêm về các đối tác Moodle trên moodle.com (thông báo địa chỉ "chấm com" và không phải địa chỉ "chấm org").

## **1.2. Cài đặt bước 2 (Installing Step 2) – tên miền phụ hoặc thư mục con (Subdomain or Subdirectory)**

Một tên miền phụ là một địa chỉ web mà tồn tại dưới địa chỉ trang web của bạn, và hoạt động như một trang web độc lập. Ví dụ, trang web của tôi là [www.williamrice.com](http://www.williamrice.com). Đây là một trang web tiêu chuẩn, không phải là một trang web Moodle. Tôi có thể có một tên miền phụ, <http://www.moodle.williamrice.com>, để tổ chức một trang web Moodle. Tên miền phụ này giống như một trang web độc lập. Tuy nhiên, nó tồn tại trên cùng một máy chủ, dưới cùng một tài khoản, và cả hai đều được tính vào không gian đĩa và băng thông mà tôi sử dụng. Trong hình bên dưới, lưu ý rằng tôi có một tên miền phụ, ngoài trang web bình thường của tôi:

CONTROL PANEL		
HOME	WEBMAIL	SUPPORT
LOG OUT		
STATUS		
» Tuesday, 19 April 2005		
Control Panel » Resources		
« BACK		
RESOURCES		
Used disk space		210.9M
Used disk space by web files		156.9M
Used disk space by mails		52.9M
Used disk space by databases		1.1M
Total subdomains count (w/o "www")		2 / 7
www.williamrice.com		38.1M
moodle.williamrice.com		118.8M
Traffic for this month		105.7M / 7.0G
ftp protocol		11.5M
sub-user williwilli		11.5M
http protocol		94.3M
subdomain moodle.williamrice.com		72.0K
subdomain www.williamrice.com		63.0M
Total databases count		3 / 4
moodledata		167.6K (97 tables)
mambo		401.3K (35 tables)
Total mail accounts count		42 / unlimited

Trong ví dụ này, Moodle được cài đặt trong các tên miền phụ <http://www.moodle.williamrice.com>. Sử dụng một tên miền phụ cung cấp cho tôi một số lợi thế. Như bạn thấy, tôi có thể quản lý cả hai từ cùng một giao diện. Thứ hai, tôi có thể sử dụng một tên miền phụ như là một trang web thử nghiệm để cài đặt Moodle của tôi. Tôi có thể cài đặt và thử nghiệm Moodle trong các tên miền phụ, và sau đó sao chép nó qua trang web chính của tôi khi nó đã sẵn sàng. Có một trang web để kiểm tra cập nhật và tiện ích có thể hữu ích nếu dịch vụ không bị gián đoạn là quan trọng với bạn. Sau đó, bạn sẽ thấy cách dễ dàng là để sao chép cài đặt Moodle đến một vị trí khác nhau, thay đổi một vài thiết lập, và nó làm việc. Nếu bạn muốn làm điều này, hãy chắc chắn rằng dịch vụ hosting cho phép bạn chọn các tên miền phụ.

Nếu bạn muốn giữ cho mọi thứ đơn giản hơn, bạn có thể cài đặt Moodle vào một thư mục con của trang web của bạn, ví dụ, <http://www.williamrice.com/moodle> hoặc <http://www.info-overload.biz/learn>. Trong bước tiếp theo, bạn sẽ thấy như thế nào Moodle có thể tự động cài đặt chính nó vào một thư mục con có tên là /moodle. Điều này rất thuận lợi, và bạn sẽ tìm thấy rất nhiều các trang web với Moodle chạy trong thư mục con /moodle.

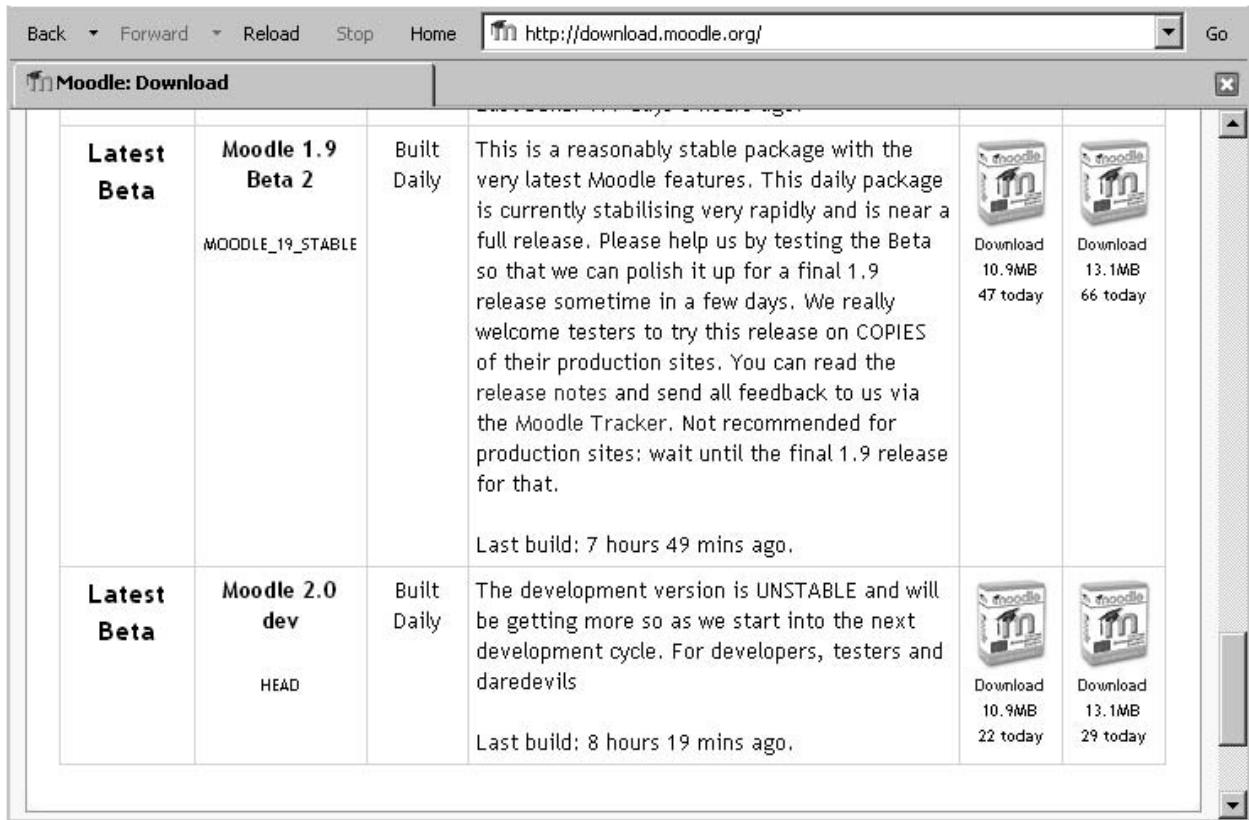
### 1.2.1. Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)

Quyết định nếu bạn muốn cài đặt Moodle vào một thư mục con hoặc một tên miền phụ. Nếu bạn chọn một tên miền phụ, tạo ra nó ngay bây giờ. Nếu bạn chọn một thư mục con, bạn có thể tạo nó sau này, khi tải phần mềm Moodle





### 1.3. Cài đặt bước 3 (Installing Step 3) – nhận và giải nén Moodle (Getting and Unpacking Moodle)

Có được Moodle từ trang web chính thức, <http://www.moodle.org/>

Đi đến trang tải Moodle về và chọn phiên bản và định dạng mà bạn cần:



The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying <http://download.moodle.org/>. The page title is "Moodle: Download". The content is organized into a table with two rows, each representing a different Moodle version. Each row includes a version label, the version name and code, the build frequency, a detailed description, and download links with file sizes and recent download counts.

<b>Latest Beta</b>	<b>Moodle 1.9 Beta 2</b> MOODLE_19_STABLE	Built Daily	This is a reasonably stable package with the very latest Moodle features. This daily package is currently stabilising very rapidly and is near a full release. Please help us by testing the Beta so that we can polish it up for a final 1.9 release sometime in a few days. We really welcome testers to try this release on COPIES of their production sites. You can read the release notes and send all feedback to us via the Moodle Tracker. Not recommended for production sites: wait until the final 1.9 release for that.  Last build: 7 hours 49 mins ago.	 Download 10.9MB 47 today	 Download 13.1MB 66 today
<b>Latest Beta</b>	<b>Moodle 2.0 dev</b> HEAD	Built Daily	The development version is UNSTABLE and will be getting more so as we start into the next development cycle. For developers, testers and daredevils  Last build: 8 hours 19 mins ago.	 Download 10.9MB 22 today	 Download 13.1MB 29 today

#### 1.3.1. Phiên bản nào? (Which Version?)

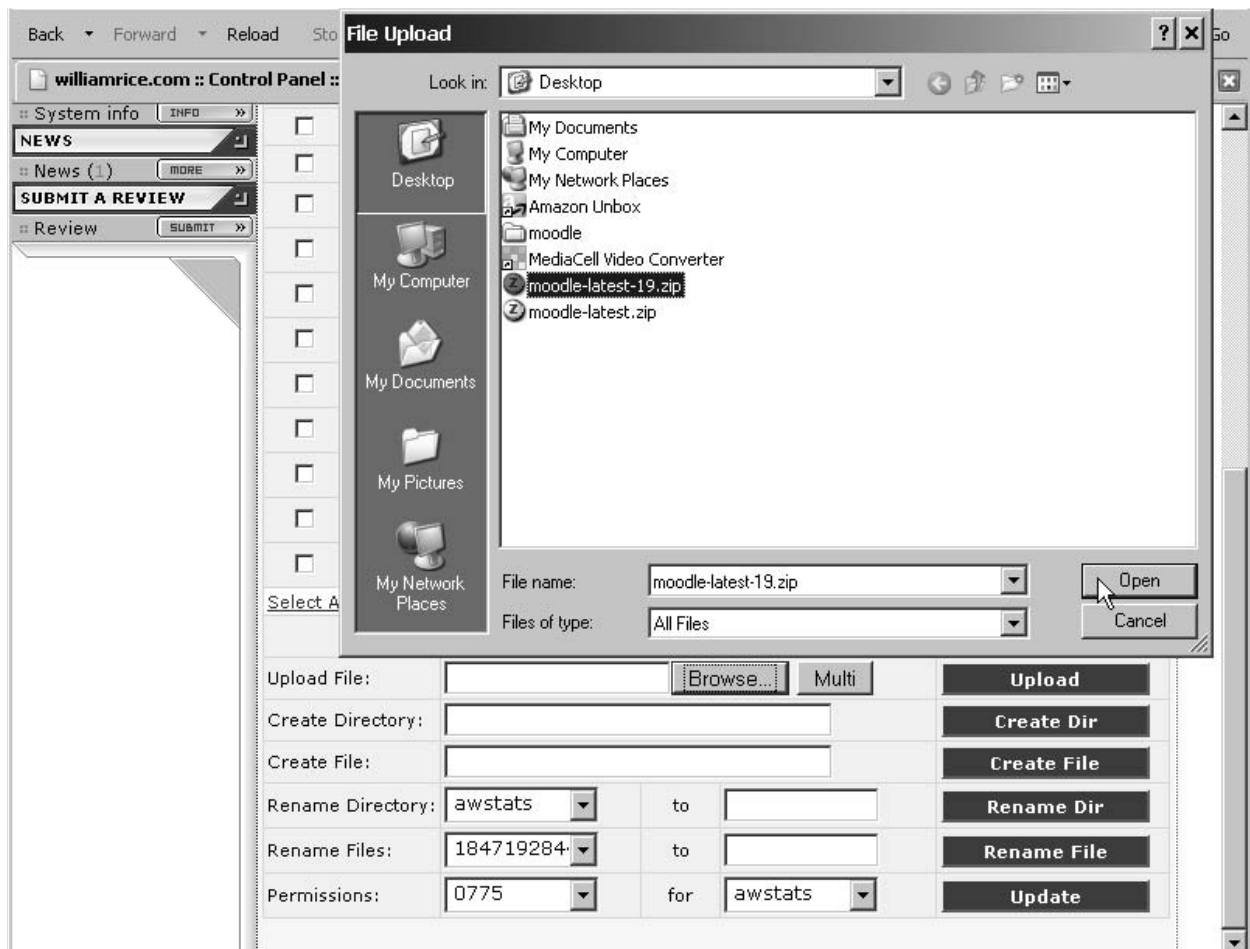
Để cài đặt mới, Latest Stable Branch thường là lựa chọn tốt nhất của bạn. Xây dựng Last: thông tin cho bạn biết khi nào nó được cập nhật mới nhất với sửa chữa lỗi hoặc vá lỗi. Điều này thường không liên quan đến bạn, một số phiên bản xác định các tính năng mà bạn được nhận, không mất thời gian xây dựng.

#### 1.3.2. Một cách nhanh chóng - Tải lên và Giải nén (Quick Way- Upload and Unzip)

Moodle được tải về dưới dạng đĩa đơn, tập tin nén. Tập tin nén này chứa nhiều tập tin và thư mục nhỏ tạo thành Moodle. Sau khi tải về tập tin nén, bạn có thể giải nén tập tin. Giải nén nó trên máy tính của bạn sẽ trích xuất nhiều tập tin và thư mục mà bạn phải đặt trên máy chủ của bạn.

Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ hosting trong đó có khả năng giải nén các tập tin trên máy chủ, bạn chỉ cần tải lên toàn bộ tập tin zip và báo cho máy chủ để giải nén nó. Ngay sau đó, tất cả các tập tin Moodle của bạn sẽ được đặt đúng chỗ. Đây là cách nhanh hơn nhiều so với giải nén tập tin zip trên máy tính của bạn và tải lên nhiều tập tin mà nó tạo ra.

- ❖ Tải lên và giải nén tập tin Zip trên máy chủ (Upload and Decompress the Zip File on the Server)
  - Đi đến <https://moodle.org/> và tải về các gói Moodle (ZIP hay tập tin TAR) vào ổ cứng của bạn.
  - Tải tập tin lên dịch vụ hosting của bạn. dịch vụ hosting của tôi sử dụng bảng điều khiển cPanel phổ biến. Vì vậy, tải lên một tập tin trông như thế này:



- Trong bảng điều khiển dịch vụ hosting của bạn, chọn tập tin nén. Nếu bạn đang đưa ra một sự lựa chọn để giải nén tập tin, sau đó bạn có thể sử dụng phương pháp này. Trong ví dụ sau, tôi đã lựa chọn các tập tin nén, moodle-latest-19.zip. Bảng điều khiển của tôi sau đó cho thấy màn hình sau đây. Nếu tôi nhấp vào liên kết Tiếp theo, các tập tin sẽ bắt đầu giải nén:

The screenshot shows a web interface for a File Manager. At the top, it says "Control Panel >> File Manager" with a "Back" button. Below that is the title "FILE MANAGER" and the archive name "archive name: moodle-latest-19.zip". There are three rows of options:

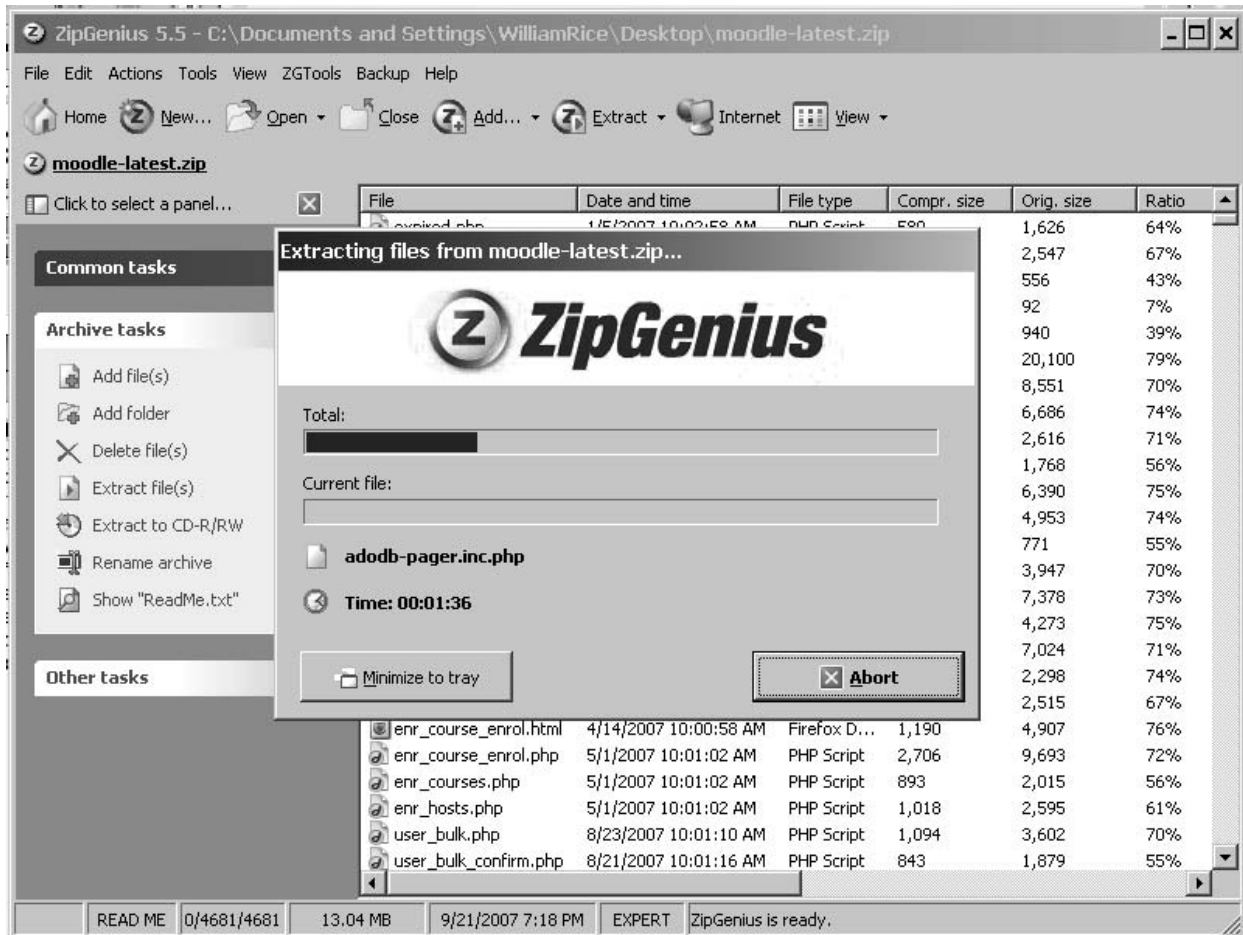
Extract To:	/www/www	<input type="checkbox"/> Create Subdirectory
Number of files:4702	File mask *	
Next	<a href="#">Select All</a>	<input type="checkbox"/> Overwrite Existing files

- Nếu dịch vụ hosting của bạn cung cấp cho bạn các tùy chọn để tạo ra một thư mục mới cho các tập tin giải nén (Tạo Thư mục con trong ví dụ trước), bạn có thể không chọn. Tập tin nén Moodle sẽ tự động tạo ra một thư mục con gọi là moodle cho các tập tin giải nén.

### 1.3.3. Một cách dài - Giải nén tập tin Zip tại máy tính và tải tập tin lên (The Long Way- Decompress the Zip File Locally and Upload Files)

Nếu bạn không thể giải nén tập tin Zip trên máy chủ, bạn phải giải nén các tập tin trên máy tính của bạn, và sau đó tải lên các tập tin giải nén vào máy chủ. Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ hosting, bạn sẽ có thể:

- Tải về các gói Moodle (tập tin ZIP) vào ổ cứng của bạn.
- Giải nén gói. Điều này sẽ xuất ra nhiều tập tin từ gói. Trong ví dụ này, bạn có thể nhìn thấy từ các thanh tiêu đề mà tôi đang sử dụng các chương trình phần mềm miễn phí ZipGenius để giải nén gói. Mỗi tập tin sẽ được xuất ra vào một thư mục cụ thể.



- Tải lên các tập tin vào máy chủ web của bạn. Bạn sẽ cần phải sử dụng một chương trình FTP để tải lên các tập tin.

Cho dù bạn đang sử dụng Windows, Mac hoặc Linux máy tính cá nhân, bạn có thể tìm thấy một chương trình giải nén sẽ giải nén tập tin .zip. Nếu hệ thống của bạn không có một chương trình giải nén làm việc với các tập tin .zip, và bạn đang sử dụng Windows, hãy thử <http://www.nonags.com/> cho các chương trình giải nén phần mềm miễn phí. Nếu bạn đang sử dụng một trình soạn thảo trang web như Dreamweaver hoặc Microsoft FrontPage, chương trình của bạn có khả năng tải tập tin lên máy chủ. Nếu bạn không sử dụng một trình soạn thảo trang web mà có thể tải lên các tập tin, bạn sẽ cần một 'FTP của khách hàng'. Một lần nữa, hãy thử <http://www.nonags.com/> cho các khách hàng FTP phần mềm miễn phí

Nếu trường học hoặc công ty của bạn đưa cho bạn không gian trên máy chủ web của họ, bạn có thể có quyền truy cập vào thư mục chỉ như thể nó là một thư mục khác trên máy tính của bạn. Trong trường hợp đó, bạn có thể tải về các tập tin .tgz, đặt nó vào thư mục của bạn trên máy chủ web, và sau đó giải nén nó. Nói với các quản trị hệ thống cho phép

bạn truy cập những gì bạn muốn làm, và hỏi làm thế nào để giải nén một tập tin trong thư mục của bạn.

#### **1.3.4. Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)**

- Tới <http://moodle.org> và tải về các phiên bản của Moodle mà bạn muốn cài đặt. Bạn sẽ tải về một tập tin nén, tại hoặc zip hoặc tgz...
- Tải lên các tập tin nén để dịch vụ lưu trữ của bạn.
- Bằng cách sử dụng bảng điều khiển máy chủ của bạn cung cấp cho bạn, chọn tập tin nén. Nếu nó tự động giải nén, bạn may mắn đấy. Hãy tiếp tục và giải nén nó tại vị trí đó. Hoặc giải nén tập tin trên máy tính của bạn, và tải lên các tập tin kết quả đến dịch vụ hosting của bạn.

#### **1.4. Cài đặt bước 4 – thư mục dữ liệu của Moodle (Installing Step 4 – The Moodle Data Directory)**

Khi bạn chạy lệnh cài đặt Moodle, trình cài đặt sẽ yêu cầu bạn chỉ định một thư mục trong đó để lưu trữ tài liệu khóa học. Đây là thư mục dữ liệu của Moodle. Nó chứa các tài liệu được tải lên cho các khóa học. Bạn sẽ cần phải có thư mục này được tạo ra trước khi bạn chạy các lệnh cài đặt. Đó là những gì bạn sẽ làm gì trong bước này

Để bảo mật, các thư mục dữ liệu Moodle nên bên ngoài thư mục Moodle chính. Ví dụ, giả sử bạn đang tạo ra một trang web học tập được gọi là [www.infooverload.biz/learn](http://www.infooverload.biz/learn). Bạn sẽ cài đặt Moodle vào /learn, và tạo ra các thư mục dữ liệu của Moodle ở đâu đó bên ngoài /learn. Tốt, bạn sẽ đặt các thư mục dữ liệu ở một nơi mà nó không thể truy cập qua Web. Ví dụ, trên dịch vụ hosting của tôi, tên thư mục của tôi là /williamr. Trong thư mục đó là một thư mục con, /williamr/www. Bất cứ điều gì mà tôi đặt vào /williamr/www được phục vụ cho Web. Tuy nhiên, nếu tôi tạo ra một thư mục khác dưới / williamr, chẳng hạn như /williamr/moodledata, thư mục đó không được phục vụ bởi dịch vụ hosting của tôi. Bạn nên kiểm tra với sự hỗ trợ kỹ thuật dịch vụ hosting của bạn để xem nếu bạn có thể tạo một thư mục mà không thể truy cập vào trang web.

Trong hình bên dưới, chúng tôi cài đặt Moodle trên máy chủ địa phương của tôi. Đó đơn giản là thay vì máy chủ là ở đầu kia của kết nối web, tôi truy cập vào các máy chủ trực tiếp, như thể tôi đang ngồi ở phía trước của nó. Trong thực tế, máy chủ này là máy tính để bàn của tôi. Bạn có thể báo cho máy chủ này với tôi bởi vì địa chỉ web bắt đầu với localhost.

The screenshot shows the Moodle installation 'Web Address' confirmation screen. At the top left is the Moodle logo, and at the top right is the word 'Installation'. Below the logo, it says 'Please confirm the locations of this Moodle installation'. There are three sections of instructions: 'Web Address' (specify the full web address, choose the most natural one, no trailing slash), 'Moodle Directory' (specify the full directory path, correct case), and 'Data Directory' (specify a place for uploaded files, readable and writable by the web server user, not accessible via the web). Below the instructions are three input fields: 'Web address' with 'http://localhost/info-overload', 'Moodle Directory' with 'C:\Program Files\xampp\htdocs\info-overload', and 'Data Directory' with 'C:\Program Files\xampp/info-overload-data'. At the bottom are 'Previous' and 'Next' navigation buttons.

Trong ảnh chụp màn hình trước, nhìn vào trường Moodle Directory. Bạn có thể thấy rằng các phần mềm Moodle được đưa vào thư mục `xampp/htdocs/info-overload`

Các thư mục `xampp` là nơi mà máy chủ web Apache của tôi được cài đặt. Trong một máy chủ web Apache chuẩn thư mục `/htdocs` chứa các trang web được chạy trên thế giới. Vì vậy, bất cứ điều gì đưa vào `xampp/htdocs` sẽ xuất hiện trên trang web. Nội dung trong `http://www.info-overload.biz` sẽ giống như trong `/htdocs` trên máy chủ của tôi.

Các dữ liệu Moodle sẽ được lưu trữ trong thư mục `xampp/info-overload-data`. Lưu ý rằng đây không phải là trong thư mục `/htdocs`. Điều đó có nghĩa nội dung của `/info-overload-data` không được phục vụ như các trang web, và không thể truy cập qua Web. Đây là điều mà bạn muốn cho thư mục dữ liệu Moodle của bạn.

❖ **Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)**

Trên máy chủ của bạn, tạo ra một thư mục để chứa dữ liệu Moodle. Điều này có thể là một thư mục bên ngoài thư mục Moodle, hoặc một thư mục con.

**1.5. Cài đặt bước 5 – tạo cơ sở dữ liệu và người dùng cho Moodle (Installing Step 5 – Creating the Moodle Database)**

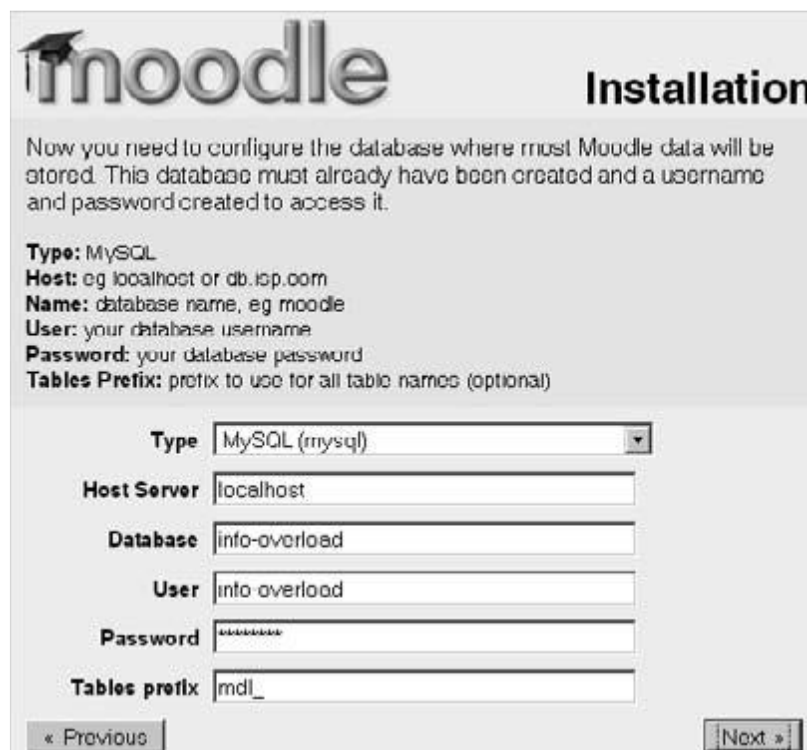


Trong khi các tập tin lưu trữ thư mục dữ liệu của Moodle tải lên bởi sinh viên, và một số tập tin lớn hơn, các cơ sở dữ liệu của Moodle lưu trữ hầu hết các thông tin trong trang web Moodle của bạn. Mặc định, trình cài đặt sử dụng tên cơ sở dữ liệu moodle và tên người dùng moodleuser. Sử dụng các thiết lập mặc định cho bất kỳ hacker khởi đầu trên phá trang web của bạn. Khi tạo cơ sở dữ liệu của bạn, thay đổi những cái gì đó ít phổ biến hơn. Ít nhất, làm cho các tin tặc đoán tên của cơ sở dữ liệu của bạn và tên người dùng cơ sở dữ liệu.

Bạn cũng nên chọn một mật khẩu mạnh mẽ cho cơ sở dữ liệu người dùng của Moodle. Dưới đây là một số khuyến nghị cho các mật khẩu mạnh:

- Bao gồm ít nhất một số, một biểu tượng, một ký tự hoa, và một chữ thường.
- Làm cho mật khẩu dài ít nhất 12 ký tự.
- Tránh lặp lại, có trong từ điển, thư hoặc các chuỗi số, bất cứ điều gì liên quan đến tên người dùng của bạn, và bất cứ điều gì dựa trên thông tin tiểu sử về mình.

Bạn sẽ cần phải tạo ra các cơ sở dữ liệu cho Moodle và cơ sở dữ liệu người dùng trước khi bạn chạy trình cài đặt Moodle. Trong hình bên dưới, bạn có thể thấy rằng tôi đang xác định loại, vị trí và tên của cơ sở dữ liệu của Moodle.



The screenshot shows the Moodle installation database configuration screen. At the top left is the Moodle logo, and at the top right is the word "Installation". Below the logo, there is a paragraph of text: "Now you need to configure the database where most Moodle data will be stored. This database must already have been created and a username and password created to access it." Below this text are several fields for configuration: "Type" (MySQL), "Host Server" (localhost), "Database" (info-overload), "User" (info-overload), "Password" (masked with asterisks), and "Tables prefix" (mdl\_). At the bottom left is a "Previous" button and at the bottom right is a "Next" button.

**moodle** **Installation**

Now you need to configure the database where most Moodle data will be stored. This database must already have been created and a username and password created to access it.

**Type:** MySQL  
**Host:** eg localhost or db.isp.com  
**Name:** database name, eg moodle  
**User:** your database username  
**Password:** your database password  
**Tables Prefix:** prefix to use for all table names (optional)

Type: MySQL (mysql)  
Host Server: localhost  
Database: info-overload  
User: info-overload  
Password:   
Tables prefix: mdl\_

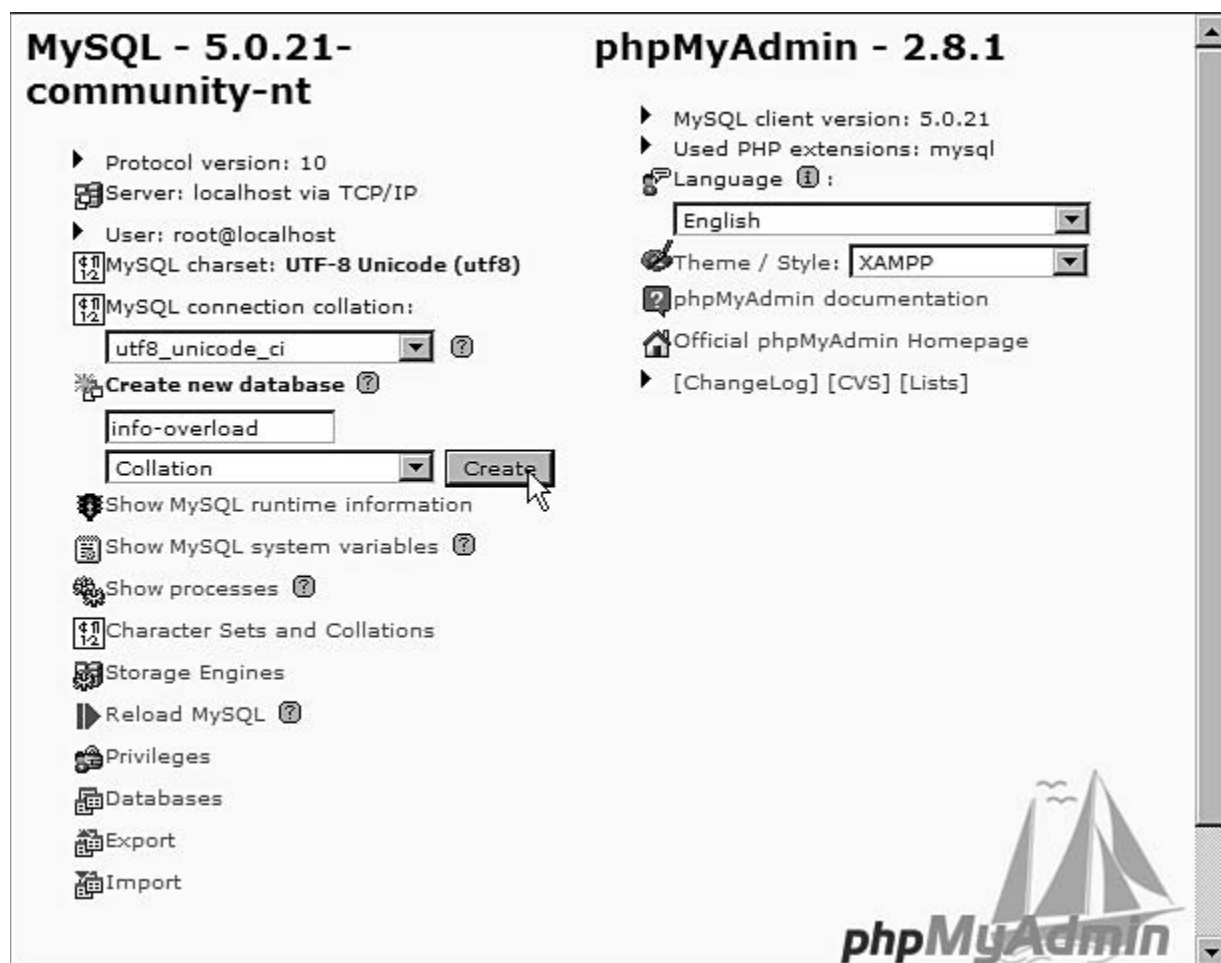
« Previous Next »

Trước khi bạn bắt đầu trình cài đặt, bạn phải tạo ra cơ sở dữ liệu và cơ sở dữ liệu người dùng và biết các cài đặt hiển thị trong ảnh chụp màn hình trước đó. Nếu không, khi bạn đến màn hình trong trình cài đặt, nó sẽ quá trễ

### 1.5.1. Tạo cơ sở dữ liệu (Creating the Database)

Moodle có thể sử dụng một số loại cơ sở dữ liệu. Các loại được đề nghị là MySQL. Có rất nhiều cách để tạo ra một cơ sở dữ liệu. Nếu bạn đang sử dụng một dịch vụ hosting chia sẻ, bạn có thể có quyền truy cập vào phpMyAdmin. Bạn có thể sử dụng để tạo ra cơ sở dữ liệu và cơ sở dữ liệu người dùng của Moodle

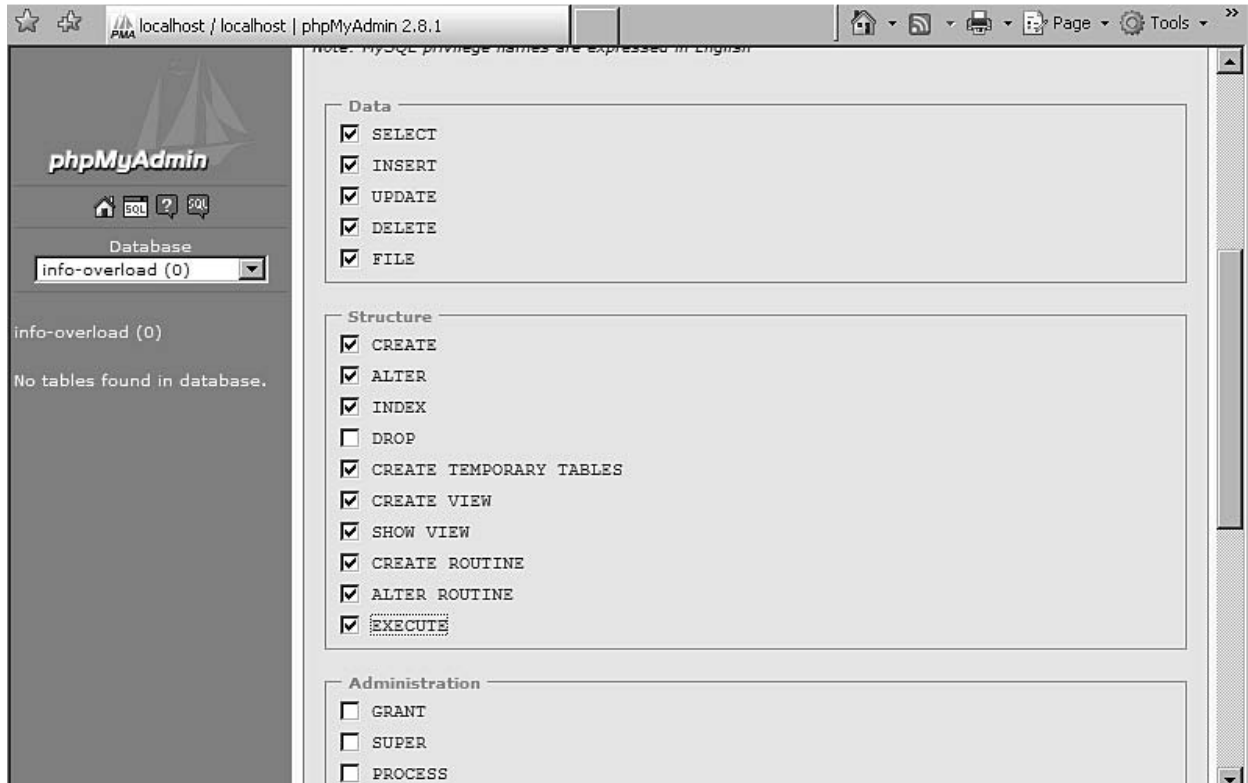
Sau đây là một ảnh chụp màn hình của việc tạo ra cơ sở dữ liệu bằng cách sử dụng phpMyAdmin.



Quá trình này sẽ tạo ra một cơ sở dữ liệu trống. Moodle sẽ bổ sung thêm các bảng cơ sở dữ liệu cần thiết trong trình cài đặt. Vì vậy, trừ khi trình cài đặt bị lỗi, bạn không cần phải làm bất cứ điều gì nhiều hơn cho cơ sở dữ liệu.

### 1.5.2. Tạo cơ sở dữ liệu người dùng (Creating the Database User)

Bất cứ bạn chọn tên truy cập nào, người dùng đó sẽ cần hưởng các quyền lợi cho cơ sở dữ liệu Moodle: SELECT, INSERT, UPDATE, DELETE, CREATE, DROP, INDEX, và ALTER. Trong hình bên dưới, tôi đã tạo ra cơ sở dữ liệu người dùng, và đang xác định đặc quyền của người sử dụng với phpMyAdmin.



Trong thường trình cài đặt, bạn sẽ nhập vào tên của cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu người dùng và mật khẩu của cơ sở dữ liệu người dùng. Nếu bạn không tạo ra các tài liệu này, bạn sẽ cần phải nhận được chúng từ người quản trị hệ thống của bạn hoặc bất kỳ người nào khác, những người tạo ra chúng.

### 1.5.3. Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)

- Tạo ra cơ sở dữ liệu Moodle. Moodle làm việc tốt nhất với một cơ sở dữ liệu MySQL, nhưng bạn có nhiều sự lựa chọn.
- Hãy lưu ý tên của máy chủ chứa cơ sở dữ liệu của bạn. Nếu cơ sở dữ liệu và Moodle là trên cùng một máy chủ, điều này có lẽ sẽ là localhost. Nếu họ đang ở trên máy chủ khác nhau nhưng trong cùng một trường, nó có thể sẽ là một địa chỉ IP. Nếu bạn không chắc chắn, yêu cầu quản trị hệ thống của bạn cho đường dẫn mà phần mềm Moodle của bạn sẽ sử dụng để truy cập vào máy chủ cơ sở dữ liệu.

- Tạo ra một cơ sở dữ liệu người dùng với những đặc quyền được liệt kê ở trên. Hãy lưu ý mật khẩu của người dùng.

## 1.6. Cài đặt bước 6 – các lệnh cài đặt (Installing Step 6 – The Installer Script)

Tại thời điểm này, bạn có:

- Tải lên các phần mềm Moodle lên máy chủ web của bạn
- Tạo ra một thư mục dữ liệu bên ngoài của thư mục Moodle được phục vụ từ
- Tạo ra một cơ sở dữ liệu cho Moodle để sử dụng
- Tạo một người dùng cho các cơ sở dữ liệu của Moodle

Bạn đã sẵn sàng để chạy thường trình cài đặt. Lệnh cài đặt moodle của bạn đi từng bước từng bước thông qua thiết lập một số cài đặt cấu hình, và tạo ra các bảng cơ sở dữ liệu của Moodle. Nhưng trước hết, đây là một số thông tin cơ bản:

### 1.6.1. Thiết lập cấu hình và config.php (Configuration Settings and config.php)

Biên cấu hình được thiết lập Moodle nơi cơ sở dữ liệu có vị trí và những gì nó được gọi, tên của cơ sở dữ liệu người dùng và mật khẩu, địa chỉ trang web của hệ thống Moodle, và các thông tin cần thiết khác. Tất cả các thiết lập cấu hình phải được chính xác cho Moodle để chạy. Chúng được lưu trữ trong một tập tin gọi là config.php, trong thư mục chính của Moodle.

Các thói quen cài đặt là tạo ra config.php trong số những thứ khác. Đây là config.php cho [www.info-overload.biz/learn](http://www.info-overload.biz/learn):

```
<?php /// Moodle Configuration File
unset($CFG);
$CFG->dbtype = 'mysql';
$CFG->dbhost = 'localhost';
$CFG->dbname = 'info-overload';
$CFG->dbuser = 'info-overload';
$CFG->dbpass = 'badpassword';
$CFG->dbpersist = false;
$CFG->prefix = 'mdl19_';
$CFG->wwwroot = 'http://info-overload.biz/learn';
$CFG->dirroot = '/home/info-overload/www/learn';
$CFG->dataroot = '/home/info-overload/www/info-overload-data';
$CFG->admin = 'admin';
$CFG->directorypermissions = 00777; // try 02777 on a server in Safe
Mode
```

```
require_once("$CFG->dirroot/lib/setup.php");  
// MAKE SURE WHEN YOU EDIT THIS FILE THAT THERE ARE NO SPACES,  
BLANK  
LINES,  
// RETURNS, OR ANYTHING ELSE AFTER THE TWO CHARACTERS ON THE  
NEXT  
LINE.  
?>
```

Trang web này sử dụng một cơ sở dữ liệu mysql. Trên hầu hết các máy chủ, tên máy là localhost. Trong một mục trước, chúng ta đã thảo luận việc tạo ra các cơ sở dữ liệu Moodle, mà trong ví dụ của chúng tôi, chúng tôi gọi là info-overload. Chúng tôi tạo ra một người dùng, còn được gọi là info-overload, với những đặc quyền thích hợp. Lưu ý rằng các tập tin cấu hình lưu trữ các mật khẩu cho cơ sở dữ liệu Moodle, trong ví dụ này là badpassword

### **1.6.2. Bảng cơ sở dữ liệu**

Bảng cơ sở dữ liệu là bộ phận của cơ sở dữ liệu của bạn tương tự như cơ sở dữ liệu thu nhỏ. Mỗi bảng trong cơ sở dữ liệu của bạn lưu trữ thông tin có một mục đích khác nhau. Ví dụ, người dùng lưu trữ bảng tên, mật khẩu, và một số thông tin khác về mỗi người dùng Moodle. Bảng wiki\_pages lưu trữ tên, nội dung, ngày sửa đổi, và các thông tin khác về mỗi trang wiki trong hệ thống của bạn. Một cài đặt Moodle chuẩn tạo ra hơn 200 bảng trong cơ sở dữ liệu

Mặc nhiên, tiền tố mdl\_ được thêm vào đầu của mỗi bảng mà Moodle thêm vào cơ sở dữ liệu của bạn. Tôi thay đổi mdl19\_ bởi vì tôi đang sử dụng phiên bản 1.9. Nếu tôi nâng cấp lên phiên bản 2.0, tôi muốn có thể sử dụng cơ sở dữ liệu tương tự. Bạn có thể sử dụng cơ sở dữ liệu tương tự cho Moodle và một cái gì đó khác, hoặc cài đặt hai Moodle, nếu mỗi chương trình sử dụng bảng riêng của mình với tiền tố riêng của mình. Các tiền tố khác nhau sẽ ngăn chặn hai chương trình trở nên bối rối và đọc bảng của nhau. Nếu bạn đang chạy nhiều hơn một bản sao của Moodle, bạn có thể xem xét sử dụng cơ sở dữ liệu tương tự và các bảng khác nhau. Bạn có thể sao lưu dữ liệu cho cả hai bản sao bằng cách sao lưu một cơ sở dữ liệu.

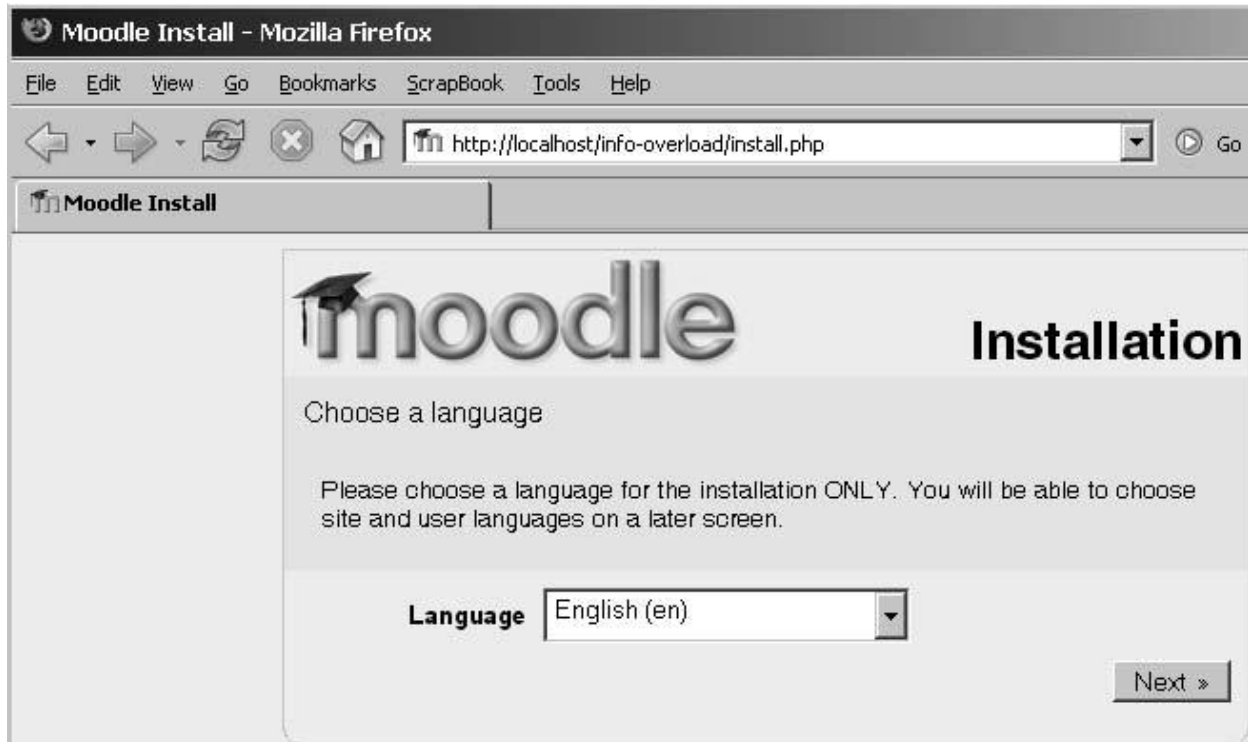
Bây giờ, trong các phần dưới đây, tôi sẽ hướng dẫn bạn trình cài đặt Moodle

### **1.6.3. Bước 6a-Chạy install.php**

Trong thư mục Moodle, một tập lệnh được gọi là install.php tạo ra các tập tin cấu hình Moodle khi nó được chạy. Bạn chạy các tập lệnh bằng cách chỉ cần mở trình duyệt của

bạn và trở tới bất cứ nơi nào bạn đã đặt phần mềm Moodle. Tạo ra tập lệnh config.php, nắm giữ các thiết lập cấu hình để cài đặt Moodle của bạn.

Trong hình bên dưới, tôi đã trở trình duyệt của tôi tại trang chủ của cài đặt Moodle của tôi. Tôi đang làm việc trên một máy chủ, do đó, thanh địa chỉ là http://localhost/info-overload. Nếu tôi đã làm điều này trên các trang web (chẳng hạn như khi sử dụng một dịch vụ hosting chia sẻ), thanh địa chỉ sẽ là một địa chỉ trang web, chẳng hạn như http://www.info-overload.biz/learn



Cũng lưu ý rằng, mặc dù trình duyệt của tôi tại http://localhost/info-overload, tôi đã chuyển hướng đến install.php.

Điều đầu tiên tôi yêu cầu phải làm là chọn ngôn ngữ để cài đặt. Đây là ngôn ngữ mà các tập lệnh cài đặt sẽ sử dụng. Nó không phải là ngôn ngữ trang web của tôi sẽ sử dụng. Tôi có thể chỉ định điều này sau.

#### **1.6.4. Bước 6b-Kiểm tra PHP chính**

Moodle được viết bằng một ngôn ngữ lập trình được gọi là PHP. PHP được cài đặt trên máy chủ web của bạn. Một số khả năng của PHP được tắt và sử dụng các thiết lập mà bạn có, hoặc người quản trị hệ thống của bạn, kiểm soát. Trình cài đặt Moodle sẽ kiểm tra một số các thiết lập để đảm bảo rằng chúng phù hợp với Moodle.



Trong hình trên, bạn có thể thấy rằng tôi đã nhận được một thông điệp cảnh báo chung. Bộ nhớ mà PHP được phép sử dụng trên máy chủ của tôi được đặt quá thấp. Khi được thông báo rằng tôi có thể gặp các vấn đề sau đó, nó không phải là đùa. Cài đặt này không thành công vì PHP không có đủ bộ nhớ để hoàn thành nó. Đây là một nguyên nhân phổ biến của việc cài đặt 'treo' hoặc 'trì hoãn'. Nếu bạn nhận được tin nhắn này, bạn có thể phải hủy bỏ cài đặt và sửa chữa tình trạng ngay lập tức.

PHP cài đặt trên máy chủ của bạn sử dụng một tập tin gọi là php.ini để lưu các thiết lập của nó. Giới hạn bộ nhớ gây ra cảnh báo trên được thiết lập trong php.ini. Nếu bạn có máy chủ riêng của bạn, bạn có thể chỉnh sửa php.ini để tăng giới hạn này. Trên máy chủ của tôi, tôi đã thay đổi giới hạn này lên 64 MB bằng cách chỉnh sửa dòng này trong php.ini: `memory_limit = 64M`

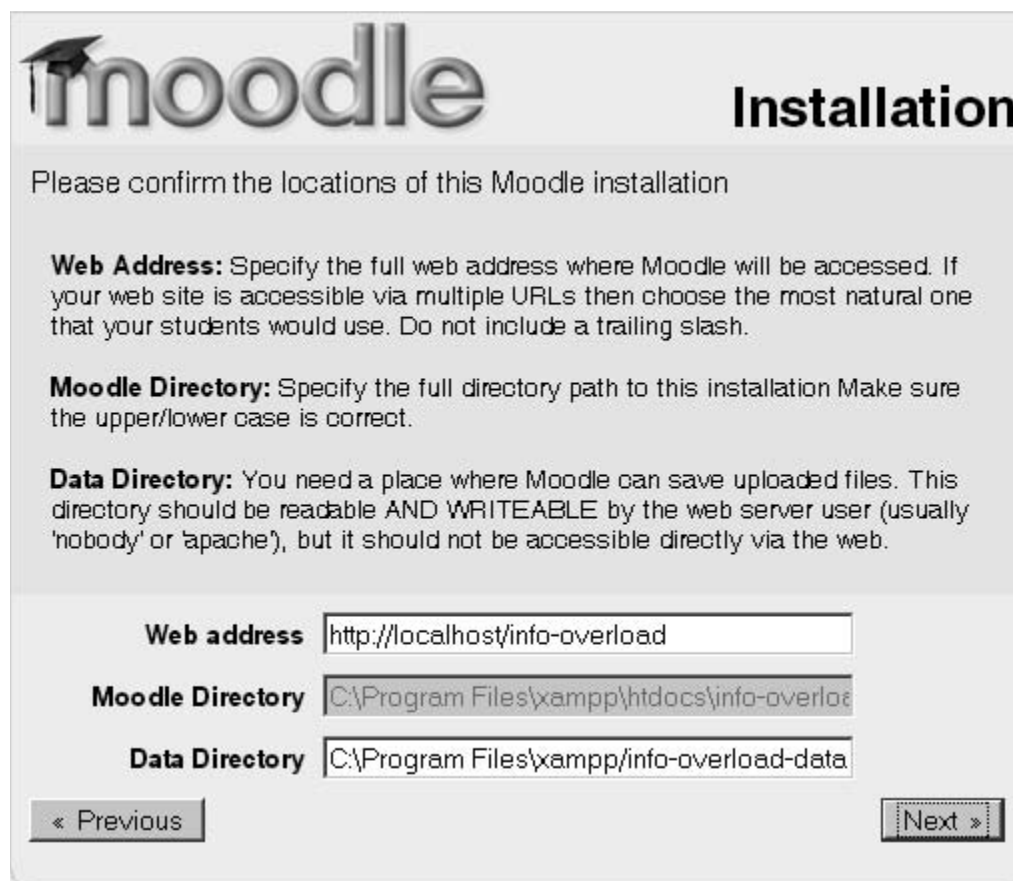
Nếu bạn đang sử dụng máy chủ của người khác, bạn cần phải liên hệ hỗ trợ và tìm hiểu làm thế nào để tăng giới hạn. Đôi khi, điều này sẽ được đặt một tập tin trong thư mục Moodle của bạn gọi là .htaccess, và bao gồm các dòng sau đây trong tập tin đó:  
`php_value memory_limit = 64M`

Để biết thêm thông tin, hãy bắt đầu bằng cách tìm kiếm <http://moodle.org/> để biết các điều khoản 'bộ nhớ giới hạn của php'. Thông thường, 32 MB hoạt động tốt. Bắt đầu với thiết lập đó và tăng nó, nếu cần thiết.

Cho dù bạn đang sử dụng máy chủ của riêng bạn hoặc của người khác, tôi khuyên bạn nên sửa chữa tình trạng này trước khi tiếp tục cài đặt.

### 1.6.5. Bước 6c-Xác định địa chỉ Web và Thư mục

Tiếp theo, trình cài đặt yêu cầu địa chỉ Web của hệ thống Moodle của bạn, và tên của các thư mục cho phần mềm và dữ liệu.



The screenshot shows the Moodle Installation interface. At the top left is the Moodle logo (a graduation cap over the word 'moodle'). To the right of the logo is the word 'Installation' in a bold, sans-serif font. Below the logo and title, there is a heading: 'Please confirm the locations of this Moodle installation'. Underneath this heading are three sections of instructions:

- Web Address:** Specify the full web address where Moodle will be accessed. If your web site is accessible via multiple URLs then choose the most natural one that your students would use. Do not include a trailing slash.
- Moodle Directory:** Specify the full directory path to this installation. Make sure the upper/lower case is correct.
- Data Directory:** You need a place where Moodle can save uploaded files. This directory should be readable AND WRITEABLE by the web server user (usually 'nobody' or 'apache'), but it should not be accessible directly via the web.

Below the instructions are three input fields:

- Web address:** The input field contains the text 'http://localhost/info-overload'.
- Moodle Directory:** The input field contains the text 'C:\Program Files\xampp\htdocs\info-overload'.
- Data Directory:** The input field contains the text 'C:\Program Files\xampp\info-overload-data'.

At the bottom left of the form is a button labeled '« Previous'. At the bottom right is a button labeled 'Next »'.

Địa chỉ web là URL mà các trình duyệt sử dụng để truy cập vào Moodle. Mục Moodle được điền vào cho bạn. Đây là thư mục trên máy chủ của bạn, mà bạn đã tải lên các phần mềm. Bạn tạo ra các thư mục dữ liệu trong Bước 4.

Điền vào các giá trị và tiếp tục bước tiếp theo.

### 1.6.6. Bước 6d-Xác định Cài đặt cơ sở dữ liệu



Trong bước này, bạn xác định cơ sở dữ liệu Moodle sử dụng.



The screenshot shows the Moodle installation 'Installation' screen. At the top left is the Moodle logo with a graduation cap. The title 'Installation' is on the top right. Below the title is a paragraph: 'Now you need to configure the database where most Moodle data will be stored. This database must already have been created and a username and password created to access it.' Below this are labels for configuration options: 'Type: MySQL', 'Host: eg localhost or db.isp.com', 'Name: database name, eg moodle', 'User: your database username', 'Password: your database password', and 'Tables Prefix: prefix to use for all table names (optional)'. The form below has fields for 'Type' (a dropdown menu set to 'MySQL (mysql)'), 'Host Server' (text input 'localhost'), 'Database' (text input 'info-overload'), 'User' (text input 'info-overload'), 'Password' (text input with masked characters 'xoxoxoxoxox'), and 'Tables prefix' (text input 'mdl\_'). At the bottom are two buttons: '< Previous' and 'Next >'.

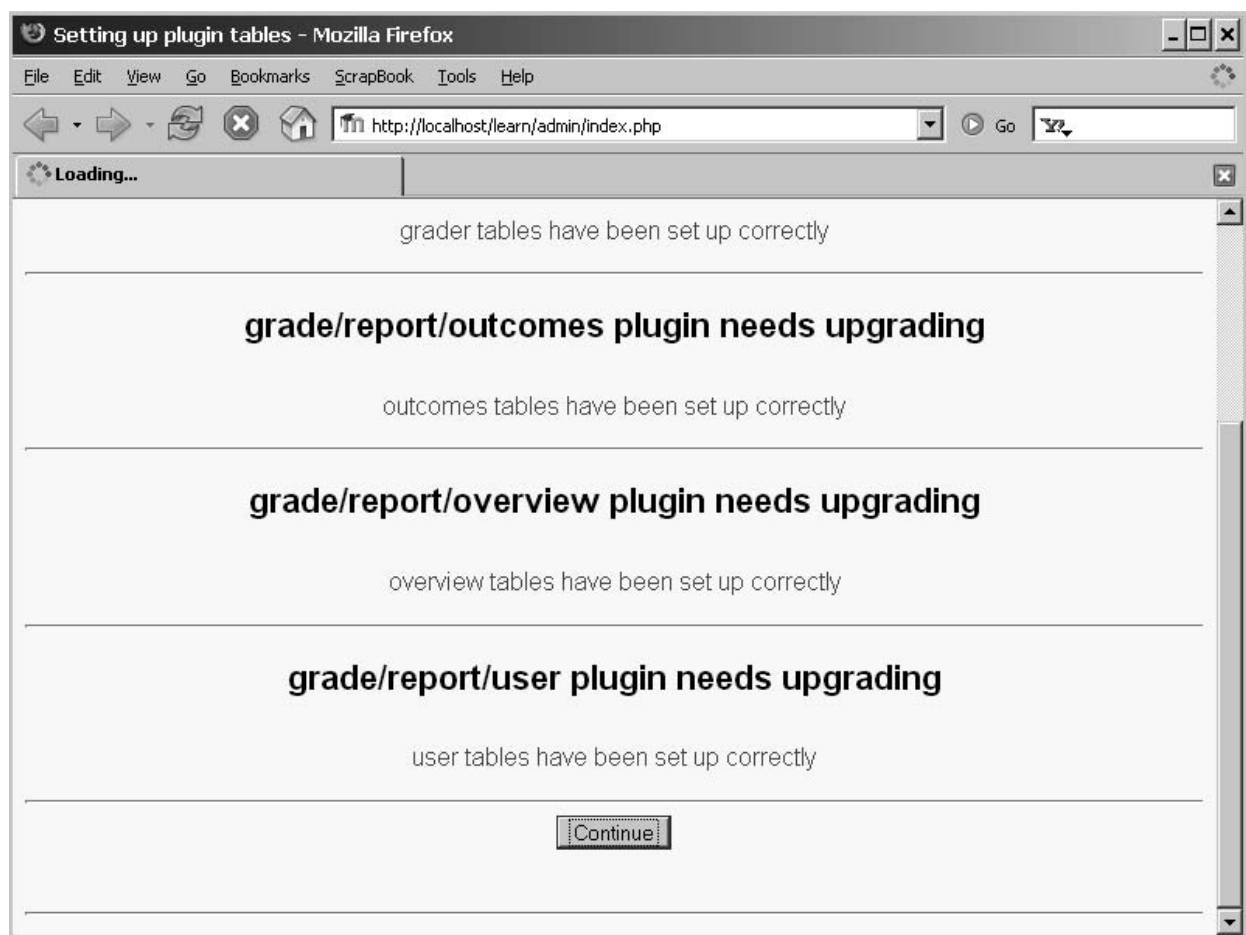
Host Server là địa chỉ của máy tính phục vụ cơ sở dữ liệu. Trên hầu hết các máy chủ, tên máy sẽ là localhost. Hãy suy nghĩ về nó theo cách này: Moodle và cơ sở dữ liệu của nó là trên cùng một máy chủ, do đó chúng là "local" với nhau. Vì vậy, từ quan điểm của Moodle trên, máy chủ cơ sở dữ liệu là một localhost. Nếu cơ sở dữ liệu tồn tại trên máy chủ khác, bạn sẽ nhập địa chỉ IP hoặc địa chỉ web của máy chủ đó.

Cơ sở dữ liệu, người dùng, và mật khẩu mà bạn đã tạo ở bước 5.

Tiền tố của các bảng sẽ được thêm vào đầu tên của mỗi bảng mà Moodle tạo ra. Nếu bạn sử dụng cơ sở dữ liệu tương tự cho Moodle và một cái gì đó khác, bạn có thể dễ dàng phát hiện các bảng được sử dụng bởi Moodle từ tiền tố của họ (mdl\_user, mdl\_courses...). Ngoài ra, nếu bạn nâng cấp Moodle, bạn có thể sử dụng cơ sở dữ liệu tương tự cho các phiên bản cũ và mới bằng cách sử dụng tiền tố khác nhau cho các bảng của họ (ví dụ, mdl19\_user so với mdl20\_user).

### 1.6.7. Bước Bàn 6e-Cơ sở dữ liệu tạo bởi install.php

Sau khi bước qua một vài màn hình, install.php tạo ra các bảng trong cơ sở dữ liệu Moodle của bạn. Bạn không cần phải làm bất cứ điều gì trong phần cài đặt này, ngoại trừ bấm vào để xem màn hình kế tiếp. Các tập lệnh cài đặt cho bạn biết khi điều này hoàn tất:

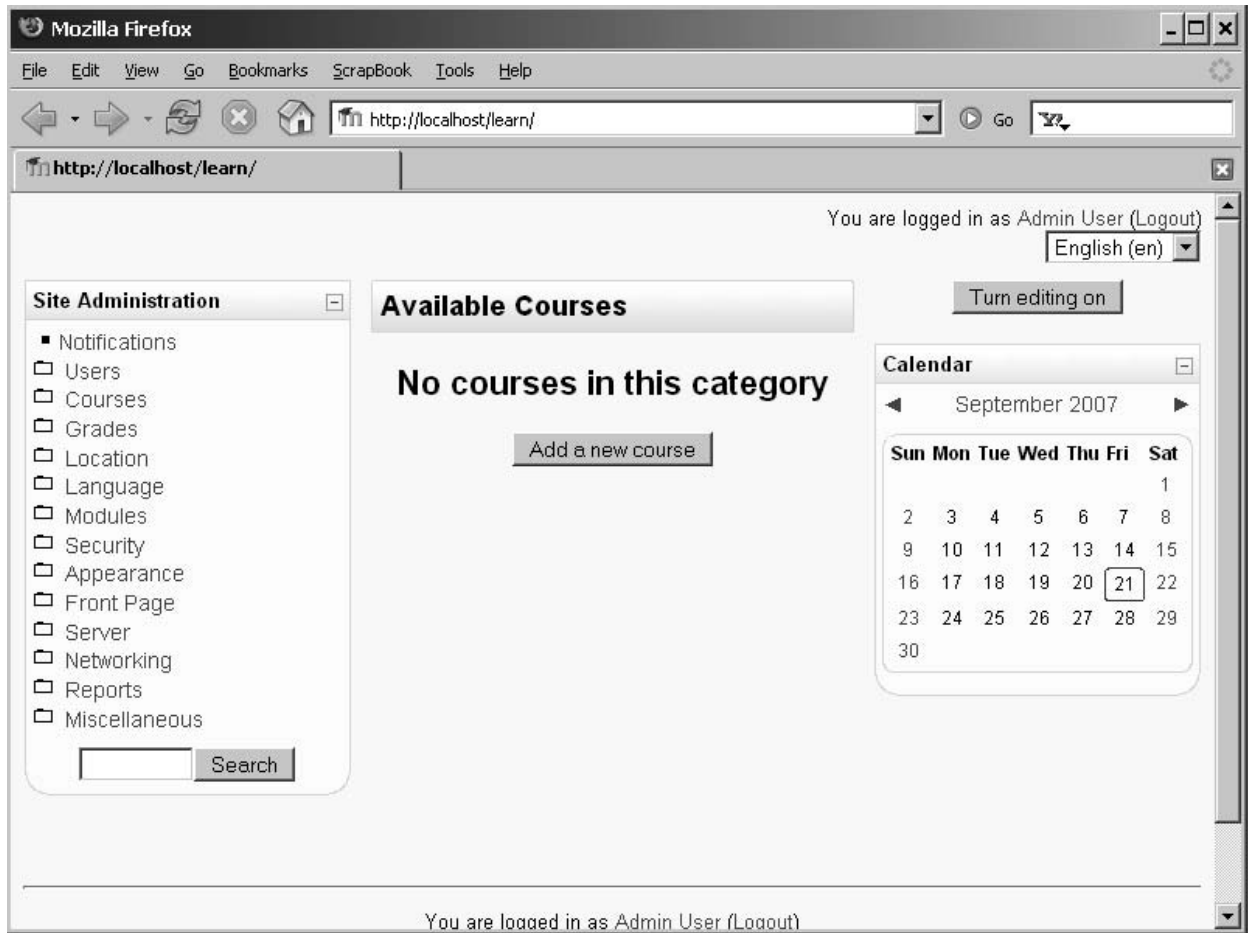


### 1.6.8. Bạn nên làm gì bây giờ (What You Should Do Now)

Khởi động trình duyệt và gõ địa chỉ của trang chủ của cài đặt Moodle của bạn (nơi bạn tải lên các phần mềm). Bước qua quá trình cài đặt, sử dụng các phần phụ trong chương như một hướng dẫn. Nếu bạn có tất cả các thông tin sẵn sàng để nhập, nó có thể sẽ mất ít hơn 15 phút.

## 2. Summary

Khi cài đặt hoàn tất, bạn sẽ thấy trang chủ Moodle của bạn



Từ đây, bạn có thể tiếp tục với mọi hoặc tất cả những điều sau đây:

- Cấu hình trang web của bạn
- Thiết lập Trang web của bạn
- Tạo tài khoản người dùng
- Tạo các khóa học

Bạn có thể làm điều này trong thứ tự bất kỳ, nhưng tôi sử dụng để trình bày ở đây. Và không bắt buộc rằng bạn tất cả phải chính xác hoặc đúng ở lần đầu tiên. Họ có thể được thay đổi và chỉnh sửa bất cứ lúc nào. Vì vậy, bắt đầu với một cái gì đó bạn hãy thoải mái nhất, xây dựng một số động lực, và xây dựng trang web học tập của bạn

## CHƯƠNG 3: CẤU HÌNH TRANG WEB CỦA BẠN

Chương này tập trung giúp bạn dựa vào các trải nghiệm của người dùng lựa chọn cấu hình đúng.

Mục tiêu của chương này là để tiết kiệm thời gian bằng cách hiển thị các hiệu ứng khác nhau để lựa chọn cấu hình cho trang web của bạn.

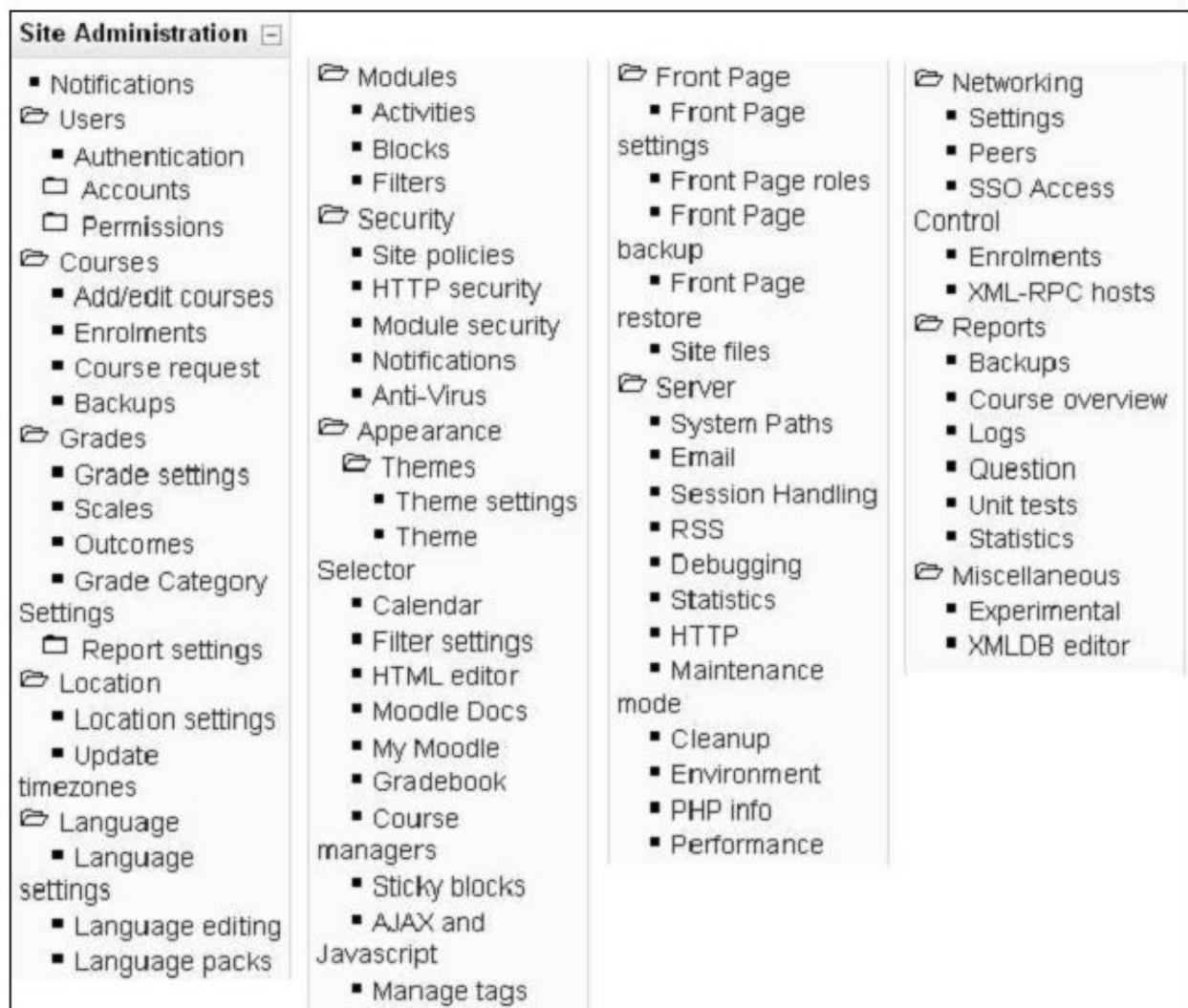
Bắt đầu, thử nghiệm!

Bạn có thể thử các cách sau:

1. Cài đặt hai trình duyệt khác nhau trong máy tính của bạn. Ví dụ, Internet Explorer và Firefox.
2. Trong một trong những trình duyệt, đăng nhập như một quản trị viên. Đi đến Administration menu trang web, và thử nghiệm với các thiết lập ở đây.
3. Trong trình duyệt khác, hãy vào trang web của bạn như một người sử dụng một khách vô danh, sinh viên, hay giáo viên. Mỗi khi bạn thay đổi thiết lập cấu hình, tải lại trình duyệt của người dùng, và quan sát sự thay đổi để trang web của bạn.
4. Đôi khi tôi đang cấu hình một trang web, tôi sử dụng ba trình duyệt cùng một lúc (Internet Explorer, Firefox và Opera), và đăng nhập như là một quản trị viên trang web trong một, là một giáo viên trong một, và là một sinh viên ở một phần ba. Sau đó, tôi có thể thấy ngay tác động của sự lựa chọn cấu hình của tôi trên những giáo viên và kinh nghiệm của học sinh.

### **Menu cho trang Quản trị**

Sau khi cài đặt Moodle xong, thì Menu của Site Administration có các tùy chọn sau:



## Truy cập vào Menu trang Quản trị

Để truy cập Menu trang Quản trị:

1. Đăng nhập vào Moodle với một tài khoản quản trị.
2. Mặc định, Menu trang Quản trị được hiển thị ở phía bên trái cột trang chủ của trang web của bạn. Nó chỉ hiển thị cho những người dùng có quyền quản trị:



3. Nếu bạn đăng nhập vào, và bạn không nhìn thấy Menu quản trị trang web trên Trang chủ, thì hoặc bạn không có quyền quản trị, hoặc Menu quản trị trang web của bạn đã ẩn. Trong thanh địa chỉ của trình duyệt, nhập URL của trang web của bạn và thêm / admin. Nếu bạn có quyền truy cập vào menu, nó sẽ hiển thị trong trang Quản trị.:

Back Forward Reload Stop Home  Go

InfoOverload: Administration: Notific...

## Information Overload Learning Site

You are logged in as Administrator User (Logout)

InfoOverload > Administration > Notifications

### Site Administration

- Notifications
- Users
- Courses
- Grades
- Location
- Language
- Modules
- Security
- Appearance
- Front Page
- Server
- Networking
- Reports
- Miscellaneous

### Admin bookmarks

Your site configuration might not be secure. Please make sure that your dataroot directory (C:\Program Files\xampp\htdocs\info-overload\moodledata) is not directly accessible via web.

The cron.php maintenance script has not been run for at least 24 hours. ?

Please register your site to remove this button

Moodle 1.9 Beta + (2007091900)  
Copyright © 1999 onwards, Martin Dougiamas  
and many other contributors.  
GNU Public License

## Xác nhận

Xác nhận và đăng nhập là khác nhau. Xác nhận xảy ra khi một người dùng mới đăng kí là thành viên cho trang web của bạn, và tạo ra một tài khoản mới trong Moodle. Đăng nhập sẽ xảy ra khi một người sử dụng chứng thực vào Moodle. Moodle cung cấp nhiều cách để xác nhận người dùng. Bạn sẽ tìm thấy chúng dưới Site Administration | Users | Authentication. Mỗi tùy chọn được giải thích ngắn gọn bằng cách nhấp vào cài đặt cho tùy chọn đó:

Please choose the authentication plugins you wish to use and arrange them in order of failthrough.

Name	Enable	Up/Down	Settings
Manual accounts	<input type="checkbox"/>		Settings
No login	<input type="checkbox"/>		Settings
Email-based self-registration	<input checked="" type="checkbox"/>		Settings
CAS server (SSO)	<input type="checkbox"/>		Settings
External database	<input type="checkbox"/>		Settings
FirstClass server	<input type="checkbox"/>		Settings
IMAP server	<input type="checkbox"/>		Settings
LDAP server	<input type="checkbox"/>		Settings
Moodle Network authentication	<input type="checkbox"/>		Settings
NNTP server	<input type="checkbox"/>		Settings
No authentication	<input type="checkbox"/>		Settings
PAM (Pluggable Authentication Modules)	<input type="checkbox"/>		Settings
POP3 server	<input type="checkbox"/>		Settings
RADIUS server	<input type="checkbox"/>		Settings
Shibboleth	<input type="checkbox"/>		Settings

## Chúng thực đối với một cơ sở dữ liệu bên ngoài hoặc máy chủ

Khi bạn xác nhận người dùng với một cơ sở dữ liệu bên ngoài, bạn có thể xử lý các mật khẩu theo hai cách:

- Bạn có thể chọn cho Moodle sao chép các mật khẩu từ cơ sở dữ liệu bên ngoài vào cơ sở dữ liệu nội bộ của Moodle. Từ đó về sau, khi người dùng đăng nhập vào Moodle, nó sử dụng cơ sở dữ liệu nội bộ của Moodle để kiểm tra tên người dùng và mật khẩu. Không có liên kết trực tiếp giữa các cơ sở dữ liệu bên ngoài và cơ sở dữ liệu người sử dụng Moodle. Điều này có nghĩa rằng nếu người dùng thay đổi tên đăng nhập và mật khẩu của mình trong cơ sở dữ liệu bên ngoài, tên người dùng và mật khẩu trong Moodle không thay đổi.
- Bạn có thể cho Moodle kiểm tra các cơ sở dữ liệu bên ngoài cho các mật khẩu mỗi khi người dùng đăng nhập Moodle sẽ không lưu trữ mật khẩu trong cơ sở dữ liệu của Moodle. Và, Moodle không thể thay đổi mật khẩu của người dùng. Nếu người

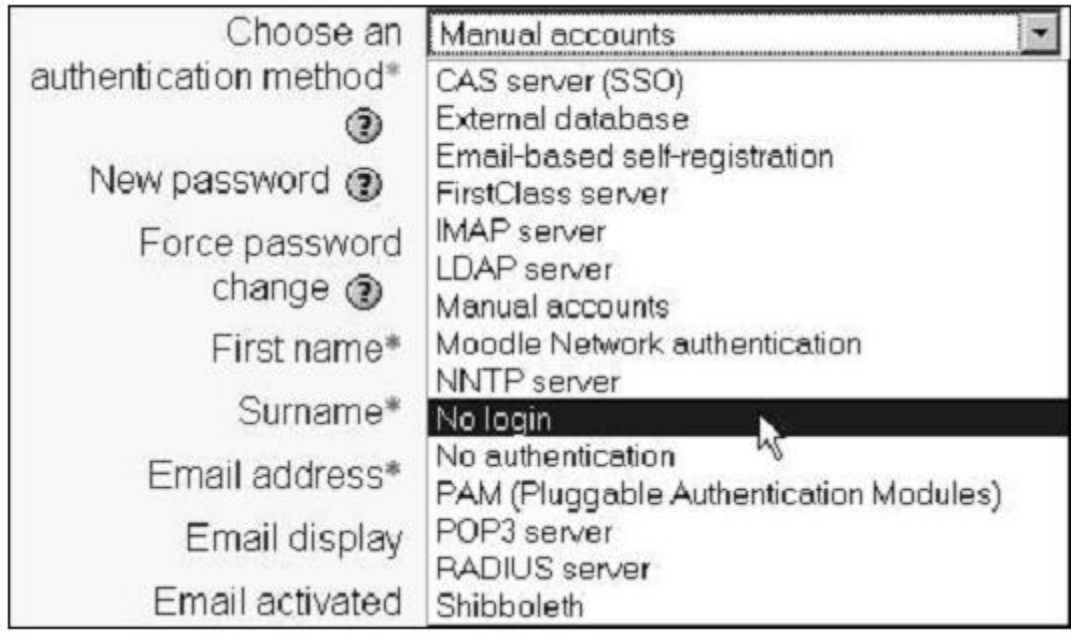


dùng muốn thay đổi mật khẩu của mình, nó phải được thực hiện trong cơ sở dữ liệu bên ngoài.

### **Tài khoản điều khiển bằng tay và phương thức không đăng nhập**

Có 2 phương thức không thể bị vô hiệu hóa là: tài khoản điều khiển bằng tay và không đăng nhập.

- Tài khoản điều khiển bằng tay cho phép người quản trị để tạo tài khoản người dùng. Những người dùng được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của Moodle. Nếu bạn đang xác thực đối với một cơ sở dữ liệu bên ngoài, bạn vẫn có thể sử dụng phương pháp này để tạo ra người sử dụng. Ví dụ, giả sử rằng công ty hoặc trường học của bạn sử dụng Moodle, và xác thực với máy chủ email IMAP của tổ chức. Như tất cả mọi người tại tổ chức của bạn có một tài khoản email, điều này đảm bảo rằng đồng nghiệp của bạn, và chỉ có đồng nghiệp của bạn, có tài khoản trong Moodle. Tuy nhiên, nếu bạn có một khách hoặc tư vấn để dạy một trong các khóa học của bạn? Nếu tổ chức của bạn không muốn cho người đó một địa chỉ email chính thức tổ chức của bạn, sau đó giáo viên khách sẽ không có một mục nhập vào máy chủ IMAP. Trong trường hợp đó, bạn có thể tự tạo ra tài khoản của khách trong Moodle. Tài khoản của họ sẽ chỉ tồn tại trong Moodle, và sẽ không được viết lại cho IMAP (hoặc khác) máy chủ.
- Tài khoản không đăng nhập thì Administration có thể tạm ngưng tài khoản đó bằng tay. Tạm ngưng một người dùng làm mất đi khả năng đăng nhập của tài khoản đó, nhưng vẫn giữ được dữ liệu của họ trong hệ thống. Xóa một người dùng là loại bỏ các tài khoản và dữ liệu của người dùng. Đình chỉ tài khoản của người sử dụng, chỉnh sửa profile của người dùng, và cho các phương pháp xác thực thành không đăng nhập.



### Lựa chọn nhập học

Trong tuyển sinh, bạn cấp hoặc xác nhận người dùng truy cập vào một khóa học. Tuyển sinh bạn trả lời câu hỏi: "Có phải bạn đang ghi danh vào khóa học này? "

Bạn có nhiều lựa chọn để quản lý tuyển sinh. Chúng được tìm thấy dưới Administration | Courses | Enrolments:

**Site Administration**

- Notifications
- Users
- Courses
  - Add/edit courses
  - Enrolments
  - Course request
  - Backups
- Grades
- Location
- Language
- Modules
- Security
- Appearance
- Front Page
- Server
- Networking
- Reports
- Miscellaneous

Please choose the enrolment plugins you wish to use. Don't forget to configure the settings properly.

You have to indicate which plugins are enabled, and **one** plugin can be set as the default plugin for *interactive* enrolment. To disable interactive enrolment, set "enrollable" to "No" in required courses.

Name	Enable	Default	Settings
Authorize.net Payment Gateway	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
External Database	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
Flat file	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
IMS Enterprise file	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
Internal Enrolment	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="radio"/>	Edit
LDAP	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
Moodle Networking	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit
PayPal	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Edit

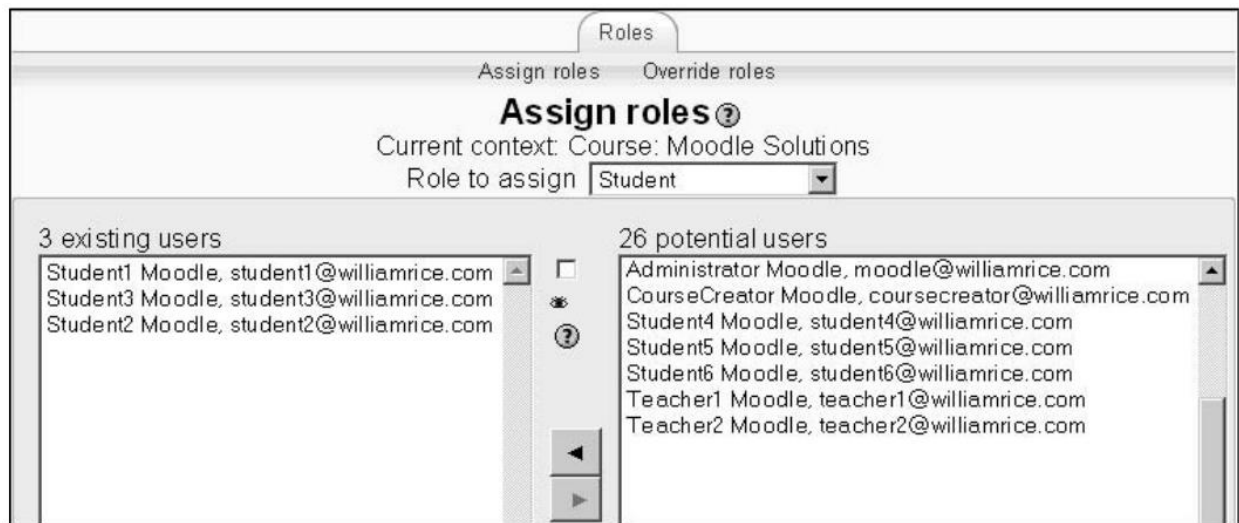
Save changes

Chú ý có cột được dán nhãn mặc định. Mặc định dành cho việc lựa chọn phương pháp học tương tác mặc định. Tương tác có nghĩa là sinh viên có thể ghi danh bản thân mình vào một khóa học. Authorize.net Payment Gateway, Internal Enrolment, và PayPal các phương pháp tương tác là duy nhất trong danh sách đó. Bạn sẽ sử dụng nội bộ nếu các khóa học của bạn là miễn phí. Bạn sẽ sử dụng Authorize.net Payment Gateway and PayPal để bạn tính phí cho việc tuyển sinh.

Các phương pháp tuyển sinh không tương tác khác là cơ sở dữ liệu bên ngoài hoặc các máy chủ được quản lý ở ngoài Moodle .

### **Tuyển sinh nội bộ**

Một giáo viên hoặc quản trị viên có thể ghi danh học sinh. Từ bên trong khóa học, các giáo viên chọn chỉ định vai trò, và được đưa đến màn hình chỉ định vai trò. Sau đó người dùng lựa chọn các vai trò mà người đó muốn chỉ định:



Các quản trị viên hoặc giáo viên sau đó sẽ chọn một người dùng từ bên phải, và nhấp chuột vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng có vai trò sinh viên.

Ngoài ra, các sinh viên tương lai có thể được cung cấp với một chìa khóa nhập học. Sử dụng khóa này, học sinh có thể ghi danh vào khóa học:

**Moodle Solutions** You are logged in as Student4 Moodle (Logout)

► Courses ► Login to Solutions

Moodle Solutions

Making best use of Moodle for effective learning and communication among students and teachers.

Teacher: Teacher1 Moodle  
Teacher: William Rice  
Non-editing teacher: Teacher2 Moodle  
Non-editing teacher: Administrator Moodle

This course requires an 'enrolment key' - a one-time password that you should have received from William Rice.

Enrolment key:

## Tập tin phẳng

Phương pháp tập tin phẳng của tuyển sinh giúp Moodle một tập tin văn bản, hay "tập tin phẳng", và sử dụng như là nguồn thông tin tuyển sinh. Phương pháp tập tin phẳng đặc biệt hữu ích nếu bạn cần phải đăng ký một nhóm lớn của những người có hồ sơ trong hệ thống khác.

## Tập tin

Các tập tin phẳng có định dạng:

*operation, role, ID number of user, ID number of course*

trong đó:

- *Operation* là *add* hoặc *del*, ghi danh và bỏ đăng kí cho người sử dụng khóa học.
- *role* là vai trò, hoặc chức năng, người dùng có trong khóa học như, sinh viên, giáo viên, hoặc quản trị viên.

- *ID number of user* là một định danh duy nhất cho người sử dụng.
- *ID number of course* là một định danh duy nhất cho lớp học.

### **Yêu cầu ID sinh viên**

Trước khi bạn có thể đăng ký một người vào một khóa học, người đó cần phải là thành viên của trang web của bạn. Trong trường hợp này, bước đầu tiên của bạn là xác thực người dùng bằng cách sử dụng một trong những phương pháp thảo luận trong phần trên xác thực.

Nếu bạn sử dụng một tập tin phẳng tuyển sinh trong một khóa học, các tập tin sẽ xác định mỗi học sinh theo số ID của mình. Con số này chỉ nên bao gồm các chữ số, và có thể lên đến mười ký tự. Trong trang hồ sơ cá nhân của người dùng, bạn có thể thấy rằng *ID number* là một trường bắt buộc

The image shows a Moodle user profile form with the following fields and values:

Field	Value
Web page*	http://www.williamrice.com
ICQ number*	
Skype ID*	williamriceinc
AIM ID*	
Yahoo ID*	williamriceinc
MSN ID*	
ID number*	007
Institution*	
Department*	
Phone*	
Phone*	
Address*	

Trong cơ sở dữ liệu Moodle, bạn sẽ tìm thấy ID number của sinh viên trong bảng, mdl\_user, ở trường idnumber:

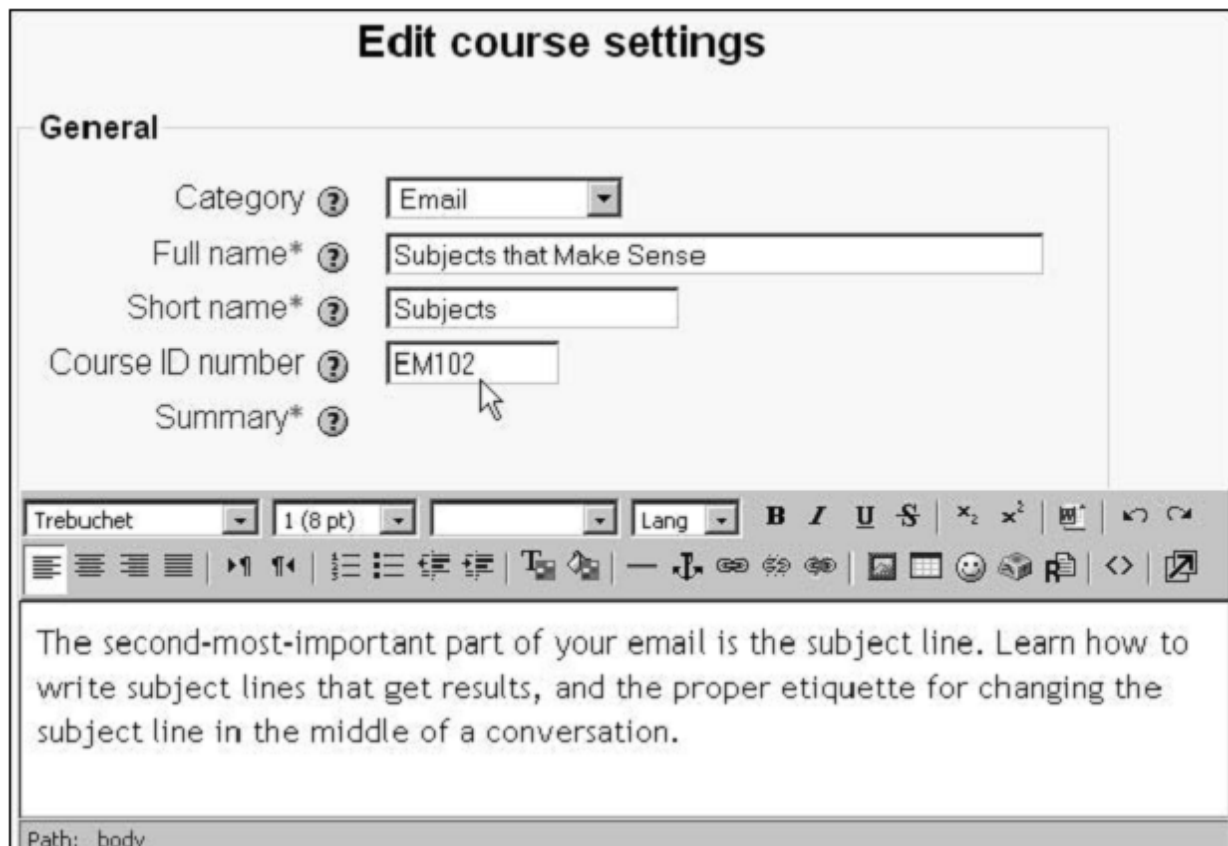


	id	auth	mnethostid	username	password	idnumber
<input type="checkbox"/> <input type="text"/>	1	manual	1	guest	084e0343a0486ff05530df6c705c8bb4	
<input type="checkbox"/> <input type="text"/>	2	manual	1	admin	01f30fa4864bc17253bff0df609d9273	
<input checked="" type="checkbox"/> <input type="text"/>	3	manual	1	williamrice	01f30fa4864bc17253bff0df609d9273	007

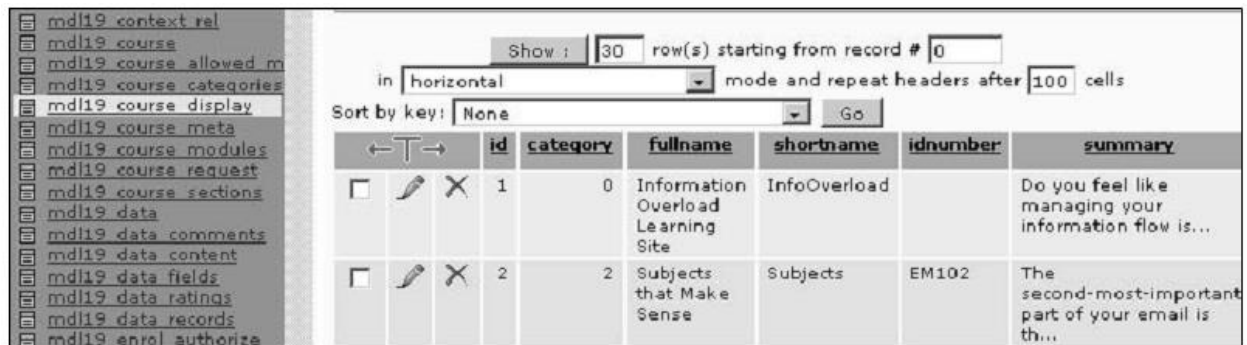
Nếu bạn muốn sử dụng một tập tin phẳng ghi danh một nhóm sinh viên và người dùng với số lượng lớn của bạn không có ID number, thì quản trị viên có thể tải trực tiếp ID number vào cơ sở dữ liệu Moodle. Họ có thể có thể sử dụng một lệnh cơ sở dữ liệu để điền vào lĩnh vực đó.

### **Yêu cầu ID khóa học**

Nếu bạn sử dụng một tập tin phẳng tuyển sinh trong một khóa học, các tập tin sẽ xác định mỗi khóa học theo ID number của nó. ID này có thể bao gồm bất kỳ ký tự chữ và số, và có thể lên đến 100 ký tự. Trong trang chỉnh sửa cài đặt khóa học, bạn có thể thấy rằng ID number khóa học là trường tùy chọn.



Trong cơ sở dữ liệu Moodle, bạn sẽ tìm thấy ID number của khóa học trong bảng mdl\_course ở trường idnumber



The screenshot shows a Moodle database table named 'mdl\_course'. The table has the following columns: id, category, fullname, shortname, idnumber, and summary. Two records are visible:

	id	category	fullname	shortname	idnumber	summary
<input type="checkbox"/> [edit] [delete]	1	0	Information Overload Learning Site	InfoOverload		Do you feel like managing your information flow is...
<input type="checkbox"/> [edit] [delete]	2	2	Subjects that Make Sense	Subjects	EM102	The second-most-important part of your email is th...

Nếu bạn muốn sử dụng một tập tin phẳng ghi danh một nhóm sinh viên, và các khóa học của bạn không có ID number, bạn có thể thêm chúng vào trang chỉnh sửa cài đặt khóa học cho mỗi khóa học.

Nếu bạn cần ID number cho rất nhiều các khóa học, cơ sở dữ liệu quản trị của bạn có thể sử dụng một lệnh cơ sở dữ liệu để điền vào trường đó.

## Vai trò

Vai trò của người dùng trong một khóa học xác định những gì người dùng có thể làm trong khóa học đó. Việc xây dựng vai trò trong Moodle cung cấp cho bạn trong một cài đặt chuẩn:

**Email Subjects that Make Sense** You are logged in as Admin

InfoOverload ► Email Subjects ► Email Subjects

Roles

Assign roles Override roles

### Assign roles ?

Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	0
Student	Students generally have less privileges within a course.	0
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0

Một người sử dụng có thể có một vai trò trong các trang web, và một vai trò trong một khóa học. Khi bạn sử dụng một tập tin phăng tuyển sinh trong một khóa học, các tập tin quy định cụ thể vai trò của mỗi người sử dụng trong khóa học. Ví dụ:

*add, student, 007, WP102*

Dòng này từ tập tin xác định rằng người sử dụng ID số 007 sẽ được thêm vào như là một sinh viên để trình ID number WP102.

Các tập tin phăng sử dụng "sinh viên" với một chữ thường 's', trong khi vai trò được gọi là "sinh viên" với số vốn 'S'. Chúng không phù hợp bởi vì các tập tin phăng sử dụng 'tên viết tắt' của vai trò. Để tìm hiểu tên ngắn của một vai trò, đi đến **Administration | Users | Permissions | Define roles** và chọn các vai trò từ danh sách. Trong hình bên dưới, bạn có thể thấy rằng **Short name** của vai trò **Administrator** là **admin**:



The screenshot shows the Moodle administration interface. The breadcrumb trail is: InfoOverload > Administration > Users > Permissions > Define roles. A 'Blocks editing on' button is in the top right. On the left is a 'Site Administration' sidebar with a tree view including: Notifications, Users (Authentication, Accounts), Permissions (Define roles, Assign global roles, User policies), Courses, Grades, Location, Language, Modules, Security, Appearance, Front Page, Server, Networking, and Reports. The main content area has three tabs: 'Manage roles' (selected), 'Allow role assignments', and 'Allow role overrides'. The title is 'View role details' with a help icon. Below the title is a 'Select a role' dropdown menu showing 'Administrator'. There are four buttons: 'Edit', 'Reset to defaults', 'Duplicate role', and 'List all roles'. A grey box contains the following details for the Administrator role: Name: Administrator, Short name: admin, Description: Administrators can usually do anything on the site, in all courses., Legacy role type: LEGACY ROLE: Administrator.

## Tóm tắt

Một tập tin phẳng là cách hiệu quả để đăng ký một nhóm sinh viên vào một hoặc nhiều khóa cùng một lúc. Bạn phải có một ID sinh viên và ID number khóa học mà là tùy chọn. Bạn sẽ cần phải điền các lĩnh vực này trong hồ sơ sinh viên của bạn và các thiết lập khóa học bằng tay hoặc tự động. Nếu bạn đang chứng thực người dùng đối với một hệ thống bên ngoài có ID number, chẳng hạn như máy chủ LDAP của trường, xem xét lập bản đồ trường ID sinh viên đến các ID number của máy chủ.

## Tập tin IMS Enterprise

Một tập tin IMS Enterprise là một tập tin phẳng (tập tin văn bản) theo các tiêu chuẩn theo quy định của IMS Global Learning Consortium. Nhiều hệ thống thông tin học sinh và hệ thống thông tin nguồn nhân lực có thể xuất khẩu một tập tin tuân thủ IMS

Sử dụng IMS để tuyển sinh và tạo ra các khóa học trực tuyến cho các lớp trong Moodle

Bạn có thể tìm thấy IMS Enterprise Best Practice and Implementation Guide tại:

<http://www.imsglobal.org/enterprise/enbest03.html>.

Đây là một đoạn trích từ tài liệu đó:

*Các công ty, trường học, cơ quan chính phủ, và các nhà cung cấp phần mềm có sự đầu tư lớn ở hệ thống của họ cho quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý sinh viên, quản lý tài chính, quản lý thư viện và nhiều chức năng khác. Họ cũng đã cơ sở hạ tầng và hệ thống quản lý truy cập vào tài nguyên điện tử hiện có. Để đạt hiệu quả và hiệu quả, hệ thống quản lý dạy cần để hoạt động như một phần của môi trường hệ thống doanh nghiệp này.*

*Mục tiêu của các tài liệu đặc tả IMS Enterprise là xác định một bộ tiêu chuẩn hóa các cấu trúc có thể được sử dụng để trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống khác nhau.*

## **LDAP**

Xác thực xảy ra khi người dùng đăng nhập vào trang web của bạn, và ghi danh sẽ xảy ra khi một người sử dụng được thực hiện một sinh viên trong một khóa học cụ thể. LDAP có thể được sử dụng cho cả chứng thực và ghi danh.

LDAP, cơ sở dữ liệu bên ngoài, và tập tin IMS Enterprise đều có thể tạo ra các khóa học mới khi họ ghi danh sinh viên. Tất cả các phương pháp khác chỉ có thể ghi danh sinh viên trong các khóa học hiện có.

## **Cơ sở dữ liệu bên ngoài**

Bạn có thể sử dụng một cơ sở dữ liệu bên ngoài để kiểm soát tuyển sinh. Trong trường hợp này, Moodle nhìn vào trong cơ sở dữ liệu được chỉ định và xác định nếu học sinh đang theo học. Như các phiên bản 1.9, Moodle sẽ không viết lại cho cơ sở dữ liệu bên ngoài. Tất cả những thay đổi trong cơ sở dữ liệu bên ngoài được thực hiện bởi một chương trình khác.

Ngoài việc sử dụng cơ sở dữ liệu bên ngoài, bạn cũng có thể cho phép Moodle thường xuyên tuyển sinh bình thường. Cho thấy (và ẩn) thiết lập này dưới **Administration | Courses | Enrolments** cho phép Moodle để sử dụng một cơ sở dữ liệu bên ngoài để ghi danh. Nếu bạn cho phép tuyển sinh nội bộ ngoài việc ghi danh từ cơ sở dữ liệu bên ngoài, Moodle kiểm tra cả cơ sở dữ liệu bên ngoài và cơ sở dữ liệu nội bộ khi một học sinh cố gắng vào một khóa học.

Trong màn hình cơ sở dữ liệu bên ngoài, bạn chỉ định các lĩnh vực trong Moodle tương ứng với lĩnh vực tên khóa học trong các cơ sở dữ liệu bên ngoài:

## External Database

You can use an external database (of nearly any kind) to control your enrolments. It is assumed your external database contains a field containing a course ID, and a field containing a user ID. These are compared against fields that you choose in the local course and user tables.

### External Database Server Settings

enrol_dbtype:	<input type="text" value="mysql"/>	Database type
enrol_dbhost:	<input type="text"/>	Server IP name or number
enrol_dbuser:	<input type="text"/>	Server user
enrol_dbpass:	<input type="text"/>	Server password
enrol_dbname:	<input type="text"/>	Database name
enrol_dbtable:	<input type="text"/>	Database table

### Enrolment (remote) database fields.

enrol\_localcoursefield:

The name of the field in the course table that we are using to match entries in the remote database (eg idnumber).

Trong ví dụ sau đây, bạn có thể thấy **Edit course settings** cho **Email Subjects** khóa học. Tôi đã cho khóa học này một **ID number là EM102**. ID number của khóa học này sẽ tương ứng với ID number trong cơ sở dữ liệu bên ngoài. Để phù hợp với trường ID number từ các thiết lập khóa học với cơ sở dữ liệu bên ngoài, tôi cần phải vào đặt tên cho ID number trong **enrol\_localcoursefield**.

## Edit course settings

**General**

Category ?

Full name\* ?

Short name\* ?

Course ID number ?

Sự nhầm lẫn là gõ ID number vào **enrol\_localcoursefield** vì đó là ID number bạn nhìn thấy trong cửa sổ **Edit course settings**. Nhìn vào cơ sở dữ liệu Moodle, trong `mdl_coursetable`, và bạn sẽ thấy rằng tên thật của lĩnh vực này là *idnumber*

The screenshot shows a database table with the following columns: id, category, fullname, shortname, idnumber, and summary. Two records are visible:

id	category	fullname	shortname	idnumber	summary
1	0	Information Overload Learning Site	InfoOverload		Do you feel like managing your information flow is...
2	2	Subjects that Make Sense	Subjects	EM102	The second-most-important part of your email is th...

Tương tự như vậy, chúng tôi sẽ tìm kiếm các tên trường cho ID number của học sinh, và nhập vào **enrol\_localuserfield** (tên trường là *idnumber*).

Moodle xác nhận đối với cơ sở dữ liệu bên ngoài có thể làm cho việc tích hợp Moodle vào tổ chức của bạn dễ dàng hơn nhiều. Tuy nhiên, một khi bạn thực hiện việc xác nhận, càng ít tên người dùng và mật khẩu người dùng của bạn cần phải nhớ thì càng tốt.

## PayPal

Các tùy chọn PayPal cho phép bạn thiết lập truy cập được thanh toán vào trang web, hoặc các khóa học cá nhân. Khi bạn chọn tùy chọn này, bạn nhập giá trị vào trường **enrol\_cost**. Điều này trở thành lệ phí tham gia trang web. Bạn nhập không vào **enrol\_cost**, sinh viên có thể truy cập các trang web miễn phí. Nếu bạn nhập một số tiền khác không, học sinh phải trả tiền để truy cập vào các trang web.

Màn hình thanh toán PayPal sẽ hiển thị một thông báo rằng khóa học này yêu cầu một khoản thanh toán cho nhập cảnh.

**Email Subjects that Make Sense** You are logged in as Student1 Moodle (Logout)


InfoOverload ► Courses ► Login to Email Subjects

Email Subjects that Make Sense      The second-most-important part of your email is the subject line. Learn how to write subject lines that get results, and the proper etiquette for changing the subject line in the middle of a conversation.

Cost: \$25.00

This course requires a payment for entry.

**Cost: USD 25**



Use the button below to pay and be enrolled within minutes!

[Send payment via PayPal](#)

Lưu ý rằng màn hình này hiển thị một thông điệp rất cơ bản. Bạn có thể thay đổi màn hình này bằng cách thay đổi các tập tin nguồn tại *enrol/paypal/enrol.php*.

### **Authorize.net**

Các Authorize.net thanh toán plug-in hoạt động tương tự như phương pháp PayPal. Bạn cần tạo ra một tài khoản với PayPal để sử dụng phương pháp của họ, bạn cần phải tạo một tài khoản với Authorize.net sử dụng plug-in này. Và, bạn cũng có thể thiết lập các chi phí cho các trang web và cho mỗi khóa học. Cả PayPal và Authorize.net, một khách hàng có thể nhập vào tài khoản mà họ đã tạo ra với các nhà cung cấp thanh toán. Ví dụ, sinh viên có thể nhập địa chỉ email và mật khẩu PayPal của họ, và thanh toán được xử lý ngay lập tức. Nếu sinh viên không có một tài khoản với PayPal hoặc Authorize.net, họ có thể sử dụng một thẻ tín dụng để thay thế.

PayPal là phổ biến hơn với các sinh viên có một tài khoản PayPal chứ không phải là một tài khoản Authorize.net. Điều này làm cho thanh toán dễ dàng hơn và nhanh hơn cho hầu hết sinh viên. Tuy nhiên, Authorize.net chấp nhận thanh toán bằng các thẻ tín dụng.

Bạn có thể sử dụng cả hai phương thức thanh toán, nhưng bạn phải ý thức về sự nhầm lẫn tiềm ẩn có thể gây ra. Một giải pháp có thể là làm cho PayPal thành tùy chọn ưa thích (hơn cả Authorize.net). Sau đó, sửa đổi các trang thanh toán PayPal với một thông báo trong đó liệt kê các thẻ mà PayPal chấp nhận và thẻ mà Authorize.net chấp nhận. Thêm hướng dẫn và một liên kết sẽ gửi sinh viên đến trang thanh toán Authorize.net cho thẻ mà PayPal không chấp nhận. Điều này cho phép chủ tài khoản PayPal nhiều phương thức thanh toán nhanh chóng dễ dàng, và những người sử dụng biết các loại thẻ PayPal không chấp nhận.

## **Mạng moodle**

Các tài liệu Moodle chính thức mô tả mạng Moodle như:

Các tính năng mạng cho phép người quản trị Moodle để thiết lập một liên kết với một Moodle, và chia sẻ một số tài nguyên với những người sử dụng Moodle.

Việc phát hành ban đầu của mạng Moodle đi kèm với một xác thực Plug-in. Một người sử dụng với tên người dùng Jody đăng nhập vào máy chủ Moodle của mình như bình thường, và nhấp chuột vào một liên kết mà đưa cô đến một trang trên một máy chủ Moodle. Thông thường, cô sẽ chỉ có những đặc quyền của một khách mời trong Moodle từ xa, nhưng đằng sau, đơn đăng ký trên đã thành lập một phiên chứng thực đầy đủ cho Jody trên trang web từ xa.

Nếu bạn cần xác thực người dùng trên các trang web Moodle được sở hữu bởi những người khác nhau, thì mạng Moodle là một sự lựa chọn rõ ràng. Tuy nhiên, nếu tất cả các trang web được sở hữu bởi cùng một người hoặc tổ chức, bạn cần phải cân nhắc những ưu và nhược điểm của việc sử dụng mạng Moodle chống lại một số loại đăng nhập trung tâm.

## **Ngôn ngữ**

Cài đặt Moodle đã mặc định nhiều gói ngôn ngữ. Một gói ngôn ngữ là một bộ các bản dịch cho giao diện Moodle. Gói ngôn ngữ dịch giao diện Moodle không phải là nội dung khóa học. Đây là trang chủ của trang web khi người dùng chọn tiếng Tây Ban Nha từ menu ngôn ngữ:

**Information Overload Learning Site** Usted se ha autenticado como Administrator User  
(Salir)  
Español - Internacional (es)

---

**Menú principal**

- Site news

**Administración del sitio**

- Notificaciones
- Usuarios
- Cursos
- Calificaciones
- Ubicación
- Idioma
- Módulos
- Seguridad
- Apariencia
- Portada
- Scrvidor
- Red
- Informes
- Miscclánca

**Categorías**

**To-do Lists that Get Done**

**Managing Email** 2

**Meetings that Work**

Buscar cursos:

**Site news**

Suscribirse a este foro

**(Sin novedades aún)**

Do you feel like managing your information flow is like trying to drink from a firehose? Learn how to survive the flood of information with our courses on Information Overload.

**Calendario**

noviembre 2007

Dom	Lun	Mar	Mié	Jue	Vie	Sáb
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

Lưu ý rằng tất cả các khía cạnh của giao diện đang được trình bày trong tiếng Tây Ban Nha: tên menu, mục trình đơn, tên phần, các nút, và thông báo hệ thống. Bây giờ, chúng ta hãy nhìn vào trang chủ của cùng một trang khi người dùng chọn Rumani từ menu ngôn ngữ:

**Information Overload Learning Site** Ți-ai deschis contul ca Administrator User (închide contul)

Română (ro) ▾

---

**Meniu principal** ▾

- Site news

**Site Administration** ▾

- Notifications
- Users
- Courses
- Note
- Location
- Limba
- Modules
- Security
- Appearance
- Front Page
- Server
- Networking
- Reports
- Diverse

Caută

**Categorii curs**

**To-do Lists that Get Done**

**Managing Email Meetings that Work** 2

Search courses:

**Site news**

Înscrie-te la acest forum

**(No news has been posted yet)**

Do you feel like managing your information flow is like trying to drink from a firehose? Learn how to survive the flood of information with our courses on Information Overload.

**Calendar** ▾

◀ noiembrie 2007 ▶

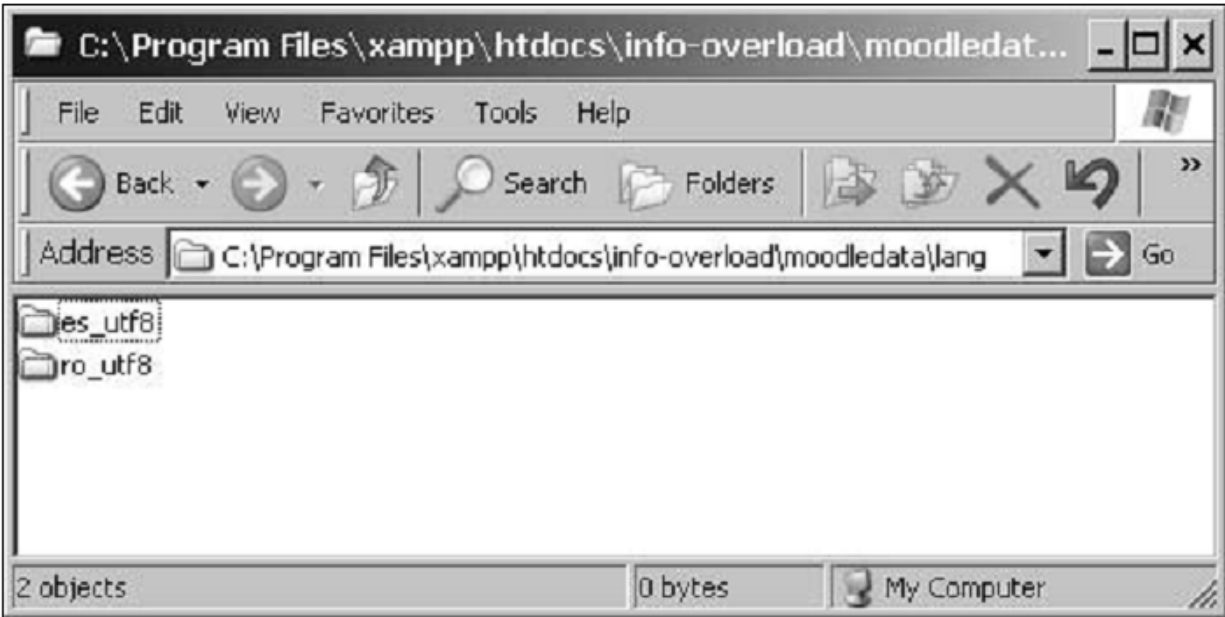
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

Luu ý rằng có rất nhiều giao diện chưa được dịch. Ví dụ, trang menu quản trị và tên của phần tin tức trang web vẫn là tiếng Anh. Khi một phần của giao diện của Moodle không dịch sang ngôn ngữ đã chọn, sử dụng Moodle phiên bản tiếng Anh.

### Tập tin ngôn ngữ

Khi bạn cài đặt một ngôn ngữ bổ sung, Moodle đặt các gói ngôn ngữ trong thư mục dữ liệu và trong thư mục con / lang. Nó tạo ra một thư mục con cho mỗi tập tin ngôn ngữ. Hình dưới đây cho thấy kết quả của việc cài đặt các ngôn ngữ quốc tế Tây Ban Nha và Rumani:

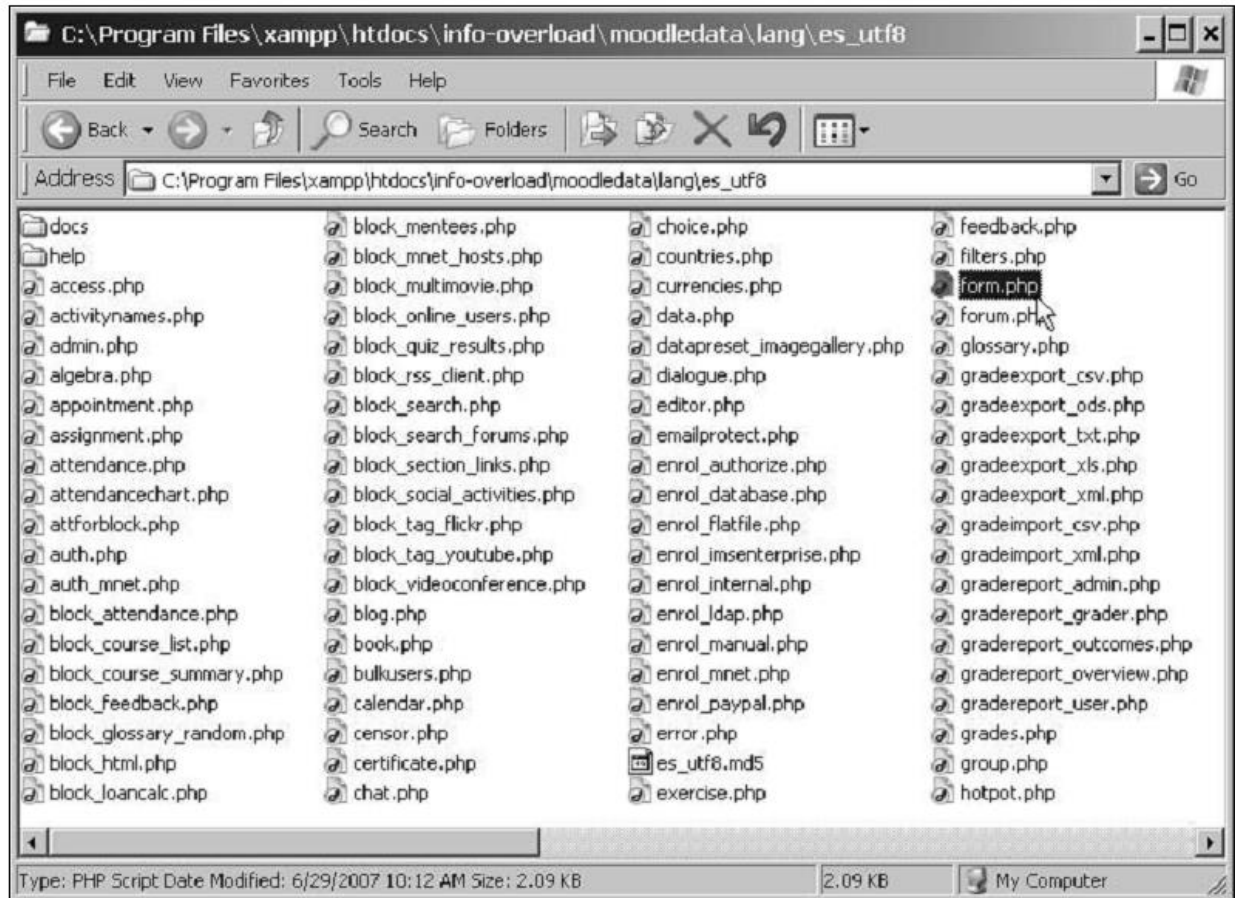




Ví dụ, thư mục con */ lang / en\_us*, giữ các tập tin cho bản dịch tiếng Anh Mỹ, và */ lang / es\_esholds* các tập tin cho Tây Ban Nha truyền thống (Espanol / Espana).

Tên của thư mục con là "mã ngôn ngữ. Biết mã này sẽ có ích sau. Trong ví dụ trước, *es\_utf8* cho chúng ta biết mã ngôn ngữ quốc tế của Tây Ban Nha là *es*.

Bên trong thư mục một gói ngôn ngữ, chúng ta thấy một danh sách các tập tin có chứa các bản dịch:



Ví dụ, các tập tin `/lang/es_utf8/forum.php` chứa văn bản được sử dụng trên các trang diễn đàn. Bao gồm các văn bản được hiển thị cho người tạo ra khóa học trong khi tạo ra diễn đàn này, và các văn bản được hiển thị cho các sinh viên khi họ sử dụng diễn đàn này. Dưới đây là vài dòng đầu tiên từ phiên bản tiếng Anh của tập tin đó:

```
$string['addanewdiscussion'] = 'Add a new discussion topic';
```

```
$string['addanewtopic'] = 'Add a new topic';
```

```
$string['advancedsearch'] = 'Advanced search';
```

Ba dòng đầu tiên từ phiên bản tiếng Tây Ban Nha của tập tin đó:

```
$string['addanewdiscussion'] = 'Colocar un nuevo tema de discusión aquí';
```

```
$string['addanewtopic'] = 'Agregar un nuevo tema';
```

```
$string['advancedsearch'] = 'Búsqueda avanzada';
```

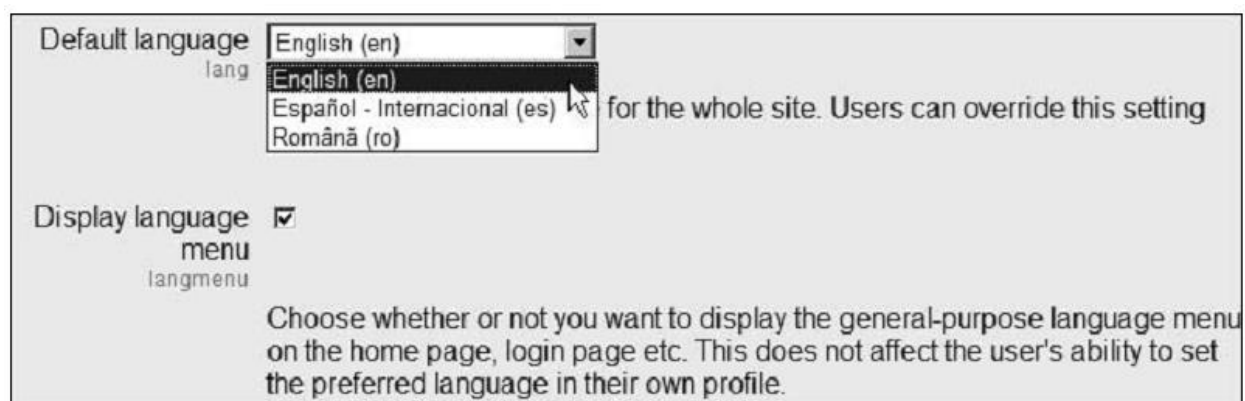
Nhiệm vụ lớn nhất trong việc bản địa hóa Moodle bao gồm dịch các tập tin ngôn ngữ sang các ngôn ngữ thích hợp. Một số bản dịch được hoàn thành đáng ngạc nhiên. Ví dụ, hầu hết các giao diện đã được dịch sang Ireland Gaelic, mặc dù ngôn ngữ này được sử dụng bởi chỉ có khoảng 350.000 người mỗi ngày. Giao diện Rumani vẫn chủ yếu là chưa dịch mặc dù Romania có dân số hơn 23 triệu. Điều này có nghĩa rằng nếu một người sử dụng Moodle chọn ngôn ngữ Rumani, hầu hết các giao diện vẫn sẽ mặc định tiếng Anh.

## Thiết lập ngôn ngữ

Bạn truy cập vào trang **Language settings** từ Menu Quản trị

### Ngôn ngữ mặc định và Menu hiển thị ngôn ngữ

Thiết lập ngôn ngữ là xác định ngôn ngữ mà người dùng sẽ nhìn thấy khi họ lần đầu tiên vào trang web của bạn. Nếu bạn cũng chọn Menu hiển thị ngôn ngữ, người dùng có thể thay đổi ngôn ngữ. Lựa chọn này sẽ hiển thị một Menu ngôn ngữ trên trang chủ của bạn.



Default language lang English (en)   
English (en)  
Español - Internacional (es)  
Română (ro) for the whole site. Users can override this setting

Display language  menu  
langmenu

Choose whether or not you want to display the general-purpose language menu on the home page, login page etc. This does not affect the user's ability to set the preferred language in their own profile.

### Ngôn ngữ trên Menu Ngôn ngữ và Menu Cache Ngôn ngữ

Các ngôn ngữ lập trình trên Menu ngôn ngữ cho phép bạn xác định ngôn ngữ mà người dùng có thể chọn từ menu ngôn ngữ. Có hướng dẫn để bạn có thể nhập vào “mã ngôn ngữ”. Các mã số là tên của thư mục chứa các gói ngôn ngữ. Trong tiểu mục tập tin ngôn ngữ trên trang trước, bạn đã thấy rằng các thư mục es\_utf8 chứa các tập tin ngôn ngữ cho tiếng Tây Ban Nha. Nếu bạn muốn nhập ngôn ngữ trong danh sách, nó sẽ trông như thế này:

**Languages on language menu**  
langlist

Leave this blank to allow users to choose from any language you have in this installation of Moodle. However, you can shorten the language menu by entering a comma-separated list of language codes that you want. For example: en,es\_es,fr,it

**Cache language menu**  
langcache

Cache the language menu. Saves a lot of memory and processing power. If you enable this, the menu takes a few minutes to update after you have added or removed languages.

Để trống trường này sẽ cho phép sinh viên chọn tất cả các ngôn ngữ có sẵn. Nhập tên của ngôn ngữ trong lĩnh vực này sẽ giới hạn danh sách lại.

### Sitewide Locale

Nhập mã ngôn ngữ vào lĩnh vực này hệ thống hiển thị ngày tháng trong các định dạng phù hợp với ngôn ngữ đó.

**Sitewide locale**  
locale

Choose a sitewide locale - this will override the format and language of dates for all language packs (though names of days in calendar are not affected). You need to have this locale data installed on your operating system (eg for linux en\_US.UTF-8 or es\_ES.UTF-8). In most cases this field should be left blank.

### Excel Encoding

Hầu hết các báo cáo rằng Moodle tạo ra có thể được tải về dưới dạng file Excel. Thiết lập này cho phép bạn chọn mã hóa cho các tập tin Excel.

**Excel encoding**  
latinexcelexport

Choose the encoding for Excel exports.

Sự lựa chọn của bạn là Unicode và Latin. Mặc định là Unicode, vì bộ ký tự này bao gồm nhiều ký tự hơn Latin. Trong nhiều trường hợp, mã hóa Latin không cung cấp đủ ký tự để hoàn toàn đại diện cho một ngôn ngữ không phải tiếng Anh

### Cung cấp nhiều ngôn ngữ trong khóa học

Các cài đặt trên trang **Language settings** cũng được áp dụng cho dịch giao diện Moodle. Tuy nhiên, họ không áp dụng cho dịch nội dung khóa học.

Nếu bạn muốn cung cấp nội dung khóa học bằng nhiều ngôn ngữ, bạn có nhiều lựa chọn. Đầu tiên, bạn có thể đặt tất cả các ngôn ngữ khác nhau trong từng khóa học. Đó là, mỗi tài liệu sẽ xuất hiện trong một khóa học với nhiều ngôn ngữ. Trong khi tham gia khóa học, sinh viên sẽ lựa chọn các tài liệu bằng ngôn ngữ của họ. Tên khóa học sẽ xuất hiện chỉ có một ngôn ngữ.

Thứ hai, bạn có thể tạo ra các khóa học riêng với từng ngôn ngữ, và cung cấp cho họ trên cùng một trang web. Tên khóa học sẽ xuất hiện với mỗi ngôn ngữ. Trong trường hợp này, sinh viên sẽ chọn khóa học bằng tiếng Anh hoặc tiếng Tây Ban Nha.

Thứ ba, bạn có thể tạo ra một trang web Moodle riêng biệt cho từng ngôn ngữ, ví dụ: <http://moodle.williamrice.com/english> và <http://moodle.williamrice.com/spanish> . Tại trang chủ của trang web của bạn, sinh viên sẽ lựa chọn ngôn ngữ của họ và sẽ được hướng dẫn để cài đặt Moodle chính xác. Trong trường hợp này, toàn bộ trang web Moodle sẽ xuất hiện trong ngôn ngữ mà sinh viên chọn: tên trang web, các trình đơn, tên khóa học, và nội dung khóa học. Đây là những điều bạn nên xem xét trước khi cài đặt Moodle.

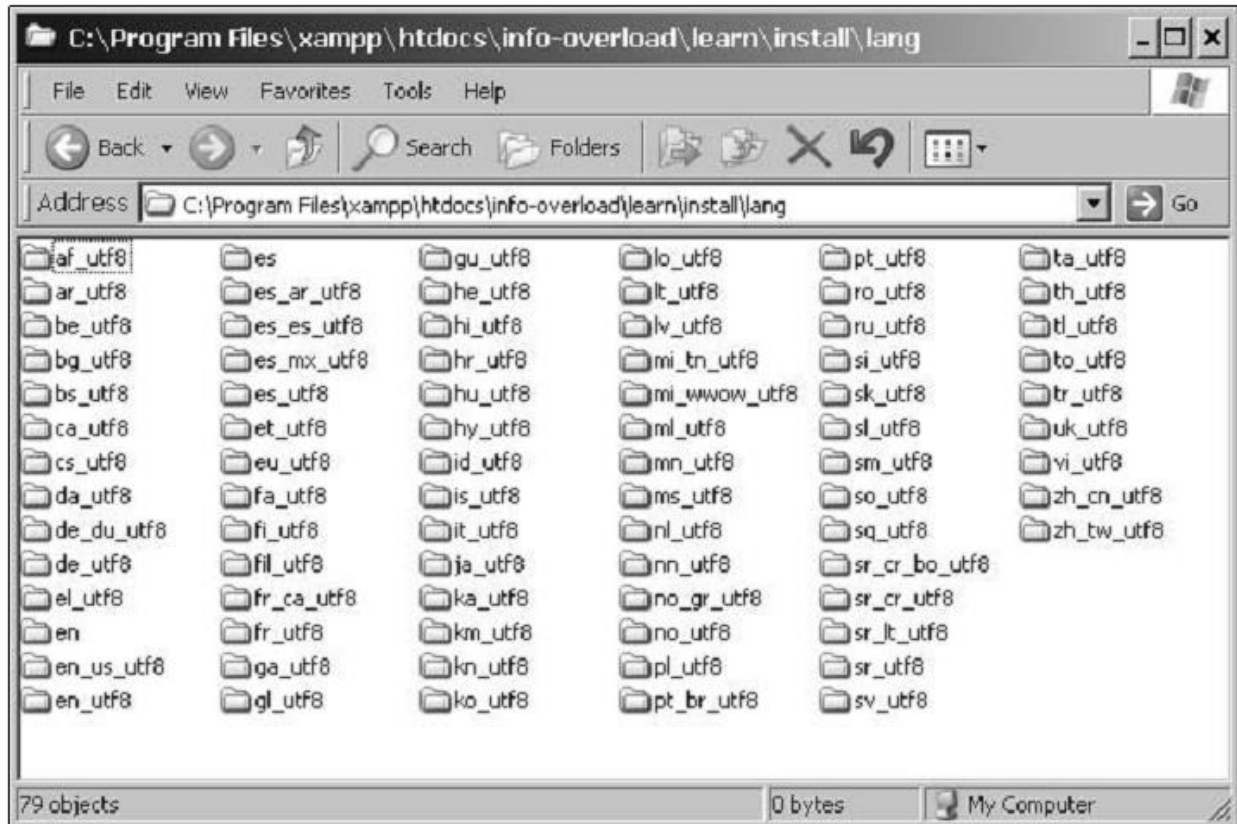
Cuối cùng, và trang nhã nhất, bạn có thể sử dụng bộ lọc được mô tả sau chương này để hiển thị nội dung khóa học bằng các ngôn ngữ được lựa chọn bởi người dùng của bạn.

### **Cài đặt ngôn ngữ khác**

Để cài đặt các ngôn ngữ khác, bạn phải được kết nối với Internet. Sau đó, từ Menu quản trị, chọn **Language | Language packs**. Trang sẽ hiển thị một danh sách của tất cả các gói ngôn ngữ có sẵn:



Danh sách này được lấy từ thư mục `/install/lang` của Moodle. Trong thư mục đó, bạn sẽ tìm thấy một thư mục cho mỗi gói ngôn ngữ có thể được cài đặt.



Thư mục chứa các tập tin có tên install.php. Tập tin để lấy phiên bản mới nhất của gói ngôn ngữ từ trang web và cài đặt nó. Đây là lý do tại sao Moodle phải được kết nối với các trang web sử dụng tính năng này. Nếu Moodle không được kết nối, bạn sẽ cần phải tải về các gói ngôn ngữ và sao chép nó vào thư mục / lang.

Nếu bạn không nhìn thấy ngôn ngữ mà bạn muốn trong danh sách các gói ngôn ngữ có sẵn, hoặc là nó không có sẵn trong trang web chính thức Moodle, hoặc danh sách các ngôn ngữ có sẵn đã cũ. Nhấn vào update để cập nhật danh sách này. Nếu ngôn ngữ không xuất hiện, nó không có sẵn từ các nguồn chính thức.

### Cài đặt bảo mật

Bạn sẽ tìm thấy các thiết lập bảo mật thuộc **Site administration | Security**.

### Mở cửa cho Google

Thiết lập này cho phép Google lập chỉ mục robot vào các khóa học cho phép khách truy cập. Nếu bạn muốn biết thêm về các **Googlebot**, hãy truy cập

<http://www.google.com/bot.html>

Một số nhược điểm khi mở cửa cho công cụ tìm kiếm Google:

1. Nếu nội dung khóa học của bạn thay đổi thường xuyên, Google có thể đánh chỉ số out-of-date thông tin cho các khóa học của bạn.
2. Sinh viên và giáo viên của bạn có thể không muốn tên và các tài liệu được lập chỉ mục và có sẵn cho cộng đồng.
3. Nếu Google lập chỉ mục tất cả các khóa học của bạn, bạn sẽ có quyền kiểm soát ít hơn các thông tin xuất hiện về trang web của bạn trong Google. Tất cả mọi thứ trên trang Googlebot tìm kiếm được sử dụng để lập chỉ mục trang web của bạn. Có thể có các hạng mục trên những trang mà không hiển thị chính xác trang web của bạn. Ngoài ra, nếu tiêu đề hoặc cấu trúc của trang web Moodle của bạn thay đổi, nó có thể mất một thời gian trước khi tài liệu tham khảo Google cho tất cả những trang được sửa chữa.

Nếu bạn muốn kiểm soát chặt chẽ các thông tin xuất hiện trong Google về trang web của bạn, thì thiết lập Mở cửa cho Google để số 0. Chỉ đặt các thông tin mà bạn muốn xuất hiện trong Google trên trang chủ của trang web của bạn, và không cho phép giáo viên hoặc sinh viên thay đổi bất cứ điều gì trên trang chủ. Bằng cách này, chỉ số sẽ Google chỉ là trang chủ của bạn.

Bạn cũng nên yêu cầu bất cứ ai liên kết đến trang web của bạn chỉ liên kết đến các trang chủ mà không trực tiếp đến một trang khóa học. Google và tìm kiếm công cụ khác sử dụng các liên kết đến trang web của bạn để tính toán xếp hạng của bạn. Nếu tất cả các liên kết trở đến cùng một trang, bạn có thể kiểm soát tốt hơn hình ảnh chung của trang web. Bằng cách vô hiệu mở cửa cho Google, và yêu cầu mọi người chỉ liên kết đến các trang chủ, bạn đang giao dịch đi một số sự hiện diện của công cụ tìm kiếm của bạn để đổi lấy quyền kiểm soát lớn hơn của hình ảnh chung của trang web.

Để kiểm soát những thông tin về trang web của bạn được lập chỉ mục, xem xét kế hoạch này: Vô hiệu hoá mở cửa tới Google và cho phép Force users to login để giữ cho các robot công cụ tìm kiếm của Moodle. Dưới **Users | Authentication** thiết lập nút đăng nhập khách ẩn để loại bỏ khả năng bất kỳ công cụ tìm kiếm robot tìm ra khóa học có khách của bạn . Bây giờ, bạn đã bị khóa tất cả nhưng người dùng đã đăng ký.

Đặt Moodle vào một thư mục con liên kết trang web của bạn để Moodle từ các chỉ mục gốc của trang web của bạn. Trong trường hợp của tôi, tôi sẽ đặt Moodle vào *moodle.williamrice.com / moodle /* và liên kết đến nó từ *moodle.williamrice.com / index.htm*. Sau đó, sử dụng *index.htm* như một giới thiệu về trang web của bạn. Đảm bảo *index.htm* có chứa chính xác các loại thông tin mà bạn muốn công chúng biết về trang web của bạn, và tối ưu hóa nó cho các vị trí công cụ tìm kiếm tốt nhất.

## **Thiết lập đăng nhập**



Dưới **Security | Site policies** của trang web, bạn sẽ tìm thấy ba thiết lập có ảnh hưởng đến việc đăng nhập vào trang web của bạn:

Site policies	
Protect usernames protectusernames <input checked="" type="checkbox"/>	By default forget_password.php does not display any hints that would allow guessing of usernames or email addresses.
Force users to login forcelogin <input type="checkbox"/>	Normally, the front page of the site and the course listings (but not courses) can be read by people without logging in to the site. If you want to force people to log in before they do ANYTHING on the site, then you should enable this setting.
Force users to login for profiles forceloginforprofiles <input checked="" type="checkbox"/>	Enable this setting to force people to login as a real (non-guest) account before being allowed to see the user profile pages. By default this is enabled ("true")

### **Bảo vệ tên người dùng**

Nếu bạn quên mật khẩu của bạn, Moodle có thể hiển thị một trang cho phép bạn lấy nó. Nếu bạn nhập tên tài khoản của bạn hoặc địa chỉ email, Moodle sẽ gửi một email với thông tin đăng nhập của bạn:

## Forgotten password

InfoOverload > Login > Forgotten password

Your details must first be found in the user database. Please enter **either** your username or your registered email address in the appropriate box. There is no need to enter both.

**Forgotten password**

Username

Email address

OK Cancel

Sau đó, Moodle gửi email xác nhận việc gửi, nhưng không hiển thị địa chỉ email mà thông điệp đã được gửi:

moodle You are not

Moodle > Login > Forgotten password

If you supplied a correct username or address an email should have been sent to you.

It contains easy instructions to confirm and complete this password change. If you continue to have difficulty, please contact the site administrator.

Continue

Địa chỉ email được ẩn để bảo vệ sự riêng tư của người dùng.

### **Lực lượng người dùng đăng nhập**

Thiết lập là **Yes** làm cho trang trở thành ẩn cho đến khi một bản ghi truy cập vào Moodle. Khi khách truy cập trang Moodle của bạn họ nhìn thấy trang đăng nhập Moodle.

Thiết lập là **Yes** nghĩa là bạn không thể sử dụng trang Moodle như một công cụ thông tin và bán hàng. Bạn có thể tùy chỉnh các văn bản trên trang đăng nhập, nhưng bạn sẽ không thể để thêm tất cả các tính năng có sẵn trên trang chủ.

Thiết lập là **No** cho phép bạn sử dụng một trang không phải Moodle để giới thiệu cho trang web của bạn. Nếu bạn muốn trang chủ của bạn là một cái gì đó mà không thể được tạo ra trong Moodle, đây là một lựa chọn tốt. Ví dụ, tôi có thể làm thành một bài thuyết trình flash về trang web của tôi [moodle.williamrice.com / index.htm](http://moodle.williamrice.com/index.htm). Khách truy cập sau đó nhấn vào một liên kết và được đưa đến trang đăng nhập Moodle tại [moodle.williamrice.com / moodle / index.php](http://moodle.williamrice.com/moodle/index.php). Lưu ý rằng, tôi phải đặt Moodle vào thư mục con của nó. Nếu bạn muốn có một trang giới thiệu không phải là Moodle dẫn đến một trang đăng nhập Moodle, đặt Moodle vào thư mục con hoặc tên miền phụ của riêng mình

### **Hồ sơ người dùng đăng nhập**

Trạng thái là thiết lập là **No** để cho phép khách đăng nhập đọc hồ sơ của giáo viên và hồ sơ của sinh viên ghi danh vào các khóa học. Điều này có thể là một vấn đề riêng tư.

Cho phép người dùng để đăng nhập để xem hồ sơ của các giáo viên còn khách vắng lai thì không. Họ phải đăng ký là một sinh viên trước khi có thể đọc hồ sơ sinh viên và hồ sơ người dùng. Đây có thể là một nhược điểm nếu hồ sơ của giáo viên là một điểm bán hàng cho khóa học.

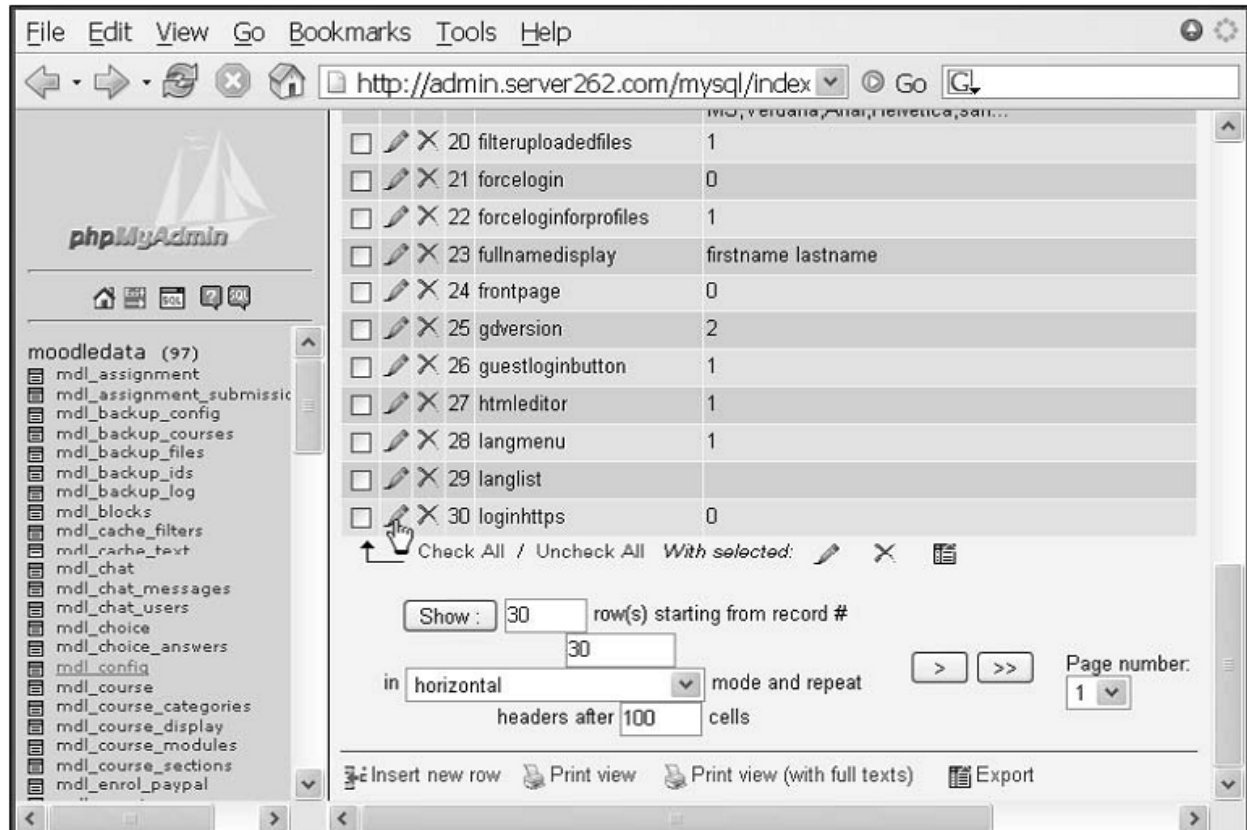
Cần nhắc cho phép điều này để buộc mọi người phải đăng ký trước khi đọc hồ sơ của học sinh hay giáo viên. Sau đó, nếu hồ sơ giáo viên của bạn là một điểm bán hàng, bạn có thể thêm một phần về trang chủ cho 'giáo viên của chúng tôi'.

### **Sử dụng HTTPS cho đăng nhập**

Thiết lập này được tìm thấy dưới **Security | HTTP security**. Nếu bạn bật cài đặt này, nhưng máy chủ của bạn không có HTTPS được kích hoạt cho trang web của bạn, bạn sẽ bị khóa khỏi trang web của bạn. Moodle sẽ yêu cầu bạn phải sử dụng HTTPS khi bạn đăng nhập. Bạn phải đi vào cơ sở dữ liệu Moodle và thay đổi thiết lập này để **No**.

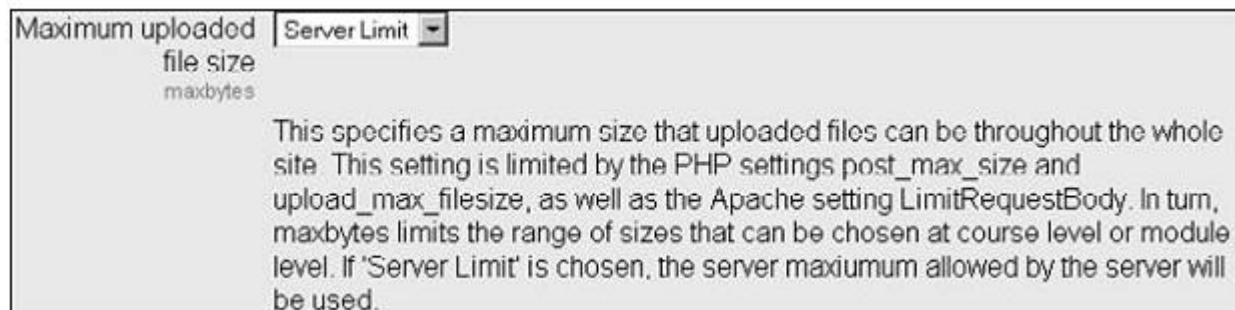
Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy một quản trị viên sử dụng sản phẩm dựa trên web phpMyAdmin, chỉnh sửa thiết lập này trong cơ sở dữ liệu của Moodle. Lưu ý rằng các thiết lập để đăng nhập thông qua HTTPS là trong bảng `mdl_config`. Các quản trị viên

nhấp vào biểu tượng chỉnh sửa. Nếu ô này chứa 0, HTTPS đăng nhập là không cần thiết. Nếu nó có chứa 1, HTTPS đăng nhập được yêu cầu. Nếu bạn đang bị khóa vì đăng nhập HTTPS, thay đổi nội dung của ô này là 0. Sau đó thử đăng nhập lại



## Kích thước tối đa khi Upload File

Dưới **Security | Site policies** của trang web, bạn sẽ tìm thấy một thiết lập để giới hạn kích thước của tập tin mà người sử dụng và người tạo khóa học có thể tải lên:



Thiết lập này ảnh hưởng đến các học sinh, giáo viên, và người tạo khóa học. Nếu bạn đang tạo ra một khóa học mà có một tập tin lớn, chẳng hạn như video, và Moodle cấm bạn tải lên các tập tin, thiết lập này có thể là nguyên nhân.

Như đã nêu trong các hướng dẫn trên trang web, có ba thiết lập khác nhau mà giới hạn kích thước của một tập tin có thể được tải lên trên máy chủ của bạn. Thứ nhất và thứ 2 là cài đặt PHP, và thứ ba là một thiết lập Apache. Để xem các thiết lập PHP trên máy chủ của bạn, đi đến **Site Administration | Server | PHP info** . Di chuyển xuống cho đến khi bạn nhìn thấy *post\_max\_size* và *upload\_max\_filesize*.

Thiết lập Apache, *LimitRequestBody*, cũng đặt ra một giới hạn về kích thước của tập tin tải lên. Sau đây là một trích Grom tài liệu chính thức của Apache 2:

Chỉ thị này quy định cụ thể số lượng các byte từ 0 (có nghĩa là không giới hạn) để 2147483647 (2GB) được cho phép trong một nội dung yêu cầu.

Các chỉ thị *LimitRequestBody* cho phép người dùng thiết lập một giới hạn về kích thước cho phép cho một yêu cầu HTTP cơ quan thông báo trong bối cảnh mà trong đó các chỉ đạo được đưa ra (máy chủ, mỗi thư mục, mỗi tập tin hoặc mỗi vị trí). Nếu yêu cầu của khách hàng vượt quá giới hạn đó, máy chủ sẽ trả về một phản ứng lỗi thay vì phục vụ yêu cầu. Kích thước của một nội dung thông điệp yêu cầu bình thường sẽ khác nhau rất nhiều tùy thuộc vào tính chất của tài nguyên, và các phương pháp cho phép trên tài nguyên đó. Kịch bản CGI thường sử dụng các cơ quan thông báo để lấy thông tin mẫu. Triển khai thực hiện của phương pháp ĐẶT sẽ đòi hỏi một giá trị ít nhất là lớn như bất kỳ đại diện cho các máy chủ muốn chấp nhận cho tài nguyên đó

### **Thay đổi giới hạn kích thước tập tin tải lên trong PHP**

Nếu bạn có máy chủ riêng của bạn, bạn có thể thay đổi các giá trị cho *post\_max\_size* và *upload\_max\_filesize* trong tập tin *php.ini*. Bạn thường sẽ thấy tập tin này trong */apache/bin*.

Nếu bạn đang sử dụng máy chủ của người khác (chẳng hạn như một dịch vụ lưu trữ), có thể bạn không thể thay đổi bất cứ điều gì trong *php.ini*. Cố gắng tạo ra một tập tin gọi là *.htaccess* có chứa những dòng này:

```
php_value post_max_size 128M
```

```
php_value upload_max_filesize 128M
```

Thay thế 128Mb Với bất kỳ giá trị mà bạn cần. Nếu thời gian máy chủ hiện ra trong khi tải lên các tập tin lớn, bạn có thể thêm các dòng sau vào *.htaccess*:

*php\_value max\_input\_time 600*

*php\_value max\_execution\_time 600*

Các biến `max_execution_time` và `max_input_time`, đặt thời gian tối đa cho phép của một trang để tải lên và xử lý các tập tin được tải lên. Nếu bạn muốn tải lên một vài megabyte dữ liệu, bạn có thể muốn tăng thiết lập này. Thời gian thực hiện được quy định trong mili giây (nghìn của một giây). Bạn có thể kiểm tra các thiết lập của máy chủ của bạn dưới **Site Administration | Server | PHP info**.

Sau đó, vào thư mục `.htaccess` mở các tập lệnh PHP mà bạn muốn chạy ra. Ví dụ, các tập lệnh để tải lên các tập tin trong thư mục `/ files`.

Dịch vụ lưu trữ của bạn có thể vô hiệu hóa `.htaccess`. Bạn sẽ cần phải yêu cầu dịch vụ lưu trữ của bạn để thay đổi các giá trị cho bạn

### **Thay đổi giới hạn về kích thước tải lên trong Apache**

Bạn cũng có thể sử dụng `.htaccess` để ghi đè lên các thiết lập PHP, bạn cũng có thể sử dụng nó để ghi đè cài đặt Apache. Ví dụ, đặt dòng này trong `.htaccess` thay đổi giới hạn trên các tập tin được tải lên đến 10MB:

*LimitRequestBody 10240000*

Lưu ý rằng các giới hạn được quy định trong byte mà không phải MB. Thiết lập nó để không làm cho các thiết lập không giới hạn. Số lượng cao nhất mà bạn có thể xác định là 2147483647, hoặc hai gigabyte.

### **Bộ lọc**

Bộ lọc của Moodle đọc văn bản và phương tiện truyền thông mà người dùng đặt trên trang web. Các bộ lọc sau đó có thể làm ba việc với tài liệu: **liên kết, giải thích và hạn chế**.

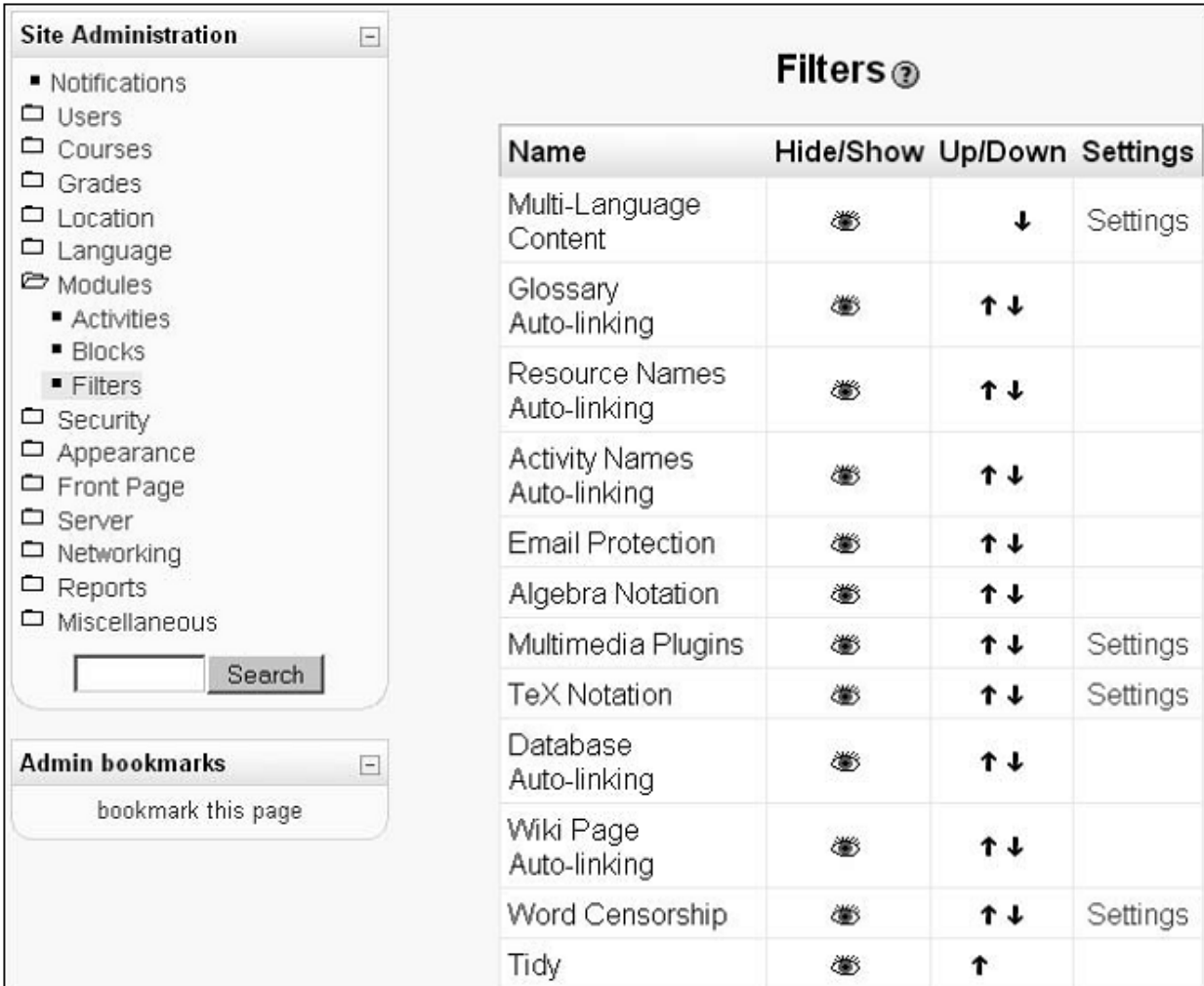
Đầu tiên, một bộ lọc có thể tự động liên kết các từ và cụm từ vào các mục trong trang web của bạn. Ví dụ, giả sử bạn tạo ra một thuật ngữ có chứa cụm từ "tự quyết". Nếu bạn kích hoạt thuật ngữ tự động liên kết bộ lọc, bất cứ khi nào cụm từ (tự quyết) xuất hiện trên trang web của bạn, nó sẽ được đánh dấu và sẽ liên kết với cụm thuật ngữ của nó. Khi một người đọc nhấp chuột vào cụm từ, người đọc được đưa đến mục chú giải.

Thứ hai, một bộ lọc có thể giải thích những gì bạn đã tải lên. Ví dụ, bạn có thể tải lên một tài liệu được viết bằng ngôn ngữ đánh dấu được gọi là TeX (thấy HTML trên steroid). Bộ

lọc Ký hiệu TeX sẽ giải thích tài liệu này, và cho phép Moodle để hiển thị một cách chính xác. Ngoài ra còn có một bộ lọc ký hiệu Đại số để giải thích một ngôn ngữ đánh dấu đặc biệt cho công thức toán học.

Thứ ba, một bộ lọc có thể giới hạn các loại nội dung mà người dùng có thể đặt trên trang web. Ví dụ, các bộ lọc kiểm duyệt Word có thể lọc ra một danh sách các "từ xấu" mà bạn không muốn xuất hiện trên trang web của bạn. Mỗi khi văn bản được tải lên hoặc nhập vào, nó được kiểm tra đối với danh sách các từ bị cấm.

Bạn sẽ tìm thấy các thiết lập bộ lọc dưới **Site Administration | Modules | Filters**. Đọc các mô tả sau đây để biết thông tin chi tiết về những gì mỗi bộ lọc có thể làm cho trang web của bạn.



Name	Hide/Show	Up/Down	Settings
Multi-Language Content		↓	Settings
Glossary Auto-linking		↑ ↓	
Resource Names Auto-linking		↑ ↓	
Activity Names Auto-linking		↑ ↓	
Email Protection		↑ ↓	
Algebra Notation		↑ ↓	
Multimedia Plugins		↑ ↓	Settings
TeX Notation		↑ ↓	Settings
Database Auto-linking		↑ ↓	
Wiki Page Auto-linking		↑ ↓	
Word Censorship		↑ ↓	Settings
Tidy		↑	

### Bộ lọc tự động liên kết

Các bộ lọc tự động liên kết tìm kiếm văn bản trên trang web của bạn, và tự động liên kết đến các mặt được đề cập trong văn bản. Ví dụ, bảng thuật ngữ tự động liên kết cho các cụm từ có trong bất kỳ bảng chú giải, và việc tìm kiếm chúng, liên kết chúng với các mục chú giải. Thuật ngữ này được đánh dấu, và khi người dùng nhấp vào đó, anh hoặc cô ta được đưa đến bảng thuật ngữ.

Tên nguồn tự động liên kết tìm kiếm khóa học cho các tên của tài nguyên khóa học. Khi nó tìm thấy tên của một nguồn tài nguyên, nó liên kết tên đến tài nguyên. Điều này có nghĩa rằng mỗi khi một học sinh thấy tên của một tài liệu, trang web, hoặc tài nguyên khóa học khác, học sinh chỉ cần click vào tên và được đưa đến tài nguyên. Tên hoạt động tự động liên kết hoạt động theo cách tương tự cho các hoạt động khóa học. Trang wiki tự động liên kết tạo ra một liên kết đến một trang wiki mỗi khi trang được đề cập trên trang web. Các mô-đun cơ sở dữ liệu cho phép các giáo viên và học sinh xây dựng màn hình hiển thị và tìm kiếm một cơ sở dữ liệu về bất kỳ chủ đề nào. Cơ sở dữ liệu tự động liên kết tạo ra một liên kết đến một mục trong cơ sở dữ liệu mỗi khi tên của mục đó xuất hiện trong văn bản

## **Bộ lọc toán học**

Ký hiệu đại số và ký hiệu TeX tìm kiếm các văn bản cho các ký tự đặc biệt được sử dụng để mô tả công thức toán học. Ví dụ, nếu bạn nhập vào  $\text{@ @ cosh}(x, 2) \text{ @ @}$ , bộ lọc ký hiệu đại số sẽ hiển thị nó như:

$$\cosh^2 ( )$$

Nếu bạn nhập  $\$ \$ \backslash Bigsum_{i = \{1\} ^ n \backslash 1} \$ \$$ , bộ lọc Ký hiệu TeX sẽ hiển thị nó như sau:

$$n-1$$

$$i=1$$

Ký hiệu đại số và ký hiệu TeX là ngôn ngữ đánh dấu tiêu chuẩn. Các <http://www.moodle.orgsite> chứa thêm thông tin về ký hiệu đại số. Để biết thêm thông tin về ký hiệu TeX, thấy những người sử dụng TeX Groupat [tug.org](http://tug.org). TeX là phát triển đầy đủ hơn so với ký hiệu đại số. Nếu bạn có ý định viết phương trình phức tạp, tôi đề nghị chọn các bộ lọc ký hiệu TeX hoạt động, và để lại các bộ lọc ký hiệu đại số không hoạt động.

## **Bộ lọc bảo vệ email**

Kích hoạt bộ lọc này làm cho công cụ tìm kiếm không thể đọc được địa chỉ email trên trang web. Nếu bạn đặt mở cửa cho Google là No, hoặc yêu cầu người dùng đăng nhập,



sau đó có thể bạn không cần phải lo lắng về công cụ tìm kiếm tự động chọn lên địa chỉ email học sinh của bạn. Nếu trang web của bạn được mở cửa cho công cụ tìm kiếm và người dùng vô danh, bạn có thể sử dụng bộ lọc này để bảo vệ địa chỉ email của người dùng.

### **Plug-in đa phương tiện**

Nếu bạn không hoạt động bộ lọc này, nội dung đa phương tiện sẽ thường phát trong một cửa sổ riêng biệt. Ví dụ, không có bộ lọc này, khi người dùng nhấp vào một video, video có thể mở và vui chơi trong một cửa sổ Windows Media Player hoặc RealPlayer riêng biệt. Bằng cách kích hoạt bộ lọc này, bạn nhúng đa phương tiện để nó chơi trên trang mà nó được liên kết.

### **Nội dung đa ngôn ngữ**

Trước đó, bạn có thể sử dụng menu hiển thị thiết lập ngôn ngữ để cung cấp cho người dùng của bạn một danh sách các ngôn ngữ cho trang web. Khi người dùng chọn một trong các thứ tiếng, chỉ có giao diện Moodle được dịch. Nội dung khóa học vẫn còn trong bất cứ ngôn ngữ mà bạn tạo ra nó. Nếu bạn muốn trang web của bạn được thực sự đa ngôn ngữ, bạn cũng có thể tạo ra nội dung khóa học trong nhiều ngôn ngữ. Kích hoạt các bộ lọc nội dung đa ngôn ngữ sau đó sẽ làm cho các tài liệu khóa học sẽ được hiển thị trong ngôn ngữ đã chọn. Để tạo ra nội dung khóa học trong nhiều ngôn ngữ, bạn phải gửi kèm theo văn bản nào trong mỗi ngôn ngữ trong một thẻ *<span>*, như thế này:

*<span lang="en">Basic Botany</span>*

*<span lang="es">Botánica Básica</span>*

Điều này đòi hỏi bạn viết tài liệu khóa học bằng HTML. Nó thực hiện cho tiêu đề, mô tả khóa học, tài liệu khóa học, và bất kỳ tài liệu HTML khác mà Moodle hiển thị.

### **Kiểm duyệt từ**

Khi bộ lọc này được kích hoạt, bất kỳ từ nào trong danh sách có tính xúc phạm được bôi đen. Bạn có thể nhập một danh sách các từ bị cấm để thiết lập cho bộ lọc này. Nếu bạn không nhập danh sách của riêng bạn, Moodle sẽ sử dụng một danh sách mặc định được tìm thấy trong các gói ngôn ngữ.

### **Gọn gàng**

Bộ lọc này kiểm tra HTML được viết hoặc tải lên Moodle, và cố gắng để 'gọn' nó bằng cách làm cho nó phù hợp với các tiêu chuẩn XHTML. Nếu đối tượng của bạn đang sử

dụng một loạt các trình duyệt (hoặc các phiên bản trình duyệt), hoặc một trình đọc màn hình cho người mù, tiêu chuẩn này làm cho trang web của bạn phù hợp với làm cho họ dễ dàng hơn để làm.

## Cấu hình trang chủ

Trang web của bạn chào đón toàn thế giới vào trang web học tập của bạn. Moodle xử lý trang chủ của bạn như là một khóa học đặc biệt. Bạn có thể làm tất cả mọi thứ trên trang chủ như làm trong một khóa học bình thường, cộng với một vài thiết lập bổ sung.

The screenshot shows the Moodle interface for the 'Wilderness Skills' course. At the top right, it indicates 'You are not logged in. (Login)' and shows the language set to 'English (en\_us)'. The main content area is divided into several sections:

- Main menu:** Includes links for 'About Wilderness Skills', 'How to Use this Site', and 'Enroll for a Course'.
- Calendar:** Displays a calendar for November 2007, with the 10th highlighted.
- Upcoming Events:** States 'There are no upcoming events' and provides links to 'Go to calendar...' and 'New Event...'.
- Desert Plants Course Added:** Announces a new course, 'Basic Botany for Foragers', and includes a checkbox for 'Win a Prize: Test Your Wilderness Knowledge'.
- Available Courses:** Lists 'Free Courses' (Free Wild Pictures, Wilderness Skills Discussions, FREE COURSE: Basic Botany for Foragers) and 'Wild Plants' (A Walk on the Beach, By the Water's Edge).
- Welcome message:** A large text block on the right welcomes users and describes the site's focus on primitive living/survival skills.
- Login:** A form at the bottom right for logging in, with fields for 'Username: admin' and 'Password:'.

## Sử dụng mục này như thế nào

Vào đầu quá trình xây dựng trang web của bạn, bạn có thể làm cho một số quyết định trang chủ của bạn về kiểu dáng và chức năng. Phần này đề cập các thiết lập đó có ý nghĩa để chọn khi bạn đang xây dựng trang web lần đầu tiên của bạn. Một số cài đặt cấu hình trên trang chủ sẽ không có ý nghĩa cho đến khi bạn đã tạo ra một số khóa học, và nhìn

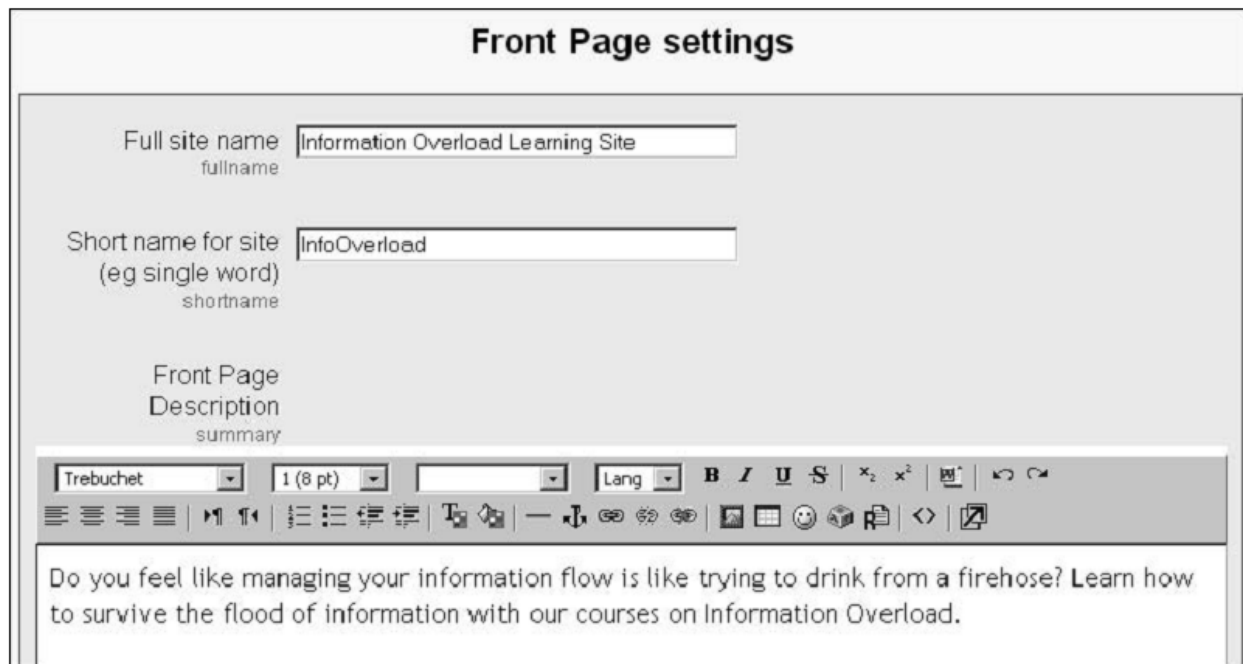
thấy cách Moodle hoạt động. Bạn sẽ tìm thấy các thiết lập trong chương trên chào đón học sinh của bạn.

Nếu bạn đã tạo các khóa học cho trang web của bạn, hãy xem xét làm việc theo cách của bạn thông qua phần này, và sau đó làm việc thông qua chương chào đón học sinh của bạn. Cả hai sẽ cung cấp cho bạn một quá trình khá hoàn chỉnh cho cấu hình trang chủ của trang web của bạn.

## Trang thiết lập trang chủ

Các cài đặt cho các trang chủ của trang web của bạn được tìm thấy dưới: **Site Administration** |

### Front Page | Front Page settings



**Front Page settings**

Full site name  
fullname

Short name for site  
(eg single word)  
shortname

Front Page  
Description  
summary

Trebuchet 1 (8 pt) Lang B I U S x<sub>2</sub> x<sup>2</sup> | [link] [unlink] [list] [ul] [ol] [table] [img] [media] [undo] [redo]

Do you feel like managing your information flow is like trying to drink from a firehose? Learn how to survive the flood of information with our courses on Information Overload.

## Tên đầy đủ của trang web

Tên miền trang web sẽ xuất hiện ở trên cùng của trang chủ trong thanh tiêu đề của trình duyệt, và cũng trong tab trang trong khi duyệt web với các tab:



Tên miền trang web cũng xuất hiện trong siêu dữ liệu cho các trang chủ. Dưới đây là vài dòng đầu tiên của mã HTML từ trang chủ của tôi. Dòng có chứa tên miền trang web được in đậm:

```
<html dir="ltr">
```

```
<head>
```

```
<meta http-equiv="content-type" content="text/html; charset=iso-8859-1" />
```

```
<style type="text/css">@import url(http://moodle.williamrice.com/lib/  
editor/htmlarea.css);</style>
```

```
<meta name="description" content="Welcome to the Wilderness Skills site. If you have  
an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers  
courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building,  
firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills. The first course,  
Basic Botany for Foragers, is free. It covers the terms and concepts you need to know to  
understand most field guides and to talk about wild plants. Try the free course, and if you  
like it, you can join us for other courses for a low fee.">
```

```
<title>Wilderness Skills</title>
```

```
<meta name="keywords" content="moodle, Wilderness Skills" />
```

### Tên viết tắt cho trang web

Khi một người thuê sử dụng trang Moodle của bạn, một điều hướng được hiển thị ở phía trên cùng của mỗi trang. Điều này cho thấy người sử dụng đang ở trong trang web. Mục đầu tiên trong dòng điều hướng là tên tắt của trang web:

## Guest Course

wildskills » CF101

### Mô tả trang chủ

Mô tả này sẽ xuất hiện ở cột bên trái hoặc bên phải của trang chủ trang web của bạn. Nếu bạn yêu cầu khách đăng ký và đăng nhập trước khi nhìn thấy những trang chủ, hãy nhớ rằng du khách sẽ thấy mô tả này sau khi họ đã đăng nhập. Nó có thể hướng dẫn học sinh làm thế nào để bắt đầu với trang web của bạn. Ví dụ, "Hãy giới thiệu khóa học để học cách sử dụng trang web này ..."

Nếu trang chủ của bạn được hiển thị cho tất cả du khách, sau đó bạn có thể sử dụng mô tả này để bán trang web của bạn, cảm dỗ du khách đến tham gia một khóa mẫu, nói cho họ biết những gì bên trong. Ngoài ra, mô tả này sẽ xuất hiện trong siêu dữ liệu của trang đầu tiên. Ví dụ, tôi sử dụng chức năng hiển thị mã nguồn của trình duyệt để hiển thị các mã HTML cho trang chủ của trang web. Tôi đã mô tả đậm, vì vậy nó dễ dàng hơn để bạn có thể phát hiện nó:

```
<html dir="ltr">
```

```
<head>
```

```
<meta http-equiv="content-type" content="text/html; charset=iso-8859-1" />
```

```
<style type="text/css">@import url(http://moodle.williamrice.com/lib/  
editor/htmlarea.css);</style>
```

```
<meta name="description" content="Welcome to the Wilderness Skills site. If you have  
an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers  
courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building,  
firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills. The first course,  
Basic Botany for Foragers, is free. It covers the terms and concepts you need to know  
to understand most field guides and to talk about wild plants. Try the free course, and  
if you like it, you can join us for other courses for a low fee.">
```

```
<title>Wilderness Skills</title>
```

```
<meta name="keywords" content="moodle, Wilderness Skills " />
```

Các siêu dữ liệu của một trang được sử dụng bởi các công cụ tìm kiếm để giúp đặt nó trong kết quả tìm kiếm chính xác. Vì vậy, ngay cả khi bạn quyết định để ẩn các hộp hiển thị mô tả trang chủ, nhập mô tả vào các thiết lập trang chủ. Nó sẽ làm cho trang web của bạn dễ tìm thấy hơn trên công cụ tìm kiếm.

## Danh mục trang chủ

Hai thiết lập xác định xem cột trung tâm của trang chủ hiển thị các tin tức, một danh sách các khóa học, hoặc một danh sách các loại khóa học. Các thiết lập trang chủ và danh mục khi đăng nhập:



Lưu ý rằng các thiết lập trang chủ áp dụng cho du khách chưa đăng nhập. Trong ví dụ trước, tôi muốn lôi kéo du khách với một danh sách các khóa học mà tôi cung cấp. Tuy nhiên, trang web tin tức có lẽ sẽ không thể quan tâm đến du khách vô danh, trang web tin tức chỉ cho người dùng đăng nhập. Mỗi sự lựa chọn có lợi thế độc đáo của nó.

## Sử dụng một phần của chủ đề trên trang chủ

Hãy nhớ rằng các mô tả trang chủ luôn xuất hiện ở cột bên trái hoặc bên phải của trang chủ. Nó không xuất hiện trong cột trung tâm. Nếu bạn muốn mô tả trang web của bạn (ví dụ, Chào mừng đến với ...) hàng đầu và trung tâm, bạn sẽ cần cho luôn luôn xuất hiện ở trung tâm của trang chủ của bạn:

**Information Overload Learning Site** You are not logged in. (Login)

English (en) ▾

---

**Main Menu** ▾

- Site news

Do you feel like managing your information flow is like trying to drink from a firehose? Learn how to survive the flood of information with our courses on Information Overload.

**Calendar** ▾

◀ November 2007 ▶

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

---

**Site news**

(No news has been posted yet)

**Course categories**

- 🔍 **To-do Lists that Get Done**
- 🔍 **Managing Email**  
Processing Your Inbox ❗
- Email Subjects that Make Sense ❗
- 🔍 **Meetings that Work**

---

Search courses:

Bạn có thể làm cho trang web của bạn mô tả chủ đề đầu tiên. Trong ví dụ này, tôi bật trang chủ để mô tả. Tôi đang sử dụng chủ đề đầu tiên để thay thế giới thiệu trang web của tôi. Đặt mô tả trang web của tôi ở trên và trung tâm, nơi mà tôi nghĩ rằng đó là đáng chú ý nhất.

### Hiển thị các mục tin tức

Thiết lập này là hữu ích nếu nội dung của trang web của bạn thay đổi thường xuyên, và bạn muốn giữ thông tin cho khách truy cập. Nếu một trong những mục đích chính của trang chủ của bạn được phục vụ khách hàng lặp lại, hiển thị các mục tin tức trên trang chủ là một ý tưởng tốt:



Lưu ý rằng thay vì sử dụng thiết lập hiển thị danh sách các khóa học ở giữa của trang chủ, tôi đang sử dụng một khối để hiển thị danh mục khóa học của tôi ở phía bên trái của trang. Tôi làm điều này vì tôi muốn giữ cho trang web cả 2 danh mục tin tức và khóa học ở phần trên cùng của trang, để cho du khách của tôi không cần phải di chuyển để xem chúng.

### **Cho thấy một danh sách các khóa học**

Trong ví dụ sau, trang chủ là hiển thị cả hai trang web tin tức và một danh sách combo. Danh sách kết hợp bao gồm các loại khóa học:



**Wilderness Skills** English (en\_us)  Login

**Main menu**

- About Wilderness Skills
- How to Use this Site
- Enroll for a Course

**Desert Plants Course Added**

A new course has been added to our Wild Plants section. After taking our free course, *Basic Botany for Foragers*, you're ready to learn about the plants found in some of the harshest places on Earth.

**Available Courses**

- Free Courses**
  - FREE COURSE: Basic Botany for Foragers
- Wild Plants**
  - A Walk on the Beach
  - By the Water's Edge
  - Desert Plants
- Tracking and Animal Observation**
  - Tracking Basics

**Welcome to the Wilderness Skills site.** If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills.

The first course, *Basic Botany for Foragers*, is free. It covers the terms and concepts you need to know to understand most field guides and to talk about wild plants. Try the free course, and if you

Cũng lưu ý rằng tôi đã thêm một Menu chính ở cột bên trái, liên kết với chi tiết thông tin về các trang web, làm thế nào để sử dụng nó, và các trang đăng ký / thanh toán. Thông điệp chào mừng trong cột bên phải và các liên kết đến thông tin chi tiết về trang web ở cột bên trái phục vụ du khách mới của tôi. Các thông báo thêm vào khóa học thực vật sa mạc và các khóa học có sẵn trong trung tâm phục vụ khách hàng hiện tại của tôi. Thách thức ở đây bao gồm các tài liệu trên trang chủ sẽ phục vụ cho cả khách hàng mới và hiện có, mà không làm cho nó quá nhiều và đông đúc.

Chú ý biểu tượng  bên cạnh mỗi khóa học. Bấm vào nút này cung cấp cho người truy cập một mô tả của khóa học. Nếu bạn muốn khuyến khích du khách để làm điều này, bạn có thể chèn một nhãn giữa các thông báo, trong đó nói rằng một cái gì đó như một mô tả ngắn về mỗi khóa học, click  vào bên cạnh nó.

Hạn chế sử dụng hiện một danh sách các khóa học vì danh sách khóa học có trở nên rất dài. Bạn phải quyết định bao nhiêu khả năng truy cập để di chuyển và duyệt qua một danh sách dài của các khóa học

**Sao lưu**

Bạn sẽ tìm thấy các thiết lập sao lưu dưới **Site Administration | Courses | Backups..** Hầu hết các thiết lập này cho phép bạn chọn kiểu dữ liệu được sao lưu. Bạn cũng có thể chọn những ngày trong tuần mà trên đó các bản sao lưu sẽ tự động chạy. Sao lưu dự phòng được kích hoạt bởi các định kỳ công việc.

Các bản sao lưu được lưu trữ trong định dạng nén hoặc ZIP. Dưới trang **Site Administration**

| **Server | System paths**, bạn cho biết dịch vụ lưu trữ của bạn có một chương trình zip, Moodle nên sử dụng riêng chương trình zip của mình. Nếu bạn kích hoạt tự động sao lưu, và Moodle phải được xây dựng trong chương trình zip của nó trong các bản sao lưu, bạn có thể thấy sao lưu thất bại do thiếu bộ nhớ. Nếu bạn có ý định sử dụng các tính năng sao lưu nhiều hơn một số ít các khóa học, đảm bảo rằng dịch vụ lưu trữ của bạn cung cấp một chương trình zip trên máy chủ của họ. Chạy ra khỏi bộ nhớ, trong khi sao lưu các khóa học lớn hoặc các trang web lớn, là một trong những nguyên nhân phổ biến nhất gây tai nạn trong Moodle.

### **Thiết lập các công việc định kỳ**

Một số chức năng của Moodle xảy ra thường xuyên, lịch trình theo thời gian. Ví dụ dễ thấy nhất là gửi thư ra thông báo cho các thuê bao của một diễn đàn nói rằng một tin nhắn mới đã được đăng. Một kịch bản được gọi là cron.php định kỳ kiểm tra xem tin nhắn mới đã được đăng lên diễn đàn. Tập lệnh tạo ra các thông báo được gửi đến các thành viên của diễn đàn đó.

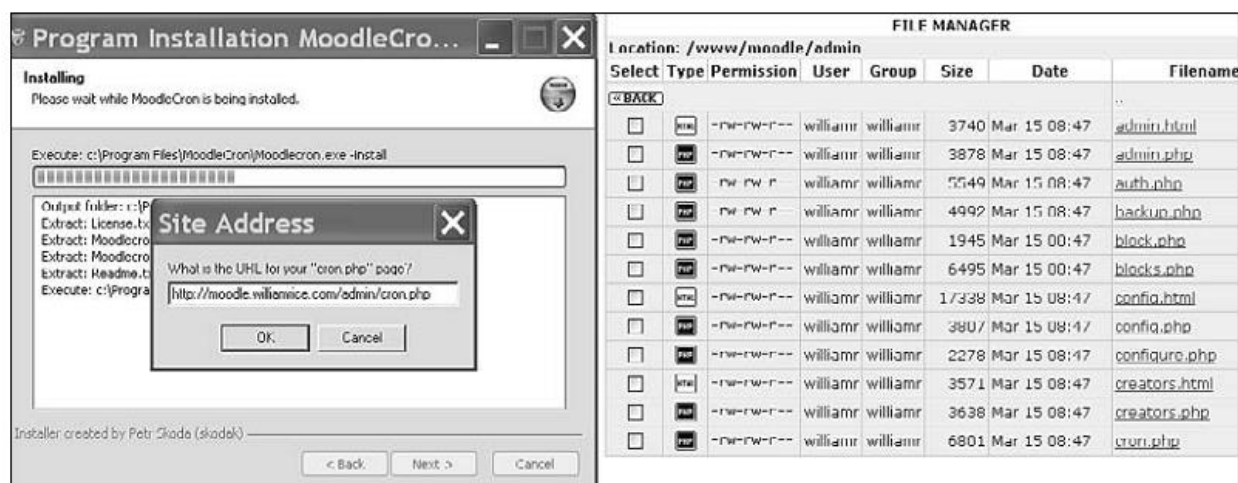
Các tập lệnh trong cron.php phải được kích hoạt đều đặn. Bạn có thể thiết lập khoảng tin cậy. Cơ chế kích hoạt các tập lệnh là một công việc định kỳ. Hướng dẫn cho việc thiết lập các công việc định kỳ trong <http://moodle.org/installation>.

Một số dịch vụ lưu trữ web cho phép bạn thiết lập công việc cron. Nếu bạn mua dịch vụ lưu trữ, tìm kiếm một máy chủ mà cho phép bạn thiết lập một công việc định kỳ để chạy mỗi giờ, hoặc thậm chí mỗi vài phút. Một số dịch vụ lưu trữ cho phép bạn chạy một công việc định kỳ chỉ một lần một ngày. Điều này có nghĩa rằng Moodle sẽ thực hiện những chức năng phụ thuộc vào cron.php chỉ một lần một ngày.

Nếu bạn đã được cho không gian trên máy chủ web của công ty hoặc trường học, nói chuyện với người quản trị hệ thống về việc thiết lập công việc định kỳ. Cron.php của Moodle sử dụng rất ít bộ nhớ và ít tài nguyên hệ thống. Hầu hết các máy chủ có thể chạy nó trong 15 phút mà không ảnh hưởng hiệu suất của máy chủ.

Nếu bạn không thể thiết lập công việc định kỳ trên máy chủ của bạn, thì lựa chọn khác của bạn là thiết lập công việc định kỳ trên một máy tính Windows mà bạn kiểm soát. Công việc định kỳ sẽ tiếp cận qua Internet để trang Moodle của bạn kích hoạt các tập lệnh cron.php. Một lần nữa, hướng dẫn cho điều này có sẵn trong <http://moodle.org/installation>. Tuy nhiên, nếu bạn chọn tùy chọn này, bạn phải luôn luôn giữ cho rằng máy tính Windows chạy, và nó cũng phải được kết nối với Internet mọi lúc mọi nơi. Nếu máy tính Windows đi xuống hoặc offline, chức năng Moodle yêu cầu kích hoạt định kỳ cũng sẽ đi xuống.

Sau đây là một ảnh chụp màn hình minh họa quá trình cài đặt của ứng dụng MoodleCron, nơi mà tôi xác định vị trí của tập lệnh cron.php. Trong ví dụ này, bạn sẽ nhìn thấy dòng **Location: /www/moodle/admin**, tương ứng trên máy chủ của tôi [www.moodle.williamrice.com/admin](http://www.moodle.williamrice.com/admin). Thư mục *Moodle / admin* chứa *cron.php*.



## Tổng kết

Chương này sẽ cho bạn biết làm thế nào để thay đổi cấu hình của trang web. Tôi đã đề cập đến các thiết lập, bạn có nhiều khả năng thay đổi. Rất nhiều các thiết lập này ảnh hưởng đến hành vi của toàn bộ trang web. Lần đầu tiên, bạn không cần phải có được những sự lựa chọn hoàn hảo, bởi vì bạn có thể trở lại cài đặt và chỉnh sửa chúng theo ý thích. Khi bạn tiến hành xây dựng trang web của bạn, có thể bạn sẽ muốn thử nghiệm với một trong số chúng.

## CHƯƠNG 4: TẠO CATEGORY VÀ COURSES

Chương sẽ tập trung vào việc giúp bạn thấy được sự khác nhau giữa category và courses. Mặc dù Moodle đã được tạo ra và thể hiện theo ý của bạn, nhưng bạn hoàn toàn có thể chỉnh sửa và thay đổi chúng.

Các phần sau đây sẽ giúp các bạn tạo và tổ chức các danh mục, nó cũng sẽ giúp bạn làm thế nào để đưa vào khóa học của mình nhiều danh mục.

### Sử dụng khóa học và trải nghiệm của người dùng

Mỗi khóa học của Moodle đều thuộc một danh mục các khóa học. Khi một học sinh lựa chọn một khóa học, đầu tiên họ phải chọn một thể loại. Trong ví dụ tiếp theo người học sẽ chọn việc theo dõi và quan sát động vật từ trang chủ và chọn một khóa học từ danh mục đó



Danh sách các danh mục của khóa học sẽ được xổ xuống, cho phép người học xem các thể loại khác. Điển hình của moodle đó chính là cho phép người học chuyển đến một phần khác của trang web khác mà không cần quay lại trang chủ.

Danh mục là một cách tổ chức các trang mở rộng trong khóa học của bạn, bạn cũng có thể tạo ra các danh mục con. Các danh mục và danh mục con sẽ tạo thành một khóa học trực tuyến.

### Tạo danh mục khóa học

Để tạo các khóa học bạn vào Site administration-> Courses-> Add/edit courses. Sau đó đăng nhập với quyền permission để tạo khóa học và các danh mục. Cách nhanh nhất

để đến với màn hình này là chọn All courses tại khối khóa học



Nếu bạn có đủ quyền trong hệ thống thì bạn có thể sử dụng một trong hai cách để có thể tiếp cận trang của mình. Trong trang này bạn có thể tạo các danh mục mới và các khóa học. Bạn cũng có thể sắp xếp thứ tự các danh mục được hiển thị.

Course categories	Courses	Edit	Move category to:
To-do Lists that Get Done	0	X * ↓	Top
Managing Email	2	X * ↑ ↓	Top
Meetings that Work	0	X * ↑	Top

### Tổ chức danh mục khóa học

Để di chuyển một khóa học lên hoặc xuống bạn bấm vào dấu mũi tên ↑ hoặc ↓ ở cột edit. Để ẩn một khóa học trong khi đang làm việc trên đó click vào biểu tượng con mắt mở . Con mắt sẽ đóng lại điều đó có nghĩa là danh mục đã ẩn đối với dùng. Để xóa một danh mục bạn nhấp vào dấu thập .

Bạn có thể sử dụng các danh mục con trong moodle. Trong trang tiếp theo Inbox Zero được thêm vào danh mục con của Managing Email

Course categories: Managing Email

### Description

Feeling overwhelmed by a flood of email? These course help you to deal with the influx. We'll also show you how to make your email stand out for others, and get the results you want from the messages that you send.

**Add a sub-category**

Category name\*

Description

Trebuchet 1 (0 pt) Lang

This series of courses helps you achieve the seemingly impossible: reduce your inbox to zero at the end of every day.

Path:

There are required fields in this form marked\*.

Courses	Edit	Select
Processing Your Inbox		<input type="checkbox"/>
Email Subjects that Make Sense		<input type="checkbox"/>

Managing Email

Search courses:

## Đưa khóa học vào nhiều danh mục

Hạn chế của moodle đó chính là bạn chỉ có thể đặt một khóa học vào chỉ trong một danh mục. Trong một số trường hợp có thể là bạn muốn đặt khóa học của mình vào nhiều danh mục. Bạn có một số tùy chọn:

Bạn có thể từ bỏ việc sử dụng các category, liên kết trực tiếp đến các khóa học. Trong chương 4 này bạn sẽ thấy được làm thế nào để thêm các nhãn và liên kết đến các trang chủ. Bạn có thể sử dụng các nhãn (label) như các danh mục (category) của bạn và đặt liên kết dưới các nhãn.

Bạn có thể tạo các khóa học trong một danh mục và sau đó tạo một khóa học tên giống nhau trong danh mục thứ hai. Tuy nhiên bạn chỉ có thể đặt một Javascript vào danh mục thứ 2. Bạn có thể tìm kiếm trên Web một đoạn javascript miễn phí hoặc từ <http://javascriptkit.com/>

```
<form name="redirect">
```

```
<center>
```

```
<font face="Arial"><b>You will be redirected to the script in<br><br>
```

```
</form>
```

```

<input type="text" size="3" name="redirect2">
</form>
seconds</b></font>
</center>
<script>
<!--
/*
Count down then redirect script
By JavaScript Kit (http://javascriptkit.com)
Over 400+ free scripts here!
*/
//change below target URL to your own
var targetURL="http://javascriptkit.com"
//change the second to start counting down from
var countdownfrom=10
var currentsecond=document.redirect.redirect2.value=countdownfrom+1
function countredirect(){
if (currentsecond!=1){
currentsecond-=1
document.redirect.redirect2.value=currentsecond
}
else{
window.location=targetURL
return
}
}

```

```

setTimeout("countredirect()",1000)

}

countredirect()

//-->

</script>

```

## Tạo khóa học

Bạn đừng lo lắng nếu như khóa học của bạn đưa nhầm vào một danh mục. Trong phần Course Settings page người quản trị có thể thay đổi danh mục

1. Chọn Site Administration-> Courses-> Add/Edit courses
2. Chọn danh mục đang chứa khóa học
3. Di chuyển đến cuối trang, nơi mà khóa học được liệt kê
4. Nhấp vào hộp thoại kế bên khóa học có danh mục bạn muốn thay đổi.
5. Từ danh sách xổ xuống chọn danh mục mới cho khóa học



6. Sau khi chọn danh mục từ danh sách xổ xuống, khóa học của bạn ngay lập tức được di chuyển

## Thiết lập trang

Khi bạn tạo một khóa học, bạn phải điền các thông tin vào **Course Settings Page** một trong các trường này là để giải thích. Một trong số đó Format và chế độ Group có ảnh hưởng sâu sắc đến người dùng. Bạn có thể quay lại trang này và thay đổi các thiết lập của khóa học. Khóa học và cấu trúc của nó sẽ được cập nhật lại ngay sau khi bạn lưu chúng

## Category( danh mục)



Nếu bạn đã chọn một thể loại khóa học và sau đó tạo ra khóa học bạn sẽ thấy các category hiển thị trong trường này. Bạn có thể sử dụng danh sách xổ xuống để thay đổi category bất cứ lúc nào. Danh sách này cho bạn thấy cả những category ẩn và category có thể nhìn thấy. Ví dụ như trang web của bạn phát triển, bạn thêm các chuyên mục vào, bạn hoàn toàn có thể tổ chức lại trang web của mình. Tuy nhiên nếu người học đăng nhập vào lúc bạn đang chỉnh sửa thì rất dễ gây nhầm lẫn.

Bạn có thể tăng tốc độ thời gian tổ chức bằng cách ẩn các category khi bạn tạo ra chúng. Điều này cho phép bạn dành thời gian để suy nghĩ về các category đang sử dụng. Sau đó di chuyển khóa học vào category. Mỗi khóa học sẽ

### **Full name và Short name( tên đầy đủ và tên viết tắt):**

Tên đầy đủ của một khóa học sẽ xuất hiện trên cùng của trang khi xem khóa học và cũng có trong danh sách khóa học và cho người dùng biết khóa học họ sẽ tham gia. Short name xuất hiện trong đường dẫn, phía trên cùng của một trang. Trong ví dụ này thì full name là Basic Botany for Foragers và short name là Wild Plants 1.

Full name cũng xuất hiện ở tiêu đề trang. Đoạn mã HTML cho ví dụ trên

```
<title>Course: FREE COURSE: Basic Botany for Foragers</title>
```

```
<meta name="keywords" content="moodle, Course: FREE COURSE: Basic Botany for Foragers " />
```

### **Course ID Number( ID khóa học)**

Chương 2 nói về cách sử dụng một cơ sở dữ liệu bên ngoài để nhập thông tin. Số ID mà bạn nhập vào phải phù hợp với ID của khóa học trong cơ sở dữ liệu bên ngoài. Nếu bạn không sử dụng cơ sở dữ liệu bên ngoài, bạn có thể để trống trường này.

### **Summary (tóm tắt)**

Tóm tắt sẽ hiển thị khi người đọc nhấp chuột vào biểu tượng thông tin và khi khóa học xuất hiện trong danh sách. Trong hình bên dưới khóa học được liệt kê trong trang chủ của trang web, người truy cập nhấp vào biểu tượng thông tin một cửa sổ pop-up hiển thị tóm tắt của khóa học



Nếu bạn cho người truy cập đến xem trang chủ mà không cần đăng nhập, thì họ có thể đọc bản tóm tắt của bạn trước khi ghi danh. Xem tóm tắt hồ sơ của khóa học. Bản tóm tắt của bạn phải cung cấp đủ thông tin, mô tả khóa học để giúp khách quyết định có ghi danh không.

### **Format( định dạng)**

Bạn có thể định dạng khóa học của mình theo:

Topic (Chủ đề)

Weekly(Tuần\_ định dạng cho một khóa học mới)

Social(Hay theo xã hội)

### **Topic format (Định dạng chủ đề)**

Định dạng theo topic là định dạng trực quan nhất vì nó hiển thị ra mỗi phần của khóa học như một chủ đề và được đánh số, theo một cách tuần tự. Tuy nhiên người học cũng có thể nhảy về phía trước, hoặc sau trong khóa học.

Topic outline

## Welcome



Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you.

Welcome to *Basic Botany for Foragers*. This course introduces you to foraging. Foraging is identifying, gathering, and using wild plants for food, medicine, and tools.

Before continuing, it is very important that you read and understand the following warning: **Eat only those plants you can positively identify and that you know are safe to eat. Identify and collect wild plants only under the guidance of an experienced forager. This course is an excellent preparation for learning to identify plants under the guidance of an expert, but is not a substitute. You should learn under someone qualified and experienced in the collection of wild plants in your area. Common sense dictates that if you have any doubt as to a plant's safety, don't eat it.**

To learn more about this course, select [Course Goals and Outline](#) below. To meet your fellow foragers, join the [Course Discussion](#). To jump into the course, just select a lesson.

 [Course Goals and Outline](#)  
 [Course Discussion](#)

---

1 **Types of Plants**

Identifying the basic types of plants: woody, herbaceous, and succulents.

---

2 **Life Cycles of Plants**

Like all living things, plants have a life cycle. This lesson covers the different types of life cycles found in the plant world.

---

3 **Leaves**

Leaves are one of the most important identifying features of a plant. This section covers many of the terms used in field guides and botany texts.

---

4 **Flowers**

Along with leaves, flowers are the most important identifying feature. This section covers flower parts and terminology used to describe

Mỗi khóa học có chủ đề 0. Trong ví dụ này chủ đề 0 là Welcome. Và chủ đề từ 1-7 là dành cho bài học.

### Weekly format (Định dạng theo tuần)

Định dạng theo tuần nó gần giống như định dạng theo chủ đề, ngoại trừ việc nó hiển thị ngày tháng cho mỗi chủ đề. Moodle không tự động thực thi, không bật và tắt nội dung mà người giáo viên phải làm điều đó

**Weekly outline**

## Welcome

**Course Summary**

This course covers the terms and concepts you need to understand most wild plant field guides. It also introduces you to some of the most common and useful wild edible plants in North America. Try this course for free, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.

**Course Description**

Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you.

To learn more about this course, select *Course Goals and Outline* below. To meet your fellow foragers, join the *Course Discussion*. To jump into the course, just select a lesson.

- Course Goals and Outline
- Wild Plants Chat Room

---

7 May - 11 May

### Types of Plants

Identifying the basic types of plants: woody, herbaceous, and succulents.

- Types of Plants
- What kind of plant is it?

---

9 May - 15 May

### Life Cycles of Plants

Like all living things, plants have a life cycle. This lesson covers the different types of life cycles found in the plant world.

- Life Cycles of Plants

---

16 May - 22 May

### Leaves

Leaves are one of the most important identifying features of a plant. This section covers many of the terms used in field guides and botany texts.

- Leaf Types and Shapes

Trong ví dụ dưới đây, chúng tôi định dạng theo từng tuần, và ẩn các tuần trong tương lai. Chỉ hiện thị tuần hiện hành, và ở đây chúng tôi chọn ẩn tuần, thay vì làm chúng biến mất hoàn toàn. Người học có thể truy cập vào các tuần đã mở, và xem xem còn bao nhiêu tuần trong khóa học này.

**Weekly outline**

## Welcome

### Course Summary

This course covers the terms and concepts you need to understand most wild plant field guides. It also introduces you to some of the most common and useful wild edible plants in North America. Try this course for free, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.

### Course Description

Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you.

To learn more about this course, select [Course Goals and Outline](#) below. To meet your fellow foragers, join the [Course Discussion](#). To jump into the course, just select a lesson.

- [Course Goals and Outline](#)
- [Wild Plants Chat Room](#)

2 May - 8 May

## Types of Plants

Identifying the basic types of plants: woody, herbaceous, and succulents.

- [Types of Plants](#)
- [What kind of plant is it?](#)

0 May - 15 May (Not available)

16 May - 22 May (Not available)

23 May - 29 May (Not available)

30 May - 5 June (Not available)

6 June - 12 June (Not available)


13 June - 19 June (Not available)

## Định dạng theo kiểu Social

Định dạng này biến toàn khóa học thành kiểu diễn đàn thảo luận. Chủ đề thảo luận được hiển thị trên trang chủ của khóa học. Trả lời topic bằng cách nhấp vào **Discuss this topic**.

Social forum - latest topics Subscribe to this forum

Add a new discussion topic...

 **Welcome**  
by William Rice - Wednesday, May 11 2005, 01:52 AM

Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

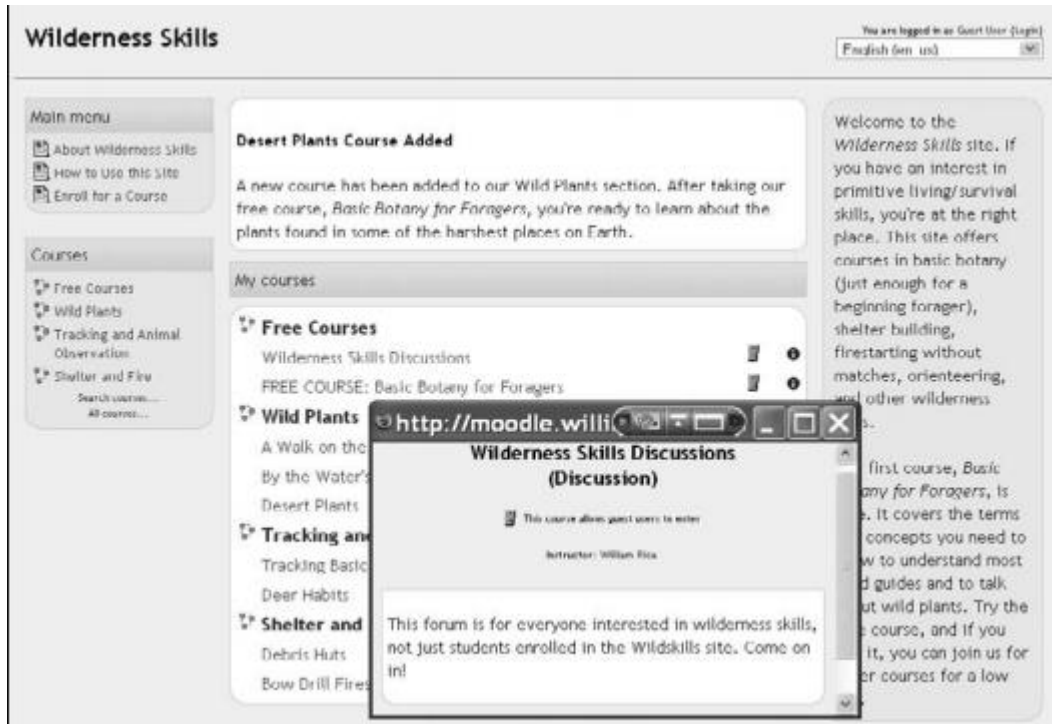
If so, this course is for you.

[Discuss this topic](#) (0 replies so far)

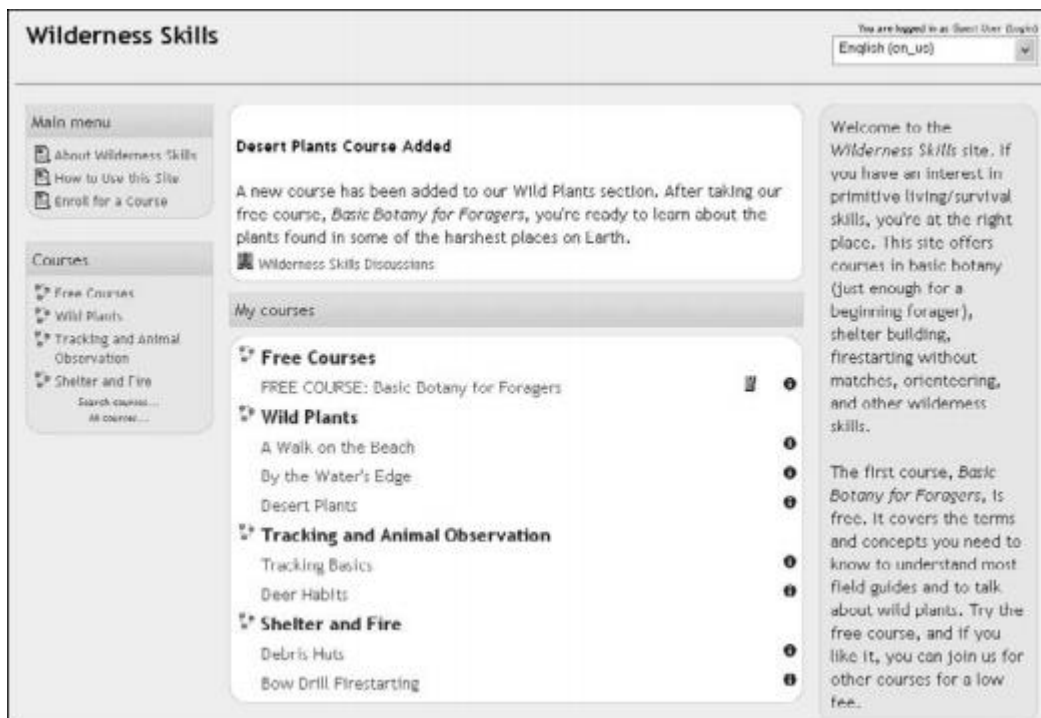
Một trong những thiết lập sẵn cho các diễn đàn là cho phép bạn ngăn chặn người học tạo chủ đề mới, do đó họ chỉ có thể gửi trả lời cho chủ đề hiện có. Theo mặc định, chỉ có người quản trị hoặc giáo viên mới có thể tạo chủ đề mới và nó sẽ xuất hiện trên

trang chủ của khóa học. Người học thảo luận các chủ đề này bằng cách thêm vào các trả lời của họ. Điều này cho phép bạn kiểm soát các cuộc thảo luận tốt hơn bằng cách ngăn chặn việc tạo ra quá nhiều chủ đề. Sau đây chúng ta sẽ thảo luận làm thế nào để chỉnh sửa vai trò để sinh viên có thể tạo chủ đề mới.

Định dạng theo Social khác nhau từ một khóa học tuần tự truyền thống. nó thiếu tổ chức và khả năng bổ sung các hoạt động và nguồn lực. Tuy nhiên, bởi vì định dạng Social nên toàn bộ khóa học trở thành một diễn đàn thảo luận



Thay vì sử dụng một khóa học theo Social cho trang mở rộng của diễn đàn thảo luận, chúng ta chỉ cần thêm một diễn đàn thảo luận cho trang chủ của trang web:



## Số topic/ weeks

Bạn có thể thay đổi số số topic hoặc số tuần trong khóa học. Nếu bạn tăng số lượng lên, các wee/topic trôgns được thêm vào. Nếu bạn giảm số lượng đi thì số tuần(week)/topic sẽ bị xóa.

Khi bạn xóa một phần nào đó của khóa học, phần nội dung đó nó không thực sự bị xóa.Nó chỉ không hiển thị, ngay cả với giáo viên.Nếu bạn tăng số lượng lên nhữn phần đó lại được thêm lại vào khóa học.

Chú ý rằng việc này khác với ẩn week/topic với học sinh.Khi bạn ẩn một phần nào đó với học sinh thì giáo viên vẫn cso thể nhìn thấy, nhưng khi một phần bị biến mất bởi số week/topic trong khóa học giảm xuống, thì nó sẽ ẩn với tất cả mọi nười, kể cả giáo viên. Cách duy nhất để đưa nó trở lại khóa học là tặng lại số week/topic trong khóa học.

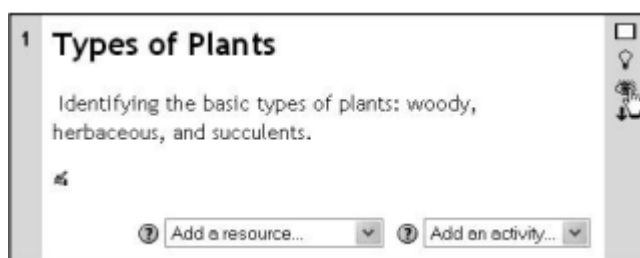
## Course Start Date (ngày bắt đầu khóa học)

Trong khóa học, có một trường cho phép cài đặt ngày bắt đầu hiển thị.Nó sẽ không được hiển thị trong topic/Social.Người học cso thể vào học ngay khi khóa học được hiển thị.Bản ghi nhận hoạt động cũng sẽ được ghi nhận khi khóa học được hiển thị

## Hidden Sections( Ẩn section)

Thiết lập Number of weeks/topics xác định số tuần, hoặc chủ đề của khóa học.Mỗi tuần hoặc chủ đề là một section, bạn có thể ẩn hoặc hiển thị bất cứ section nào, trừ

chủ đề 0, nó luôn hiển thị. Để ẩn hoặc hiển một section, bạn bật chế độ chỉnh sửa, click vào biểu tượng con mắt mở hay con mắt đóng bên cạnh mỗi section. Ví dụ dưới đây minh họa cho việc ẩn/hiện section 1



Nếu bạn chọn hidden sections, tiêu đề or ngày của section bị ẩn sẽ trở thành màu xám. Người học sẽ không thể vào được section này của khóa học, và cũng không thể nó ở đâu. Điều này thật có ích tạo nên trình tự xuất hiện cho các section của khóa học, thay vì để cho chúng xuất hiện cùng một lúc, Nếu bạn chọn Hidden section để hoàn tất việc ẩn, thì các section đó sẽ được ẩn với người học. Khóa học sáng tạo hơn và GV vẫn có thể thấy những section này và truy cập vào nguồn tài nguyên và các hoạt động của nó.

Bạn hoàn toàn có thể ẩn cái section mà bạn đang làm việc trên đó cho đến khi bạn hoàn thành nó, nếu muốn thay đổi section đang tồn tại, bạn có thể tạo ra một bản sao ẩn của section đó và làm việc trên đó, với một cú click chuột trong vài giây để ẩn section cũ và hiện section mới.

Bạn hoàn toàn có thể di chuyển nguồn tài nguyên giữa các section trong khóa học. Điều này tạo thuận lợi cho việc tổ chức nguồn tài nguyên cho các section ẩn, hay nơi lưu trữ mà bạn muốn sử dụng sau này. Ví dụ bạn muốn tìm một trang trong Web của mình mà bạn muốn sử dụng nó cho khóa học của bạn sau này, bạn không chắc rằng bạn có thể tạo liên kết đến trang đó trong một section đã bị ẩn. Nếu bạn quyết định muốn sử dụng trang này, bạn có thể di chuyển liên kết từ một section ẩn đến một trong những section đang sử dụng

### **Hiển thị mục đề tin tức**

Với cách định dạng khóa học theo tuần hoặc chủ đề, tin tức mới sẽ tự động xuất hiện trong trang Chủ của khóa học của bạn.



The screenshot displays the 'Information Overload Learning Site' interface. At the top, it indicates 'You are not logged in. (Login)' and a language dropdown menu set to 'English (en)'. The main content area is divided into several sections: a 'Main Menu' with a 'Site news' link; a 'Calendar' for November 2007, with the 14th highlighted; 'Course categories' including 'To-do Lists that Get Done', 'Managing Email', and 'Meetings that Work'; and a 'Site news' section featuring a post titled 'Discount Copies of "Drinking from the Firehose" Available' by William Rice, dated Wednesday, 14 November 2007, 05:10 PM. The post text mentions that copies of the book are available for 50% off the cover price.

Như chúng tôi đang tìm kiếm trên trang chính diễn đàn tên **Site news**. Nếu chúng ta tìm kiếm một trong các khóa học thay vào đó nó sẽ xuất hiện trong **Latest news** (mục tin tức mới nhất).

Diễn đàn tin tức mới cũng giống như các diễn đàn khác ngoại trừ việc nó được xuất hiện trong khối mục tin tức mới nhất. Giống như những diễn đàn khác, tác giả, người biên tập cso thể kích hoạt hoặc vô hiệu hóa việc người học tạo topic mới và trả lời các topic đã có.

Khối tin tức tự động mất nếu tin tức hiển thị được cài đặt là 0 hoặc không có tin tức mới (không có tin tức mới hiển thị trong diễn đàn này).

### Hiển thị điểm số và báo cáo các hoạt động

Các cài đặt xác định mỗi học viên có thể nhìn thấy điểm số và hoạt động của học viên khá trong khóa học. Nếu chế độ Group mode của bạn được thiết lập cho nhóm riêng biệt thì các báo cáo sẽ được tách biệt theo nhóm. Tuy nhiên giáo viên và người quản trị vẫn sẽ cso thể xem các báo cáo về điểm số và các hoạt động.

Khóa học cho phép khách vãng lai truy cập, không đăng nhập dưới tên người sử dụng mà dưới tên khách. Bạn hoàn toàn có thể thiết lập cho khách thể tham gia khóa học với đầy đủ các chức năng của khóa học, điều này được thực hiện một cách dễ dàng hơn là yêu cầu xác nhận email khi đăng kí khóa học

## Kích thước file upload lên trang

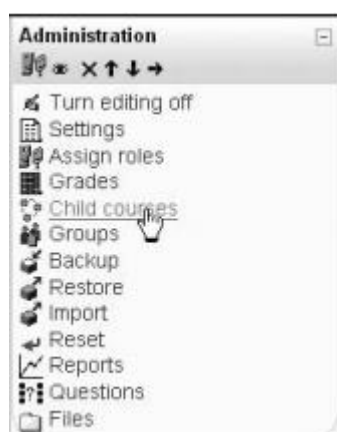
Thiết lập này giới hạn kích thước của một file mà người dùng có thể tải lên khóa học. Đó cũng là một giới hạn mở rộng của trang web được cài đặt dưới **Site Administrator** (xem chương 3)

## Đây có phải là một Metacourse?

Một Metacourse là một khóa học lớn chia sẻ ghi danh của mình với một danh sách các khóa học con. Ví dụ như mục đích của trang web là cung cấp nhiều khóa học về quản lý email : Chủ đề email, tiến trình email và 5 dòng email.

Chắc hẳn chúng ta đều muốn một nơi mà học sinh có thể hòa nhập và chia sẻ thông tin. Khi đó chúng ta sẽ tạo ra khóa học thứ 4, tổ chức khóa học theo định dạng social

Sau khi chúng ta tạo nên khóa học metacourse, một liên kết cho child course được thêm vào khối Administration trong trang chính Home page



Lựa chọn liên kết này bạn sẽ được đưa đến trang các khóa học, nơi mà bạn có thể tạo các khóa học con khác của metacourse



## Enrolment Plug-Ins

Ở chương 3, chúng ta biết đến một số phương pháp ghi danh plug-ins. Đó là những plug-ins sẵn có, PayPal và Authorize.net. Những thiết lập này cho phép bạn chọn các

enrolment plug-ins mặc định cho khóa học. tất nhiên những thiết lập này chỉ ảnh hưởng đến việc tương tác với các enrolment plug-ins

### Course Enrolable

Nếu bạn sử dụng enrolment plug-ins tương tác, và thiết lập là Yes, nó sẽ cho phép người học ghi danh vào khóa học. Và thiết lập này chỉ ảnh hưởng đến việc tương tác với các plug-ins, đối với plug-ins không tương tác thì thiết lập này không có tác dụng.

### Enrolment Duration

Đây là một trường xác định thời gian tối đa một người có thể ghi danh vào khóa học. tất nhiên sau khoảng thời gian thiết lập này, người học sẽ tự động bị hủy đăng kí.

Nếu bạn để là **unlimited**, bạn phải hủy ghi danh học viên này từ khóa học. Sau khi tìm hiểu về việc sử dụng Discussions( thảo luận) trong khóa học, bạn sẽ biết một trong những ứng dụng của diễn đàn là gửi mail cho hàng loạt người ghi danh vào khóa học. Bạn có thể làm điều này bằng cách chọn một thiết lập cho mọi người có thể ghi danh vào khóa học, mọi người có thể đăng kí vào diễn đàn và thảo luận

### Thông báo hết hạn ghi danh

Với thiết lập này, nếu GV nhận được một thông báo rằng học viên của họ sắp hết hạn ghi danh. Thông báo của học viên được xác định nếu học viên đó cũng nhận được thông báo.

### Goups (nhóm)

Chế độ groups được áp dụng cho hoạt động này của khóa học. Một khóa học có thể không có hoặc có nhiều group (nhóm). Khi chúng ta thiết lập là No, tất cả học sinh trong khóa học được coi như là một nhóm lớn. Khi thiết lập là Separate. Thì chỉ có học viên trong cùng một nhóm mới có thể nhìn thấy nhau. Tuy nhiên học viên trong các nhóm khác nhau sẽ không thể nhìn thấy hoạt động của các học viên trong nhóm khác ngay cả khi họ đang cùng trong một khóa học. Khi thiết lập Visible, học viên vẫn chia thành các nhóm nhưng vẫn có thể thấy được các hoạt động của nhóm khác.

Bạn có thể thay đổi thiết lập này cho các hoạt động cá nhân. Ví dụ bạn muốn các nhóm hoạt động riêng biệt, tuy nhiên, trong một dự án nào đó, bạn muốn tất cả học sinh và tất cả các nhóm có thể nhìn thấy công việc của nhau. bạn có thể chọn Separate, và trong dự án bạn có thể ghi đè lên với Visible. Bây giờ các nhóm có thể nhìn thấy công việc của nhau.

### Running Separate Group through a course, versus having separate course

Sử dụng “Separate groups” cho phép bạn sử dụng lại khóa học đối với nhiều nhóm, trong khi bạn tạo cho mỗi nhóm một tư tưởng rằng khóa học chỉ có mình họ. Tuy nhiên điều này không được tốt đối với khóa học định dạng theo tuần. Nếu bạn bắt đầu mỗi nhóm với ngày khác nhau, thì ngày trong mỗi tuần sẽ không chính xác.

Nếu bạn đang sử dụng khóa học theo định dạng từng chủ đề, sẽ dễ dàng hơn để bạn sử dụng lại khóa học, bằng cách tách học viên thành từng nhóm và khởi động riêng từng nhóm. Sau đó bạn sẽ biết làm thế nào để chỉ định giáo viên cho mỗi khóa học, bạn cũng có thể chỉ định giáo viên cho một nhóm, để giáo viên chỉ có thể thấy học viên trong nhóm của mình.

Nếu bạn khởi động nhiều nhóm trong khóa học của mình, với những thời điểm khác nhau trong khóa học, người giáo viên không thể điều chỉnh được tiến độ của học viên thông qua việc điều chỉnh các topic.. Bạn không thể mở chủ đề 1 cho đến khi nhóm đã hoàn thành nó, và chủ đề 2 đến khi có nhóm làm việc thông qua nó và đến chủ đề 3 và tiếp như vậy.

### **Force group mode**

Bình thường, trong khóa học chế độ Group mode được ghi đè lên từng hoạt động, khi khóa học được tạo thêm các hoạt động, giáo viên có thể chọn các chế độ nhóm khác nhau từ những thiết lập mặc định của khóa học tuy nhiên khi Force được đặt là **Yes**, tất cả các hoạt động này buộc phải có chế độ nhóm giống nhau trong khóa học.

### **Availability**

Khi bạn làm việc trong một khóa học, bạn có thể thiết lập **This course is not available to student** (khóa học này không dành cho sinh viên). Khóa học sẽ được ẩn dưới cách nhìn của học viên. GV và administrator vẫn có thể nhìn thấy khóa học, vì vậy bạn vẫn có thể cộng tác với họ trong nội dung khóa học.

### **Enrolment key**

Nếu bạn sử dụng **Enrolment key**, học viên khi lần đầu vào khóa học phải nhập đúng từ khóa ghi danh của học viên để vào khóa học. Sau đó học viên có thể truy cập vào khóa học mà không cần đến từ khóa này. Nếu bạn thay từ khóa này, học viên cũ đã truy cập vào khóa học vẫn có thể tiếp tục khóa học này. Tuy nhiên những học viên mới cần phải có từ khóa mới này mới có thể vào khóa học.

**Guest Acces** ( Truy cập dưới quyền khách vắng lai)

Vào **Site administration-> Users-> Authentication-> Guest login** bạn chọn cho phép khách vắng lai truy cập vào trang web của mình. Nếu bạn chọn cho phép thì pữ trang chủ sẽ có nút **Login as a guest**



Login here using your username and password:  
(Cookies must be enabled in your browser) ⓘ

Username:

Password:

---

Some courses may allow guest access:

Nếu bạn cho phép khách vắng lai truy cập vào trang của bạn, bạn cso thể dùng Guest access để thiết lập cho khách vắng lai vào khóa học. Điều này thực sự hữu ích đối với các khóa học miễn phí hoặc là khi bạn muốn người khác có thể xem tổng quan trang web trước khi ghi danh. Khách không được đăng tải nội dung lên khóa học. Họ chỉ có thể đọc nội dung trong khóa học

### **Bạn có cho phép khách vắng lai truy cập?**

Nếu sự tương tác là phần quan trọng nhất của khóa học, thì bạn sẽ không mất gì khi cho khách vắng lai vào khóa học. Nếu phần quan trọng là nội dung mà họ đọc được thì việc cho phép khách vắng lai vào khóa học có thể là quá nhiều. Cần xem xét lại việc cung cấp một khóa học miễn phí.

### **Sử dụng từ khóa để ghi danh và sự truy cập của khách vắng lai vào trang web.**

Một trogn những cách tốt nhất để quảng cáo cho trang web của bạn đó chính là đầy đủ chức năng. Tuy nhiên nếu chỉ truy cập vào khóa học mẫu là Guest access, học viên không thể gửi và đăng nội dung. Họ hông trải qua một khóa học tương tác. Thay vì sử dụng tài khoản khách, xem xét các chiến lược sau:

Đóng churucs năng truy cập khách. Giải thích trên trang chủ, và trang đăng nhập là người dùng cần tạo một tài khoản miễn phí để được trải nghiệm đầy đủ chức năng của trang web. Nếu bạn muốn thực hiện điều này một cách dễ dàng hơn thì đừng yêu cầu xác nhận email khi học viên đăng kí, nhưng họ cần xác nhận ngay lập tức.

Khôngn yêu cầu khóa ghi danh cho khóa học. Tuy nhiên, yêu cầu khóa ghi danh cho các khóa học cần chi trả. Bây giờ khi học viên trong khóa học sẽ cso ID người dùng, họ cso thể đăng bài trogn diễn đàn, tạo câu hỏi, ghi nhật kí và đăng tải nội dung. Khi trả phí cho khóa học, bạn sẽ cung cấp cho họ từ khóa ghi danh.

### **Cost ( chi phí)**

Trường này sẽ xuất hiện dưới mục Site Administration, bạn chọn Paypal hoặc Authorize.net một trong những phương thức ghi danh. Chọn một trong những Cost trong cửa sổ Course Setting.

Bạn có thể nhập chi phí ở đây cho một khóa học cụ thể. nếu bạn nhập bất kì số tiền khác 0, khi một học viên cố gắng ghi danh vào khóa học này học viên sẽ được đưa đến trang thanh toán. Sau khi trả tiền, thì bạn sẽ được ghi danh vào khóa học và chuyển tiếp đến trang chủ của khóa học.

## Ngôn ngữ

Cài đặt Do not force cho phép học viên chọn bất kì ngôn ngữ nào trong danh sách ngôn ngữ xổ xuống. Và các ngôn ngữ được xổ xuống bị giới hạn bởi các thiết lập mà bạn chọn Site Administration-> language-> Language Setting->Languages trên thanh menu. Và bạn cần có cái gói cài đặt cho ngôn ngữ mà bạn muốn sử dụng.

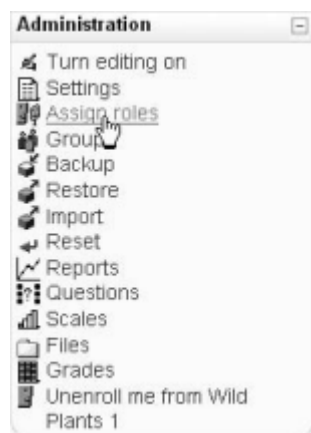
Cũng nhớ rằng chỉ có các trình đơn và thông điệp của Moodle mới tự dịch khi học viên chọn ngôn ngữ khác. Tài liệu trong khóa học không được dịch trừ khi tác giả nhập nội dung bằng ngôn ngữ khác và sử dụng bộ lọc đa ngôn ngữ.

## Roles\_ Vai trò( cho giáo viên và học sinh)

Moodle chèn các giới hạn cho GV và học viên vào các tiêu chuẩn. Với giáo viên bạn có thể thay thế bất kì quyền hạn như : “Instructor”, “Leader”, “Facilitator”, với học viên, bạn có thể sử dụng các thuật ngữ như “Participant”, hoặc “Member”.

## Ghi danh giáo viên và học viên một cách thủ công

Cách dễ dàng nhất để thêm GV hoặc học viên vào khóa học đó là sử dụng Assign roles dưới khối Administration



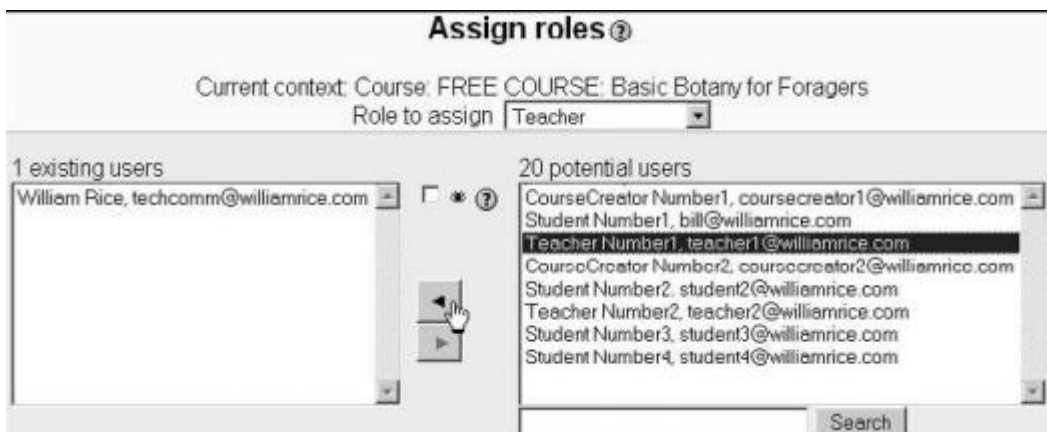
Theo mặc định, người quản trị trang web hoặc tạo khóa học được chỉ định là giáo viên, giáo viên sẽ ghi danh các học viên của mình vào khóa học.

1. Lựa chọn đường link đưa bạn đến trang Assign roles



Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	1
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	1
Student	Students generally have less privileges within a course.	10
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0
Authenticated user	All logged in users.	0

2. Chọn vai trò mà bạn muốn chỉ định cho người dùng mới, và bạn sẽ được chuyển đến trang Assign roles



Ở màn hình này sẽ liệt kê tất cả người dùng trong hệ thống.

Lưu ý: Danh sách xổ xuống bên cạnh Role to assign, ở trên cùng của trang. Bạn không cần phải thoát ra để gán vai trò khác trong khóa học.

1. ở cột bên phải, chọn người dùng mà bạn muốn chỉ định vai trò. nếu người dùng đó không nằm trong danh sách, bạn có thể dùng đến ô chức năng Search để tìm kiếm người dùng. Để chọn nhiều người dùng, sử dụng Ctrl+click

2. Nhấp vào mũi tên bên trái để lựa chọn chỉ định cho người sử dụng.

### Blocks( Khối)

Một khối thể hiện thông tin trong một khu vực nhỏ trong các cột bên. Trong ví dụ, khối hiển thị lịch, tin tức mới nhất hoặc là tên học viên đã ghi danh vào khóa học.

Một khối xuất hiện ở cột bên trái hoặc bên phải trong trang chủ hoặc trang chính. Một khối không xuất hiện khi tài nguyên hoặc hoạt động của khóa học được hiển thị.

Khi cấu hình trang của bạn, bạn có thể lựa chọn hiển thị, ẩn, và vị trí các khối trên Front page của trang. Khi cấu hình khóa học bạn cũng có thể hiển thị, ẩn và chọn vị trí các khối trong Home page của khóa học. Cách thực hiện là giống nhau khi làm việc trên Home page hay Front page

### Các khối tiêu chuẩn

Các gói có sẵn khi bạn cài đặt một Moodle. Bạn cũng có thể cài đặt thêm các khối có sẵn thông qua <http://moodle.org/>

### Activities (hoạt động)

Khối danh sách tất cả các hoạt động có sẵn trong khóa học



Nếu loại hoạt động không được sử dụng trong khóa học thì liên kết của loại đó sẽ không được trình bày. Khi người dùng nhấp chọn vào loại hoạt động, tất cả những hoạt động cho khóa học sẽ được liệt kê. Trong ví dụ này người dùng nhấp vào Quizzes trong các Activities block và danh sách các câu hỏi trong khóa học sẽ được trình bày.



Lưu ý: Chủ đề 1 sẽ có 2 câu hỏi và chủ đề 3 có 1 câu hỏi. Nếu khối này trên trang Front Page, click vào loại hoạt động trong danh sách các hoạt động trên Front Page

Topic Name	Quiz closes	Best grade	Feedback
1 Example: Insert Hard Links to Remedial Information in a Quiz	Tuesday, 6 February 2007, 05:00 PM	1 / 1	
Quiz: Immediate Error Correction	Thursday, 8 February 2007, 05:00 PM	12 / 12	
3 Quiz: Guided Notes	Thursday, 22 February 2007, 05:00 PM		

### Administration

Toàn bộ nội dung của khối Administration chỉ xuất hiện khi người nào đó đăng nhập vào khóa học với quyền quản trị. Thông thường đó là giáo viên, với học sinh chỉ có mục Grade được xuất hiện ở hời Administration



### Bật/ tắt chế độ chỉnh sửa

Khi chế độ chỉnh sửa được bật, bạn có thể chỉnh sửa các tài liệu trogn khóa học: thêm, thay đổi, xóa hoặc sắp xếp lại tài liệu. Chế độ chỉnh sửa được bật lên khi bạn thấy biểu tượng chỉnh sửa bên cạnh các mục trogn khóa học.

Nếu bạn có vai trò là giáo viên trong khóa học, bạn cso thể cho điểm các bài tập, đọc các thảo luận, xem các chủ đề ẩn, đăng tin tức lên diwwnx đàn, chỉnh sửa tài kiệu trong khóa học. Nếu bạn là giáo viên nhưng khôgn có quyền chỉnh sửa, bạn vẫn có thể làm bất cứ các việc trên ngoại trừ chỉnh sửa tài liệu trong khóa học. Đó là lí do tại sao liên kết này chỉ xuất hiện cho giáo viên và giáo viên nhưng khôgn có quyền chỉnh sửa

### Settings( các thiết lập)

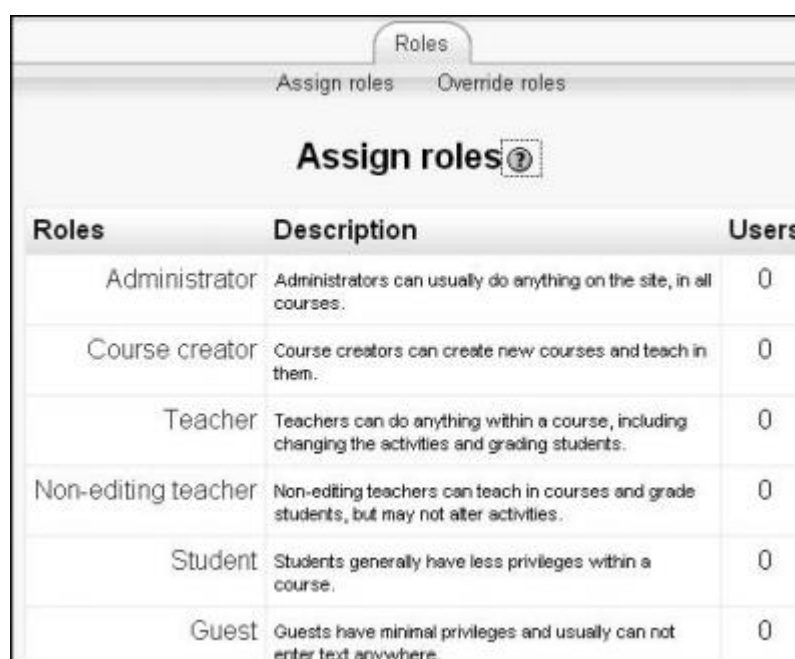
Nhấp vào link này sẽ đưa bạn đến trang Course Settings, trang mà được đề cập đến trong phần The course Settings page. Hãy nhớ rằng, nếu các thiết lập trong khóa học của bạn không hoạt động bạn có thể quay lại và thay đổi nó.

### Chỉ định các vai trò

Vai trò là tập hợp các quyền, Một người dùng được gán một hoặc nhiều vai trò. Ví dụ, vai trò Student cho phép người dùng có thể vào một khóa học, tham gia vào diễn đàn trong khóa học, tải lên các bài tập, các câu đố và các hoạt động khác. Vai trò Student không cho phép người dùng tạo bài kiểm tra cho người dùng khác, cũng như tạo các hoạt động mới trong khóa học, ghi danh hoặc xóa bỏ một ghi danh. Tuy nhiên với vai trò Teacher cho phép người dùng làm tất cả các hoạt động có trong khóa học.

Khi bạn gán một vai trò cho người dùng thì bạn cần ý thức được rằng bạn đang ở đâu trong hệ thống. Vì vai trò đó tồn tại trong một bối cảnh nhất định.

Trang Assign roles là như sau, khi bạn truy cập vào trang web từ Front page hay từ khóa học, một hoạt động nào đó trong khóa học:



Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	0
Student	Students generally have less privileges within a course.	0
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0

Trong phần này chúng ta thảo luận về vai trò của người dùng trong khóa học. Vì vậy nếu bạn cho người nào đó vai trò giáo viên thì người này sẽ có tất cả các quyền của một giáo viên trong trang chủ của khóa học, và tất cả các hoạt động, nguồn tài nguyên mà bạn thêm vào khóa học khác.

Chúng ta sẽ xem xét các vai trò một cách cụ thể hơn, trong một phần chuyên biệt. Sau đây chúng ta sẽ thảo luận về:

- Người dùng được phép làm gì với mỗi vai trò
- Làm thế nào để ghi đè lên các vai trò
- Làm thế nào, và tại sao cần tạo tùy chỉnh vai trò
- Ảnh hưởng của các vai trò khác nhau trong các hoạt động của khóa học.

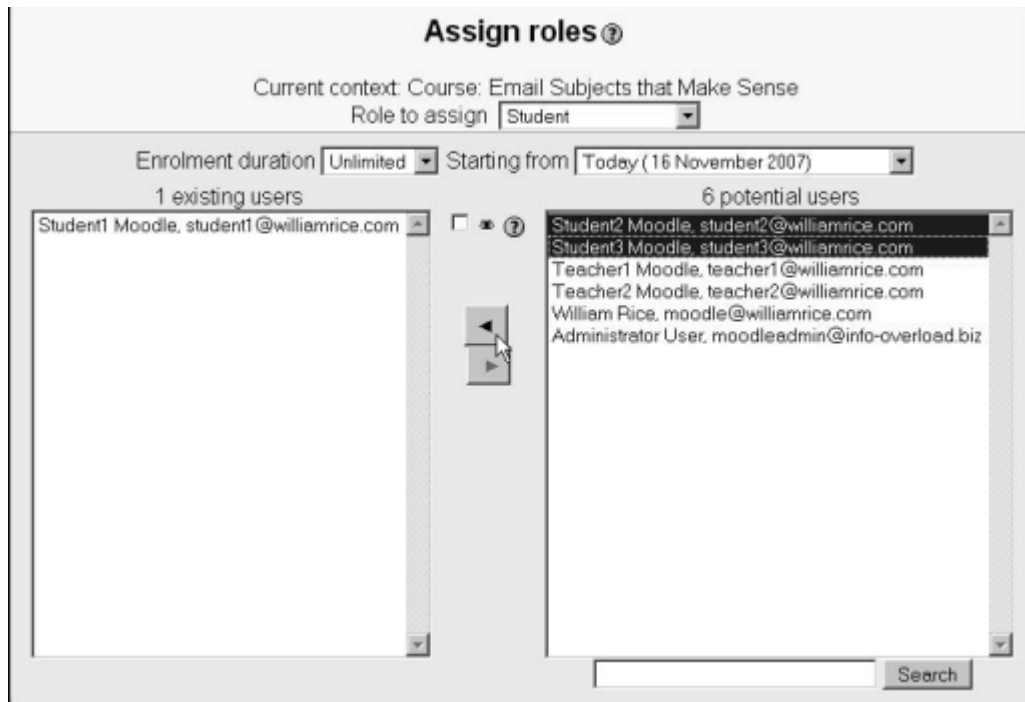
Bây giờ chúng ta sẽ đi xem xét xem làm thế nào để chỉ định một vai trò. Xây dựng các vai trò trong Moodle một cách phù hợp. Sự hiểu biết và tùy chỉnh vai trò tạo nên giá trị của các thảo luận. Đây là một trong những chìa khóa để tạo ra những kinh nghiệm học tập mà bạn muốn.

Để chỉ định vai trò trong một khóa học

1. Từ khối **Administration**, chọn **Assign roles**
2. Trong trang Assign roles, chọn quyền mà bạn muốn gán cho người dùng

Assign roles ?		
Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	0
Student	Students generally have less privileges within a course.	0
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0

3. Trong cửa sổ hiện ra, kiểm tra vài thiết lập trước khi bạn gán vai trò. Nhìn vào Current context. Xem có phải khóa học của bạn không? Và kiểm tra **Enrolment duration** và cài đặt **Starting from**



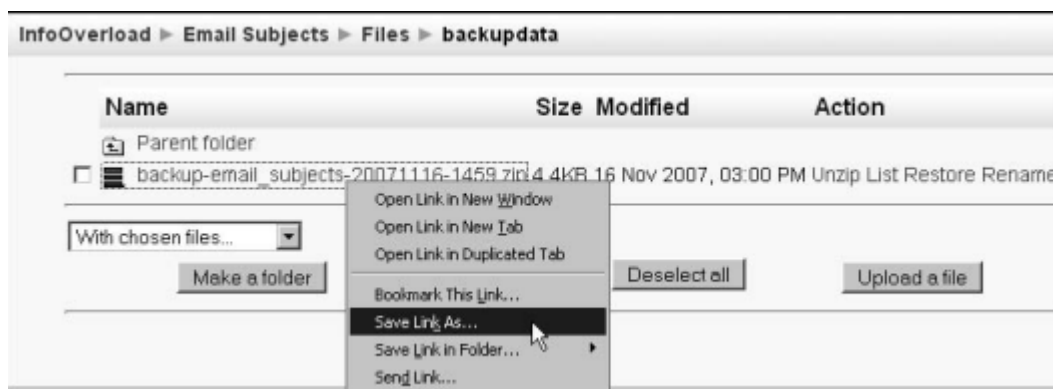
4. Nếu người dùng mà bạn muốn chỉ định không nằm trong danh sách bên phải, bạn dùng đến chức năng Search để tìm kiếm người dùng.. Bạn sẽ có thể tìm kiếm và chọn tất cả người dùng trong hệ thống.
5. Chọn người dùng mà bạn muốn chỉ định, và nhấp vào mũi tên bên trái để thêm vào vai trò

### Grades

Grades hiển thị điểm số của học viên theo học. Mọi hoạt động và bài tập đã kích hoạt sẽ có điểm số xuất hiện trong trang điểm số. Khi xem Front Page của trang, link này sẽ không có sẵn. Nếu bạn đặt một hoạt động có điểm số trên Front page, tương tự như bài kiểm tra và muốn nhìn thấy điểm của hoạt động này, bạn cần chọn hoạt động và chọn một liên kết để xem điểm cho hoạt động đó

### Backup and restore (Sao lưu và phục hồi).

Sao lưu và phục hồi chính xác những nhãn trong khóa học. Khi bạn sao lưu khóa học Moodle hệ thống sẽ tạo ra một file .zip chứa các phần của khóa học bạn đã chỉ định. Tập tin này được lưu trên máy chủ trong thư mục dữ liệu của khóa học. Bạn có thể download file .zip này về máy tính và lưu trữ nó hoặc upload lên trang Moodle khác và tạo khóa học



### Import and reset ( nhập vào và thiết lập lại)

Import cho phép người tạo khóa học đưa dữ liệu từ các khóa học khác vào, các GV có thể truy cập vào như trang Moodle. GV có thể chọn các nội dung khác nhau: Bài tập, cuộc trò chuyện, diễn đàn, bài học..Nhưng nó không đưa ghi danh hoặc hồ sơ hoạt động vào khóa học.

Reset cho phép bạn tạo khóa học trống với dữ liệu người dùng. Thiết lập khóa học trở lại trạng thái ban đầu, trước khi có học viên ghi danh. Trước khi bạn làm điều này nên xem xét sử dụng đến Backup để sao lưu lại khóa học và toàn bộ dữ liệu, bạn có thể lưu trữ lại file sao lưu ( tập tin .zip). Bằng cách đó bạn có thể có được một khóa học mới và bạn có thể phục hồi dữ liệu người dùng nếu bạn cần. Reports cho phép bạn chọn khóa học và trang ghi chép, nơi bạn có thể chọn các thông tin bạn muốn xem. Sự lựa chọn của bạn không có vấn đề gì với khóa học bạn đang sử dụng. Bạn có thể hiển thị bản ghi chép của trang, chọn khóa học, nhóm, học viên, ngày, hoạt động hoặc kết hợp tất cả

Questions sẽ đưa bạn đến trang chỉnh sửa câu hỏi, ở đây bạn có thể chỉnh sửa, phân loại, đưa các câu hỏi vào và xuất các câu hỏi trắc nghiệm.. Lưu ý rằng đây là ngân hàng câu hỏi cho toàn bộ trang web, nó không dành riêng cho khóa học. Nó chứa tất cả các câu hỏi mà giáo viên đã công bố. Lưu ý rằng câu hỏi chưa được công bố là câu hỏi riêng tư và chỉ có thể nhìn thấy trong khóa học hiện tại, khóa học mà bạn đã tạo câu hỏi đó.

Bạn sẽ không sử dụng trang này để tạo ra các câu hỏi trắc nghiệm mà chúng ta sẽ bàn đến trong phần sau. Thay vào đó bạn sử dụng trang này để quản lý các câu hỏi trong trang web của bạn. Nếu bạn không tạo ra bất cứ câu hỏi nào trong moodle, liên kết này sẽ không có ý nghĩa với bạn.

Scales đưa bạn đến trang xếp loại, ở đây bạn có thể chỉnh sửa hoặc tạo ra các điểm số xếp loại. Lưu ý rằng đây là xếp loại cho khóa học và toàn bộ trang web. Câu hỏi được công bố trên trang web do đó, xếp loại cũng có thể được công

bổ. Nếu bạn chưa sử dụng bất cứ tùy chỉnh đánh giá nào trong Moodle, thì liên kết này sẽ không có ý nghĩa

File cho phép GV và người tạo khóa học tải tập tin vào khóa học, tập tin này có thể được liên kết tới và sử dụng trong khóa học. Tất nhiên bất cứ ai ghi danh vào khóa học cũng đều có thể nhìn thấy tập tin này. Khi xem Front Page link liên kết này được gán nhãn Site Administration-> Front page-> Site File. . Bất cứ người nào sử dụng trang web cũng thấy tập tin của trang.

Grades sẽ đưa bạn đến điểm số của khóa học. Phần sau sẽ bao gồm điểm chi tiết.

## Blog menu

Mặc định mỗi người sử dụng Moodle sẽ có một blog cá nhân trên trang web. Chọn khối này để đặt menu blog vào thanh bên của khóa học.



Chúng ta sẽ thảo luận chi tiết về Blog hơn trong phần sau. Hiện tại khối này cung cấp một cách nhanh chóng để có được một blog cho học viên và các học viên khác. Menu này cũng xuất hiện trong các trang hồ sơ của người sử dụng .

## Blog tags

Đây là khối hiển thị danh sách các thẻ sử dụng blog của trang mở rộng. Các thẻ được liệt kê trong thứ tự chữ cái.



Hội thảo, bài tập, câu hỏi và sự kiện xuất hiện trong lịch:

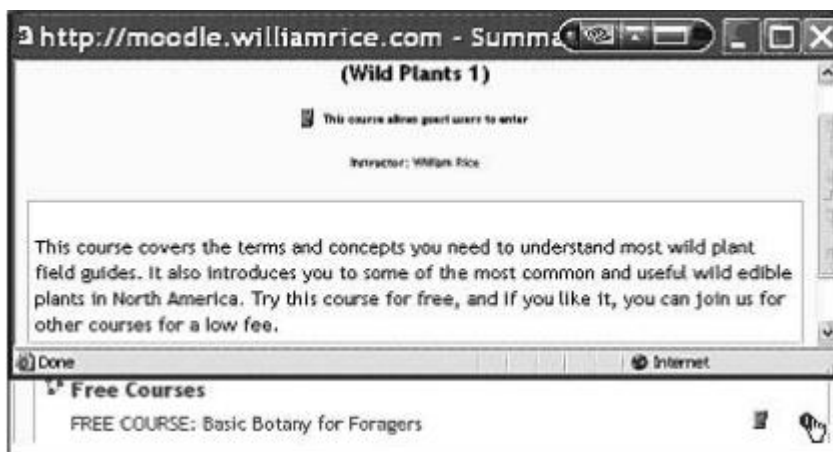


Trong hình trên bạn có thể nhìn thấy người dùng đang trở đến một sự kiện bắt đầu vào 20/05. Một cửa sổ pop-up hiển thị tên của sự kiện. bài kiểm tra này sẽ được thêm vào Front page. Vì vậy nó là một sự kiện web mở rộng.

Khi tạo khóa học hoặc người quản trị nhấp vào một trong bốn liên kết dưới cùng của lịch, nó sẽ vô hiệu hóa màn hình hiển thị của loại sự kiện. Ví dụ nếu lịch hiển thị trong Home page của khóa học, bạn có thể vô hiệu hóa hiển thị các sự kiện toàn cầu và người sử dụng bằng cách click vào những link này. Và chỉ hiển thị trong khóa học và các nhóm tổng khóa học

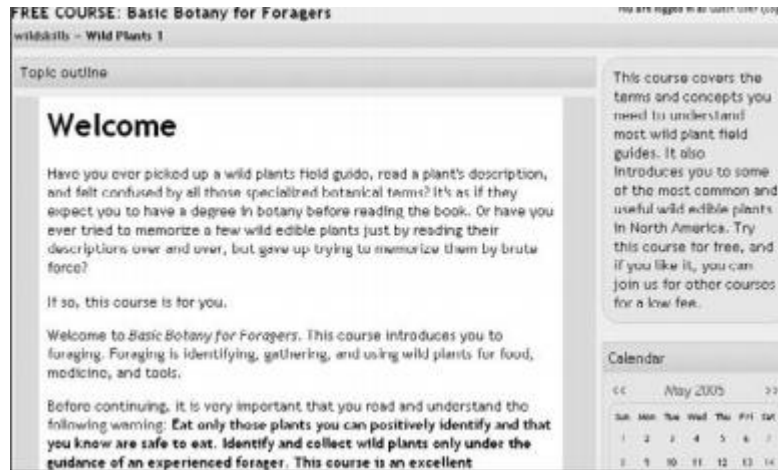
**Course/Site Description** ( mô tả khóa học/ trang web).

Khối **Course summary** hiển thị tóm tắt khóa học trong trang cài đặt khóa học. Đây là bảng tóm tắt khóa học tương tự như khi ai đó nhấp vào biểu tượng (i) trong danh sách khóa học. Như thể hiện trong hình dưới đây. Bạn có thể thấy các cửa sổ pop-up hiển thị tóm tắt khóa học và danh sách khóa học sau pop-up

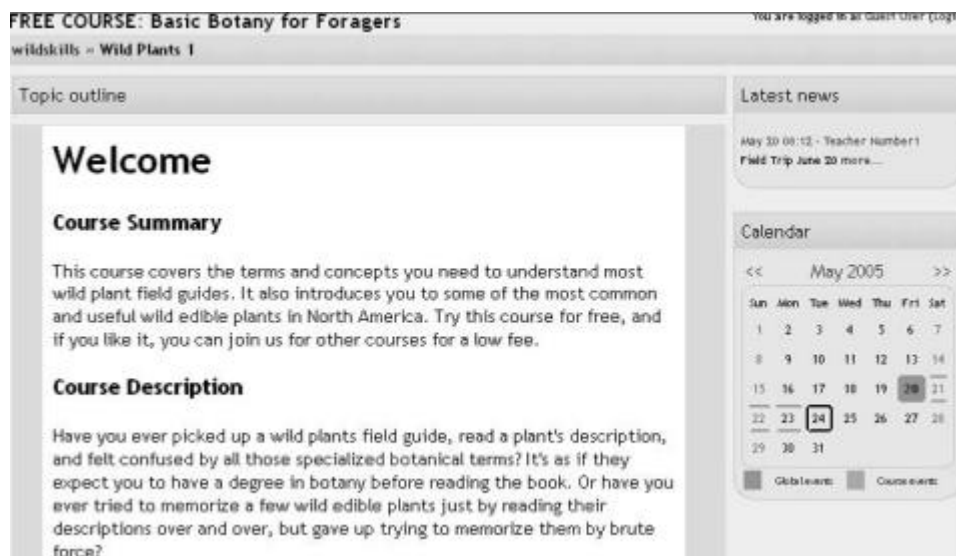


Trong trường hợp này, học viên chưa vào khóa học, nhưng thay vào đó nhìn thấy danh sách của khóa học. Để vào khóa học, học viên chỉ cần nhấp vào tên khóa học. Học viên có thể nhấp vào một khóa học mà không cần nhấp vào biểu tượng (i). Trong trường hợp đó học viên có thể đến Home page của khóa

học mà không cần đọc bản tóm tắt về khóa học trước. Hiện thị khối tóm tắt khóa học trong Home page, cung cấp cho học viên cơ hội xem xét bản tóm tắt của khóa học trước khi tiến hành vào một khóa học. Trong khóa học mẫu của chúng tôi, nó trong như sau:



Bạn có thể sao chép các bản tóm tắt khóa học vào chủ đề 0, để nó trở thành mục đầu tiên mà học viên có thể xem. Khi đó khối tóm tắt khóa học sẽ trở nên dư thừa và bạn có thể sử dụng không gian đó cho những thứ khác. Như ở đây:



## Danh mục các khóa học

Khối Course hiển thị liên kết đến các danh mục khóa học





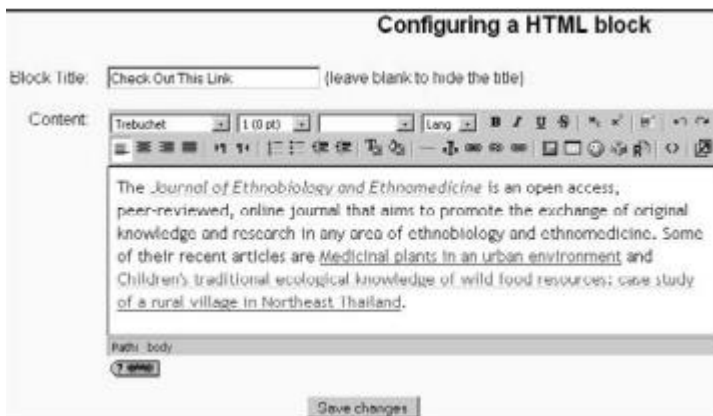
Nhấp vào liên kết sẽ đưa học viên đến danh sách các khóa học. Nó sẽ thuận tiện hơn nếu bạn muốn cho phép học viên di chuyển giữa các khóa học một cách nhanh chóng, hoặc muốn khuyến khích khách người dùng khám phá trang web của bạn.

## HTML

khối HTML sẽ tạo nên một khối trong thanh bên nắm giữ bất cứ HTML nào mà bạn muốn đưa nó vào trang web. hầu hết người dùng có kinh nghiệm thường tùy chọn nội dung thanh bên bằng cách thêm vào nội dung chính của trang. Ví dụ bạn có thể đặt liên kết đến một trang thú vị khác



Khi bạn chỉnh sửa khối HTML, moodle cung cấp cho biên tập viên trang web đầy đủ tính năng được thêm vào trong khóa học trang web



Latest News (Tin tức mới nhất)

Khi bạn tạo một khóa học mới, mặc định sẽ có một diễn đàn mới. Khối Latest News hiển thị thông tin đăng bài mới nhất tổng diễn đàn này



Ngay cả thị diễn đàn này đã được đổi tên, khối này vẫn hiển thị thông tin bài đăng. Số bài đăng hiển thị trong khối này được xác định bởi mục tin tức hiển thị, trong trang **Course Settings**

Nhớ lại Front Page của bạn giống như khóa học khác. Nếu khối tin tức mới hiển thị trên Front Page của trang web, nó sẽ hiển thị bài đăng mới nhất từ diễn đàn thảo luận của trang mở rộng, hoặc Site News.

Nếu bạn đã thiết lập các diễn đàn gửi email cho học viên đăng kí mới, bạn có thể chắc chắn rằng học viên nhận được những tin tức mới này, vì vậy bạn không cần hiển thị khối này. Nhưng nếu mục tin tức được quan tâm bởi khách không đăng kí hoặc cho phép khách vắng lai truy cập thì bạn có thể sẽ muốn hiển thị khối này.

## Login

Khối login chỉ có sẵn cho trang Front Page. Sau khi người dùng đăng nhập, khối này sẽ biến mất. Nếu bạn không đăng nhập vào, Moodle sẽ hiển thị một liên kết Login nhỏ góc trên bên phải, dưới trung tâm của trang. Tuy nhiên liên kết này cũng không được nổi bật. khối đăng nhập sẽ nổi bật hơn nhiều, và chứa một thông điệp khuyến khích khách truy cập đăng kí một tài khoản



Ưu điểm chính của khối đăng nhập này là có một link liên kết đăng nhập nhỏ. Nếu bạn muốn cho link liên kết đăng nhập ở góc trên bên phải này lớn hơn. Trong file index.php của Moodle :

```
$loginstring = "<font size=2><a href=\"\$wwwroot/login/index.php\">".
```

```
get_string("login")."</a></font>";
```

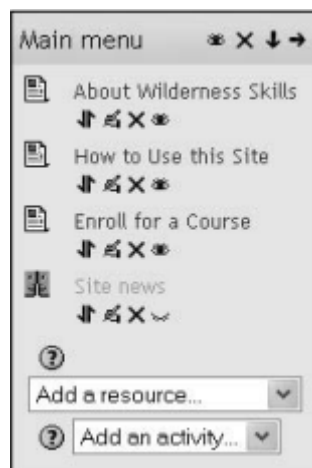
Thay đổi `<font size=2>` thành một số lớn hơn. Như vậy nó sẽ tăng kích thước font chữ của link đăng nhập.

Nếu bạn muốn thay đổi thông điệp hiển thị trên khối Đăng nhập, tìm kiếm chuỗi `startsignup`, trong file `moodle.php` dưới thư mục ngôn ngữ. Trong ví dụ này thì tôi sử dụng `language en_us`, vì vậy tôi tìm trong file `/lang/en_us/moodle.php` dòng:

```
$string['startsignup'] = 'Start now by creating a new account!';
```

## Main menu

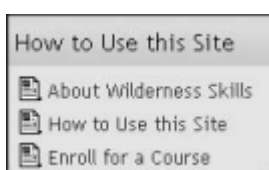
Khối main menu chỉ có sẵn trên Front Page. Bất cứ những gì bạn thêm vào khóa học đều được thêm vào khối này, như bạn thấy từ menu xổ xuống có nhãn `Add a resource..` và `Add an activity...`



Trong ví dụ của tôi, tôi sử dụng Main Menu để truyền đạt các thông tin về trang web và cách sử dụng trang web. Tôi muốn khách có thể nhận được hướng dẫn đăng kí và sử dụng trang web một cách dễ dàng hơn. Có lẽ tôi nên thay đổi tên của khối này thành `How to Use this Site`. Để làm được điều này thì cần tìm chuỗi `startsignup`, trong file `moodle.php`

```
$string['mainmenu'] = 'Main menu';
```

Thay đổi trình đơn chính để bất cứ những gì bạn muốn hiển thị tên của menu



## Mentees

Trong moodle mỗi vai trò có một quyền truy cập cụ thể xác định vai trò mà mỗi người có thể làm trong hệ thống. Ví dụ, với vai trò là GV sẽ có quyền tạo khóa học, thêm nội dung cho khóa học, cho điểm các hoạt động và ghi danh học viên. Với vai trò Học viên, được phép truy cập vào khóa học và làm các bài tập.

Một vai trò được áp dụng cho một người sử dụng trong một bối cảnh, địa điểm cụ thể trong hệ thống. Ví dụ, nếu áp dụng vai trò GV cho người dùng trong khóa học, người dùng đó chỉ là giáo viên trong khóa học và là duy nhất. Nếu áp dụng vai trò GV cho người dùng trong Front Page trong trang web, thì người dùng đó sẽ là GV cho toàn khóa học trong trang web. Chúng ta sẽ thảo luận về vai trò và quyền chi tiết hơn ở phần sau. Bây giờ, chúng ta xem đó là quyền duy nhất tổng bối cảnh duy nhất.

Một trong những quyền của moodle là cho phép bạn xem hồ sơ cá nhân của người dùng khác. Cả GV và Administrator đều có quyền này. Sau đây là ảnh chụp màn hình trang Permissions cho vai trò của GV. Bạn có thể thấy View user Profiles là một trong những quyền của vai trò

### View role details ?

Select a role Teacher

[Edit](#)
[Reset to defaults](#)
[Duplicate role](#)
[List all roles](#)

Name: Teacher

Short name: editingteacher

Description: Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.

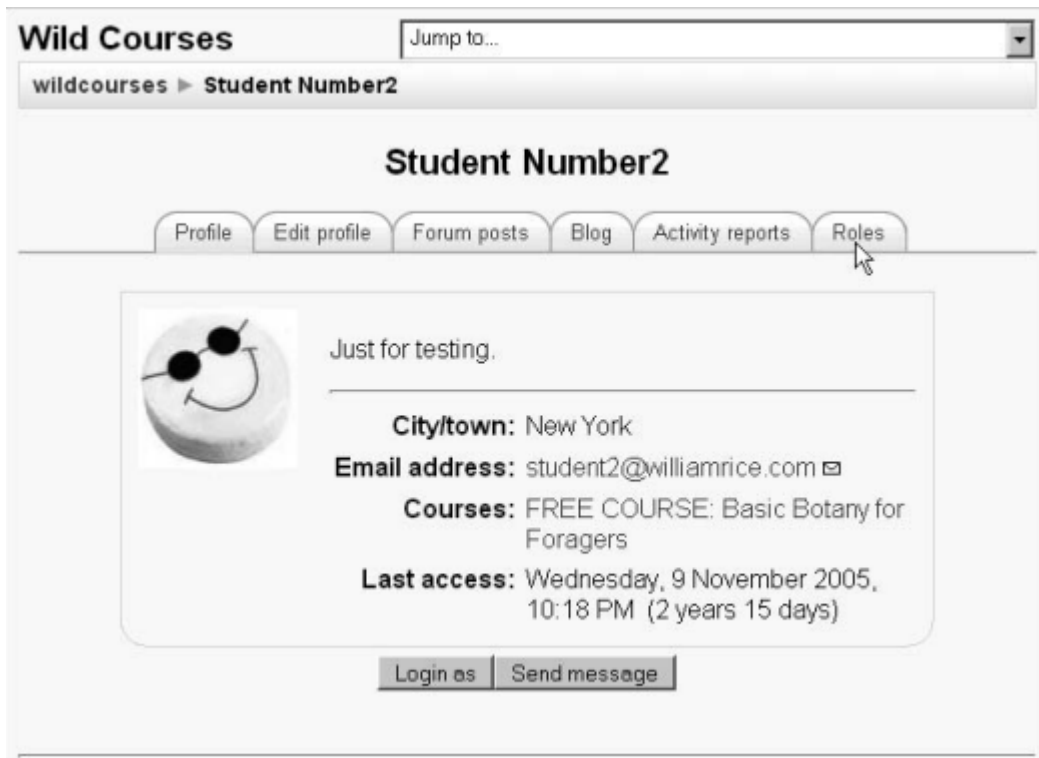
Legacy role type: LEGACY ROLE: Teacher (editing)

### Permissions ?

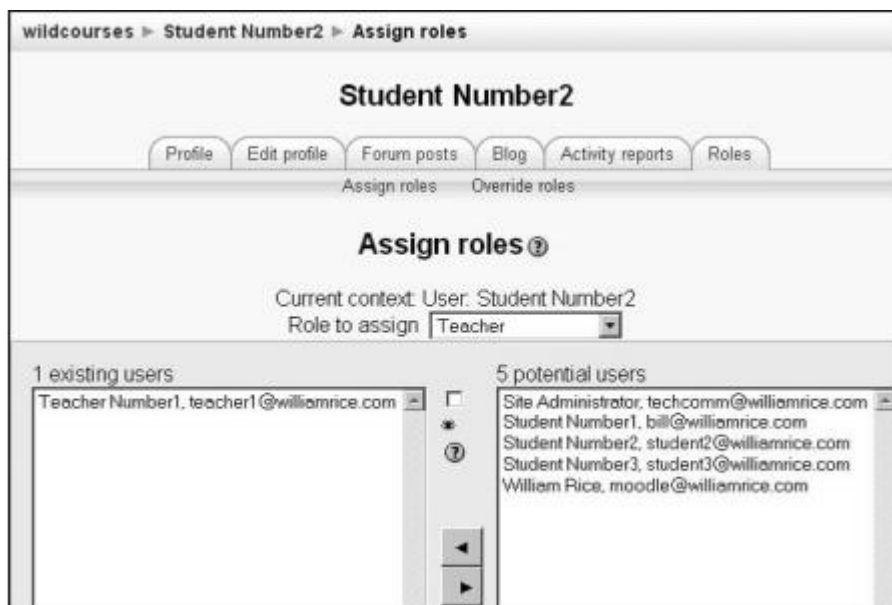
Capability	Not set	Allow	Prevent	Prohibit	Risks
<b>Core system</b>					
Allowed to do everything moodle/site:doanything	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️⚠️⚠️⚠️
Change site configuration moodle/site:config	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️⚠️⚠️⚠️
Read all messages on site moodle/site:readallmessages	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️
Approve course creation moodle/site:approvecourse	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️
moodle/user:delete	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️
Update user profiles moodle/user:update	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️⚠️
<u>View user profiles</u> moodle/user:viewdetails	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
View hidden details of users	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	⚠️

Điều này có nghĩa là nếu bạn được giao vai trò là một GV trong khóa học, bạn có thể xem hồ sơ của bất cứ ai tổng khóa học. Nếu bạn được giao vai trò là GV từ Front Page của trang web bạn có thể nhìn thấy hồ sơ của mọi học viên trong trang.

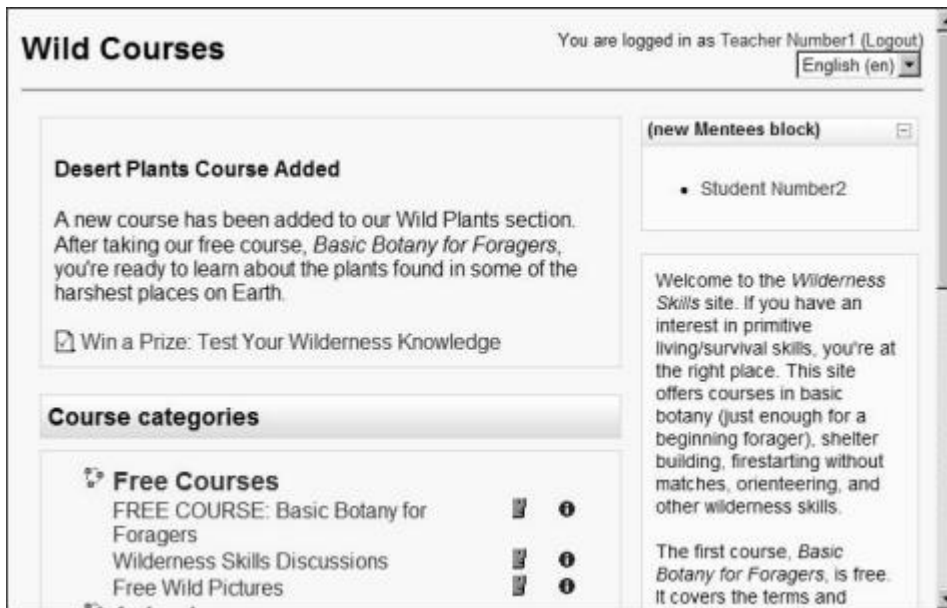
Điều này có thể thực hiện đối với khối Mentee? Trong Moodle, người dùng trở thành Mentee của bạn khi bạn được giao vai trò từ trang hồ sơ, và bạn có thể xem trang cá nhân của người dùng. Trong hình bên dưới, bạn có thể thấy chúng tôi đang tìm kiếm các khóa học trong trang mở rộng và trang hồ sơ cá nhân của Student Number2. Chúng tôi đến trang đó bằng cách chọn Site Administration-> Users-> Accounts-> Browse của danh sách người dùng và chọn Student Number2:



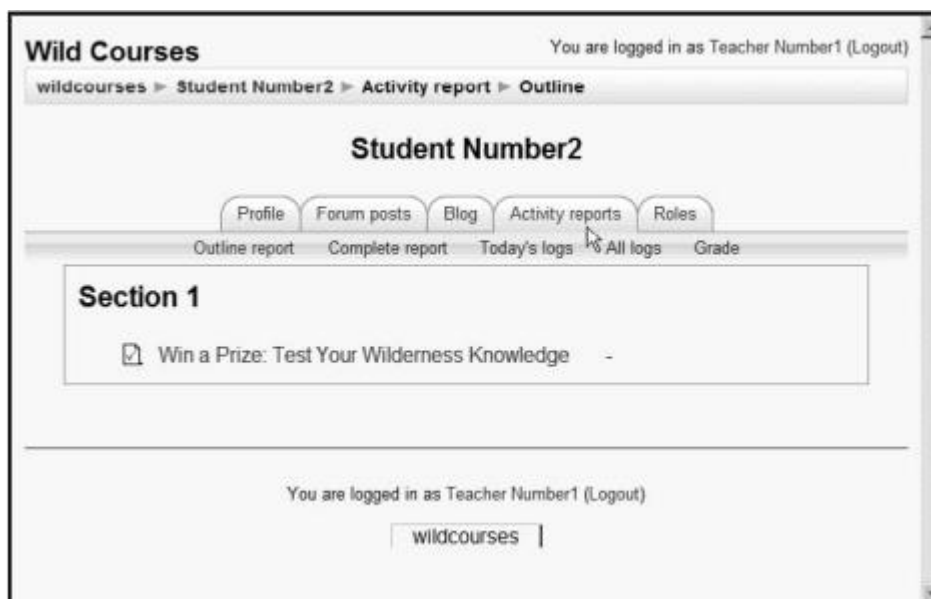
Từ trang hồ sơ người dùng, chọn thẻ Roles và Assign roles:



Nhận thấy rằng Teacher Number1 được giao vai trò của GV, không phải từ trang của khóa học, nhưng từ trang hồ sơ của người dùng. Bây giờ khi Teacher Number1 đăng nhập vào thì Mentees block sẽ hiển thị yêu cầu như sau:



Chọn mentee sẽ trả về trang hồ sơ người dùng. Trong hình dưới đây, các cố vấn đang tìm kiếm bản ghi hoạt động cho mentee của mình



Lưu ý: Student Number2 không phải là giáo viên Mentee bởi vì học viên được đang theo học trong khóa học mà giáo viên đang giảng dạy. Học viên là mentee của giáo viên vì sự phân công vai trò từ hồ sơ cá nhân của học sinh.

Bạn có thể tạo ra một quyền chuyên biệt trong đó có quyền này, sau đó có thể giao vai trò này cho Phụ huynh. Và phụ huynh sẽ có thể xem diễn đàn của con họ, blog và các hoạt động trên web. Truy cập vào

[http://docs.moodle.org/en/Parent\\_role](http://docs.moodle.org/en/Parent_role) để được hướng dẫn chi tiết hơn.

## Messages

Khối Messages cung cấp phím tắt để gửi tin nhắn trong moodle. Nó hiển thị tin nhắn mới nhất nhận được. Bạn cũng có thể truy cập vào hồ sơ tin nhắn cá nhân của bạn.. Chúng tôi sẽ giới thiệu về Messages chi tiết hơn ở phần sau, trogn phần Socia Course Material

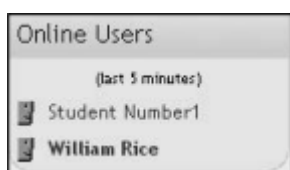


### Network Server

Khối này thể hiện trang web moodle khác, trang web chia sẻ thông tin đăng nhập với trang web hiện tại. Nó chỉ liên quan nếu bạn sử dụng Moodle xác thực người dùng trên các trang web

**Online Users** (Người dùng trực tuyến).

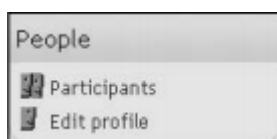
Khối Online Users cho thấy những người đang trong khóa học. Nếu đang ở Front Pge trang web nó cho thấy người đang trong trang web. Một vài phút là khối này ại được cập nhật



Chúng ta thiết lập thời gian tại Site Administration-> Blocks-> Online Users-> Setting

### People

Khi khối people được thêm vào Front Page, nó sẽ liệt kê danh sách người dùng ghi danh trong trang web.



Khi được thêm vào khóa học, nó sẽ liệt kê cụ thể những người dùng ghi danh vào khóa học. Nếu trang web hoặc khóa học sử dụng các nhóm, nó sẽ cung cấp liên kết đến các nhóm. Nó cũng cung cấp liên kết đến trang hồ sơ cá nhân người dùng, nếu bạn cho phép nó thể hiện.

Trogn trang Override roles, bạn có thể sử dụng thiết lập View Participants để xác định vai trò có thể xem danh sách này.



## Quiz Results (kết quả bài kiểm tra)

Khối Quiz results chỉ có sẵn khi có một bài kiểm tra trong khóa học. Nó thể hiện điểm cao nhất/ hoặc thấp nhất của bài kiểm tra trong khóa học. Bạn có thể ẩn tên học viên đó trong khối.

Quiz Results	
Leaf Types and Shapes	
The highest grade:	
1. Student	33%

## Random Glossary Entry (bảng thuật ngữ)

Khối **Random Glossary Entry** trong moodle kéo các mục từ một thuật ngữ được lựa chọn, và hiển thị chúng trong một khối. Nó có thể kéo các mục từ một thuật ngữ có sẵn trong khóa học. Trong hình bên dưới, các thuật ngữ là khối được sử dụng cho từ điển của lớp, mỗi học viên là một mục trong phần chú giải.

The screenshot shows a Moodle forum post on the left and a Random Glossary Entry on the right. The forum post is titled '3 Keeping Discussions on Track' and contains text about managing discussions in an online class. The glossary entry is for 'William Rire' and includes a biography and a photo.

Below is a single-topic forum. The forum consists of one topic at the top of the page, and everything else on that page are replies from the students. Readers can reply to the topic, but not create new ones. This is useful if a teacher wants to be the only one who can post examples of best work in a forum. The teacher can create a single-topic forum for each piece of work. The students can see the work, and reply to it, but not create new topics. If you take this approach, you need to decide how to organize your best-of forums. Do you want them all in one place? If so, create a topic in your course just for the best-of forums. Or, do you want a best-of forum for each topic?

**3 Keeping Discussions on Track**

One of the biggest challenges in using forums for an online class is keeping discussions focused on the topic. This becomes even more difficult when you allow students to create new topics in a forum. Moodle offers two tools that you can use to help keep discussions on track: custom scales and splitting discussions.

**Use a Custom Scale to Rate Relevance**

The forum below uses a custom scale to rate the relevance of student postings. Teachers, administrators, and course creators can apply a rating to student postings. This rating doesn't appear in the gradebook, so it's less intimidating than a grade.

**Split Discussions**

The forum below contains the same three student postings as the forum above. However, these postings have been split into two additional topics. You might want to open the

**Random Glossary Entry**

**William Rire**

Biography  
I'm a software training professional in New York City. My indoor hobbies include writing books and spending way too much time reading slashdot.org. My outdoor hobbies include orienteering, rock climbing, and

Mặc dù tên là từ điển ngẫu nhiên, nhưng bạn có thể kiểm soát thứ tự các mục từ các bảng chú giải. Ví dụ: trong hình dưới đây, khối Random Glossary Entry được cài đặt để hiển thị mỗi mục theo thứ tự và thay đổi mỗi ngày.

**Configuring a Random Glossary Entry block**

Title:

Take entries from this glossary:

Days before a new entry is chosen:

How a new entry is chosen:  ?

Show concept (heading) for each entry:

**You can display links to actions of the glossary this block is associated with. The block will only display links to actions which are enabled for that glossary.**

When users can add entries to the glossary, show a link with this text:

When users can view the glossary but not add entries, show a link with this text:

When users cannot edit or view the glossary, show this text (without link):

Dưới đây là một số ý tưởng cho việc sử dụng khối từ điển ngẫu nhiên :

- Điểm nổi bật là công việc mà các lớp rước đã nộp. Nếu lớp đang thực hiện một dự án dài hạn, tạo ra bảng thuật ngữ chứa công việc tốt nhất do các lớp học trước hoàn thành dự án đó. Hiện thị thuật ngữ trong khi cacvs lớp đang thực hiện dự án đó.
- Cung cấp ý tưởng và nguồn thông tin liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.
- Nếu bạn đang giảng dạy trong môi trường doanh nghiệp, cần xem xét việc đặt các quy tắc, thủ tục vào bảng thuật ngữ của họ. Bạn có thể tạo ra một bảng thuật ngữ riêng biệt đối với từng loại quy tắc, hoặc thủ tục. Sau đó hiển thị các mục từ chú giải một cách ngẫu nhiên phù hợp với khóa học.
- Tạo bảng thuật ngữ với những câu hỏi và câu trả lời đã thi trước đó. Học viên có thể sử dụng lại nguồn tài nguyên đó để chuẩn bị cho kì thi.
- Những câu truyện hài hước liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.
- Các lỗi thường gặp và cách sửa, ví dụ làm thế nào để phát hiện phần mềm bị lỗi, hoặc các lỗi ngữ pháp thông thường.

### Recent Activity( Hoạt động gần đây)

Khi khối Recent Activity được thêm vào Home Page của khóa học, nó sẽ liệt kê tất cả hoạt động của học viên và GV từ lần đăng nhập cuối cùng. Liên kết cho Full report of recent activity hiển thị một trang cho phép bạn xem các hoạt động trong khóa học



Khi thêm vài Front page nó sẽ liệt kê tất cả các hoạt động của học viên và giáo viên trên Front page, từ lần đăng nhập cuối nhưng không phải từ trang cá nhân. Nếu khách đăng nhập liên tục, thì khối này sẽ sử dụng hạn chế với họ. một chiến lược là bỏ qua khối này từ Front page để người ẩn danh không nhìn thấy nó và chỉ thêm nó vào các khóa học yêu cầu xác thực.

### Remote RSS Feeds ( cập nhật dữ liệu RSS từ xa)

Khi khối Remote RSS Feed được thêm vào khóa học, người tạo ra khóa học sẽ chọn hoặc tạo nguồn cập nhật dữ liệu RSS để hiển thị trong khối đó



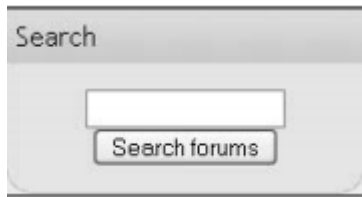
Ví dụ tiếp theo cho thấy nguồn cập nhật dữ liệu RSS từ một trang web đua xe.



Một nguồn cung cấp dữ liệu có thể được thêm vào bởi người quản trị, sau đó lựa chọn các khóa học sáng tạo để sử dụng khối RSS, hoặc khi người tạo khóa học được thêm vào khối RSS tại thời điểm đó. Nguồn cập nhật dữ liệu sẽ trở thành sẵn có với người tạo khóa học. Tất cả câu hỏi trắc nghiệm sẽ không có vấn đề với người tạo ra chúng, và sẵn có có trong tất cả các khóa học

### Search Forums

Khối tìm kiếm cung cấp chức năng tìm kiếm cho diễn đàn. Nó không tìm kiếm các loại hoạt động và tài nguyên khác nhau. Khi khối này được thêm vào Front Page, nó chỉ tìm kiếm các diễn đàn trên Front Page.



Khi được thêm vào Home Page của khóa học, nó chỉ tìm kiếm các diễn đàn trong khóa học. Ở chương 8, the Custom String sẽ thảo luận làm thế nào để tùy chỉnh màn hình hiển thị của moodle. Có thể rằng bạn sẽ muốn thay đổi tên của Search Forum để tránh việc tìm kiếm tất cả nội dung

Khối này khác với tìm kiếm khóa học, nó có thể tự động xuất hiện trên Front page. Tìm kiếm khóa học sẽ tìm kiếm tên khóa học và mô tả, không thảo luận.

### Section Links

Khối topic sẽ hiển thị link liên kết đến số chủ đề hoặc tuần trong khóa học, Nhấp vào liên kết trang của chủ đề. Khối này sẽ không hiển thị tên các chủ đề. Nếu bạn muốn hiển thị các liên kết đến các chủ đề mà hiển thị tên, bạn cần tạo ra các liên kết cho chính mình. Ví dụ dưới đây minh họa cho điều này

## Welcome

### Course Summary

This course covers the terms and concepts you need to understand most wild plant field guides. It also introduces you to some of the most common and useful wild edible plants in North America. Try this course for free, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.

### Course Description

Have you ever picked up a wild plants field guide, read a plant's description, and felt confused by all those specialized botanical terms? It's as if they expect you to have a degree in botany before reading the book. Or have you ever tried to memorize a few wild edible plants just by reading their descriptions over and over, but gave up trying to memorize them by brute force?

If so, this course is for you.

Welcome to *Basic Botany for Foragers*. This course introduces you to foraging. Foraging is identifying, gathering, and using wild plants for food, medicine, and tools.

Before continuing, it is very important that you read and understand the following warning: **Eat only those plants you can positively identify and that you know are safe to eat. Identify and collect wild plants only under the guidance of an experienced forager. This course is an excellent preparation for learning to identify plants under the guidance of an expert, but is not a substitute. You should learn under someone qualified and experienced in the collection of wild plants in your area. Common sense dictates that if you have any doubt as to a plant's safety, don't eat it.**

To learn more about this course, select *Course Goals and Outline* below. To meet your fellow foragers, join the *Course Discussion*. To jump into the course, just select a lesson.

---

### Jump to a Topic

Types of Plants

Life Cycles of Plants

Leaves

Flowers


Roots

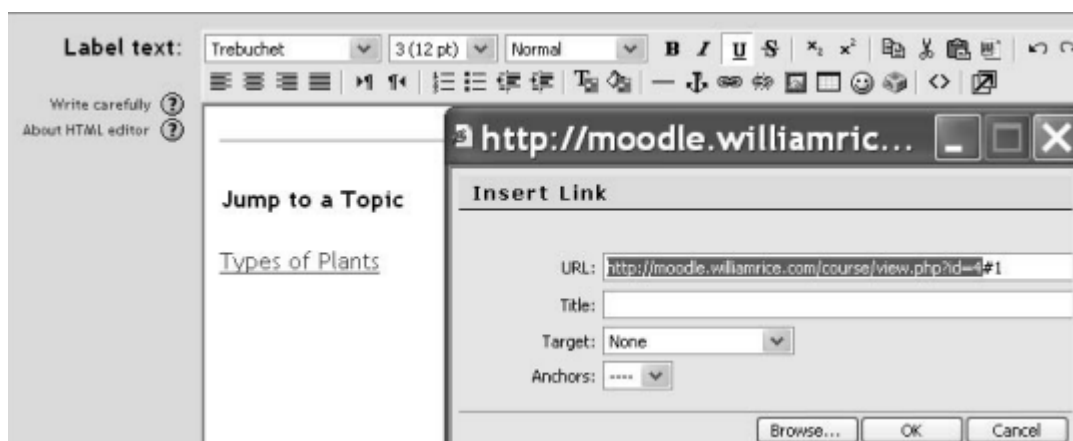
Other Identifying Features

Habitats

Đây là một trogn các cách tạo ra những liên kết:

1. Trong khi xem Home page của khóa học, bạn sẽ thấy địa chỉ trang web của khóa học trong thanh địa chỉ của trình duyệt. Ví dụ <http://moodle.williamrice.com/course/view.php?id=4> . Chọn và sao chép địa chỉ này.
2. Trogn chủ đề 0, thêm một nhãn. Chọn Add a resource từ menu xổ xuống chọn Insert a lable
3. Bạn sẽ thấy một cửa sổ như màn hình soạn thảo văn bản, bạn sẽ nhập nội dung của nhãn vào. Trogn ví dụ, tôi thêm một quy tắc và số Jump to a Topic. Bạn có thể thêm bất cứ đoạn văn bản nào mà bạn muốn giới thiệu trong link
4. Gõ tên chủ đề đầu tiên, chẳng hạn như Types of Plants
5. Chọn tên của chủ đề bằng cách kéo nó qua

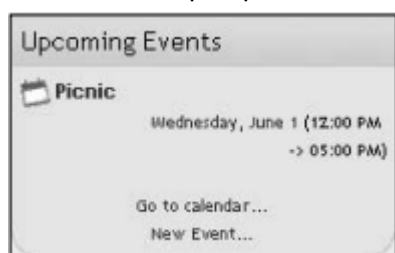
- Nhấp vào nút  để tạo liên kết. Bạn sẽ thấy một cửa sổ pop-up nơi mà bạn sẽ nhập link liên kết.
- Trong cửa sổ pop-up Insert link, dán link liên kết đã sao chép trước đó vào. Đây là liên kết đến Home page của khóa học. Ngay sau liên kết, gõ dấu # và số chủ đề, tuần. Trong ví dụ sau tôi làm nổi bật các liên kết đến khóa học mà tôi đã sao chép trước đó. Sau đó tôi gõ #1, sẽ liên kết đến chủ đề đầu tiên



- Lặp lại các bước từ 4-7 cho mỗi chủ đề.
- Khi bạn đã hoàn tất trong cửa sổ Edit label, chọn nút Save changes để quay lại Home page của khóa học. bạn sẽ nhìn thấy liên kết trong chủ đề 0

### Upcoming Events ( sự kiện sắp tới)

Khối upcoming event là một phần mở rộng của khối Calendar. Nó cung cấp thông tin sự kiện từ lịch của bạn. Theo mặc định khối upcoming Event hiển thị 10 sự kiện, và tối đa là 20, mặc định là trước 21 ngày, tối đa 200. Nếu các sự kiện sắp tới nhiều hơn mặc định tối đa thì sẽ chọn các sự kiện gần hơn để hiển thị.



### Tóm tắt

Cũng như moodle cho phép học viên khám phá khóa học một cách phi tuyến, nó cũng cho phép bạn xây dựng khóa học một cách linh hoạt, sau khi bạn điền vào trang Course settings, thứ tự mà bạn thêm các nội dung và tính năng của khóa học là tùy thuộc vào bạn. Không khó khăn nếu bạn không biết bắt đầu từ đâu. Ví dụ,

Nếu bạn không biết nên sử dụng định dạng theo tuần hay chủ đề thì hãy bắt đầu bằng việc thêm nội dung. bạn có thể thay đổi định dạng khóa học sau đó cho phù hợp với nội dung.

nếu khóa học vẫn đang tiếp tục phát triển trong thời gian sử dụng, có thể sử dụng chế độ ẩn để ẩn các phần chưa hoàn thành. Bạn có thể tiết lộ khi bạn hoàn thành chúng.

Khi quyết định các khối hiển thị, cần xem xét mức độ thuận tiện của học viên, nếu có kinh nghiệm lướt web, có thể họ sẽ thoải mái với đầy đủ các khối hiển thị thông tin về khóa học. Người có kinh nghiệm lướt web họ sẽ bỏ qua những thông tin không cần thiết. Nếu học viên của bạn là người mới sử dụng máy tính có thể rằng sự hiện diện của các khối có ý nghĩa gây sự chú ý hoặc tương tác. Và nhớ rằng bạn có thể tắt hoặc mở các khối đó khi bạn cần.

Nói chung, tạo nên những gợi ý tốt nhất khi bạn tạo khóa học và đừng không chắc chắn về những thiết lập ngăn chặn bạn.. Tiếp tục với chương tiếp theo, Adding Static Course Material. Khi bạn thêm các trang tĩnh, tương tác, và nội dung xã hội trong các chương tới, bạn có thể xem lại cấu trúc khóa học và thiết lập trong chương này và thay đổi khi cần thiết.

## CHƯƠNG 5: THÊM TÀI NGUYÊN TĨNH VÀO KHÓA HỌC

Tài liệu tĩnh là nguồn tài nguyên mà học viên có thể đọc nhưng không thể tương tác với nó, chẳng hạn như các trang web, đồ họa, và tệp liệu Adobe Acrobat. Chương này sẽ hướng dẫn bạn cách thêm nguồn tài nguyên vào khóa học, và cách để tận dụng tốt nhất nguồn tài nguyên đó.

Nguồn tài nguyên tĩnh mà bạn cần thêm vào khóa học

Tài liệu tĩnh của khóa học là nguồn tài nguyên mà học viên có thể đọc nhưng không thể tương tác với nó. Được thêm vào từ trình đơn Add a resource... Từ trình đơn này bạn có thể tạo ra:

Text page (trang văn bản)

Web page (trang web)

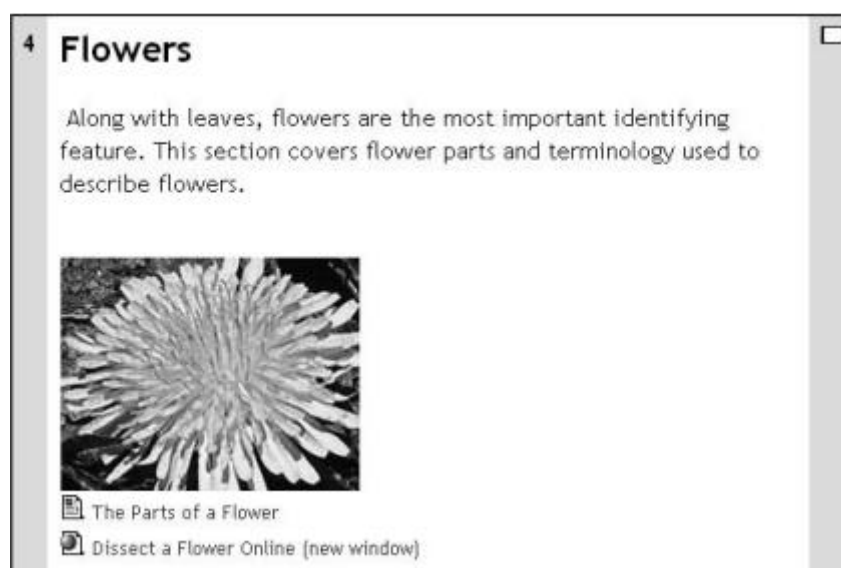
Link to anything on the web (Liên kết đến một trang web)

A view into one of the course's directories (hiển thị thư mục của khóa học)

A label that display any text or image (nhãn hiển thị đoạn văn bản hoặc hình ảnh)

Multimedia file (các tệp tin đa phương tiện)

Liên kết đến các nguồn tài nguyên xuất hiện khi bạn thêm tài nguyên. Một ngoại lệ là các nhãn, nó sẽ không hiển thị các liên kết. Thay vào đó nó sẽ hiển thị một đoạn văn bản hoặc hình ảnh thực tế khi bạn đặt nó vào nhãn



Ví dụ ở đây là topic 4 của khóa học mẫu của chúng tôi, Flower. Đoạn văn bản mô tả dưới tóm tắt chủ đề Flower, đoạn văn bản được nhập vào khi chủ đề được tạo ra.



Dưới đây bạn có thể nhìn thấy bức tranh của một bông hoa Dandelion (bồ công anh). Bức tranh được thêm vào như là một nhãn. Nhãn có thể bất cứ đoạn văn bản hoặc hình ảnh nào mà bạn muốn. Tuy nhiên có lẽ bạn muốn giữ nhỏ với kích thước nhỏ để không chiếm diện tích trang Home page của khóa học. Thường sử dụng nhãn cho một hình ảnh duy nhất, một trang trí hoặc một tiêu đề.

Dưới hình ảnh bạn có thể thấy một liên kết của một trang web được tạo ra trong Moodle, The Parts of a Flower. Biểu tượng page chỉ ra rằng đây là một trang của Moodle. Dưới đây bạn có thể thấy liên kết đến trang web đó bên ngoài của trang Moodle, Dissect a Flower Online. Biểu tượng Word chỉ ra rằng trang này không phải là một phần của Moodle. Tôi sẽ chỉ ra liên kết mở ra một cửa sổ mới được thêm vào new window.

The Resource Summary.

Khi bạn tạo một khóa học mới, bạn cung cấp cho nó một tên hiển thị, trừ khi đó là một nhãn, và bạn cũng cung cấp cho nó một Summary. Các trường khác trong cửa sổ tài nguyên mới cũng có thể thay đổi, nhưng tên là luôn hiển thị, và bảng tóm tắt được mô tả cho tất cả, trừ nhãn.



Tên xuất hiện như liên kết đến các nguồn tài nguyên. Bản tóm tắt chỉ xuất hiện khi nguồn tài nguyên được hiển thị trong danh sách. Để liệt kê danh sách nguồn tài nguyên trong khóa học, học viên lựa chọn Resources từ khối Activities.

Điều này có nghĩa là nếu bạn muốn học viên có thể liệt kê danh sách nguồn tài nguyên của khóa học, bạn phải thể hiện khối Activities

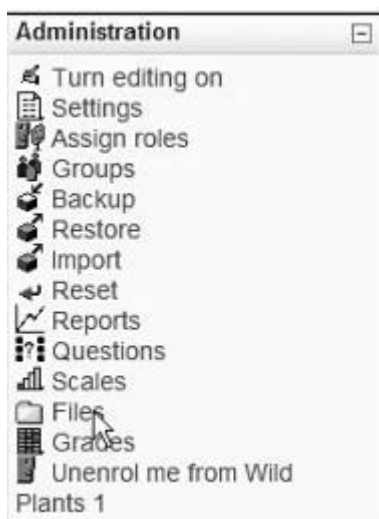
Khi học viên chọn Resources, cửa sổ Resources xuất hiện liệt kê danh sách các tài nguyên của khóa học. Trong ví dụ sau, nhận thấy rằng số Topic, Name và Summary được thể hiện cho mỗi nguồn tài nguyên.

Topic	Name	Summary
	Course Goals and Outline	This is the outline and detailed course description for <i>Basic Botany for Foragers</i> .
1	Types of Plants	<h2>Types of Plants</h2> <p>The first question that you will answer when identifying wild plants is, "What type of plant is it?"</p> <p>Botanists use a complex system called "taxonomy" to classify plants. The science of taxonomy enables botanists to classify and name the hundreds of thousands of plants on our planet. As foragers, we will use a simpler system.</p> <p>A common method of classifying plants is based on the habit, or appearance, of a plant. It is not as scientific or complete as taxonomy. However, this method is simple, easy to learn, and useful for quickly learning to identify wild plants.</p> <p>First, we classify plants as <b>woody</b>, <b>herbaceous</b>, or <b>succulent</b>. We define these terms here.</p>
4	The Parts of a Flower	This page shows you <u>the parts of a flower</u> . It divides the parts into two groups: those on the outside (leaves and petals) and those on the inside (reproductive parts).
	Dissect a Flower Online (new window)	A virtual laboratory where you can dissect a flower, label it, and put it back together again. Produced by the British Broadcasting Corporation (BBC) and offered free on their school resources website.

Danh sách các mẫu tin được liệt kê theo khối Activities không xuất hiện trong nội dung. Nếu bạn muốn yêu cầu học viên tiến hành theo thứ tự thông qua khóa học., bạn có thể cần ẩn đi các khối. Nếu bạn muốn khuyến khích khám phá khóa học, việc hiển thị các khối là cần thiết.

## Files

Moodle cho phép bất cứ ai tạo khóa học cũng có quyền được tải tập tin lên web hoặc một khóa học cá nhân. Điều này được thực hiện với liên kết Files trong khối Administration. Liên kết Files chỉ xuất hiện cho người dùng có quyền tác giả, như người tạo ra khóa học và giáo viên. Khả năng thêm một tập tin ẩn từ không chỉnh sửa của giáo viên, và tất nhiên, học sinh vẫn không thể thấy khối Administration

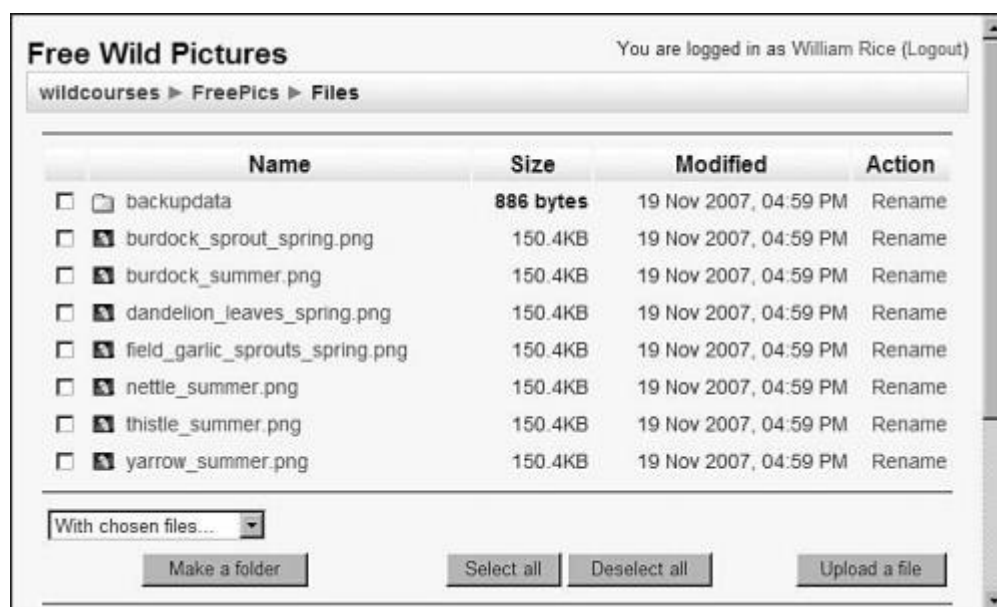


Lưu ý rằng tải lên một tập tin khác với việc tải lên một bài tập. Khi tác giả tải lên một tập tin, tập tin đó sẽ được sử dụng trong khóa học. Khi học viên tải lên một bài tập, thì nó sẽ được chấm điểm bởi giáo viên.

### Tại sao phải tải lên tập tin?

Khi một tập tin được thêm vào Home page của khóa học, liên kết đến tập tin có thể dễ dàng được tạo ra trong khóa học. Khi một tập tin được thêm vào Front page tác giả có thể dễ dàng tạo liên kết. Điều này thuận lợi cho việc tải một tập tin lên moodle, thay vì phải liên kết đến trang web.

Một ưu điểm khác để sử dụng tập tin lên moodle đó là cho phép bạn dễ dàng đổi tên và di chuyển các tập tin. Lưu ý liên kết Rename trong ảnh chụp màn hình, tôi cũng có thể chọn bất cứ file nào từ danh sách sổ xuống With chosen file, di chuyển chúng đến bất cứ đâu trong khóa học moodle.

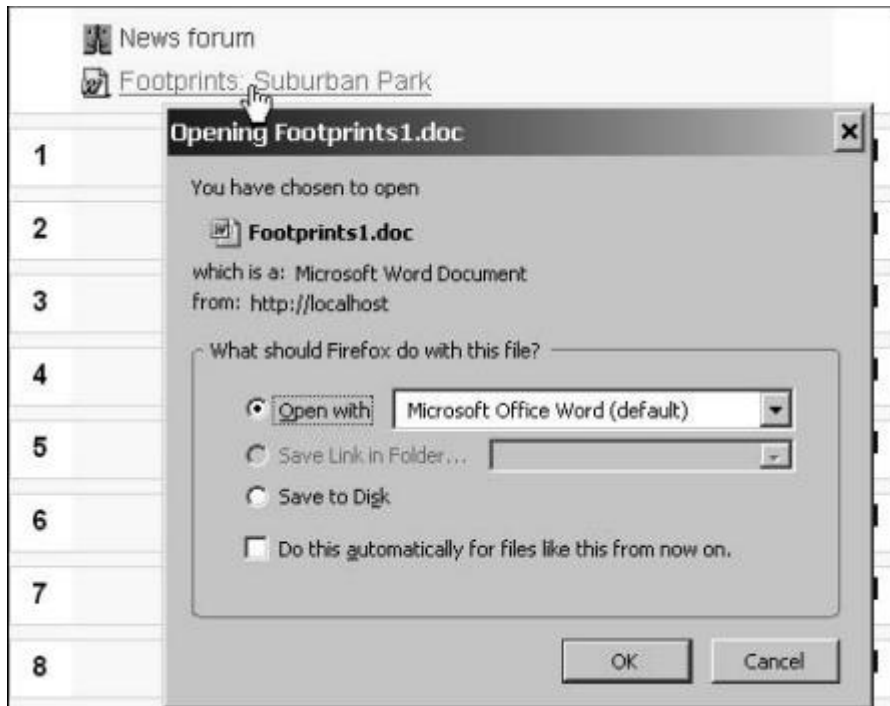


Trong ví dụ, tôi đã thêm tập tin FreePics vào khóa học. Để chuyển lên đầu trang, tôi bắt đầu chọn FreePics sau đó từ Administration chọn Files, sau đó tải 7 tập tin hình ảnh lên.

### File types (các loại tập tin)

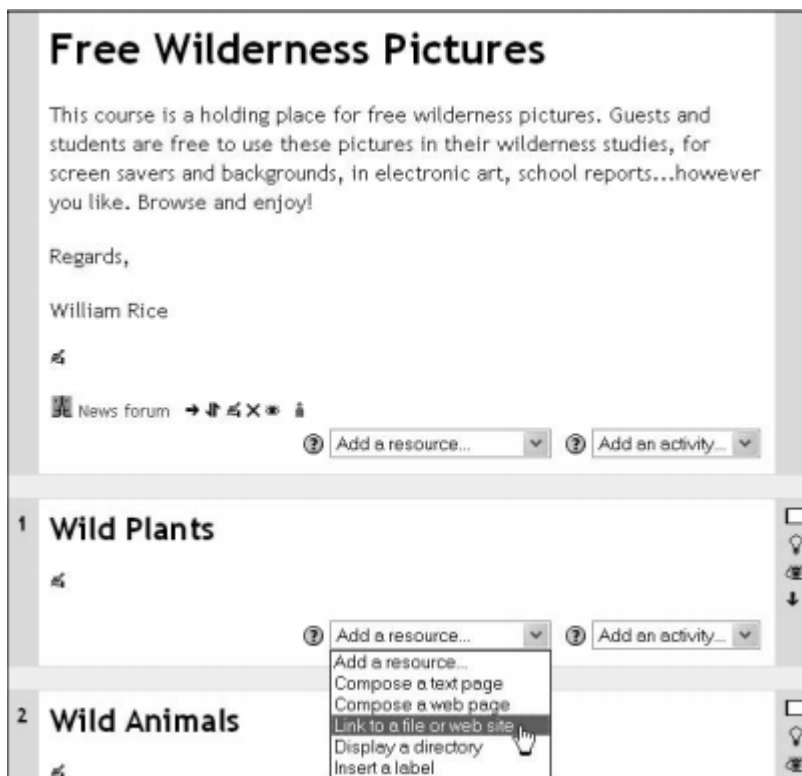
Bạn có thể tải bất cứ loại tập tin nào lên moodle. Hãy nhớ rằng các tập tin sẽ được truy cập bằng trình duyệt web của người dùng, do đó cần xem xét trình duyệt của người dùng có thể mở tập tin đó hay không. Hình ảnh, tập tin MP3, Flash, tài liệu Adobe Acrobat, và các tập tin khác thường được tìm thấy trên các trang web là an toàn cho các tập tin tải lên.

Có thể bạn muốn tải lên một tập tin nhưng nó lại không thể mở bằng trình duyệt web. Trong trường hợp đó tập tin phải được mở bằng một ứng dụng trên máy tính người dùng. Ví dụ: Nếu bạn đang giảng dạy một khóa học về kiến trúc, bạn phải thêm vào các bản vẽ AutoCAD vào khóa học. Trình duyệt của học viên không thể mở tập tin đó. Thay vào đó, học viên có thể tải về máy và mở tập tin bằng các trình ứng dụng dụng trong máy. Trong ví dụ sau học viên sẽ chọn tập tin MS Word

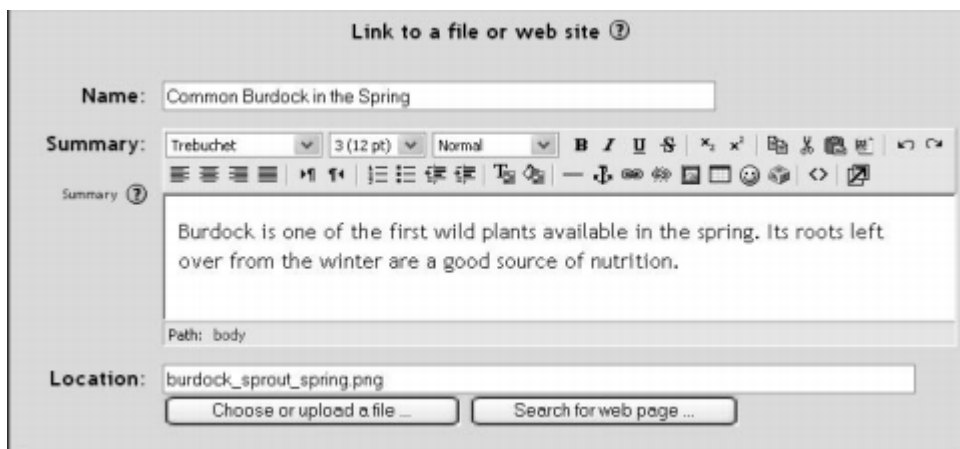


### **Linking to Uploaded files( liên kết đến tập tin đã đăng tải)**

Dễ dàng để liên kết đến một tập tin tải lên. Từ bất cứ nơi nào trong khóa học, chọn Add a resource, trình đơn xổ xuống và chọn Link to a file or web site

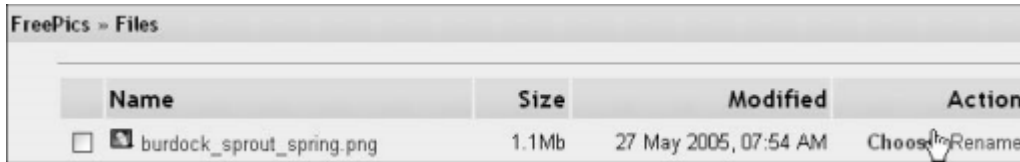


Cửa sổ chỉnh sửa tài nguyên xổ xuống như sau:



Sau đây là những gì bạn cần làm:

1. Nhập tên cho liên kết. Đây là văn bản sẽ hiển thị cho người dùng
2. Bản tóm tắt sẽ xuất hiện khi liên kết xuất hiện trong danh sách các tài nguyên
3. Nếu bạn muốn liên kết đến một tập tin trên web, bạn sẽ nhập URL vào Location. Để liên kết đến một tập tin được tải lên, chọn chọn Choose or upload a file
4. Cửa sổ Files xuất hiện. Bên cạnh các tập tin bạn muốn liên kết đến, chọn Choose:



5. Nhấp vào nút Save changes

6. Các tập tin được hiển thị trong cửa sổ riêng, học viên sẽ nhìn thấy nó. Bây giờ bạn sẽ nhìn thấy những gì mà học viên sẽ nhìn thấy khi học nhấp vào liên kết tập tin.

Để trở lại khóa học, chọn tên khóa học từ thanh điều hướng. Trở lại khóa học bạn sẽ nhìn thấy liên kết bạn vừa tạo.



### When to use uploaded files ( Khi nào sử dụng tải tập tin)

Tải tập tin trong moodle khi

Bạn muốn tập tin được sử dụng tại một số nơi trong khóa học. Tạo ra các liên kết đến một tập tin là việc dễ dàng, và nếu bạn thay đổi tập tin, nó sẽ được cập nhật trong mọi nơi trong khóa học.

Bạn cần đảm bảo rằng bạn có thể kiểm soát các tập tin. Liên kết đến một tập tin trên một trang web bên ngoài moodle để kiểm soát nội dung. Đưa tập tin vào moodle và chắc chắn rằng các tập tin luôn có sẵn cho bạn.

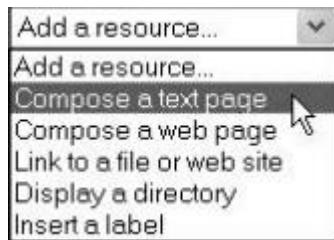
Bạn tự tin rằng máy chủ của bạn có thể xử lý tập tin phục vụ cho người dùng.

Bạn có thể muốn sử dụng các tập tin trong một khóa học khác. Cửa sổ tập tin của moodle cho phép bạn sao chép và di chuyển giữa các khóa học.

Bạn chắc chắn rằng bạn được luật pháp cho phép sử dụng các tập tin trong khóa học của bạn.

### Text page ( trang văn bản).

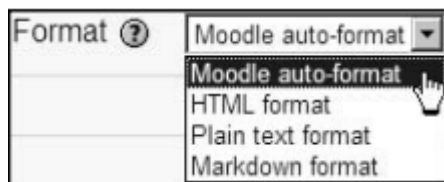
Trình đơn xổ xuống từ **Add a resource**, sử dụng **Compose a text page** để thêm trang văn bản vào khóa học bao gồm cả trang Front page. Một liên kết xuất hiện trong trang bạn đã tạo . Trang được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của moodle.



Tên “Text page” có nghĩa là một trang văn bản chấu định dạng, chỉ trang văn bản. Tuy nhiên trang văn bản của moodle có thể giữa một vài định dạng. Mỗi định dạng cung cấp một số ưu và nhược điểm.

### **Choosing a Format for a text page** (lựa chọn định dạng cho một trang văn bản)

Khi bạn chỉnh sửa một trang văn bản, moodle cung cấp cho bạn một danh sách xổ xuống, bạn có thể lựa chọn định dạng cho trang



Trợ giúp trực tuyến sẽ giải thích về mỗi định dạng và cách sử dụng nó. Phần này sẽ mở rộng khi sử dụng các định dạng trang văn bản

Moodle tự động định dạng

Định dạng HTML

Định dạng văn bản đơn giản.

Định dạng markdown

Có 4 loại định dạng bạn có thể sử dụng trong khi tạo ra một trang văn bản mới. Mỗi loại cung cấp một số ưu và nhược điểm. Tất cả đều giới hạn một số định dạng. Nếu bạn cần tùy chọn định dạng so với những gì được cung cấp bởi 4 định dạng trên và thêm một trang web thay vì một trang văn bản.

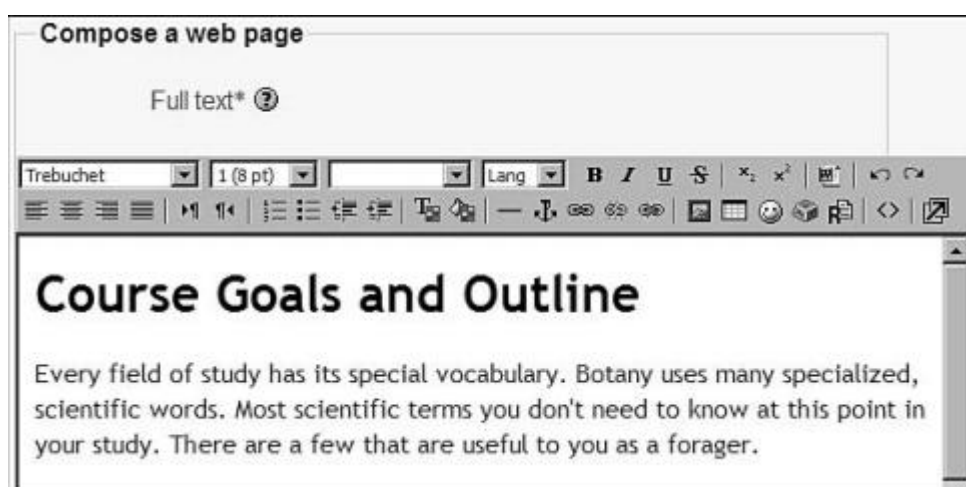
Moodle auto- format- for Quick, limited formating

Moodle định dạng tự động cung cấp một cách đơn giản để thêm giới hạn định dạng trang văn bản. Nó sẽ tự động chạy mã smiles, chẳng hạn như :- ) thay bằng ☺ . Nó chuyển thành trang word bắt đầu với www hoặc http://. Nó cũng cho phép bạn thêm một số thẻ HTML để định dạng văn bản, chẳng hạn như in đậm, gạch dưới, tăng kích thước..

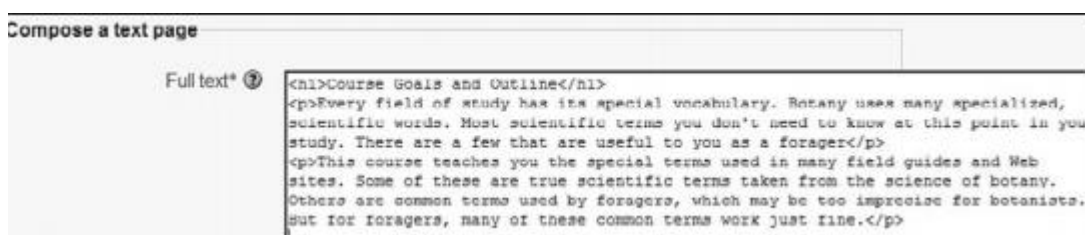
Bạn có thể thấy ưu điểm thật sự của nó là định dạng văn bản bằng lệnh, tuy nhiên bạn sẽ phải tìm hiểu thêm về việc định dạng bằng các lệnh HTML. Nếu bạn học về lệnh HTML bạn có thể thay thế bằng một trang HTML( web). Khi bạn tìm hiểu nhiều hơn về các lệnh HTML đơn giản, bạn có thể quay trở lại trang web và thêm nó vào.

### HTML Format- for HTML page composed offline ( Định dạng HTML cho một trang HTML trực tuyến)

Nếu bạn muốn thêm vào khóa học một trang web thay vì trang văn bản,, bạn cần chỉnh sửa HTML. Trình soạn thảo này cung cấp một giao diện và cho phép bạn chỉnh sửa trang web trong WYSIWYG, trong khi tạo ra mã HTML bình thường.



Nếu bạn tạo ra một trang văn bản và chọn định dạng HTML, bạn sẽ không nhận được các chỉnh sửa từ HTML. Thay vào đó, bạn nhận được giao diện một giao diện văn bản bình thường, nơi bạn chỉnh sửa mã HTML:



Một câu hỏi đặt ra: Nếu bạn tạo một trang HTML, Tại sao bạn không sử dụng một trình soạn thảo thân thiện hơn WYSIWYG. Nếu bạn đã tạo ra mã HTML từ một chương trình khác như Nvu, Dreamweaver, hoặc FrontPage, thì bạn vẫn có thể chuyển sang mã HTML (xem mã nguồn) sao đó sao chép đoạn mã đó vào HTML của bạn. Đó là cách đơn giản và nhanh nhất để có một trang HTML.

### Plain Text Format- for Program Listings



Chính xác nếu không định dạng văn bản, nó sẽ hiển thị như những gì bạn gõ. Một trang văn bản đơn giản sẽ dễ sử dụng cho một trình bày với một khối lượng lớn các mã. Mã máy tính và mã HTML không dịch tất cả.

Ví dụ., bạn viết đoạn văn bản sau trong Moodle

HTML supports three kinds of lists. The first kind is a bulleted list, often called an unordered list. It uses the <ul> and <li> tags, for instance:

```
<ul>
<li>the first list item</li>
<li>the second list item</li>
<li>the third list item</li>
</ul>
```

Trong định dạng tự động, moodle sẽ cố gắng để dịch đoạn mã này thay vì hiển thị chính xác những gì bạn gõ. Trang sẽ như sau:



Rõ ràng trang hiển thị này sẽ bị lỗi. Nhưng nếu bạn định dạng theo định dạng văn bản, nó sẽ hiển thị mã đúng :

```
HTML supports three kinds of lists. The first kind is a bulleted list,
often called an unordered list. It uses the <ul> and <li> tags, for
instance:
<ul>
<li>the first list item</li>
<li>the second list item</li>
<li>the third list item</li>
</ul>
```

Last modified: Thursday, 29 November 2007, 10:41 PM

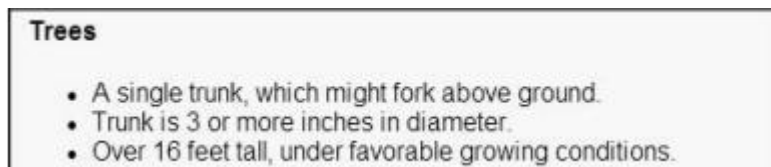
### Markdown Format—Intuitive, Fast Formatting

Nếu bạn không biết về các lệnh định dạng wiki, và bạn chỉ muốn nhanh chóng tạo ra các trang định dạng văn bản, định dạng Markdown cung cấp một lựa chọn các thiết lập của nó. Các thiết lập lớn hơn định dạng nhưng nhỏ hơn wiki hoặc HTML. Nó cũng trực quan. Viết ở định dạng Markdown nhanh chóng và đơn giản hơn. Ví dụ sau, đề cập đến 4 cấp tiêu đề:

####Trees

- \* A single trunk, which might fork above ground.
- \* Trunk is 3 or more inches in diameter.
- \* Over 16 feet tall, under favorable growing conditions.

Và hiển thị như sau



Nếu bạn có kinh nghiệm gõ bàn phím cảm ứng, và bạn thích định dạng của bạn từ bàn phím mà không cần đến chuột, thì bạn cần đến định dạng Markdown

### Window Setting

Dưới cùng của trang soạn thảo văn bản hiển thị các cửa sổ cài đặt. Theo mặc định, các trang văn bản hiển thị trong khung trên cùng của cửa sổ moodle. Bạn có thể sử dụng cửa sổ thiết đặt làm trang hiển thị trong cửa sổ riêng của nó và để điều khiển khung nhìn và kích thước.

### When to Open Pages in a New Window.

Nếu bạn mở một trang web trong cửa sổ riêng của bạn, và đây không phải là việc làm thường cho nguồn tài nguyên trong trang web của bạn, học viên có thể sẽ

không nhận ra rằng họ đang mở một cửa sổ mới. Thêm **new window** vào cuối tên của trang để tránh sự nhầm lẫn này. Ví dụ, tôi có thể đặt tên trang mình là:



Nếu trang của bạn thường mở ra một cửa sổ mới, hoặc nếu thay đổi kích thước cửa sổ mới để nó không che khuất các trang moodle bên dưới nó, điều này là không cần thiết. Cần chắc chắn rằng người dùng có thể thấy khi mở một trang văn bản mới trên trang web của bạn.

### Web page (trang web)

Bạn có thể soạn các trang web trong moodle, và sao chép mã HTML từ trang web khác vào moodle. Các trang web sẽ cung cấp cho bạn nhiều sự lựa chọn hơn so với các tài liệu được đề cập đến trong chương, bao gồm khả năng của Java và các mã hoạt động khác trên trang. Bắt đầu tạo một trang web, từ trình đơn xổ xuống của Add a resource, chọn Compose a web page.

Bạn không cần học về HTML để tạo ra các trang web trong moodle. Khi bạn tạo ra trang web, moodle sẽ cung cấp cho bạn một màn hình word WYSIWYG.. Trang word cung cấp các biểu tượng định dạng cơ bản.



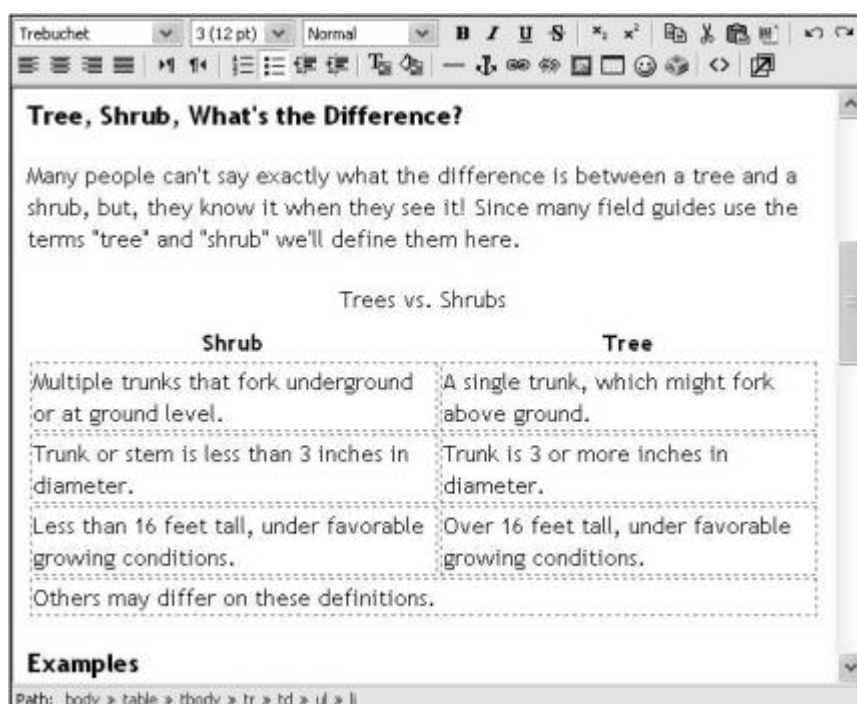
Bạn có thể thấy từ thanh công cụ tích hợp sẵn các biểu tượng trong trình soạn thảo của moodle cho phép bạn:

- Chọn cách hiển thị chữ và kích thước.
- Tag đoạn văn bản như bình thường, tiêu đề và địa chỉ.
- Tạo các kí hiệu
- Căn chỉnh đoạn văn bản.
- Tăng hoặc giảm khoảng cách giữa các đoạn văn bản.
- Định dạng kiểu danh sách và liệt kê.
- Thụt lề đoạn văn bản.
- Chèn đường ngang
- Chèn hình ảnh.

- tạo bảng
- chèn mặt cười.
- Chèn kí tự đặc biệt.

## Ưu điểm của HTML khi chỉnh sửa trang web

Đây là danh sách các lệnh định dạng bạn có thể làm được nhiều điều bằng HTML hơn là thông qua các biểu tượng. Để làm được điều này bạn phải biết chỉnh sửa HTML. Bạn truy cập vào mã HTML, nhấp vào nút View HTML<>. Hai ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy trang WYSIWYG và HTML



```

You are in TEXT MODE. Use the [<>] button to go back to WYSIWYG MODE.
<h3>Tree, Shrub, What's the Difference?</h3>

<p>Many people can't say exactly what the difference is between a tree
and a shrub, but, they know it when they see it! Since many field
guides use the terms &quot;tree&quot; and &quot;shrub&quot;, we'll
define them here.</p>

<table summary="This table lists the characteristics of shrubs and
trees, and how they differ.">

<caption>Trees vs. Shrubs</caption>
<thead>
<tr>
<th id="header1">Shrub</th>
<th id="header2">Tree</th>
</tr>
</thead>

<tfoot>
<tr>
<td class="centered" colspan="2">Others may differ on these
definitions. </td>
</tr>
</tfoot>

<tbody>

```

Lưu ý mã HTML gồm các tính năng trong bảng mà không có sẵn trong Moodle, soạn thảo WYSIWYG HTML. Có một bảng tóm tắt chú thích cho bảng, cột ID được gán cho tiêu đề và cuối trang. Để thêm các tính năng nâng cao cho HTML, cần phải xem về HTML.

### Composing in an HTML Editor and Uploading to Moodle

Đối với một trang HTML dài và phức tạp, hoặc để thoải mái hơn bạn có thể chỉnh sửa trang HTML của mình bằng DreamWeaver hoặc FrontPage. Điều này là cần thiết nếu bạn muốn tận dụng khả năng chỉnh sửa với các Javascript, và các tính năng khác vào trang web của bạn. Sau đó làm thế nào để nhận ra trang vào Moodle của bạn? Bạn có thể sao chép và dán mã HTML từ trang web của bạn vào cửa sổ chỉnh sửa trang moodle. Để làm được điều này bạn sẽ:

- Trong trình soạn thảo của trang web của bạn chọn xem HTML. Ví dụ trong DreamWeaver bạn chọn View->Code và trong FrontPage chọn View-> Reveal Codes.
- Đoạn mã HTML cho trang web của bạn được đặt giữa thẻ <body> và </body>. Sao chép mã với lệnh Edit->Copy hoặc Ctrl+C
- Chuyển sang moodle và tạo trang web mới.
- Hiển thị mã HTML bằng cách chọn vào biểu tượng <>
- Ctrl+V để dán đoạn mã vào.

Một phương pháp thứ 2 để xuất bản trang web của bạn đó chính là tạo trang web bên ngoài moodle sau đó tạo liên kết đến từ khóa học của bạn.

### **Tìm hiểu thêm về Moodle**

Để tìm hiểu thêm về mã HTML, bạn có thể bắt đầu với các tổ chức chịu trách nhiệm xác định các tiêu chuẩn. World Wide Web là trang duy trì hoàn chỉnh tiêu chuẩn cho HTML trực tuyến, tại <http://www.w3.org/TR/html4> . Các hướng dẫn cơ bản <http://www.w3.org/MarkUp/Guide/> . Tất cả những hướng dẫn cơ bản có thể được thực hiện bằng cách sử dụng công cụ WYSIWYG trong moodle. Hướng dẫn HTML tại : <http://www.w3.org/MarkUp/Guide/Advanced.html>. Trong đó có một số tính năng bạn sẽ phải xem thêm ở HTML. Ví dụ:

- Chạy văn bản xung quanh hình ảnh.
- Xác định khu vực có thể nhấp vào trong hình ảnh.
- Sử dụng thanh cuộn.
- Link

Bạn có thể hiển thị nội dung khác bất cứ nơi nào trên trang web trong moodle bằng cách sử dụng liên kết. Bạn cũng có thể liên kết đến tập tin mà bạn đã tải lên vào khóa học. Theo mặc định nội dung này xuất hiện trong một khung trong khóa học của bạn. Bạn cũng có thể chọn để hiển thị nó trong một cửa sổ mới

Khi sử dụng nội dung từ các trang web bên ngoài, bạn cần xem xét đến tính hợp pháp và độ tin cậy việc sử dụng liên kết. Là hợp pháp để hiển thị các tài liệu trong một cửa sổ trang moodle của bạn? Nội dung vẫn hiển thị khi khóa học đang thực thi? Trong ví dụ tôi liên kết đến nguồn tài nguyên trực tuyến từ BBC, một nguồn khá tin cậy.



Nhớ rằng, dưới cùng cửa sổ hiển thị của cửa sổ cài đặt, bạn có thể lựa chọn để hiển thị nguồn tài nguyên này trong cửa sổ hiển thị của bạn. Bạn cũng có thể thiết lập kích thước của cửa sổ. Có thể là bạn muốn nó xuất hiện trong một cửa sổ nhỏ hơn để không hoàn toàn che khuất cửa sổ trang moodle của bạn. Điều này sẽ rõ ràng hơn để học viên mở một cửa sổ mới.

### **Khi nào sử dụng liên kết đến trang web.**

Trong ảnh chụp màn hình trước, bạn thấy liên kết Summary bởi người tạo khóa học. Học viên sẽ không thấy bản tóm tắt này khi nhấp vào liên kết. Thay vào đó họ được đưa trực tiếp đến vị trí liên kết. Học viên chỉ thấy bản tóm tắt sau khi họ chọn Resources từ khối Activities. Sau đó tất cả trang web, trang văn bản và liên kết trong khóa học sẽ được liệt kê với bản tóm tắt của họ. Liên kết sẽ được liệt kê như sau:

Dissect a Flower	A virtual laboratory where you can dissect a flower, label it, and put it back
Online (new window)	together again. Produced by the British Broadcasting Corporation (BBC) and offered free on their school resources website.

Nếu bạn muốn học viên luôn nhìn thấy mô tả của liên kết trước khi xem tài nguyên, tạo một trang web và đặt liên kết đó vào trang. Ví dụ, tôi đã thêm một trang web sử dụng trình đơn Add a resource..trong trình đơn xổ xuống chọn Compose a web page.. Điền chỉnh sửa vào trang web như sau:

Click here to open the page in a new window.' Each section has a rich text editor toolbar above it."/>

**Compose a web page**

**Name:**


**Summary:**


**Full text:** Click here to open the page in a new window."/>


Và kết quả trên Home page là liên kết đến trang web này

**4 Flowers**

Along with leaves, flowers are the most important identifying feature. This section covers flower parts and terminology used to describe flowers.



 The Parts of a Flower

 Dissect a Flower Online (new window)

Và kết quả trang web như sau:

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers**

< Jump to... >

wildskills » Wild Plants 1 » Resources » **Dissect a Flower Online**

A virtual laboratory where you can dissect a flower, label it, and put it back together again. Produced by the British Broadcasting Corporation (BBC) and offered free on their school resources website. Click here to open the page in a new window.

Last modified: Wednesday, August 10 2005, 11:32 AM

You are logged in as Student Number1 (Logout)

Wild Plants 1

### Directory (thư mục)

Thêm thư mục vào khóa học là một cách khác để hiển thị tập tin mà bạn đăng tải lên khóa học. Dưới các mục con của Files, bạn thấy rằng trong cùng cửa sổ mà bạn tải lên các tập tin trong khóa học bạn có thể tạo thêm các thư mục.





Khi bạn thêm một thư mục vào khóa học, là bạn đang thêm một liên kết đến các tập tin chính trên Home page với biểu tượng thư mục như sau:



Khi học sinh nhấp vào thư mục, nội dung sẽ hiển thị



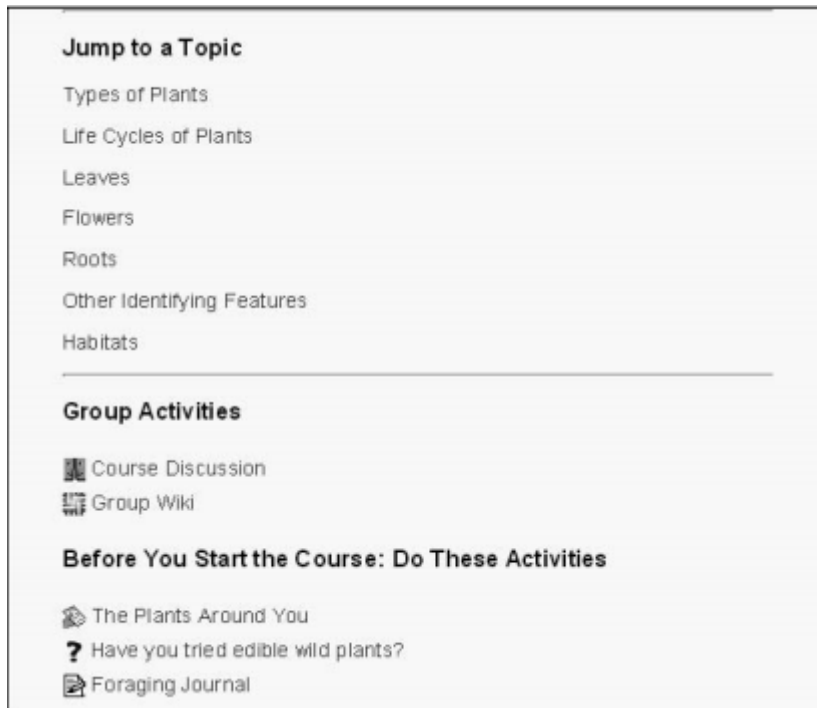
### Tại sao phải dùng đến thư mục?

Một cách khác để học viên truy cập vào các tập tin đăng tải lên là tạo liên kết giữa các tập tin. Để tạo liên kết đến một số tập tin, thêm một thư mục là dễ dàng và đơn giản hơn. Nếu học viên phải tải về một số tập tin cho khóa học, bạn có thể đăng tải các tập tin đó vào một thư mục và sau đó cấp cho họ quyền truy cập vào. Ngoài ra thư mục còn cung cấp một mức độ tổ chức cho các tập tin mà bạn cung cấp cho học sinh.

### Lable (Nhãn)

Khóa học theo chủ đề và tuần được tổ chức thành nhiều phần. Nhãn có thể giúp bạn tổ chức nội dung trong một phần, tạo cho bạn một mức độ tổ chức. Nhãn có thể chứa văn

bản, hình ảnh hoặc là nội dung khác mà bạn đặt vào trang web. Cơ bản nó là một tài liệu HTML. Tuy nhiên, vì nhãn có thể xử lý bất kỳ nội dung HTML nào, nên bạn sẽ không muốn tạo ra toàn bộ trang web trogn một nhãn. Mục đích chính của nhãn là tổ chức Home page của khóa học. Trong hình dưới đây, bạn có thể thấy khóa học Wild Plants sử dụng nhãn để tổ chức tài nguyên của khóa học. Các đường ngang và Jump to a topic, group Activities, Before You Start the Course: Do These Activities là các nhãn



Trong ví dụ, người tạo nên khóa học sử dụng các nhãn văn bản để tổ chức nội dung khóa học. Nhãn cũng có thể chứa hình ảnh đồ họa. Thêm một hình ảnh vào đầu mỗi chủ đề là cách trực quan nhất. Ngoài ra nhãn cũng có thể chứa một lượng lớn nội dung văn bản. Bạn có thể giới thiệu các hoạt động với một đoạn văn dài trong nhãn. Trong hình trước, việc giải thích từng hoạt động sẽ giúp cho học viên hiểu hơn về hướng của khóa học. Hãy sử dụng các nhãn một cách sáng tạo trong việc tổ chức, chèn các thông tin..

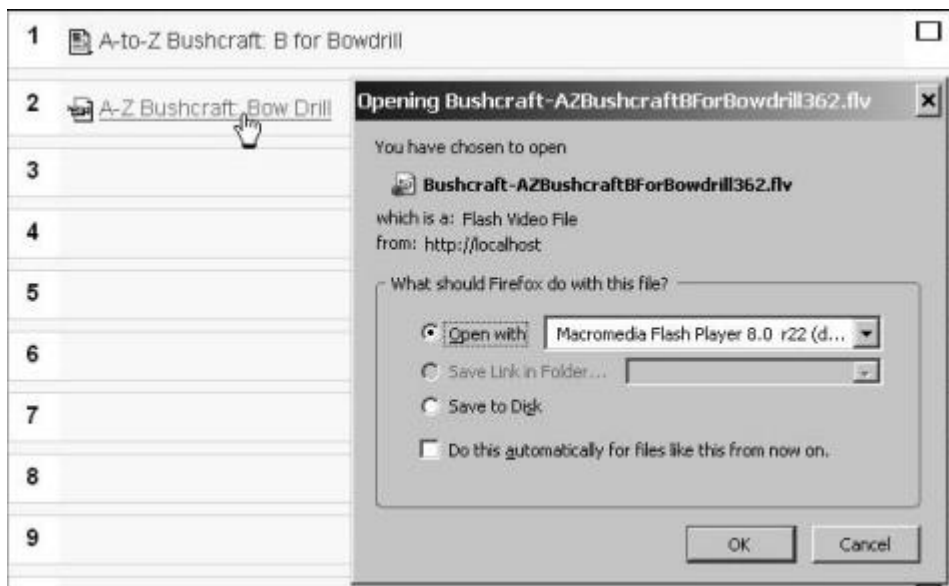
### **Thêm Multimedia (Audio và video)**



bạn có thể thêm Audio và video vào khóa học của bạn theo 2 cách. Cách thứ nhất là nhúng đa phương tiện vào trang web. Có nghĩa là bạn tạo ra một trang web bình thường và cũng như việc bạn đặt một hình ảnh trên đó thì bạn sẽ đặt một tập tin audio hoặc video để thay thế. Cũng giống như việc bạn giới thiệu về một hình ảnh thì bạn cũng có thể giới thiệu về một tập tin đa phương tiện với đoạn văn bản trong trang mà tập tin được nhúng vào.

Tập tin được nhúng có thể là một trong những gì bạn đã tải lên Moodle, nghĩa là nó có thể là một trang tập tin..Hoặc các tập tin nhúng có thể được nhúng từ một trang web khác. VD nó có thể là video từ Youtube. Dù bằng cách nào thì file được nhúng vào cũng sẽ được mở trên trang web. Đây là một ví dụ về một bộ phim được nhúng vào đang chạy trên trang web moodle



Cách khác để liên kết đến tập tin đa phương tiện. Thay vì đặt các tập tin trên một trang web thì liên kết trực tiếp với nó. Trình duyệt web của bạn sẽ quyết định trình ứng dụng để mở các tập tin. Tập tin có thể trong trang moodle của bạn hoặc trang web khác. Dù bằng cách nào, bạn cũng có thể liên kết người dùng đến tập tin, dù nó được đặt ở đâu. Khi nhấp vào liên kết, trình duyệt của người dùng sẽ xử dụng plug-in chính xác để mở tập tin. Như trong hình dưới :




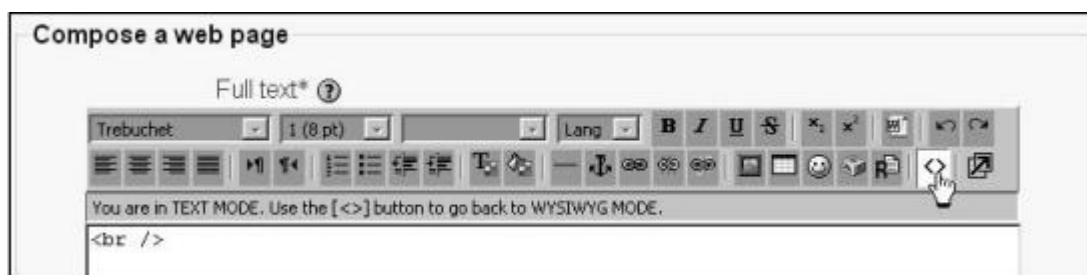
Chú ý rằng liên kết đầu tiên trong trang này cho một trang web, bạn có thể xác định điều này bởi biểu tượng  của trang web. Liên kết thứ 2 trên trang này là liên kết trực tiếp đến tập tin đa phương tiện. Biểu tượng cho liên kết tập tin video .

Trong cửa sổ pop-up, thấy rằng vị trí của tập tin là <http://localhost>. Tập tin trong moodle cũng giống như trên máy chủ. Tập tin được đăng tải lên moodle và bây giờ là trang của tập tin. Bạn có thể liên kết đến tập tin được tải lên moodle của bạn, hoặc các tập tin tồn tại trên các trang web khác.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ giới thiệu làm thế nào để nhúng và liên kết đến tập tin đa phương tiện.

### Embedding Multimedia (Nhúng tập tin đa phương tiện)

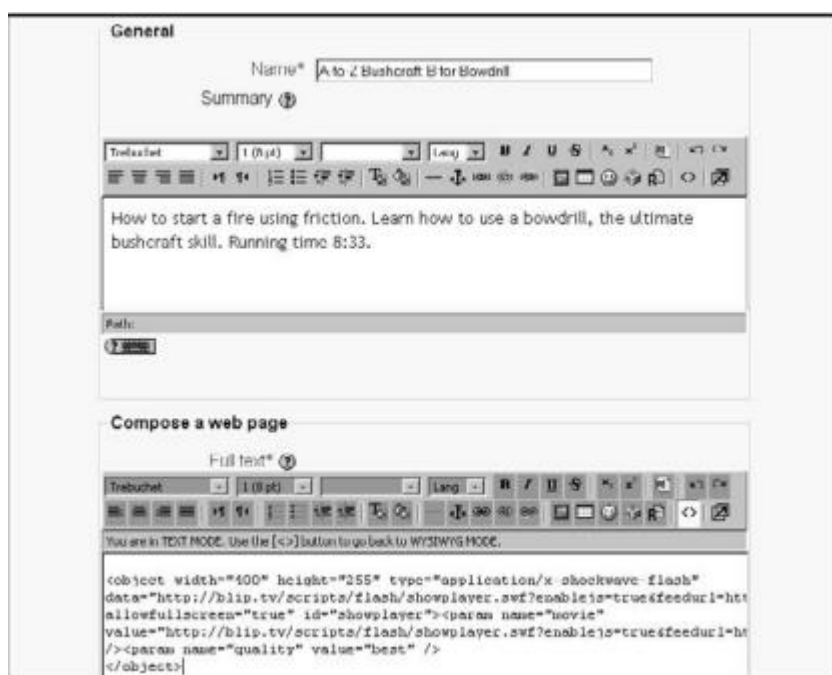
Nhúng đa phương tiện vào trang web, bạn phải chỉnh sửa mã trang HTML. Để truy cập vào mã HTML của một trang web, nhấp vào nút View HTML  :



Sau khi bạn đang ở chế độ xem HTML, chuyển sang trang web có chứa các đa phương tiện. Sao chép mã nhúng từ các trang web video. Trong ví dụ sau, nhấp vào biểu tượng góc dưới bên phải sẽ mở một cửa sổ pop-up có chứa mã để nhúng. Tôi sao chép mã từ cửa sổ đó:



Sau đó dán đoạn mã nhúng vào trang web.

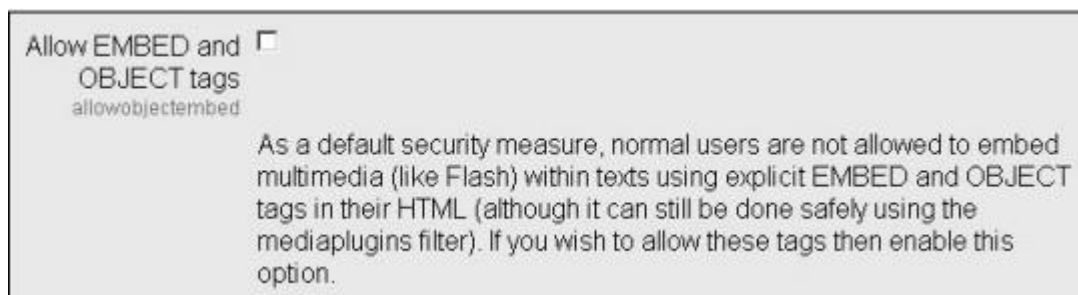


Kết quả là trang web được hiển thị ở đầu phần này

### Allowing Non-Trusted Users to Embed Items

Nhận thấy rằng các đoạn mã bắt đầu và kết thúc bằng thẻ <object>tag. Trong moodle, các cài đặt mặc định chỉ cho phép người dùng tin cậy nhúng các mẫu tin bằng thẻ <object> hoặc <embed>. Người sử dụng đáng tin cậy là Administrator, Course creator, hoặc Teacher, người dùng khác không có quyền nhúng các đối tượng vào các thẻ. Ví dụ, nếu bạn yêu cầu học viên đăng tải lên trang web một phần của bài tập và trang web chứa thẻ <object> hoặc <embed>. Các thẻ sẽ được gỡ bỏ. Bạn có thể kiểm

soát các thiết lập ở Site administrator-> Security-> Site policies. Thiết lập Allow EMBED and OBJECT tag cho phép người dùng không tin cậy sử dụng các thẻ:



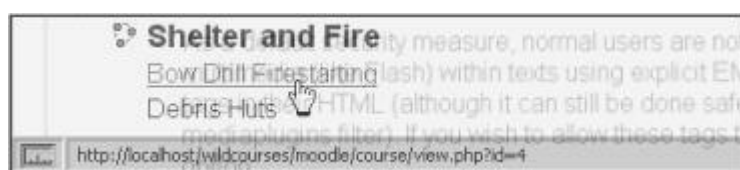
Lưu ý rằng Administrator, course creator, hoặc teacher sẽ luôn phải sử dụng các thẻ này. Các thiết lập này chỉ ảnh hưởng đến người dùng khác

### Đăng tải và liên kết đến các tập tin Multimedia

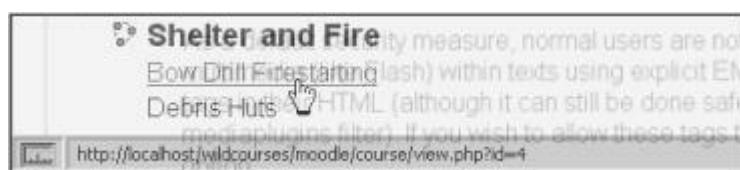
Một trong những hình ảnh ở đầu phần này, bạn nhìn thấy một liên kết đến một tập tin đa phương tiện. Tập tin đã được đăng tải lên khóa học. Đăng tải và liên kết đến các tập tin trong các phần tập tin gần đầu chương này. Tuy nhiên, cần lưu ý đến kích thước tập tin. Trong chương 2 phần Maximum Uploaded File Size, bạn có thể thay đổi kích thước tập tin mà bạn tải lên. Tuy nhiên, thay đổi này yêu cầu bạn truy cập vào tập tin .ini (tập tin cấu hình) cho PHP, và Apache trên máy chủ của bạn. Nếu bạn không có quyền truy cập vào tập tin này, bạn sẽ không thể tăng kích thước tập tin tải lên.

### Cách giải quyết cho các tập tin tải lên có kích thước lớn

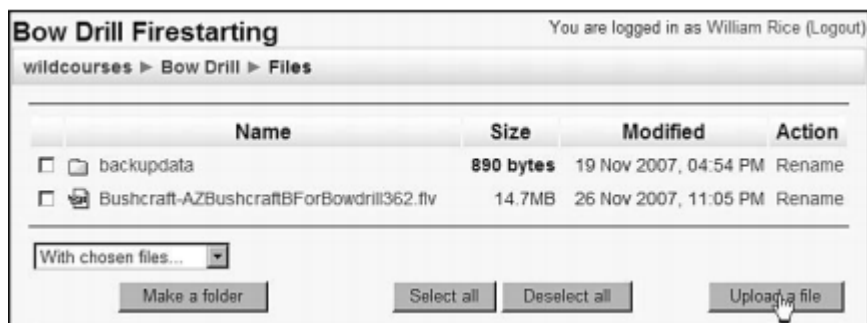
Trong Moodle, mỗi khóa học đều có số ID. Khi bạn chọn khóa học, văn bản của liên kết sẽ cho bạn biết ID của khóa học. Trong ví dụ sau đây, bạn có thể thấy rằng con trỏ trên liên kết Bow Drill Firestarting. Thanh trạng thái ở dưới cùng của cửa sổ cho biết số ID của khóa học là 4.



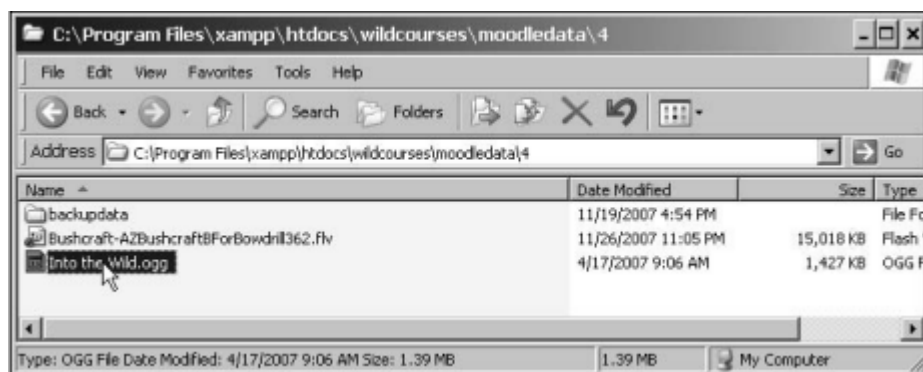
Hãy nhớ lại khi bạn đăng tải một tập tin vào khóa học, các tập tin được đăng tải trong thư mục dữ liệu của Moodle, trong thư mục con của khóa học. Trong ví dụ, tập tin được đăng tải Bow Drill Firestarting được lưu trữ tại /moodledata/4:



Khi bạn đăng tải tập tin vào khóa học, sử dụng Administrator-> Files, tập tin đó được đặt vào thư mục dữ liệu của khóa học



Ngoài ra, nếu bạn đăng tải một tập tin vào thư mục dữ liệu bên ngoài moodle, tập tin đó sẽ hiển thị như một tập tin trong hóa học. Thay vì tải lên các tập tin thông qua moodle, bạn sẽ sử dụng chương trình FPT hoặc một chương trình gì đó tương tự để tải nó lên thư mục dữ liệu. Trogn ví dụ sau, bạn thấy tôi sao chép một tập tin Audio mới vào thư mục dữ liệu của khóa học



Sau khi cập nhật lại trang tập tin của khóa học, tập tin mới sẽ nằm trong danh sách



Đây cũng là cách giải quyết để làm việc với các tập tin trên trang web. Là Front Page cấu trang web có ID khóa học là munber1, tải lên tập tin /moodledata/1 sẽ thêm tập tin và danh sách của trang tập tin. Điều này sẽ rất hữu ích khi bạn phai sử dụng các

tập tin media lớn, nếu hosting của bạn sẽ không cho phép nâng cao giới hạn đăng tải trong PHP hoặc Apache .

### Tóm tắt

Những tài nguyên tĩnh của khóa học( text page, web page, links, directory view, và table) tạo thành cốt lõi của hầu hết các khóa học online. Hầu hết tương tác của học viên/ GV sẽ là những gì học viên đã đọc hoặc xem. Thêm tài liệu tĩnh sẽ tạo cơ hội để suy nghĩ về cách thảo luận và sử dụng các tài liệu. Trong chương sau bạn sẽ được hướng dẫn làm thế nào để thêm các tài liệu tương tác.



## CHƯƠNG 6: THÊM TÀI LIỆU KHÓA HỌC TƯƠNG TÁC

Các hoạt động khóa học tương tác cho phép học sinh tương tác với người hướng dẫn hoặc tương tác với nhau. Lưu ý rằng Moodle không phân loại hoạt động vào “Interactive” và “Static” như chúng ta làm trong cuốn sách này. Trên Moodle, tất cả các hoạt động được thêm vào từ việc thêm một hoạt động (Add an activity ... menu) sau khi bật chế độ chỉnh sửa lên (turning the editing on). Chúng tôi sử dụng các thuật ngữ “Interactive” và “Static” như là một cách thận tiện để phân loại các hoạt động mà Moodle cung cấp.

Bảng dưới đây cung cấp cho bạn mô tả ngắn gọn của từng hoạt động. Các phần dưới đây là mô tả cách sử dụng các hoạt động như thế nào và khi nào sử dụng chúng.

Hoạt động	Mô tả
Assignment (bài tập lớn)	Assignment là một hoạt động hoàn toàn không trực tuyến và ở bên ngoài Moodle. Khi hoàn thành nhiệm vụ, học sinh tải lên một tập tin cho người hướng dẫn đánh giá hoặc có thể báo cáo bằng một số cách khác. Cho dù có đòi hỏi phải tải lên một tập tin hay không thì học sinh luôn nhận được một điểm số cho phần Assignment (bài tập) của mình.
Choice (lựa chọn)	Choice cơ bản là một câu hỏi đơn nhiều lựa chọn mà người hướng dẫn hỏi lớp học. Kết quả có thể được hiển thị trên toàn lớp hoặc giữ ở giữa cá nhân học sinh và người hướng dẫn. Choice là cách tốt nhất để có được phản hồi của học sinh về lớp học. Bạn có thể dự định những lựa chọn trong khóa học của bạn trước thời hạn, và giữ chúng ẩn cho đến khi cần sự phản hồi của học sinh. Bạn cũng có thể thêm chúng khi cần thiết.
Journal (nhật ký cá nhân)	Bạn có thể tạo ra một nhật ký trực tuyến mà là duy nhất cho mỗi học sinh. Journal chỉ có thể được nhìn thấy bởi học sinh viết nó và người hướng dẫn. Hãy nhớ rằng mỗi Journal được gắn liền với khóa học mà nó xuất hiện trong đó. Nếu bạn muốn di chuyển Journal của học sinh đến một khóa học khác, bạn sẽ phải sử dụng sáng tạo các chức năng sao lưu phục hồi.
Lesson (bài học)	Lesson là một loạt các trang web hiển thị theo một thứ tự nhất định, nơi mà sự hiển thị của trang kế tiếp phụ thuộc vào sự trả lời câu hỏi của học sinh. Thông thường các “câu hỏi nhảy” (jump questions) được sử dụng để kiểm tra sự hiểu biết tài liệu của học sinh. Hãy làm cho đúng, và bạn tiến hành mục tiếp theo. Làm sai, bạn có thể ở lại trang này hoặc nhảy đến trang khác

	<p>phục. Nhưng “câu hỏi nhảy” cũng có thể hỏi học sinh những gì họ quan tâm trong bài học tiếp theo, hoặc một số câu hỏi thăm dò khác.</p> <p>Lesson cho Moodle khả năng phân nhánh, có trong các sản phẩm đào tạo thương mại (có phí). Bạn có thể làm một khóa học gồm bản tóm tắt, bài tập, bài kiểm tra.</p>
Quiz (bài kiểm tra)	Các câu hỏi mà bạn tạo ra trong khi làm một bài kiểm tra trong một khóa học có thể được tái sử dụng trong các khóa học khác. Bao gồm việc tạo loại câu hỏi, tạo câu hỏi và chọn tên câu hỏi có ý nghĩa.
SCORM/AICC	SCORM là tập hợp tất cả những chỉ định cho phép khả năng tương tác, tiếp cận và có thể dùng lại nội dung học tập dựa trên web. Nếu một phần của tài liệu học tập đáp ứng các tiêu chuẩn SCORM thì nó có thể được chèn vào bất kỳ hệ thống quản lý học tập hỗ trợ SCORM (đó là hầu hết những hệ thống lớn). Mô-đun SCORM của Moodle cho phép bạn tải lên bất kỳ gói SCORM chuẩn nào vào khóa học.
Survey (khảo sát)	Moodle đi kèm với các khảo sát được viết trước, được thiết kế bởi các chuyên gia giáo dục để giúp hướng dẫn tìm hiểu về học sinh của mình. Nếu phiếu câu hỏi khảo sát không phù hợp cho việc sử dụng của bạn, bạn có hai lựa chọn: sử dụng lại một bài kiểm tra vào bài khảo sát hoặc chỉnh sửa mã PHP của bài khảo sát để thay đổi nội dung câu hỏi. Phần này bao gồm các phiếu khảo sát và hai tùy chọn cho các tùy chỉnh khảo sát.

## Assignments

Sau khi đăng nhập với vai trò là giáo viên và bật chỉnh sửa (turning on editing) bạn có thể thêm một *assignment* từ việc *Add an assignment ... menu*



## Types of assignments

Bạn có thể chọn 4 loại *assignment*, mỗi loại sserợc giải thích ở đây:

## Upload a Single File

Sử dụng loại assignment này khi bạn muốn học sinh nộp một tập tin trực tuyến. Hình dưới đây cho thấy tất cả những gì học sinh thấy trước khi họ nộp tập tin:

wildcourses ▶ Wild Plants 1 ▶ Assignments ▶ The Plants Around You

Separate groups: Group1

Even if you live in the city, you probably pass many plants every day. You may wonder what some of these plants are, and if they're edible species. Is that patch of weeds at the end of you driveway edible? What kind of tree grows in that park you pass every day? What kind of flowering plant is growing in that field across from where you work?

Upload a picture of a plant or a green area that interests you. **The picture must have sufficient detail to identify the plant(s) in it.**

If you have a digital camera, this is easy. If not, you can take any copyright-free plant picture you find on the Web (government sites are good for this) and upload it.

The instructor for this course will put the pictures into an album, and try to identify the plant(s) for you.

**Due date:** Thursday, 2 November 2006, 10:50 PM

Upload a file (Max size: 2MB)

Và đây là những gì học sinh thấy sau khi gửi tập tin. Các bài gửi được chấm điểm bởi giáo viên:

The instructor for this course will put the pictures into an album, and try to identify the plant(s) for you.

**Due date:** Thursday, 2 November 2006, 10:50 PM

## Feedback from the Instructor



**Site Administrator**

Monday, 3 October 2005, 11:14 AM

**Grade: 8 / 10**

Water\_lilies.jpg

Upload a file (Max size: 2MB)

You are logged in as Student Number1 (Logout)

Wild Plants 1

## Advanced Uploading of Files

Cũng như *assignment* loại **Upload a Single File**, loại *assignment* này cho phép mỗi học sinh tải lên một file trong định dạng bất kỳ. Tuy nhiên học sinh có thể tải lên nhiều phiên bản hoặc các bản nháp. Cho đến khi học sinh tải lên bản cuối cùng thì các bản nộp đều được đánh dấu là bản nháp.

Giáo viên xác định có bao nhiêu bản được phép tải lên khi tạo *assignment*. Học sinh có thể tải lên nhiều bản hoặc chỉ ra một tập tin là bản cuối cùng.

Học sinh cũng có thể nhập các ghi chú với các tập tin đã nộp. Trong hình bên dưới bạn có thể thấy một học sinh đã tải lên một tập tin, thêm một ghi chú và đó vẫn là bản nháp. Lưu ý rằng:

- Học sinh có thể thay thế một tập tin đã có bằng việc tải lên một bản khác. Đó sẽ được tính là bản nháp khác.
- Nút Edit cho phép học sinh chỉnh sửa các ghi chú.

- Nút Send cho phép học sinh xác định đây là bản nộp cuối cùng, mặc dù người đó không nộp tối đa số lượng bản nháp cho phép.

wildcourses ▶ Tracking Basics ▶ Assignments ▶ Tracking Box

Tuesday, 4 December 2007, 10:07 PM

NOTE: This assignment will take several hours. During the assignment, you can do other activities that do not take too much concentration, such as read, surf the Web, or talk on the phone. But you will need to keep watch over your tracking box for at least an hour, and possibly several hours.

Construct a tracking box in your back yard or park, using these directions.

Bait the box with a spoonful of peanut butter.

Station yourself far enough away so that you do not scare any of the small animals that are attracted by the bait, but close enough so that you can photograph the animal approaching the bait and eating.

Make yourself comfortable. You'll need to wait until an animal walks into the tracking box and approaches the bait.


Try to photograph the animal approaching, eating, and leaving.

Photograph the tracks left behind by the animal. Especially, photograph the tracks the animal made while it was sitting and eating.

Upload at least one photo of the animal, and one of its tracks. You can upload up to four photos. Add notes to the photos telling us what we are looking at.

**Available from:** Tuesday, 4 December 2007, 09:00 AM  
**Due date:** Tuesday, 11 December 2007, 09:00 AM

**Submission draft**

 blackbeartrack.png x

Upload a file (Max size: 20MB)

**Notes**

The shorter claws of the black bear often do not leave an impression in the ground. In this track notice that only the very tips of the claws left an impression. Also, the toes of black bears are farther apart than grizzlies, and usually show a definite space between the toes

**Final submission for assignment marking**

You are logged in as Student Number1 (Logout)

## Online Text

Chọn loại *assignment* này khi bạn muốn học sinh tạo ra một trang trực tuyến. trong khi nó được gọi là assignment “Online Text” (văn bản trực tuyến), lưu ý rằng học sinh có thể bao gồm bất cứ điều gì trên trang có thể cho một trang web, chẳng hạn như đồ họa hoặc các liên kết. Đó là vì học sinh tạo ra trang bằng cách sử dụng trình biên tập trang web được tích hợp của Moodle. Nếu bạn dùng loại assignment này hãy xem xét việc hướng dẫn cho học sinh của bạn cách sử dụng trình biên tập trực tuyến để chèn đồ họa, liên kết, đa phương tiện và các bảng biểu. hầu hết các chức năng của trình biên tập trực tuyến là tự giải thích, đặc biệt là cho thể hệ của các blogger. Nhưng các chức năng này có thể gây cho học sinh một số vấn đề nếu bạn không giải thích chúng.

Trong khi chấm điểm *assignment* giáo viên có thể chỉnh sửa trang văn bản trực tuyến của học sinh. Khi học sinh nhấp vào *assignment* để xem điểm, các học sinh sẽ thấy phiên bản gốc và phần chỉnh sửa. Hình bên dưới là ghi note của một học sinh và phần phản hồi dỉ dỏm của giáo viên:

Read the following subject line and email. Discuss how this email meets or fails to meet our criteria for an effective message, including:

- A subject line that tells you if the email requires action or is just informative.
- A message that is clearly relevant to the reader, or a statement as to how the information is relevant to the reader.
- Directions to the recipient about what is expected next of him/her

*Subject:* Clinical Research Office

*Body:* Bill, Rosemarie Giordano has been named to head the newly formed Office of Clinical Research which will have various management responsibilities over translational research here. I met with her yesterday and she will have some requests/ideas for training and other support that we may be able to provide for her, e.g., virtual training, web communication strategies, etc. She is just getting her thoughts together, so we will probably meet with her in the early fall to see what she would like to do.

**Available from:** Tuesday, 4 December 2007, 10:00 PM

**Due date:** Tuesday, 11 December 2007, 10:00 PM

**Last edited:** Tuesday, 4 December 2007, 11:31 PM (1 words)

Your changes have been saved

Blah!

[Edit my submission](#)

### Feedback from the Instructor



**William Rice**

Tuesday, 4 December 2007, 11:32 PM

**Grade: 90 / 100**

Blah! blah!

You are logged in as Student Number1 (Logout)

Nếu giáo viên cho phép nộp lại *assignment*, việc quay lại, đưa thông tin phản hồi và chấm điểm có thể tiếp tục cho đến khi giáo viên quyết định điểm cuối cùng cho *assignment*.

Nếu bạn đã quen với cái cũ, trước phiên bản Moodle 1.7, thì bạn có thể nói tới một hoạt động gọi là *journal*. *Assignment* loại văn bản trực tuyến thực chất là thay thế cho *journal*. Tuy nhiên như các phiên bản 1.9, mô-đun *journal* vẫn còn có trong phân phối tiêu chuẩn. Nó đã ngừng hoạt động nhưng bạn có thể bật mô-đun *journal* dưới quyền quản lý trang hoặc mô-đun. Tại sao phải làm điều này vì *journal* có thể làm một số

việc mà *assignment* loại văn bản trực tuyến (online text) không làm được. Ví dụ, *journal* của học sinh là cá nhân, chỉ có thể được xem bởi giáo viên và học sinh viết nó. Còn trong *assignment*, chế độ nhóm là nguyên nhân khiến cho mục nhập của học sinh bị truy cập bởi ít nhất là các thành viên khác cùng nhóm với học sinh nếu không phải là cả lớp. Và trong *journal*, nhiều mục của học sinh được tập trung trong một khung nhìn duy nhất. Trong *assignment* học sinh có thể làm mỗi mục nhập trong mỗi *assignment*.

## Offline Activity

Cạn loại này khi bạn muốn sinh viên làm bên ngoài moodle. Lưu ý rằng bên ngoài của Moodle không có nghĩa là không online trên moodle hoàn toàn. Assignment có thể là một cái gì đó ở những nơi khác trên web, như trong ví dụ sau. Hay nó có thể offline như việc chụp hình hoặc đi viện bảo tàng.

**InfoOverload** ► **Inbox** ► **Assignments** ► **Your Longest Email**

Everyone has gotten forwarded emails that are so full of past replies, they go on for pages. On Monday, find your longest, most difficult-to-read forwarded email. Forward it to the instructor at [moodle@williamrice.com](mailto:moodle@williamrice.com). The instructor will use the examples that the class forwards in Wednesday's session.

NOTE: If there's something in the email that you don't want others in the class to see, delete it before forwarding the email to the instructor.

**Available from:** Friday, 30 November 2007, 03:50 PM  
**Due date:** Sunday, 7 December 2008, 03:50 PM

Trong khi công việc được thực hiện bên ngoài Moodle nhưng giáo viên vẫn ghi điểm trên Moodle.


Tạo một assignment

*Adding an assignment* tự động sẽ làm xuất hiện cửa sổ *Editing Assignment*:




**General**


Assignment name\*

Description\* 

Trebuchet | 1 (8 pt) | Long | **B** **I** U **S** | x<sub>1</sub> x<sub>2</sub> |

Even if you live in the city, you probably pass many plants every day. You may wonder what some of these plants are, and if they're edible species. Is that patch of weeds at the end of you driveway edible? What kind of tree  
 Is that oak some more species? What kind of flowering plant is

Path: 


Grade 


Available from       Disable

Due date       Disable

Prevent late submissions


**Upload a single file**

Allow resubmitting 

Email alerts to teachers 

Maximum size

**Common module settings**

Group mode 

Visible

There are required fields in this form marked\*

Trường *Assignment name* sẽ được hiển thị trên trang khóa học. Khi học sinh nhấp chuột vào tên thì trường *Description* hiển thị. *Description* (mô tả) nên cung cấp những hướng dẫn đầy đủ về việc hoàn thành và nộp *assignment*.

Các *assignment* mà đến hạn sẽ sớm xuất hiện trong khối *Upcoming Events* (đã nói đến trong chương 3). Nếu bạn không đặt ngày hết hạn cho *assignment* thì mặc định hệ thống sẽ đặt ngày mà bạn tạo ra *assignment* đó. Điều này sẽ làm *assignment* xuất hiện trong khối *Upcoming Events* như là nó đã đến hạn. Hãy chắc chắn rằng bạn đã đặt một ngày hết hạn thích hợp cho *assignment*.

### Printer-Friendly Directions (các hướng dẫn đã in)


Với những *assignment* được hoàn thành offline, bạn có thể muốn những hướng dẫn của mình được in ra để học sinh có thể mang hướng dẫn theo bên mình. Hãy chắc rằng

những hình ảnh mà bạn nhúng vào trường *Description* phải nhỏ hơn chiều rộng của trang in. Hoặc bạn có thể tải lên các hongws dẫn với dạng file \*.pdf và sử dụng trường *Description* để hướng dẫn học sinh in các hướng dẫn và mang theo.

## Chỉ rõ rằng assignment là bắt buộc thực hiện

Trên trang chủ của khóa học, liên kết *assignment* hiển thị với biểu tượng của riêng nó. Nó không ngay lập tức thể hiện rằng biểu tượng này có nghĩa là “bạn hãy làm *assignment* này”. Bạn có thể muốn sử dụng một nhãn (label) để chỉ ra rằng *assignment* là nên làm. Trong ví dụ này, một nhãn để hướng dẫn học sinh làm *assignment* và một câu khảo sát nhiều lựa chọn:

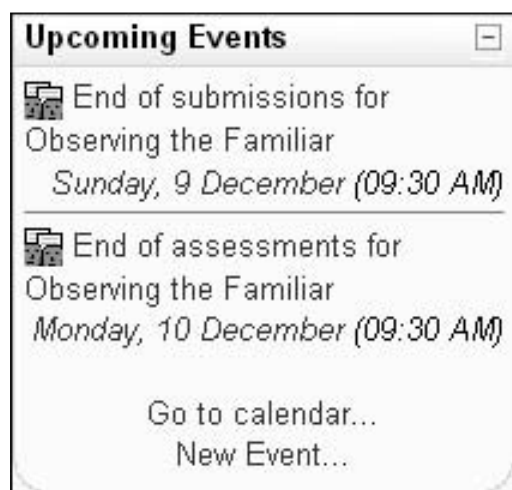
### Before You Start the Course: Do These Activities

 The Plants Around You

? Have you tried edible wild plants?

Bạn cũng có thể gắn *label* lên các hoạt động cá nhân như một mệnh lệnh, chẳng hạn như “Tìm hiểu về cây cối xung quanh bạn” hay “Trả lời câu hỏi khảo sát về kinh nghiệm của bạn với loài cây ăn được”.

Các *assignment* luôn được thêm vào các khối *Upcoming Events*. Nếu bạn có một *assignment* thì xem xét thêm vào khối *Upcoming Events* thậm chí khi bạn không có sự kiện nào khác được lên kế hoạch cho khóa học (như *trip*, *discussion*, *chat* và tương tự). Điều này sẽ phục vụ như là một lời nhắc nhở thêm với học sinh.



Ngoài ra nếu bạn ẩn thị khối *Recent Activity* (hoạt động gần đây), nội dung mà vừa mới được thêm hay chỉnh sửa sẽ xuất hiện trong khối đó. Nếu bạn thêm hoặc chỉnh sửa một *assignment* trong khi khóa học đang tiến hành, khối *Recent Activity* sẽ đóng vai trò như một lời nhắc nhở hoàn thành *assignment*.



## Lesson

*Lesson* là loại hoạt động mạnh nhất và phức tạp nhất. Cơ bản *lesson* là một loạt các trang web trình bày thông tin và các câu hỏi.

Một *Moodle lesson* có thể là sự kết hợp mạnh mẽ của giảng dạy và đánh giá. *Lesson* cung cấp sự linh hoạt của một trang web, tính tương tác của một bài kiểm tra và khả năng phân nhánh.

### Lesson là gì?

*Lesson* bao gồm một loạt các trang web. Thông thường một trang *lesson* có chứa một số tài liệu giảng dạy và một câu hỏi nhảy về tài liệu mà học sinh vừa xem. Câu hỏi nhảy dùng để kiểm tra sự hiểu tài liệu của học sinh. Làm đúng, và bạn tiến hành mục tiếp theo. Làm sai, bạn có thể ở lại trang này hoặc nhảy đến trang khắc phục. Nhưng “câu hỏi nhảy” cũng có thể hỏi học sinh những gì họ quan tâm trong bài học tiếp theo, hoặc một số câu hỏi thăm dò khác. Hoặc nó cũng có thể được dán *label* “Tiếp tục” để học sinh đến trang tiếp theo.

Sau đây là ảnh chụp màn hình của một trang *lesson*. Mục đích của nó là giảng dạy. Thật vậy, bạn có thể để bất cứ điều gì lên trang *lesson*, những điều mà bạn có thể để lên bất cứ một trang web Moodle nào khác.

## Relationship Between Distance and Perspective

In some photographs, space can appear compressed, so that objects appear closer together than they really are. In another photograph of the same scene, space can appear expanded so that objects appear farther apart than they are.

### Distance from Camera Determines Perspective

Distortions in perspective are actually caused by the distance of the subject from the camera. The farther a scene is from the camera, the closer the objects in that scene appear. The closer a scene is to the camera, the farther apart objects in that scene appear. Distance compresses the space in a picture, and closeness expands the space.

In the photo below, look at the distance between the columns. The columns closer to the camera appear to be further apart, while those farther from the camera appear closer together.



Photo by Smiles for the world / Alex Lapuerta

### Focal Length Does Not Determine Perspective

Many people think these distortions in perspective are caused the focal length of the lens being used. For example, they think that a long lens--a telephoto lens--compresses space, and a short lens--a wide angle lens--expands space. This isn't true.

A telephoto lens enables you to shoot a scene that is farther from the camera. Because the scene is far from the camera, its perspective is compressed. But it is the distance from the camera, not the telephoto lens, that is causing the compression.

A wide angle lens enables you to shoot a scene that is closer to the camera. Because the scene is close to the camera, its perspective is opened. But it is the closeness to the camera, not the wide angle lens, that is causing the opening of the space.

*Click the Continue button below to go to the next page in this lesson.*

Continue

Ở dưới cùng của trang lesson là nút Continue. Trong *lesson* này, khi học sinh nhấp vào nút này thì người đó được đưa đến câu hỏi dưới đây:

You have earned 0 point(s) out of 0 point(s) thus far.

You are shooting a street scene and want to make the people in the scene appear close together. Do you:

Move closer to the people you are photographing.  
 Back away from the people you are photographing.  
 Zoom in with your telephoto lens.

Please check one answer

Mỗi câu trả lời hiển thị thông tin phản hồi khác nhau, như một bài kiểm tra:

*Your answer :*

Move closer to the people you are photographing.

That's right. Reducing the actual distance between the scene and the camera--getting closer--will compress the distance between subjects in the scene.

Continue

*Your answer :*

Zoom in with your telephoto lens.

Sorry, but this isn't correct. Zooming in or out won't change the perspective in the scene.

You must get physically closer to the scene to reduce the apparent distance between subjects in the scene. Zooming in makes the scene appear closer, but it doesn't change the perspective. Only reducing the actual distance between the scene and the camera--getting closer--will compress the distance between subjects in the scene.

*Your answer :*

Back away from the people you are photographing.

Sorry, but this isn't correct. Backing away from the scene will make the apparent distance between subjects in the scene increase.

You must get physically closer to the scene to reduce the apparent distance between subjects in the scene. Only reducing the actual distance between the scene and the camera--getting closer--will compress the distance between subjects in the scene.

Nếu học sinh trả chính xác người đó được đưa đến trang tiếp theo. Một câu trả lời không chính xác sẽ đưa học sinh đến trang khắc phục. Sau đây là ví dụ về một trang khắc phục:

## Remedial: Compressing Perspective

In the photo below, the space between each of the marchers in the front row is the same:



Photo by Celeste Hutchins.

Look at the two men closest to you. You can see that the space between them is over four feet. If one of them reached out his arm, he could not touch the other:



Đây là trình tự đơn giản nhất cho một *lesson* trong Moodle. Bạn cũng có thể thêm vào những tính năng tiên tiến. Chúng tôi sẽ thảo luận về những cái này sau, sau khi nhìn vào những tính năng cơ bản.

### Cài đặt lesson

Khi bạn lần đầu tiên tạo một *lesson*, bạn sẽ thấy một cửa sổ nơi mà bạn có thể chọn các thiết lập cho toàn bộ *lesson*. Trước khi bạn có thể thêm một trang đơn cho một *lesson* bạn phải chọn các thiết lập *lesson*. Nếu bạn không chắc chắn về bất kỳ một thiết lập nào bạn chỉ cần đoán cái tốt nhất. bạn luôn có thể quay trở lại và thay đổi các thiết lập. hãy nhớ rằng một trong những lợi thế của Moodle là dễ dàng thử nghiệm và thay đổi tài liệu khóa học của bạn. Làm quen với cách tiếp cận táo bạo hơn, thử nghiệm nhiều hơn để sử dụng Moodle và bạn sẽ thích nó nhiều hơn nữa.

Cửa sổ này được chia thành 6 vùng:

- *General* (chung)

- *Grade options* (tùy chọn lớp)
- *Flow control* (điều khiển lưu lượng)
- *Lesson formatting* (định dạng bài học)
- *Access control* (điều khiển truy cập)
- *Other* (khác)

Trong phần này, tôi sẽ đi qua các trang *Edit Lesson* từ trên xuống dưới. Tôi sẽ thảo luận hầu hết các thiết lập, và tập trung vào những cái mà rất hữu ích cho việc tạo ra các hiệu quả của một bài flash. Đến cuối phần này, bạn sẽ hiểu làm thế nào hầu hết các thiết lập trên trang *Edit Lesson* ảnh hưởng đến kinh nghiệm của học sinh.

## **General Settings (thiết lập chung)**

Những điều dưới đây là các thiết lập:

### **Name (tên)**

Đây là tên của *lesson*, cái mà học sinh sẽ nhìn thấy trên trang chủ của khóa học.

### **Time Limit (thời gian giới hạn)**

Đây là giới hạn thời gian cho toàn bộ *lesson* và không dành cho mỗi trang cá nhân. Bật cái này sẽ hiển thị một bộ đếm thời gian và đếm ngược. Bộ đếm thời gian sử dụng JavaScript, do đó, để sử dụng tính năng này, học sinh của bạn phải cài đặt và kích hoạt Javascript trong trình duyệt của họ.

Khi thời gian đạt đến giới hạn, các học sinh không bị đẩy ra khỏi *lesson*. Tuy nhiên, bất kỳ câu hỏi mà học sinh trả lời sau thời gian giới hạn không được tính vào điểm của học sinh.

### **Maximum Number of Answers/Branches (tối đa số câu trả lời)**

Ở dưới cùng của một trang câu hỏi trong một *lesson* bạn có thể đặt một câu hỏi kiểm tra. *Maximum Number of Answers/Branches* xác định số lượng tối đa các câu trả lời mà câu hỏi có thể có. Đối với câu hỏi đúng/sai, thiết lập này là 2. Sau khi tạo ra các trang câu hỏi, bạn có thể tăng hoặc giảm thiết lập này mà không ảnh hưởng những câu hỏi mà bạn đã tạo.

Moodle Solutions ► LessonSolutions ► Lessons ► Editing Lesson

Adding a new Lesson to topic 1 ?

**General**

Name:

Timed:  ?

Time limit (minutes):  ?

Maximum number of answers/branches:  ?

### Grade Options (lựa chọn điểm)

Nếu một bài học đang được sử dụng cho thực hành thì hầu hết các lựa chọn điểm là không thích hợp.

**Grade options**

Practice lesson:  ?

Custom scoring:  ?

Maximum grade:  ?

Student can re-take:  ?

Handling of re-takes:  ?

Display ongoing score:  ?

### Practice Lesson (bài học thực hành)

Nếu bạn thiết lập *Practice Lesson* là *Yes* thì *lesson* này sẽ không xuất hiện trong bảng điểm (GradeBook)

### Custom Scoring (tùy chỉnh chấm điểm)

Thông thường một câu trả lời đúng cho câu hỏi có giá trị bằng toàn bộ điểm của câu hỏi, câu trả lời sai có giá trị bằng 0. Kích hoạt tùy chỉnh chấm điểm cho phép bạn đặt một giá trị điểm cho mỗi câu trả lời riêng lẻ trong một câu hỏi. Sử dụng điều này nếu một số câu trả lời là "đúng hơn" hay "sai hơn" hơn những câu trả lời khác. Bạn cũng có thể sử dụng để thiết lập giá trị điểm cho một câu hỏi. Nếu một câu hỏi quan trọng hơn, sử dụng *Custom Scoring* để cho nó nhiều điểm hơn.



## **Maximum Grade (điểm tối đa)**

Nêu bạn thiết lập *Maximum Grade*, *lesson* sẽ không xuất hiện trong bất kỳ các trang điểm nào. Điểm số của học sinh trong *lesson* này sẽ không ảnh hưởng đến điểm cuối cùng của học sinh cho khóa học.

## **Student Can Re-take**

Thiết lập này xác định học sinh có thể lặp lại *lesson* này hay không.

## **Handling of Re-takes**

Thiết lập này chỉ có liên quan khi học sinh được phép lặp lại các *lesson*. Khi học sinh được phép lặp lại *lesson* thì điểm hiển thị trong trang điểm sẽ hoặc là điểm trung bình hoặc là điểm cao nhất của học sinh.

## **Display Ongoing Score**

Khi thiết lập này được đặt là *Yes*, mỗi trang của *lesson* hiển thị điểm số của học sinh và số điểm có thể có cho đến hiện tại. Lưu ý rằng điều này sẽ hiển thị số điểm mà học sinh có thể kiếm được cho các trang mà mình đã xem cho đến hiện tại.

Nếu một *lesson* là không tuyến tính (có nghĩa là, nếu phân nhánh), sau đó con đường mà mỗi học sinh cần đi qua *lesson* có thể thay đổi. Điều này có nghĩa rằng mỗi học sinh có thể có cơ hội để kiếm được một số lượng các điểm khác nhau. Vì vậy, trong một *lesson* có phân nhánh thì tổng số các điểm có thể có cho toàn bộ *lesson* là không có ý nghĩa bởi vì *lesson* có thể khác nhau với mỗi học sinh khác nhau. Ví dụ, bạn có thể tạo ra một *lesson* với nhiều nhánh, nhiều trang. Sau đó, yêu cầu các học sinh kiếm được ít nhất 200 điểm trên *lesson* đó. Điều này sẽ khuyến khích các học sinh khám phá *lesson*, và thử các nhánh khác nhau cho tới khi họ đã giành được những điểm cần thiết.

## **Flow Control**

Một số tùy chọn dưới dòng điều khiển làm cho *lesson* hoạt động giống như một đầu đọc thẻ nhớ flash. Các thiết lập khác trên trang này trở thành không thích hợp khi một *lesson* được sử dụng như các thẻ nhớ flash.

Flow control	
Allow student review:	No <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Display review button:	No <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Maximum number of attempts:	1 <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Action after correct answer:	Show an unanswered Page <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Display default feedback:	Yes <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Minimum number of questions:	0 <input style="float: right;" type="button" value="?"/>
Number of pages (cards) to show:	10 <input style="float: right;" type="button" value="?"/>

*Allow student review* cho phép một học sinh quay trở lại trong một *lesson*, và thử lại câu hỏi mà người đó đã làm sai. Điều này khác với việc sử dụng nút Back trên trình duyệt, thiết lập cho phép học sinh thử lại các câu hỏi trong khi việc sử dụng nút Back trên trình duyệt thì không.

Nhìn vào thiết lập cho *Action after correct answer*. Chú ý rằng trong trường hợp này, nó được thiết lập để hiển thị một trang chưa trả lời (*Show an unanswered Page*). Điều này có nghĩa rằng sau khi một học sinh trả lời một câu hỏi một cách chính xác, Moodle sẽ hiển thị một trang mà các học sinh hoặc đã chưa nhìn thấy hoặc đã trả lời không chính xác. Hiển thị thiết lập một trang chưa được trả lời thông thường được dùng trong một *lesson* thẻ flash (*flash card lesson*) để cho học sinh cơ hội thứ hai trả lời các câu hỏi một cách chính xác. Trong một bài học thực tế (*practice lesson*), bạn sẽ thường dùng *Allow student review* để cho phép học sinh quay lại những câu hỏi mà họ đã làm sai.

*Display review button* hiển thị một nút sau khi học sinh trả lời sai một câu hỏi. Nút này cho phép học sinh nỗ lực trả lời lại câu hỏi. Nếu câu hỏi của bạn chỉ có 2 câu trả lời (đúng/sai), và cho học sinh làm lại ngay sau khi làm sai thì nó không có ý nghĩa nhiều. Sẽ hiệu quả hơn nếu nhảy đến một trang giải thích tại sao câu trả lời bị sai, và sử dụng thiết lập *Show an unanswered Page* để cho học sinh cơ hội khác để trả lời câu hỏi trong lần sau.

*Maximum number of attempts* xác định số lần tối đa mà học sinh có thể trả lời câu hỏi. Nó được áp dụng cho tất cả các câu hỏi trong *lesson*.

*Minimum number of questions* thiết lập giới hạn tối thiểu các câu hỏi được dùng để tính điểm số của học sinh trong *lesson*. Nó có liên quan khi *lesson* được dự định sẽ chấm điểm.

*Number of pages (cards) to show* xác định bao nhiêu trang được hiển thị. Nếu *lesson* chứa số lượng trang nhiều hơn con số này thì *lesson* sẽ kết thúc sau khi đạt tới số trang được thiết lập ở đây. Nếu *lesson* chứa ít hơn con số này thì *lesson* kết thúc sau khi tất cả các thẻ được hiển thị. Nếu bạn thiết lập nó là 0, *lesson* kết thúc khi tất cả các thẻ được hiển thị.

## Lesson Formatting (định dạng lesson)

Các thiết lập dưới *Lesson Formatting* được sử dụng để biến bài học thành một trình chiếu, cái mà xuất hiện trong một cửa sổ bật lên. Thiết lập *Slide Show* tạo ra các cửa sổ trình chiếu. *Slide show width* (độ rộng), *Slide show height* (độ cao), và *Slide show background color* (màu nền) thiết lập định dạng của các trình diễn. *Background color* (màu nền) sử dụng mã màu 6 lí tự của Web. Mã này được gọi một cách chính thức là ‘Hex RGB’. Với biểu đồ của các mã màu này, hãy thử tìm kiếm với thuật ngữ ‘hex rgb chart’, hoặc xem biểu đồ một phần ở <http://www.w3.org/TR/2001/WDcss3-color-20010305#x11-color>.

**Lesson formatting**

Slide Show:  ?

Slide show width:  px ?

Slide show height:  px ?

Slide show background color:  ?

Display left menu:  and only display if Student has grade greater than:  ?

Progress Bar:  ?

*Display left menu* hiển thị một thanh điều hướng ở bên trái cửa sổ trình chiếu. Thanh điều hướng cho phép học sinh điều khiển đến bất kỳ slide nào. Nếu không có thanh điều hướng học sinh phải lần lượt qua các slide theo thứ tự mà Moodle hiển thị, và phải xem qua hết để thoát ra (hoặc học sinh có thể đóng cửa sổ một cách bắt buộc). Đôi khi, bạn muốn học sinh hoàn thành toàn bộ *lesson* theo thứ tự trước khi cho phép họ di chuyển quanh *lesson*. Thiết lập chỉ hiển thị nếu học sinh có điểm cao hơn việc thực hiện việc này. Chỉ khi học sinh đạt số điểm quy định thì sẽ thấy thanh điều hướng. Bạn có thể sử dụng thiết lập này để đảm bảo rằng các học sinh hoàn toàn thông qua *lesson* lần đầu tiên, trước khi cho phép học sinh di chuyển quanh *lesson*. Thiết lập *Progress Bar* hiển thị một thanh tiến trình ở dưới cùng của *lesson*.

## Access Control (điều khiển truy cập)

Tuy nhiên, nhớ rằng trong phần đầu của chương chúng ta đã biết *lesson* là một hoạt động mà có thể được thực hiện phụ thuộc vào việc hoàn thành các hoạt động khác. Nghĩa là bạn có thể yêu cầu học sinh hoàn thành một *lesson* cụ thể trong khóa học của bạn trước khi cho phép họ truy cập vào *lesson* hiện hành của mình. Bây giờ hãy nhìn vào thiết lập *Dependent on* trong hình sau:

**Access control**

Password protected lesson:  ?

Password:  (Leave blank to keep current password) ?

Dependent on:  ?

Condition(s) for the dependency:	Time Spent (minutes)	Completed	Grade better than (%)
	<input type="text" value="0"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="text" value="0"/>

Available from:    -

Deadline:    -

### Pop-Up to File or Web Page

**Pop-up to file or web page**

Pop-up to file or web page ?

Show close button:

Window height:\* ?

width:\* ?

Khi học sinh khởi động *lesson*, bạn có thể tạo một trang mới hoặc một tập tin khởi động với *lesson*. Trang hoặc tập tin này sẽ khởi động trong một cửa sổ riêng biệt. Điều này cho phép bạn sử dụng trang hoặc tập tin này như là khởi đầu cho *lesson* của bạn. Ví dụ, bạn có thể khởi động một hình ảnh động của một trái tim đang đập trong một cửa sổ pop-up, và sử dụng *lesson* để chỉ ra các bộ phận của tim, và hỏi các sinh viên từng bộ phận là gì trong suốt nhịp đập của tim.

Moodle sẽ hiển thị các loại tập tin sau đây trong khung nhìn của mình:

- MP3 Plain Text
- Media Player GIF
- Quicktime JPEG

- Realmedia PNG
- HTML

Các loại tập tin mà Moodle không có hỗ trợ khung nhìn thì sẽ có link tải về.

Thậm chí khi loại tập tin được hỗ trợ bởi một trong những khung nhìn của Moodle, bạn có thể muốn nhúng tập tin trong một trang web thay thế. Đặt tập tin lên một trang web cho phép bạn viết lời giải thích ở trên cùng của trang, nói rằng, “Bạn sẽ tham khảo hình ảnh này trong bài học. Đặt lại vị trí cửa sổ này và cửa sổ bài học, để bạn có thể nhìn thấy cả hai cùng một lúc, hoặc dễ dàng chuyển đổi giữa hai cái”.

Nếu bạn kết hợp điều này với các thiết lập Slide Show, bạn sẽ có trình diễn Moodle hiển thị trong một cửa sổ, và các tập tin quy định ở đây được hiển thị trong một cái khác.

### Other Lesson Settings (các thiết lập lesson khác)

Vùng *Other Settings* có một số thiết lập mà làm cho *lesson* thú vị hơn đối với học sinh.

Chú ý trong ảnh này, *Link to an activity* được đặt là *workshop - Example: Pre-correction in a Workshop*. Thiết lập này đặt một liên kết trên trang cuối cùng của *lesson* để đến hoạt động hoặc nguồn tài nguyên đã quy định. Danh sách thả xuống của *Link to an activity* chứa tất cả các nguồn tài nguyên và các hoạt động trong khóa học hiện hành. Người dùng phải nhấp vào liên kết để đến vị trí đó, vì thế thiết lập này không buộc người dùng phải tiếp tục đến một nơi cụ thể sau bài học.

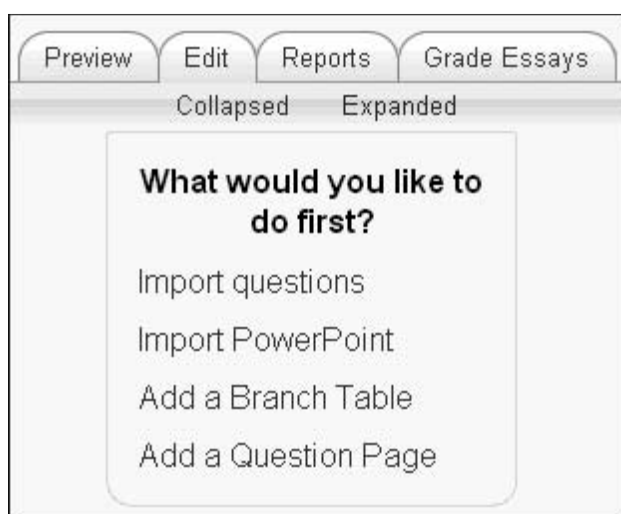
*Number of high scores displayed* cho phép các sinh viên điểm cao chọn một tên để đăng điểm số của họ theo bên dưới. Thiết lập này sẽ không làm bất cứ điều gì nếu bạn tạo *lesson* này là một *Practice Lesson*.

Khi bạn đang tạo một *lesson* bạn sẽ thấy tất cả các trang trong *lesson* theo thứ tự logic. Thứ tự hợp lý, logic là thứ tự mà trong đó, học sinh xem chúng và trả lời đúng mỗi câu hỏi và tiếp tục thông qua một mạch *lesson*. Bất cứ lúc nào bạn cũng có thể xem trước các *lesson* từ cái nhìn của học sinh. Phần này sẽ gồm có việc xem trước một *lesson*.

Một *lesson* có thể được chấm điểm hoặc không. Nó cũng có thể cho phép học sinh quay lại *lesson*. Trong khi Moodle có phép bạn chấm điểm *lesson* thì hãy nhớ rằng mục đích chính của *lesson* là dạy chứ không phải kiểm tra. Không dùng *lesson* để làm công việc của *quiz* hay *assignment*. Số điểm của *lesson* là để cung cấp cho bạn một thông tin phản hồi về hiệu quả của mỗi trang, và để cho phép các học sinh đánh giá sự tiến bộ của họ.

### Adding the First Question Page (thêm trang câu hỏi đầu tiên)

Ngay khi bạn lưu các thiết lập lesson, Moodle sẽ hiện cho bạn trang sau:



Lúc này là lúc tạo trang câu hỏi đầu tiên hoặc nhập các trang câu hỏi từ hệ thống khác. Hãy nhìn vào mỗi lựa chọn (*option*).

### Importing Questions (nhập câu hỏi)

Nếu bạn chọn *Import questions*, bạn có thể import các câu hỏi mà đã được tạo từ Moodle hoặc các hệ thống học tập trực tuyến khác. Một số các định dạng mà bạn có thể import.

GIFT and Moodle XML	Đây là những định dạng độc quyền của Moodle. GIFT chỉ là văn bản, và XML có thể bao gồm hình ảnh và các ký tự đặc biệt.
Aiken	Định dạng này là cho câu hỏi trắc nghiệm
Missing Word	Định dạng này là cho câu hỏi trắc nghiệm điền khuyết
Blackboard	Nếu bạn định chuyển đổi từ Blackboard sang Moodle, bạn có thể xuất (export) các câu hỏi từ Blackboard và nhập (import) chúng vào Moodle.

WebCT	Định dạng này hỗ trợ các câu hỏi trắc nghiệm và các câu hỏi có câu trả lời ngắn từ WebCT
Course Test Manager	Nếu bạn định chuyển đổi từ Course Test Manager sang Moodle, bạn có thể xuất (export) các câu hỏi từ Course Test Manager và nhập (import) chúng vào Moodle.
Embedded Answers (Cloze)	Định dạng này có câu hỏi trắc nghiệm kèm theo câu trả lời ngắn

Các câu hỏi mà bạn import sẽ được tạo trong trang *lesson*.

### Importing PowerPoint (nhập PowerPoint)

Nếu bạn đã tạo một bài trình chiếu PowerPoint với các hiệu ứng, ... và các tính năng tiên tiến thì đừng xuất ra để nhập vào *lesson* của Moodle. Văn bản và các hình ảnh cơ bản sẽ được nhập vào Moodle nhưng các tính năng nâng cao sẽ bị mất.

Ngoài ra, trước khi bạn nhập trình chiếu PowerPoint của bạn, bạn phải xuất nó dưới dạng web. Khả năng này có trong PowerPoint. Vì vậy, nó không phải là khó khăn, và không yêu cầu phần mềm bổ sung. Nhưng bạn nên biết rằng Moodle không đọc các tập tin PowerPoint trực tiếp. Thay vào đó, nó đọc các trang web mà PowerPoint xuất ra.

### Add a Branch Table

Một trang chi nhánh bao gồm một trang của các liên kết đến các trang khác trong *lesson* của bạn. Lúc này, ngay sau khi bạn đã hoàn tất trang thiết lập *lesson*, *lesson* của bạn không có bất kỳ trang nào. Vì vậy, thêm một bảng chi nhánh tại thời điểm này không có ý nghĩa. Chúng ta hãy xử lý với các bảng chi nhánh sau đó, sau khi chúng ta đã thêm một số trang câu hỏi vào *lesson*.

### Add a Question Page (thêm một trang câu hỏi)

Tùy chọn này cho phép bạn thêm một trang câu hỏi vào *lesson* của bạn bằng cách sử dụng trình soạn thảo dựng sẵn của Moodle. Quá trình tạo ra một trang câu hỏi được đề cập trong phần tiếp theo, **Creating the Question Pages** (tạo trang câu hỏi).

### Creating the Question Pages

Sau khi bạn điền vào và lưu các trang Settings (trang thiết lập), đó là lúc để tạo ra trang câu hỏi đầu tiên. Mặc dù nó được gọi là một 'trang câu hỏi', trang có thể chứa nhiều hơn chỉ là một câu hỏi. Đó là một trang web, do đó bạn có thể thêm bất kỳ nội dung cho nó. Thông thường, nó chứa các thông tin và câu hỏi kiểm tra sự hiểu bài của học sinh. Bạn có thể chọn các loại câu hỏi khác nhau:

- Câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi đúng/sai
- Câu hỏi trả lời ngắn
- Câu hỏi dạng số
- Câu hỏi dạng nói
- Bài luận

Bạn cũng có thể tạo ra phản hồi cho mỗi câu trả lời cho câu hỏi, tương tự như tạo thông tin phản hồi cho các câu trả lời cho câu hỏi trong *quiz*. Và, bạn có thể thực hiện chuyển *lesson* đến một trang mới, dựa trên các câu trả lời của học sinh lựa chọn.

Trong ví dụ sau đây, bạn sẽ thấy trang câu hỏi chứa một số văn bản, hình ảnh, và ba câu trả lời cho câu hỏi này. Lưu ý cho mỗi câu trả lời, có một phản hồi mà học sinh nhìn thấy ngay sau khi gửi câu trả lời. Và, đó cũng là một bước nhảy (Jump) cho mỗi câu trả lời. Đối với hai câu trả lời không đúng, bước nhảy hiển thị cùng một trang. Điều đó cho phép các học sinh thử lại. Với câu trả lời chính xác, bước nhảy hiển thị trang tiếp theo trong *lesson*.



# FREE COURSE: Basic Botany for Foragers

You are logged in as William Rice (Logout)

wildskills » Wild Plants 1 » Lessons » What kind of plant is it?

Question type: ?

Multiple Choice

True/False

Short Answer

Numerical

Matching

Essay

Multianswer:  ?

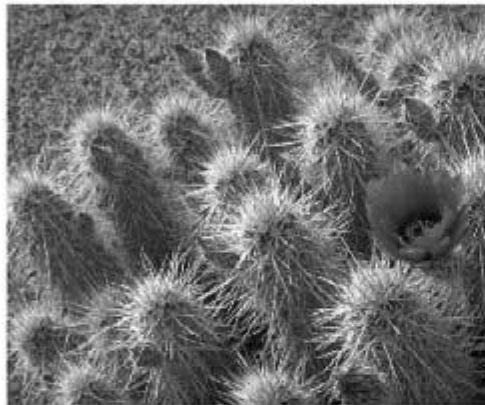
Page title:

Calico Cactus

Page contents:



The Calico Cactus can be a source of water in the desert.



Path: body > p

Answer 1: [Use editor:  ?]

Herbaceous

Response 1: [Use editor:  ?]

No, herbaceous plants have tender leaves. Please try again.

Jump 1: [This page  ?]

Answer 2: [Use editor:  ?]

Succulent

Response 2: [Use editor:  ?]

That's right! All cacti are succulents.

Jump 2: [Next page  ?]

Answer 3: [Use editor:  ?]

Woody

Response 3: [Use editor:  ?]

No, this plant does not have woody stems or a trunk. Please try again.

Jump 3: [This page  ?]

Redisplay page

Save page

Cancel

## Page Title (tiêu đề trang)

Tiêu đề trang sẽ hiển thị ở đầu trang khi mà *lesson* xuất hiện.

## Page Contents (nội dung trang)

Như đã nói từ trước, một trang lesson thực chất là một trang web. Nó có thể chứa bất cứ điều gì mà bạn có thể đặt trên bất kỳ trang web Moodle khác. Thông thường, nó sẽ chứa thông tin, và sau đó là một câu hỏi để kiểm tra sự hiểu biết của học sinh.

## Answers (câu trả lời)

Những câu trả lời sẽ được hiển thị ở dưới cùng của trang bài học, sau nội dung trang. Học sinh sẽ chọn và trả lời với *response* của các câu hỏi được đặt ra trong các nội dung trang.

## Responses (phản hồi)

Với mỗi trả lời mà học sinh lựa chọn, *response* của nó được hiển thị trước khi học sinh được đưa tới một trang mới.

## Jumps (bước nhảy)

Mỗi câu trả lời mà học sinh chọn có kết quả là một trang nhảy (*jump page*).

## This Page

Nếu *Jump* là *This Page* thì học sinh sẽ ở trên cùng một trang. Sau đó học sinh có thể trả lời lại câu hỏi một lần nữa.

## Next or Previous Page (trang kế tiếp hoặc trang liền trước)

Nếu *Jump* là *Next page* hay *Previous page*, học sinh được đưa đến trang tiếp theo hoặc trước đó. Sau khi bạn sắp xếp lại các trang trong *lesson*, bước nhảy này có thể cung cấp cho bạn các kết quả khác nhau. Chỉ cần lưu ý rằng đây là một bước nhảy tương đối.

## Specific Pages

Bạn cũng có thể chọn một trang cụ thể (*Specific Page*) để nhảy đến. Danh sách thả xuống hiển thị tất cả các tiêu đề của các trang *lesson*. Nếu bạn chọn một trang cụ thể để nhảy đến, bước nhảy sẽ vẫn như cũ, ngay cả khi bạn sắp xếp lại các trang trong *lesson* của bạn **Unseen Question within a Branch**.

Nhớ lại rằng một Bảng Chi nhánh (*Branch Table*) là một mục lục, danh sách các trang web trong một *lesson*. Khi bạn chèn một *Branch Table* vào một *lesson*, bạn cũng có thể chèn một *End of Branch* sau đó trong bài học. Các trang giữa các *Branch Table* và

*End of Branch* nhánh trở thành một chi nhánh (branch). Ví dụ, một bài học với hai chi nhánh có thể trông như thế này:

Branch Table 1

Question Page

Question Page

Question Page

End of Branch 1

Branch Table 2

Question Page

Question Page

Question Page

End of Branch 2

Đối với một *Jump*, nếu bạn chọn *Unseen Question within a Branch*, học sinh sẽ được đưa đến một trang câu hỏi mà người đó vẫn chưa thấy trong phiên này. Trang câu hỏi đó sẽ trong chi nhánh giống như trang hiện tại.

### **Random Question within a Branch**

Đối với một *Jump*, nếu bạn chọn *Random question within a branch*, học sinh sẽ được đưa tới một trang câu hỏi ngẫu nhiên trong cùng chi nhánh như trang hiện tại.

Trong trang thiết lập *lesson*, nếu *Maximum number of attempts* được thiết lập lớn hơn 1 thì học sinh có thể nhìn thấy một trang mà mình đã thấy trước đó. Nếu thiết lập *Maximum number of attempts* là 1 thì học sinh có thể thấy một trang câu hỏi ngẫu nhiên mà họ chưa từng nhìn thấy trước đó, và nó có tác dụng tương tự như chọn *Unseen Question within a Branch*.

Một chiến lược cho việc sử dụng thiết lập này là từ bỏ việc sử dụng *Unseen Question within a Branch*. Bất cứ khi nào bạn muốn sử dụng *Unseen Question within a Branch*, thay vì sử dụng *Random question within a branch* và thiết lập *Maximum number of attempts* là 1. Kế đó, bạn có tùy chọn chuyển đổi toàn bộ *lesson* của bạn sang bước nhảy ngẫu nhiên, chỉ được đặt *Maximum number of attempts* là 2 hoặc cao hơn.

### **Random Branch Table**

Nhớ lại rằng một chi nhánh (branch) bắt đầu với một *Branch Table*, có một hoặc nhiều trang câu hỏi, và sau đó kết thúc với một *End of Branch*. Bạn có thể lồng chi nhánh trong chi nhánh.

Nếu *Jump* là một *Random branch table*, học sinh sẽ được đưa đến một *Branch Table* ngẫu nhiên giữa *Branch table* hiện tại và *End of Lesson* hay *End of Branch* tiếp theo.

### **Create Pages and Then Assign Jumps**

Khi điền vào một trang câu hỏi, *Answer 1* được tự động giả định là câu trả lời đúng, vì vậy *Jump 1* tự động đọc trang tiếp theo. Điều này là do trong hầu hết các trường hợp, bạn muốn có một *response* (phản hồi) chính xác dẫn đến trang tiếp theo trong bài học được hiển thị. Tuy nhiên, bạn có thể chọn bất kỳ trang nào tồn tại trong *lesson* cho các *jump*. Lưu ý rằng khi bạn đang điền vào trang câu hỏi đầu tiên, không có các trang khác để chuyển đến, vì vậy tất cả các *jump* trên trang đầu tiên sẽ trực tiếp đến *This page*. Sau khi tạo trang nhiều hơn, bạn có thể quay trở lại và thay đổi *jump*.

Thường là hiệu quả nhất nếu tạo ra tất cả các trang câu hỏi đầu tiên của bạn, và sau đó quay trở lại và chỉ định *jump*.

Các *jump* mà bạn tạo ra sẽ quyết định thứ tự mà các trang được trình bày cho học sinh. Đối với bất kỳ câu trả lời, bạn có thể chọn một *jump* chuyển đến trang cuối cùng của bài học. Trang cuối cùng hiển thị một tin nhắn *End of Lesson*, và nếu bạn chọn, còn có điểm cho *lesson*. Nó cũng hiển thị một liên kết mà sẽ đưa học sinh trở lại trang chủ của khóa học.

### **The Flow of Pages**

Việc sử dụng rõ ràng nhất của các trang câu hỏi và *jump* là để thực thi một cấu trúc bài học “straightthrough”. Một kết quả câu trả lời đúng kết quả là một phản ứng tích cực như “Đó là đúng! “, Và sau đó nhảy đến trang tiếp theo. Một câu trả lời không chính xác kết quả là một phản ứng tiêu cực hoặc một sự điều chỉnh. Với một câu trả lời không chính xác có thể hiển thị lại trang, do đó sinh viên có thể thử một lần nữa, như trong ví dụ trước, *Jump 1: This page*. Hoặc, một câu trả lời không chính xác có thể nhảy đến một trang khắc phục hậu quả.

Thứ tự các trang học sinh sẽ theo nếu người đó đã trả lời mọi câu hỏi một cách chính xác được gọi là thứ tự hợp lý. Đây là cách giáo viên nhìn *lesson* trong khi chỉnh sửa nó và hiển thị tất cả các trang trong cùng một cửa sổ.

### **Question Pages without Questions (trang câu hỏi không có câu hỏi)**

Bạn không cần phải thêm một câu hỏi vào một trang câu hỏi. Nếu bạn bỏ qua các câu hỏi, Moodle sẽ hiển thị một liên kết Tiếp tục để đưa học sinh đến trang tiếp theo. Điều

này rất hữu ích trên các trang khắc phục hậu quả, nơi bạn muốn đảm bảo rằng học sinh trở lại luồng bài học chính. Nó cũng rất hữu ích nếu bạn muốn tạo một bản demo click-through, hoặc một loạt các trang thông tin.

Nó cũng rất hữu ích nếu bạn muốn thực thi việc đọc các tài liệu theo một thứ tự nhất định. Nhớ lại rằng trên trang chủ của khóa học, tài liệu khóa học có thể được đọc theo bất kỳ thứ tự nào. Tuy nhiên, sử dụng một *lesson*, bạn có thể thực thi một thứ tự nhất định cho việc đọc tài liệu khóa học. Nếu bạn muốn thực thi một thứ tự cụ thể cho toàn bộ khóa học, bạn có thể làm cho khóa học thành một *lesson* lớn. Điều này gần như là Moodle tiến đến khả năng của một hệ thống quản lý học tập thương mại để thực thi một bộ tài liệu về một khóa học.

### Editing the Lesson (chỉnh sửa lesson)

Sau khi bạn đã tạo ra một số trang *lesson*, bạn có thể muốn xem và chỉnh sửa các luồng của *lesson*. Bạn có thể làm điều này theo thẻ Edit.

### Collapsed and Expanded

Thẻ Edit là nơi bạn chỉnh sửa nội dung của *lesson* của bạn. Từ đây, bạn có thể thêm, xóa, sắp xếp lại, hoặc chỉnh sửa các trang *lesson* cá nhân.

Dưới thẻ Edit, khi bạn chọn *Collapsed*, bạn sẽ thấy một danh sách các trang trong *lesson* của bạn như thể hiện trong hình bên dưới:


What kind of plant is it? ?				
Preview		Edit	Reports	Grade Essays
Collapsed		Expanded		
Page title	Page type	Jumps	Actions	
Select the correct type for each plant.	Branch Table	Calico Cactus Field Garlic Smooth Sumac	⌵ ⌴ 🔍 ✕ Add a page... ▾	
What kind of plant is this?	Branch Table		⌵ ⌴ 🔍 ✕ Add a page... ▾	
Calico Cactus	Multiple Choice	This page Next page This page	⌵ ⌴ 🔍 ✕ Add a page... ▾	
Field Garlic	Multiple Choice	Next page This page This page	⌵ ⌴ 🔍 ✕ Add a page... ▾	
Smooth Sumac	Multiple Choice	This page This page Next page	⌵ ⌴ 🔍 ✕ Add a page... ▾	

Các trang hiển thị theo thứ tự hợp lý, đó sẽ là con đường ngắn nhất thông qua bài học nếu học sinh trả lời tất cả các câu hỏi một cách chính xác. Lưu ý rằng các nội dung của trang không hiển thị. Mục đích của màn hình này không phải là để chỉnh sửa câu hỏi cá nhân, nhưng để giúp bạn nhìn thấy luồng của bài học.

### **Rearranging Pages (sắp xếp lại các trang)**

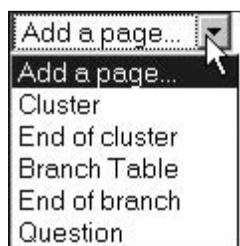
Để sắp xếp lại các trang, nhấn mũi tên lên/xuống để đến trang bạn muốn. Lưu ý rằng đó là bước nhảy để xác định thứ tự mà Moodle trình bày các trang. Nếu một câu hỏi được đặt để chuyển đến trang tiếp theo, việc sắp xếp lại các trang có thể thay đổi bước nhảy. Một câu hỏi cũng có thể được thiết lập để chuyển đến một trang có tên cụ thể. Trong trường hợp đó, thứ tự các trang xuất hiện không xác định điểm đích cho bước nhảy. Vì vậy, sắp xếp lại các trang ở đây sẽ không ảnh hưởng đến bước nhảy đó.

### **Editing Pages (chỉnh sửa các trang)**

Từ thẻ Edit, để chỉnh sửa một trang, nhấp vào biểu tượng edit: . Bấm vào nút này sẽ đưa bạn đến trang chỉnh sửa trang đó. Phần trước đã hướng dẫn chi tiết để chỉnh sửa một trang *lesson*.

### **Adding Pages (thêm trang)**

Danh sách thả xuống *Add a page here* cho phép bạn chèn thêm một trang mới vào *lesson*. Bạn có thể chọn nhiều loại trang khác nhau.



Một trang câu hỏi là bình thường, trang bài học.

Như đã nêu trước, một *Branch Table* là một trang có chứa các liên kết đến các trang khác trong *lesson* của bạn. Các trang này ở giữa các *Branch Table* và *End of Branch*. Chúng tôi sẽ thảo luận thêm về các chi nhánh trong phần tiếp theo.

Một *Cluster* là một nhóm các trang câu hỏi, nơi mà một trang được chọn ngẫu nhiên. Bạn không tiếp tục thông qua một *Cluster* như bạn làm với một chi nhánh. Thay vào đó, bạn nhấn một trang ngẫu nhiên trong một *Cluster*, và sau đó bạn ra khỏi *Cluster* hoặc quay trở lại để bắt đầu.

### **Branch Tables**

Bạn có thể thêm một trang chi nhánh, cho phép sinh viên chuyển đến các trang trong *lesson* của bạn. Một trang chi nhánh bao gồm một trang các liên kết đến các trang khác trong *lesson* của bạn. Trang liên kết này có thể hoạt động với vai trò như một mục lục. Ví dụ, giả sử bạn đang phát triển một *lesson* về William Wallace. Theo cách giảng dạy truyền thống về cuộc sống của một người là tổ chức thông tin theo thời gian. Điều đó có thể dễ dàng thực hiện với một *lesson* ‘straight-through’ như vừa mô tả.

Nhưng giả sử bạn muốn dạy về các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống của một người, và chúng không phù hợp với việc tổ chức thông tin theo thời gian.

Ví dụ, những thành tựu lịch sử của Wallace sẽ phù hợp tốt với dạng dòng thời gian. Nhưng một dòng thời gian có thể không phải là cách tốt nhất để dạy về niềm tin cá nhân của Wallace và tôn giáo. Gia đình của Wallace có thể phù hợp. Nhưng thông tin cơ bản về văn hóa và xã hội có thể không. Một *lesson* ‘straight-through’ có thể không phải là cách tốt nhất để trình bày cuộc sống của Wallace. Thay vào đó, bạn có thể sử dụng một *Branch Table*.

Trong *Branch Table* này, mỗi chi nhánh (phần) có thể là một khía cạnh của cuộc đời của Wallace: thành tựu lịch sử, niềm tin cá nhân, gia đình, thế giới thời ông sống, và tương tự như vậy. Vào đầu *lesson*, học sinh sẽ chọn một chi nhánh để khám phá. Ở *End of Branch*, học sinh sẽ lựa chọn giữa quay lại *Branch Table* (đầu *lesson*), hoặc thoát khỏi *lesson*.

Bạn có thể đánh dấu sự kết thúc của một chi nhánh bằng một trang *End of Branch*. Trang này để học sinh trở về *Branch Table* trước đó. Bạn có thể chỉnh sửa lại bước nhảy. Nếu bạn không đánh dấu sự kết thúc của một chi nhánh bằng trang *End of Branch*, bạn sẽ tiến hành ra khỏi chi nhánh và đến câu hỏi tiếp theo.

## Quizzes

Moodle cung cấp công cụ xây dựng một bài kiểm tra linh hoạt. Mỗi câu hỏi là một trang web đầy đủ tính năng có thể bao gồm bất kỳ mã HTML hợp lệ. Điều này có nghĩa là một câu hỏi có thể bao gồm văn bản, hình ảnh, tập tin âm thanh, tập tin phim, và bất cứ điều gì khác mà bạn có thể đặt trên một trang web.

Trong hầu hết các khóa học của giảng viên hướng dẫn, một bài kiểm tra là một sự kiện lớn. Việc đưa ra các câu đố, dừng lại lớp để làm chúng và chấm điểm có thể mất rất nhiều thời gian của giáo viên. Trong Moodle, tạo, tham gia, và chấm điểm các câu đố nhanh hơn nhiều. Điều này có nghĩa rằng bạn có thể sử dụng các câu đố một cách tự do trong suốt khóa học của bạn. Ví dụ, bạn có thể:

Sử dụng một bài kiểm tra ngắn sau mỗi lần đọc *assignment* để đảm bảo các học sinh hoàn thành việc đọc sách. Trộn các câu hỏi và câu trả lời để ngăn chặn việc chia sẻ giữa các học sinh, và thực hiện chỉ những bài kiểm tra có sẵn cho các tuần hoặc tháng mà các sinh viên có nghĩa vụ phải hoàn thành việc đọc sách.

Sử dụng một bài kiểm tra như là một kiểm tra thực hành. Cho phép nhiều lần làm, và / hoặc sử dụng chế độ thích nghi (adaptive) để cho phép học sinh để cố gắng thử lại một câu hỏi cho đến khi họ làm đúng. Sau đó, các bài kiểm tra trở thành cả tài liệu học tập và thực hành.

Sử dụng một bài kiểm tra như một cuộc khảo sát. Yêu cầu học sinh để đánh giá sự hiểu biết, sự hài lòng của họ với khóa học hoặc người hướng dẫn, tốc độ của khóa học, và tương tự. Điểm số ở phần cuối của bài kiểm tra không phải là xếp loại của họ, mà là điểm họ đưa ra cho khóa học.

### Quiz Settings (thiết lập bài kiểm tra)

Khi bạn lần đầu tiên tạo ra một bài kiểm tra, bạn sẽ thấy trang Settings. Trang này được chia thành chín vùng. Hãy nhìn vào các thiết lập theo từng vùng, từ trên xuống dưới.

#### General (vùng tổng quát)

Trang General trông giống như sau:

**General**

Name\* Leaf Types and Shapes

Introduction ?

Trebuchet 1 (8 pt) Lang B I U S x<sub>2</sub> x<sup>2</sup> [undo] [redo]

[bulleted list] [numbered list] [link] [unlink] [text color] [background color] [image] [video] [embed] [undo] [redo]

Leaves are one of the primary ways that field guides identify plants, so understanding the terminology used to describe them is important. Check your understanding with this short quiz.

Path: [keyboard icon]

*Name* (tên của các bài kiểm tra) sẽ được hiển thị trên trang chủ của khóa học.

*Introduction* (Giới thiệu) được hiển thị khi một học sinh chọn bài kiểm tra, như thể hiện trong hình bên dưới:



## Leaf Types and Shapes

Leaves are one of the primary ways that field guides identify plants, so understanding the terminology used to describe them is important. Check your understanding with this short quiz.

Grading method: Highest grade

Quiz opens: Friday, 8 July 2005, 05:15 PM

Quiz closes: Tuesday, 8 July 2008, 05:15 PM

Attempt quiz now

*Introduction* (Giới thiệu) nên giải thích lý do tại sao các học sinh phải làm bài kiểm tra. Nó cũng nên nói với học sinh về bất kỳ tính năng khác thường của các bài kiểm tra, ví dụ, nó có sử dụng một hiệu ứng mà đòi hỏi Flash, hoặc nó sử dụng một cửa sổ pop-up hay không. Hãy nhớ rằng một khi học sinh nhấp chuột vào nút *Attempt quiz now*, thì người đó vào bài kiểm tra. Vì vậy, nên cung cấp cho các học sinh tất cả mọi thứ họ cần, phải hiểu lý do tại sao và làm thế nào để làm bài kiểm tra trước khi bấm nút.

### Timing

Timing	
Open the quiz ?	8 July 2005 16:15 <input type="checkbox"/> Disable
Close the quiz ?	8 July 2008 16:15 <input type="checkbox"/> Disable
Time limit ?	0 <input type="checkbox"/> Enable
Time delay between first and second attempt ?	None
Time delay between later attempts ?	None

*Open the quiz* và *Close the quiz* xác định khi nào bài kiểm tra sẵn sàng. Chọn ô đánh dấu *Disable* cho *Open the quiz* có nghĩa là bài kiểm tra sẽ được vĩnh viễn mở, thay vì trở nên sẵn sàng vào một ngày nhất định. Chọn ô đánh dấu *Disable* cho *Close the quiz* có nghĩa là một khi bài kiểm tra được mở ra, nó sẽ mở vĩnh viễn, thay vì trở nên không mở vào một ngày nhất định.

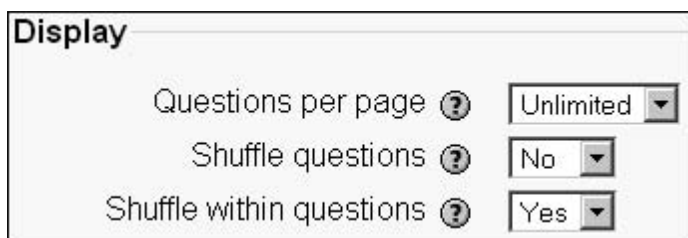
Lưu ý rằng ngay cả khi bài kiểm tra được đóng lại, nó vẫn được hiển thị trên trang chủ của khóa học và học sinh vẫn có thể thử để chọn nó. Khi họ chọn một bài kiểm tra đã đóng, các học sinh nhìn thấy một thông báo nói rằng nó đã bị đóng lại. Nếu bạn muốn

Ẩn một bài kiểm tra, bạn sẽ thấy thiết lập *Visible* phía dưới trang này, thay đổi thiết lập này để ẩn.

Theo mặc định, một bài kiểm tra không có giới hạn thời gian. Nếu bạn muốn đặt giới hạn thời gian, sử dụng thiết lập này. Khi hết thời gian, các bài kiểm tra được tự động gửi cùng với các câu trả lời đã được điền đầy đủ. Một giới hạn thời gian có thể giúp ngăn chặn việc sử dụng các tài liệu tham khảo trong khi tham gia các bài kiểm tra. Ví dụ, nếu bạn muốn học sinh trả lời các câu hỏi từ bộ nhớ, nhưng tất cả các câu trả lời có trong sách giáo khoa, thiết lập một bộ đếm thời gian có thể không khuyến khích học sinh dành thời gian để tìm câu trả lời cho mỗi câu hỏi.

Xuống phía dưới trang, bạn có thể chọn các thiết lập cho phép các sinh viên cố gắng thực hiện các bài kiểm tra nhiều lần. Nếu và chỉ nếu, bạn cho phép nhiều lần thực hiện, các thiết lập *Time delay* ở đây sẽ có hiệu lực.

### Display (hiển thị)



Display	
Questions per page ?	Unlimited
Shuffle questions ?	No
Shuffle within questions ?	Yes

Theo mặc định, tất cả các câu hỏi trong bài kiểm tra hiển thị trên cùng một trang. Các câu hỏi trên mỗi trang phá vỡ các bài kiểm tra thành các trang nhỏ hơn. Moodle chèn ngắt trang cho bạn. Trên trang *Editing Quiz*, bạn có thể di chuyển các ngắt trang. Nếu bạn muốn chia bài kiểm tra của bạn vào các trang mà gồm cùng số lượng các câu hỏi, thì thiết lập này sẽ làm cho bạn. Nếu bạn muốn chia bài kiểm tra của bạn vào các trang mà có số lượng các câu hỏi khác nhau, thì sử dụng thiết lập này, và chỉnh sửa các ngắt trang do Moodle tạo ra cho bạn.

*Shuffle questions* và *Shuffle answers* thay đổi thứ tự các câu hỏi và câu trả lời mỗi lần bài kiểm tra được hiển thị. Điều này không khuyến khích việc chia sẻ câu trả lời của bài kiểm tra giữa các học sinh.

### Attempts

Dưới đây là một trang *Attempts*:

Attempts	
Attempts allowed ?	Unlimited attempts ▼
Each attempt builds on the last ?	No ▼
Adaptive mode ?	No ▼

*Attempts allowed* cho phép các sinh viên tiếp tục cố gắng thử lại bài kiểm tra. *Each attempt builds on the last* giữ lại câu trả lời từ một nỗ lực khác. Hai thiết lập này có thể được sử dụng để tạo ra một bài kiểm tra mà học sinh có thể tiếp tục thử lại cho đến khi người đó làm đúng. Điều này biến đổi bài kiểm tra từ một bài kiểm tra thành một công cụ học tập.

*Adaptive mode* cho phép nhiều lần thử nghiệm cho mỗi câu hỏi. Điều này khác với *Attempts allowed*, cho phép nhiều lần thử với toàn bộ bài kiểm tra. Khi bạn thực hiện một bài kiểm tra có *Adaptive mode*, mỗi câu hỏi cung cấp cho bạn các tùy chọn để:

Hiển thị một thông báo nếu học sinh trả lời không chính xác, và hiển thị lại câu hỏi.

Hiển thị một thông báo nếu học sinh trả lời không chính xác, và sau đó hiển thị một câu hỏi khác.

## Grades

Dưới đây là một trang *Grades*:

Grades	
Grading method ?	Highest grade ▼
Apply penalties ?	No ▼
Decimal digits in grades ?	2 ▼

Nếu bạn cho phép nhiều lần làm bài kiểm tra, *Grading method* xác định điểm nào được ghi vào bảng điểm của khóa học. Điểm cao nhất (Highest grade), trung bình (Average grade), đầu tiên (First grade), hay cuối cùng (Last grade).

*Apply penalties* chỉ áp dụng khi một bài kiểm tra thiết lập *Adaptive mode* là *Yes*. Với mỗi câu hỏi học sinh trả lời sai, điểm được trừ từ số điểm của học sinh. Bạn có thể chọn hình phạt cho mỗi câu hỏi khi bạn tạo câu hỏi đó.

*Decimal digits in grades* (điểm thập phân) áp dụng cho điểm của học sinh.

## Students May Review

Trang này trông giống hình sau đây:

Students may review ?	
Immediately after the attempt	<input checked="" type="checkbox"/> Responses <input checked="" type="checkbox"/> Scores <input checked="" type="checkbox"/> Feedback <input checked="" type="checkbox"/> Answers <input checked="" type="checkbox"/> General feedback
Later, while the quiz is still open	<input type="checkbox"/> Responses <input type="checkbox"/> Scores <input type="checkbox"/> Feedback <input type="checkbox"/> Answers <input type="checkbox"/> General feedback
After the quiz is closed	<input type="checkbox"/> Responses <input type="checkbox"/> Scores <input type="checkbox"/> Feedback <input type="checkbox"/> Answers <input type="checkbox"/> General feedback

*Students may review* điều khiển nếu và khi một học sinh xem lần thử nghiệm bài kiểm tra của mình. Nếu bạn cho phép học sinh xem xét các bài kiểm tra ngay lập tức sau khi gửi câu trả lời của họ, nhưng không phải sau khi bài kiểm tra được đóng lại, thì học sinh có thể xem lại bài kiểm tra chỉ một lần, ngay sau khi nộp. Khi học sinh điều hướng đi từ trang *review*, người đó sẽ không còn có thể xem lại bài kiểm tra.

Trong ma trận này, *Responses* có nghĩa là câu trả lời của học sinh cho các câu hỏi. *Scores* là giá trị điểm cho mỗi câu hỏi. *Feedback* là thông tin phản hồi riêng cho mỗi câu hỏi. *Answer* là câu trả lời chính xác cho mỗi câu hỏi. *General feedback* là thông tin phản hồi cho toàn bộ bài kiểm tra.

## Security

Security	
Show quiz in a "secure" window	<input type="text" value="No"/>
Require password	<input type="text"/>
Require network address	<input type="text"/>

*Show quiz in a "secure" window* triển khai bài kiểm tra trong một cửa sổ trình duyệt mới. Nó sử dụng JavaScript để vô hiệu hóa sao chép, lưu, và in ấn. Bảo mật này là không đơn giản.

Nếu bạn nhập vào bất cứ điều gì vào *Require password*, học sinh phải nhập mật khẩu để truy cập vào bài kiểm tra.

Với *Require network address*, bạn có thể đặt giới hạn truy cập vào bài kiểm tra cho các địa chỉ IP cụ thể. Ví dụ:

- 146.203.59.235 cho phép một máy tính duy nhất truy cập vào bài kiểm tra. Nếu máy tính này hoạt động như một proxy, các máy tính khác sau nó cũng có thể truy cập bài kiểm tra.
- 146.203 sẽ cho phép bất kỳ địa chỉ IP bắt đầu với những con số này. Nếu những con số này thuộc về công ty của bạn, thì bạn có thể đặt giới hạn truy cập vào bài kiểm tra cho cùng mạng của công ty bạn

- 146.203.59.235/20 cho phép một mạng con truy cập vào bài kiểm tra.

## Techniques for Greater Security

Bạn nên hiểu rằng cách duy nhất để thực hiện một bài kiểm tra an toàn, là cho các bài kiểm tra trên giấy, chia các học sinh ra các phần đủ xa để họ không thể nhìn thấy bài của của nhau, đặt một giám thị trong phòng để quan sát các học sinh, và sử dụng các câu hỏi khác nhau cho mỗi nhóm làm bài kiểm tra. Không có cách nào để thực hiện một bài kiểm tra dựa trên web hoàn toàn không gian lận. Nếu bạn phải đưa ra một bài kiểm tra dựa trên web mà có khả năng chống gian lận, hãy xem xét các chiến lược:

Tạo ra một số lượng rất lớn các câu hỏi, nhưng chỉ hiển thị một bộ nhỏ trong chúng. Điều này làm cho việc chia sẻ các câu hỏi ít hữu ích.

Trộn các câu hỏi và câu trả lời. Điều này cũng làm cho việc chia sẻ các câu hỏi khó khăn hơn.

Áp dụng giới hạn thời gian. Điều này làm cho sử dụng tài liệu tham khảo khó khăn hơn.

Mở các bài kiểm tra chỉ trong ít giờ. Bạn đã sắp xếp lịch cho học sinh để có thể làm bài kiểm tra. Bạn phải sẵn sàng trong suốt thời gian này để giúp đỡ với các vấn đề kỹ thuật.

Đặt một câu hỏi trên mỗi trang của bài kiểm tra. Điều này không khuyến khích học sinh chụp ảnh màn hình của toàn bộ bài kiểm tra.

## Common Module Settings



The screenshot shows a window titled "Common module settings". It contains two settings:

- Group mode**: A dropdown menu with a question mark icon, currently set to "No groups".
- Visible**: A dropdown menu with a downward arrow icon, currently set to "Show".

*Group mode* hoạt động tương tự như đối với bất kỳ tài nguyên khác. Tuy nhiên, vì mỗi học sinh tự làm bài kiểm tra, nên thực chất cái này chỉ sử dụng cho thiết lập nhóm trong một bài kiểm tra để hiển thị số điểm cao cho một nhóm trong các khối kết quả bài kiểm tra.

*Visible* hiện và ẩn bài kiểm tra đối với các học sinh, nhưng luôn luôn, người giáo viên hay người tạo ra khóa học vẫn có thể nhìn thấy nó.

## Overall Feedback

Moodle cho phép bạn tạo ra các loại thông tin phản hồi khác nhau cho một bài kiểm tra. Bạn có thể tạo ra phản hồi cho:

Toàn bộ bài kiểm tra, cái mà thay đổi với điểm số của học sinh. Cái này được gọi là *Overall Feedback*, và sử dụng một tính năng gọi là *Grade Boundary*.

Một câu hỏi, không có vấn đề gì với điểm số của học sinh trên câu hỏi đó. Tất cả học sinh nhận được những phản hồi tương tự. Cái này được gọi là *General feedback*. Mỗi câu hỏi riêng có thể có *General feedback* của riêng mình. Loại chính xác của thông tin phản hồi mà bạn có thể tạo ra cho một câu hỏi thay đổi theo loại câu hỏi.

Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy *Overall Feedback* với *Grade Boundary*. Học sinh có điểm 90-100% trên bài kiểm tra nhận được tin phản hồi hạng 1 “You're a geography wizard!”. Học sinh có điểm 80-89,99% nhận được phản hồi hạng thứ 2 “Very good!”. Học sinh có điểm 70-79,99% nhận được phản hồi hạng thứ 3 “Not bad”. Thấp hơn, bạn sẽ nhìn thấy thông tin phản hồi cho những sinh viên đã có điểm từ 0 đến 69,99%.

**Overall feedback** ?

Grade boundary: 100%  
Feedback: You're a geography wizard! Try the Advanced Geography Trivia quiz.

Grade boundary: 90  
Feedback: Very good! Try the Intermediate Geography Trivia quiz.

Grade boundary: 80  
Feedback: Not bad. Try another Geography Trivia quiz and see how you do.

Grade boundary: 70  
Feedback: You're not ready to move up to the next level. Keep trying!

Grade boundary:   
Feedback:

Grade boundary: 0%

## Editing a Quiz

Ngay sau khi lưu trang *Settings*, bạn được đưa đến trang *Editing Quiz*. Trang này được chia thành năm thẻ. Mỗi thẻ cho phép bạn chỉnh sửa một khía cạnh khác nhau của bài kiểm tra.

Thẻ	Cho phép
Quiz	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thêm câu hỏi cho bài kiểm tra.</li> <li>• Loại bỏ các câu hỏi của bài kiểm tra.</li> <li>• Sắp xếp các câu hỏi theo thứ tự.</li> <li>• Tạo ngắt trang giữa các câu hỏi.</li> <li>• Gán một giá trị điểm cho mỗi câu hỏi.</li> <li>• Gán một giá trị điểm tối đa cho bài kiểm tra.</li> <li>• Click vào trang chỉnh sửa cho mỗi câu hỏi.</li> </ul>
Questions	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo ra một câu hỏi mới. Lưu ý rằng bạn phải thêm câu hỏi mới cho bài kiểm tra dưới thẻ Quiz (xem ở trên). Cũng lưu ý rằng tất cả các câu hỏi phải thuộc về một mục.</li> <li>• Xóa một câu hỏi, không chỉ từ bài kiểm tra mà còn từ trang web ngân hàng câu hỏi.</li> <li>• Di chuyển một câu hỏi từ một mục này sang mục khác.</li> <li>• Click vào trang chỉnh sửa cho mỗi câu hỏi.</li> <li>• Click vào trang chỉnh sửa cho mỗi mục.</li> </ul>
Categories	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sắp xếp danh sách các hạng mục theo thứ tự.</li> <li>• Lồng một danh mục thuộc danh mục khác (chúng trở thành cha mẹ và danh mục phụ).</li> <li>• Xuất bản một danh mục, do đó, câu hỏi trong danh mục đó có thể được sử dụng bởi các khóa học khác trên trang web.</li> <li>• Xóa một danh mục (bạn phải chọn một danh mục mới để di chuyển các câu hỏi trong danh mục bị xóa).</li> </ul>
Import	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhập các câu hỏi từ hệ thống học tập khác.</li> <li>• Nạp các câu hỏi đã đượ xuất từ Moodle.</li> </ul>
Export	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xuất các câu hỏi từ Moodle và lưu chúng dưới các định dạng khác nhau mà Moodle và các hệ thống học tập khác có thể hiểu.</li> </ul>

### **Create and Edit Question Categories (tạo và chỉnh sửa danh mục câu hỏi)**

Mỗi câu hỏi thuộc về một danh mục. Bạn quản lý các danh mục câu hỏi dưới thẻ *Categories*. Sẽ luôn có một danh mục mặc định. Nhưng trước khi bạn tạo ra những câu hỏi mới, bạn có thể muốn kiểm tra để đảm bảo rằng bạn có một danh mục thích hợp để đặt chúng vào.

Parent	Category	Category info	Publish	Action
Top	<input type="text"/>	<input type="text"/>	No	Add

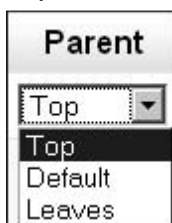
  

Category	Category info	Questions	Publish	Delete	Order	Parent
Default	The default category for questions.	0			↓	---
Leaves	Quiz questions about leaves.	3		X	↑	Top

Các danh mục mà bạn có thể quản lý được liệt kê trên trang này.

### To Add a New Category (thêm một danh mục mới)

- Để thêm một danh mục mới, đầu tiên chọn danh mục cha của nó (*Parent*). Nếu bạn chọn *Top*, danh mục sẽ là một danh mục cấp cao. Hoặc, bạn có thể chọn bất kỳ danh mục khác mà bạn có thể truy cập, và sau đó là danh mục mới sẽ là một danh mục con của danh mục được chọn.



- Trong trường *Category*, nhập tên cho danh mục mới.
- Trong trường *Category Info*, nhập mô tả cho danh mục mới.
- Trường *Publish* xác định các khóa học khác có thể sử dụng các câu hỏi trong danh mục này hay không.
- Nhấp vào nút *Add*.

### To Edit a Category (chỉnh sửa danh mục)

- Bên cạnh danh mục, nhấp vào biểu tượng . Trang Chỉnh sửa danh mục được hiển thị.
- Bạn có thể chỉnh sửa các thiết lập *Parent* (danh mục cha), *Category name* (tên), *Category Info* (thông tin danh mục), and *Publish* (xuất bản).
- Khi bạn kết thúc, nhấn nút *Update*. Thay đổi của bạn được lưu lại và bạn quay trở lại trang *Categories*.



## Managing the Proliferation of Questions and Categories (quản lý sự phát sinh của các câu hỏi và danh mục)

Là người quản trị trang web, bạn có thể muốn theo dõi việc tạo ra các danh mục câu hỏi mới để đảm bảo rằng chúng đang được đặt tên hợp lý, không có quá nhiều chồng chéo, và phù hợp với mục đích của trang web của bạn. Vì những câu hỏi và danh mục này được chia sẻ giữa những người tạo khóa học, chúng có thể là một công cụ mạnh mẽ cho sự hợp tác. Xem xét việc sử dụng trang web diễn đàn của giáo viên để thông báo cho giáo viên, và những người tạo khóa học về các câu hỏi và danh mục mới.

### Create and Manage Questions (tạo và quản lý câu hỏi)

Bạn tạo và quản lý các câu hỏi dưới thẻ *Questions*. Bộ sưu tập các câu hỏi trong trang web của bạn được gọi là ngân hàng câu hỏi (*Question bank*). Là một giáo viên hoặc người tạo khóa học, bạn có thể truy cập một số hoặc tất cả các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi.

Khi bạn tạo ra các câu hỏi, bạn thêm chúng vào ngân hàng câu hỏi của trang web. Khi bạn tạo ra một bài kiểm tra, bạn chọn câu hỏi từ ngân hàng câu hỏi cho bài kiểm tra. Cả hai chức năng này có thể được thực hiện trên cùng một trang *Editing Quiz*. Chú ý phần nào của trang web mà bạn đang sử dụng—một cho việc tạo ra những câu hỏi mới hoặc một để vẽ câu hỏi từ ngân hàng câu hỏi.

Quiz Questions Categories Import Export

### Question bank

Category: Leaves Edit categories

Display questions from sub-categories too  
 Also show old questions  
 Show question text in the question list

Quiz questions about leaves.

Create new question: Choose...

Action	Question name	Type
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Leaf Arrangement	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Leaf Shape	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Simple or Compound	

What term describes the arrangement of these leaves?

Select the term that describes the shape of these leaves.

Is this fern leaf a simple or compound leaf?

Select all / Deselect all With selected: Delete Move to >> Leaves

## Display Questions from the Bank (hiển thị câu hỏi từ ngân hàng)

Bạn có thể hiển thị câu hỏi từ một danh mục trong một lần. Để chọn danh mục đó, sử dụng danh sách *Category* thả xuống.

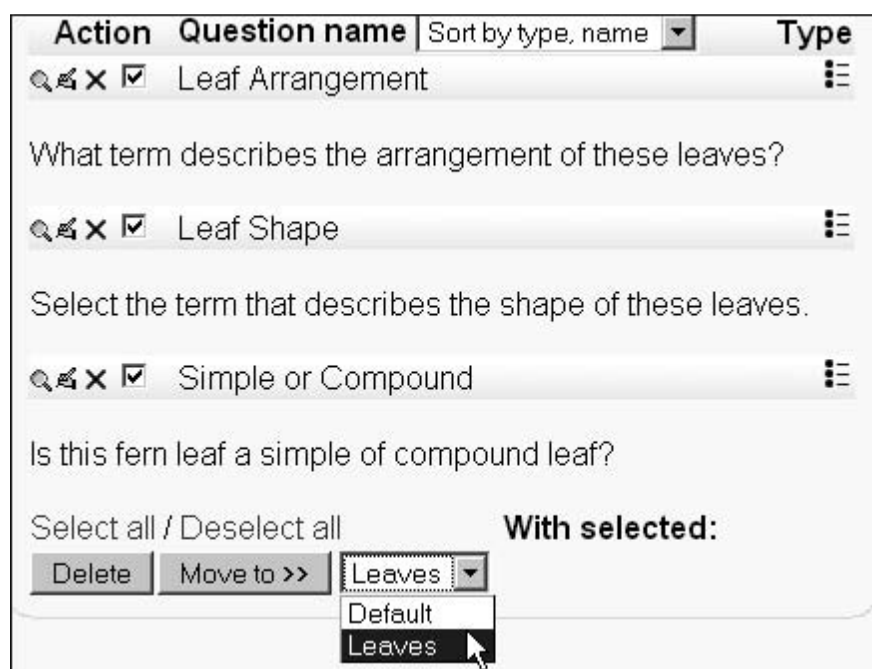
Nếu một câu hỏi bị xóa khi nó vẫn đang được sử dụng bởi một bài kiểm tra, thì nó không bị cắt bỏ từ ngân hàng câu hỏi. Thay vào đó, câu hỏi được ẩn. Ngoài ra thiết lập *Also show old questions* cho phép bạn xem các câu hỏi đã bị xóa từ các danh mục. Các câu hỏi cũ hoặc bị xóa hoặc bị ẩn xuất hiện trong danh sách với một ô màu xanh bên cạnh.

Để giữ cho ngân hàng câu hỏi của bạn sạch, và để ngăn giáo viên với việc sử dụng các câu hỏi đã bị xóa, bạn có thể di chuyển tất cả các câu hỏi đã bị xóa vào một danh mục được gọi là *Deleted questions*. Tạo ra danh mục *Deleted questions* và sau đó sử dụng *Also show old questions* để hiển thị các câu hỏi đã bị xóa. Chọn chúng, và chuyển chúng vào *Deleted questions*.

## Move Questions between Categories (di chuyển câu hỏi giữa các danh mục)

Để di chuyển một câu hỏi vào một danh mục, bạn phải có quyền truy cập vào danh mục đích. Điều này có nghĩa rằng danh mục đích phải được xuất bản, do đó, các giáo viên trong tất cả các khóa học có thể nhìn thấy nó.

Chọn các câu hỏi để di chuyển, chọn danh mục, và sau đó nhấp vào nút *Move to >>*:



The screenshot shows a table with columns for 'Action', 'Question name', 'Sort by type, name', and 'Type'. Three questions are listed, each with a search icon, a delete icon, a checkmark, and a list icon. Below the table, there are buttons for 'Delete' and 'Move to >>', and a dropdown menu labeled 'With selected:' showing 'Leaves', 'Default', and 'Leaves'.

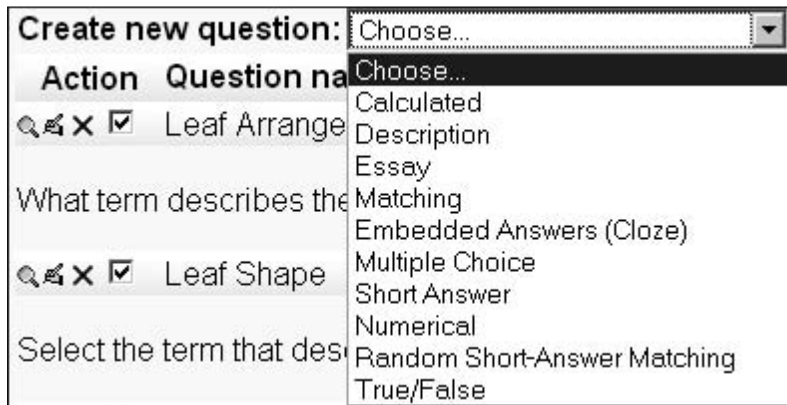
Action	Question name	Sort by type, name	Type
<input checked="" type="checkbox"/>	Leaf Arrangement		
What term describes the arrangement of these leaves?			
<input checked="" type="checkbox"/>	Leaf Shape		
Select the term that describes the shape of these leaves.			
<input checked="" type="checkbox"/>	Simple or Compound		
Is this fern leaf a simple or compound leaf?			

Select all / Deselect all      **With selected:**

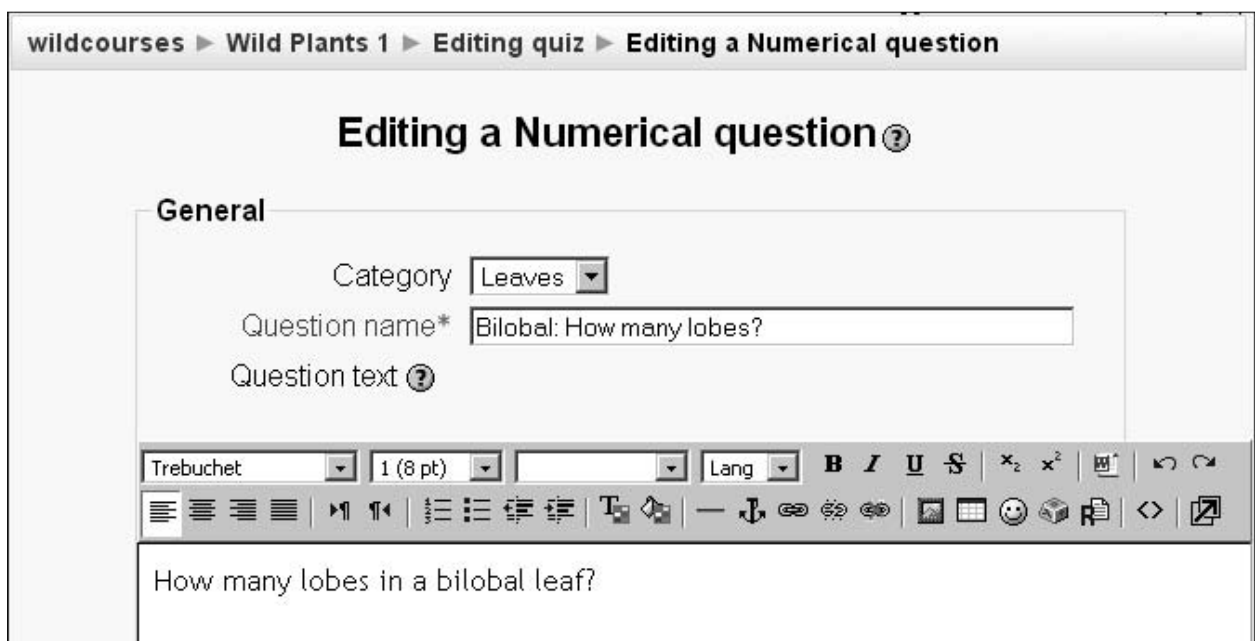
          

## Create a Question (tạo câu hỏi)

Để tạo ra một câu hỏi mới, từ danh sách *Create new question*, chọn kiểu cho câu hỏi tiếp theo:



Điều này sẽ đưa bạn đến trang chỉnh sửa cho câu hỏi:



Sau khi bạn lưu câu hỏi, nó được thêm vào danh sách các câu hỏi trong danh mục đó:

Create new question: Choose... ?

Action	Question name	Sort by type, name	Type
<input type="checkbox"/>	Leaf Arrangement		
What term describes the arrangement of these leaves?			
<input type="checkbox"/>	Leaf Shape		
Select the term that describes the shape of these leaves.			
<input type="checkbox"/>	Simple or Compound		
Is this fern leaf a simple or compound leaf?			
<input type="checkbox"/>	Bilobal: How many lobes?		12
How many lobes in a bilobal leaf?			
Select all / Deselect all			
			<b>With selected:</b>
<input type="button" value="Delete"/>	<input type="button" value="Move to &gt;&gt;"/>	<input type="button" value="Leaves"/>	

## Question Types (kiểu câu hỏi)

Bảng dưới đây giải thích những loại câu hỏi mà bạn có thể tạo ra, và đưa ra một số lời khuyên cho việc sử dụng chúng:

Kiểu câu hỏi	Mô tả và lời khuyên cho việc sử dụng
Calculated (có tính toán)	<p>Khi bạn tạo một câu hỏi tính toán, bạn nhập một công thức được hiển thị trong văn bản của câu hỏi. Công thức có thể chứa một hoặc nhiều ký tự đại diện, mà được thay thế bằng số khi các bài kiểm tra được chạy. Các kí hiệu được đặt trong dấu ngoặc nhọn.</p> <p>Ví dụ, nếu bạn gõ câu hỏi <math>3 * \{a\}</math> là gì?, Moodle sẽ thay thế <math>\{a\}</math> với một số ngẫu nhiên. Bạn cũng có thể nhập ký tự đại diện vào trường câu trả lời, để câu trả lời đúng là <math>3 * \{a\}</math>. Khi bài kiểm tra được thực hiện, câu hỏi sẽ hiển thị <math>3 * \{a\}</math> là gì? và câu trả lời đúng sẽ là giá trị tính toán của <math>3 * \{a\}</math>.</p>
Description (mô tả)	<p>Đây không phải là một câu hỏi. Nó hiển thị bất cứ nội dung web gì mà bạn nhập vào. Khi bạn thêm một câu hỏi mô tả, Moodle cho phép bạn chỉnh sửa màn hình tương tự như khi bạn tạo một trang web.</p> <p>Nhớ lại rằng dưới thẻ <i>Quiz</i>, bạn có thể thiết lập ngắt trang trong một bài kiểm tra. Nếu bạn muốn chia bài kiểm tra của bạn thành</p>

	<p>các phần, và giải thích đầy đủ từng phần trước khi học sinh hoàn thành nó, bạn nên đặt một <i>Description</i> trên trang đầu tiên của một phần. Ví dụ, <i>Description</i> có thể nói “3 câu hỏi sau đây được dựa trên biểu đồ này”, và hiện biểu đồ chỉ một lần.</p>
<p>Essay (bài luận)</p>	<p>Khi học sinh được đưa ra một câu hỏi tiểu luận, người đó sử dụng trình soạn thảo văn bản trực tuyến của Moodle để trả lời các câu hỏi. Tuy nhiên, nếu có nhiều hơn một câu hỏi tiểu luận trên một trang, trình soạn thảo văn bản sẽ chỉ hiển thị câu hỏi tiểu luận đầu tiên. Đây là một hạn chế của Moodle. Để làm việc này, chèn ngắt trang trong bài kiểm tra của bạn để mỗi câu hỏi tiểu luận xuất hiện trên trang riêng của nó. Bạn chèn ngắt trang trong thẻ <i>Quiz</i>.</p> <p>Ngoài ra, bạn có thể hướng dẫn học sinh của bạn lưu bài tiểu luận vài phút một lần.</p>
<p>Matching (nối, kết hợp)</p>	<p>Sau khi bạn tạo ra một câu hỏi kết hợp, sau đó bạn tạo ra một danh sách các câu hỏi phụ, và nhập câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi phụ. Học sinh phải kết hợp câu trả lời đúng với mỗi câu hỏi. Mỗi câu hỏi phụ nhận được số điểm giống nhau.</p>
<p>Embedded Answers (Cloze)</p>	<p>Một câu hỏi <i>Embedded Answers</i> bao gồm một đoạn văn bản, với câu trả lời được chèn vào văn bản. Phần lựa chọn, điền vào chỗ trống, và câu trả lời dạng số có thể được chèn vào câu hỏi. Tập tin trợ giúp của Moodle cung cấp cho các ví dụ sau:</p>

	<p><b>3</b> This question consists of some text with an answer embedded right here</p> <p>8 Marks <input type="text"/> and right after that you will have to deal with this short answer <input type="text"/> and finally we have a floating point number <input type="text"/>.</p> <p>Note that addresses like <a href="http://www.moodle.org">www.moodle.org</a> and smileys 😊 all work as normal:</p> <p>a) How good is this? <input type="text"/></p> <p>b) What grade would you give it? <input type="text"/></p> <p>Yes No</p> <p>Good luck!</p> <p>Lưu ý rằng đầu tiên, câu hỏi hiện một danh sách thả xuống, mà thực chất là một câu hỏi nhiều lựa chọn. Sau đó, nó hiện một câu hỏi có câu trả lời ngắn (điền vào chỗ trống), theo sau là một câu hỏi dạng số. Cuối cùng, có một câu hỏi nhiều lựa chọn (với danh sách thả xuống có hai giá trị Có/Không) và một câu hỏi dạng số.</p> <p>Không có giao diện đồ họa để tạo ra các câu hỏi <i>Embedded Answers</i>. Bạn cần phải sử dụng một định dạng đặc biệt mà được giải thích trong tập tin trợ giúp.</p>
Multiple Choice	<p>Câu hỏi trắc nghiệm có thể cho phép một học sinh lựa chọn một câu trả lời duy nhất, hoặc nhiều câu trả lời. Mỗi câu trả lời có thể là một phần trăm của tổng số điểm của câu hỏi.</p> <p>Khi bạn cho phép một học sinh lựa chọn chỉ có một câu trả lời duy nhất, bạn thường gán một số điểm tích cực (điểm cao, điểm cộng) cho một câu trả lời chính xác và không có hoặc điểm tiêu cực (điểm thấp, điểm trừ) đến tất cả các câu trả lời khác, câu trả lời không chính xác. Khi bạn cho phép học sinh chọn nhiều câu trả lời, bạn thường gán một phần điểm tích cực cho mỗi câu trả lời đúng. Đó là bởi vì bạn muốn tất cả các câu trả lời chính xác có tổng số điểm là 100%. Bạn cũng thường gán điểm tiêu cực cho mỗi câu trả lời sai. Nếu bạn không làm giảm số điểm của câu hỏi cho mỗi câu trả lời sai, thì học sinh có thể ghi được 100% điểm của câu hỏi chỉ bằng cách chọn tất cả các câu trả lời. Các điểm tiêu cực nên bằng hoặc lớn hơn những điểm tích cực, do đó nếu một học sinh chỉ chọn tất cả các câu trả lời, người đó sẽ</p>

	<p>không nhận được một số điểm tích cực. Đừng lo lắng về việc học sinh đạt một số điểm tiêu cực cho câu hỏi, vì Moodle không cho phép điều đó xảy ra.</p> <p>Trong trang <i>Editing Quiz</i>, nếu bạn đã chọn trộn câu trả lời, hãy kiểm tra tất cả các câu hỏi nhiều lựa chọn mà bạn sử dụng trong bài kiểm tra. Nếu bất kỳ trong số chúng có câu trả lời như "Tất cả các câu trên", hoặc cả A và C, thì việc xáo trộn câu trả lời sẽ làm hỏng những câu hỏi. Thay vào đó, chuyển chúng thành câu hỏi có nhiều câu trả lời, và cung cấp một phần điểm cho mỗi câu trả lời đúng. Ví dụ, thay vì 'Cả hai A và C' bạn sẽ nói, 'Chọn tất cả các đáp án đúng' và sau đó cung cấp một phần điểm cho A và một phần điểm cho C.</p>
Short Answer	<p>Các học sinh một điền từ hoặc cụm từ vào trường câu trả lời. Có thể có nhiều câu trả lời đúng, và các số điểm khác nhau.</p> <p>Câu trả lời của bạn có thể sử dụng dấu hoa thị, một ký tự đại diện.</p>
Numerical	<p>Cũng giống như trong một câu hỏi có trả lời ngắn, các học sinh nhập một câu trả lời vào trường trả lời. Tuy nhiên, câu trả lời cho một câu hỏi dạng số có thể có một lỗi chấp nhận được, mà bạn thiết lập trong khi tạo ra câu hỏi. Ví dụ, bạn có thể chỉ định rằng câu trả lời chính xác là 5, cộng hoặc trừ 1. Sau đó, bất kỳ số 4-6 được đánh dấu là chính xác.</p>
Random	<p>Khi loại câu hỏi này được thêm vào một bài kiểm tra, Moodle rút ra một câu hỏi ngẫu nhiên từ danh mục hiện hành. Các câu hỏi được rút ra tại thời điểm học sinh làm bài kiểm tra. Trong lần thử đó, một học sinh sẽ không bao giờ nhìn thấy cùng một câu hỏi lặp lại hai lần, dù có bao nhiêu câu hỏi ngẫu nhiên mà bạn đưa vào bài kiểm tra đi nữa. Điều này có nghĩa rằng danh mục bạn sử dụng cho các câu hỏi ngẫu nhiên của bạn phải có ít nhất số câu hỏi nhiều bằng số câu rút ngẫu nhiên mà bạn thêm vào bài kiểm tra.</p>
Random Short-Answer Matching	<p>Nhớ lại rằng một câu hỏi kết hợp bao gồm các câu hỏi phụ và câu trả lời phải phù hợp với mỗi câu hỏi phụ. Khi bạn chọn câu hỏi <i>Random Short-Answer Matching</i>, Moodle rút ngẫu nhiên các câu hỏi <i>Short-Answer</i> từ danh mục hiện hành. Sau đó nó sử dụng</p>

	<p>những câu hỏi <i>Short-Answer</i> này, và câu trả lời của chúng để tạo ra một câu hỏi kết hợp.</p> <p>Với học sinh, điều này trông giống như bất kỳ các câu hỏi kết hợp khác. Sự khác biệt là các câu hỏi phụ đã được rút ra một cách ngẫu nhiên từ các câu hỏi <i>Short-Answer</i> trong danh mục hiện hành.</p>
True/False	Các học sinh lựa chọn từ hai tùy chọn: Đúng hay Sai (True/False)

### **Adding Feedback to Questions and Quizzes (thêm phản hồi cho câu hỏi và bài kiểm tra)**

Moodle cho phép bạn tạo ra các loại phản hồi khác nhau cho một bài kiểm tra. Bạn có thể tạo phản hồi cho:

- Cả bài kiểm tra, cái mà thay đổi với điểm số của học sinh. Điều này được gọi là *Overall Feedback*, và sử dụng một tính năng gọi *Grade boundary*.
- Một câu hỏi, không có vấn đề gì với điểm số của học sinh về câu hỏi đó. Tất cả học sinh nhận được những phản hồi như nhau. Điều này được gọi là *General Feedback*. Mỗi câu hỏi có thể có *General Feedback*.

Loại thông tin phản hồi chính xác mà bạn có thể tạo cho một câu hỏi khác với các loại câu hỏi.

#### **Feedback for a Multiple-Choice Question (phản hồi cho câu hỏi trắc nghiệm)**

Trong một câu hỏi trắc nghiệm, bạn có thể tạo ra phản hồi cho bất kỳ phản ứng chính xác, hoặc đúng một phần, hoặc không chính xác. Nếu một phản ứng có giá trị là 100%, nó được coi là hoàn toàn chính xác, và học sinh nhận được tất cả các điểm cho câu hỏi đó. Tuy nhiên, một phản ứng có thể có một giá trị nhỏ hơn 100%. Ví dụ, nếu một câu hỏi có hai câu trả lời chính xác, bạn có thể cung cấp cho mỗi câu trả lời là: 50%. Trong trường hợp này, mỗi câu trả lời là một phần đúng. Học sinh cần phải chọn cả hai câu trả lời để nhận được điểm đầy đủ cho câu hỏi này. Bất kỳ câu hỏi với một tỷ lệ phần trăm giá trị từ 0 đến 100 được coi là đúng một phần.

Một phản ứng cũng có thể có một giá trị phần trăm tiêu cực. Bất kỳ phản ứng với một giá trị phần trăm nhỏ hơn 0 được xem là một phản ứng cho câu trả lời chính xác.

Chọn một phản ứng với giá trị 100% sẽ hiển thị các thông tin phản hồi dưới *Feedback for any correct answer*. Chọn bất kỳ phản ứng với một số điểm giữa số 0 và 100% hiển thị các thông tin phản hồi dưới *Feedback for any partially correct answer*. Chọn



bất kỳ phản ứng với số 0 hoặc giá trị phần trăm tiêu cực hiển thị phản hồi dưới *Feedback for any incorrect answer*.

Bất kỳ phản ứng riêng cho một câu hỏi. Mỗi phản ứng có thể hiển thị thông tin phản hồi của riêng mình. Đây là loại thông tin phản hồi được gọi là *Response Feedback*, hoặc chỉ gọi là *Feedback*.

Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy *Overall Feedback* với *Grade Boundary*. Học sinh có điểm 90-100% trên bài kiểm tra nhận được tin phản hồi hạng 1 “You’re a geography wizard!”. Học sinh có điểm 80-89,99% nhận được phản hồi hạng thứ 2 “Very good!”. Học sinh có điểm 70-79,99% nhận được phản hồi hạng thứ 3 “Not bad”. Thấp hơn, bạn sẽ nhìn thấy thông tin phản hồi cho những sinh viên đã có điểm từ 0 đến 69,99%.

**Overall feedback ?**

Grade boundary: 100%  
Feedback: You're a geography wizard! Try the Advanced Geography Trivia quiz.

Grade boundary: 90  
Feedback: Very good! Try the Intermediate Geography Trivia quiz.

Grade boundary: 80  
Feedback: Not bad. Try another Geography Trivia quiz and see how you do.

Grade boundary: 70  
Feedback: You're not ready to move up to the next level. Keep trying!

Grade boundary:   
Feedback:

Grade boundary: 0%

Ảnh chụp màn hình trên trang tiếp theo cho thấy một câu hỏi trắc nghiệm có sử dụng một số loại thông tin phản hồi. Bạn nhìn thấy câu hỏi này từ khung nhìn của người tạo khóa học, không phải là học sinh. Đầu tiên, bạn có thể thấy *General feedback*—*The truth is, most New Yorkers have never even thought about the "missing Fourth Avenue" issue*. Sau khi câu hỏi được ghi điểm, mỗi học sinh đều nhìn thấy thông tin phản hồi này, không có vấn đề gì với điểm số của học sinh.

Bên dưới, trong ảnh chụp màn hình tiếp theo, bạn có thể thấy rằng *Choice 1* đến *Choice 4* có *Feedback* cho mỗi phản hồi. Ví dụ, nếu một sinh viên lựa chọn *Sixth Avenue* thì thông tin phản hồi là *Nope, that name is taken. Sixth is also known as the "Avenue of the Americas."*.

Ở dưới cùng của trang, dưới *Feedback for any incorrect answer*, bạn sẽ nhìn thấy thông tin phản hồi mà hệ thống cung cấp nếu học sinh chọn một trong các câu trả lời không chính xác. Trong trường hợp này, chúng ta sử dụng các thông tin phản hồi để cho học sinh biết những câu trả lời đúng là gì.

Không có phản hồi nào *any correct answer* hay *partially correct answer*. Những tùy chọn này rất hữu ích khi bạn có nhiều phản hồi cho nhiều câu trả lời đúng, hoặc phản hồi cho đáp án đúng một phần. Trong trường hợp này, chỉ có một phản hồi cho câu trả lời đúng, và tất cả các phản hồi khác là cho câu trả lời sai.

The screenshot shows a web-based interface for editing a multiple choice question. The title bar reads "Editing a Multiple Choice question". The form includes the following fields and options:

- Category:** A dropdown menu set to "Geography Trivia".
- Question name:** A text input field containing "Which Avenue?".
- Question:** A rich text editor with a toolbar. The text inside reads "If Park Avenue in Manhattan were given a numbered avenue name instead, it would be...". The toolbar includes options for font style (Trebuchet), size (1 (8 pt)), bold, italic, underline, strikethrough, subscript, superscript, bulleted list, numbered list, link, unlink, image, table, smiley, and other icons.
- Question text / About the HTML editor:** A link with a question mark icon.
- Path:** A text input field.
- Image to display:** A label followed by the text "No images have been uploaded to your course yet".
- Default question grade:** A text input field containing "1".
- Penalty factor:** A text input field containing "1" with a question mark icon.
- General feedback:** A text area containing "The truth is, most New Yorkers have never even thought about the "missing Fourth Avenue" issue.".
- General feedback:** A link with a question mark icon.
- One or multiple answers?:** A dropdown menu set to "One answer only".
- Shuffle answers:** A dropdown menu set to "No" with a question mark icon.

**Available choices:** You must fill out at least two choices. Choices left blank will not be used.

**Choice 1:**  Grade:

**Feedback:**

**Choice 2:**  Grade:

**Feedback:**

**Choice 3:**  Grade:

**Feedback:**

**Choice 4:**  Grade:

**Feedback:**

**Feedback for any correct answer:**

**Feedback for any partially correct answer:**

**Feedback for any incorrect answer:**

### Feedback for a Numeric Question (phản hồi cho câu hỏi dạng số)

Hình sau đây thể hiện *Feedback for a Numeric Question*

**General feedback:**

**General feedback ?**

Lưu ý rằng *General feedback* giải thích cách câu hỏi được giải quyết như thế nào. Thông tin phản hồi này được hiển thị cho tất cả mọi người sau khi trả lời câu hỏi,

ngay cả những người trả lời đúng. Bạn có thể nghĩ rằng nếu học sinh trả lời đúng, người đó không cần lời giải thích này. Tuy nhiên, nếu học sinh đoán hoặc sử dụng một phương pháp khác với cách mà *General feedback* đưa ra, thì việc giải thích cách giải có thể giúp học sinh học hỏi từ câu hỏi.

Trong một câu hỏi có đáp án dạng số, học sinh ghi một con số cho câu trả lời. Điều này có nghĩa là học sinh có thể nhập bất kỳ con số nào. Nó sẽ không thể tạo ra phản hồi tùy biến cho mỗi câu trả lời, bởi vì có vô số các khả năng có thể xảy ra. Tuy nhiên, bạn có thể tạo ra phản hồi tùy biến cho một số lượng hợp lý các câu trả lời. Trong câu hỏi này, tôi đã tạo ra những phản hồi cho các câu trả lời không chính xác nhất nhất. Sau khi tôi đã cho bài kiểm tra này cho nhóm học sinh đầu tiên, tôi sẽ cần phải xem xét phản hồi của họ đối với các câu trả lời thường xuyên không chính xác nhất. Nếu có bất kỳ cái gì mà tôi đã thiếu, tôi sẽ cần phải thêm chúng vào các thông tin phản hồi cho câu hỏi này.

Trong hình bên dưới, lưu ý rằng mỗi phản ứng có thông tin phản hồi tùy chỉnh. *Answer 1* là chính xác. *Answer 2* sẽ là kết quả của chuyển đổi giữa hai con số, trong khi cố gắng để giải quyết vấn đề. Vì đây là một lỗi có thể xảy ra, tôi đã bao gồm thông tin phản hồi chỉ cho câu trả lời, giải thích những lỗi mà học sinh thực hiện. *Answer 3* là kết quả của việc giải thích  $b(3)$  như  $b \text{ times } 3$  thay vì  $b \text{ cubed}$ . Đây cũng là một lỗi rất có thể xảy ra, vì vậy tôi đã bao gồm thông tin phản hồi cho câu trả lời đó. *Answer 4* là một ký tự đại diện, và được áp dụng nếu học sinh nộp bất kỳ câu trả lời khác với ba đáp án trên.

Answer 1:	<input type="text" value="28"/>	Accepted error	<input type="text"/>	±	Grade:	<input type="text" value="100 %"/>
Feedback:	<input type="text" value="Correct."/>					
Answer 2:	<input type="text" value="-180"/>	Accepted error	<input type="text"/>	±	Grade:	<input type="text" value="None"/>
Feedback:	<input type="text" value='It looks like you transposed the two numbers. In the equation, you substituted 2 for "a" and 6'/>					
Answer 3:	<input type="text" value="30"/>	Accepted error	<input type="text"/>	±	Grade:	<input type="text" value="None"/>
Feedback:	<input type="text" value="It appears that instead of calculating b cubed, you calculated b times 3."/>					
Answer 4:	<input type="text" value="*"/>	Accepted error	<input type="text"/>	±	Grade:	<input type="text" value="None"/>
Feedback:	<input type="text" value="No, that answer is incorrect."/>					

## Assemble the Quiz

Sau khi bạn đã tạo ra danh mục và các câu hỏi, bạn có thể vào thẻ *Quiz* và bắt đầu thêm các câu hỏi vào bài kiểm tra.

The screenshot shows a web interface for assembling a quiz. At the top, there are tabs for 'Info', 'Results', 'Preview', and 'Edit'. Below these are navigation links for 'Quiz', 'Questions', 'Categories', 'Import', and 'Export'. The main content is divided into two panels: 'Questions in this quiz' and 'Question bank'.

**Questions in this quiz:** This panel contains a table with columns for 'Order #', 'Question name', 'Type', 'Grade', and 'Action'. The first row shows '10' in the order column, '1 Leaf Arrangement' in the question name column, a list icon in the type column, and '1' in the grade column. A second row shows '20' in the order column and 'Page break' in the question name column. Below the table, there are controls for 'Total: 1', 'Maximum grade: 10', and a 'Save changes' button. There are also checkboxes for 'Show page breaks', 'Repaginate with Unlimited questions per page', and 'Show the reordering tool', along with a 'Go' button.

**Question bank:** This panel has a 'Category:' dropdown set to 'Leaves' and an 'Edit categories' button. It includes checkboxes for 'Display questions from sub-categories too', 'Also show old questions', and 'Show question text in the question list'. Below this is a text input field for 'Quiz questions about leaves.' and a 'Create new question:' section with a 'Choose...' dropdown. A table lists questions with columns for 'Action', 'Question name', 'Sort by type, name', and 'Type'. The listed questions are 'Leaf Arrangement', 'Leaf Shape', 'Simple or Compound', and 'Bilobal: How many lobes?'. At the bottom, there are buttons for 'Add to quiz', 'Delete', 'Move to >>', and a dropdown for 'Leaves', along with an 'Add 1 random questions' button.

Hầu hết các chức năng trên trang này là tự giải thích. Tuy nhiên, đây là một số lời khuyên cho việc sử dụng chúng.

### Maximum Grade (điểm tối đa)

Điểm tối đa của bài kiểm tra là sự đóng góp của bài kiểm tra đối với khóa học. Trong ví dụ này, các bài kiểm tra có giá trị là 10 đối với tổng số điểm của học sinh cho khóa học.

Điểm cho mỗi câu hỏi sẽ được thu nhỏ hơn so với điểm tối đa của bài kiểm tra. Ví dụ, nếu bài kiểm tra này có 5 câu hỏi trị giá mỗi câu như nhau, nhưng điểm tối đa là 10, thì mỗi câu hỏi sẽ đóng góp 2 điểm vào tổng điểm của học sinh cho khóa học.

### Page Breaks (ngắt trang)

Nếu bạn đặt tất cả các câu hỏi của bài kiểm tra trong một trang, và nếu trình duyệt của học sinh làm mới hoặc đóng băng trước khi các bài kiểm tra được gửi, họ sẽ mất các câu trả lời đã chọn. Để tránh điều này, sử dụng ngắt trang để đặt một vài câu hỏi trên mỗi trang, vì vậy học sinh của bạn không thể mất nhiều hơn một trang.

## Random Questions (câu hỏi ngẫu nhiên)

Thêm câu hỏi ngẫu nhiên vào bài kiểm tra bằng cách sử dụng nút *Add* ở góc dưới bên phải của trang này. Điều này sẽ thêm các câu hỏi ngẫu nhiên từ danh mục đang được chọn. Bạn có thể thêm các câu hỏi ngẫu nhiên từ nhiều danh mục vào cùng một bài kiểm tra. Trong hình bên dưới, tôi đã thêm một câu hỏi ngẫu nhiên từ danh mục *Leaves*:

Questions in this quiz					
Order	#	Question name	Type	Grade	Action
10	↓	1 Leaf Arrangement	☰	1	🔊 >>
20	↑	2 Random Question (Leaves)	?	1	🔊 >>
30		———— Page break ————	↑		

Trên một lần thử, học sinh sẽ không bao giờ thấy câu hỏi ngẫu nhiên hai lần. Tuy nhiên, các câu hỏi được thiết lập lại giữa các lần thử, do đó, một sinh viên có thể nhìn thấy cùng một câu hỏi hai lần, nếu người đó làm bài kiểm tra hai lần.

## Naming Questions

Mỗi câu hỏi có một cái tên, như bạn có thể nhìn thấy trong ảnh chụp màn hình trước đó. Bạn có thể sử dụng tên của một câu hỏi để truyền đạt thông tin có ý nghĩa về câu hỏi đó. Ví dụ, “*Leaf Question 1*” sẽ không là một cái tên có tính mô tả, nhưng “*PrinciplesofBio-Chap8-PG3*” sẽ cho bạn biết nguồn của câu hỏi đó. Nếu bạn quên những gì một câu hỏi nói, bạn luôn có thể nhấn vào nút 🔍 bên cạnh câu hỏi, để xem trước nó.

### General

Category

Question name\*

Question text ?

Trebuchet 1 (8 pt) Lang **B** *I* U ~~S~~ x<sub>2</sub> x<sup>2</sup> [🔍] [↶] [↷]

You are in TEXT MODE. Use the [<>] button to go back to WYSIWYG MODE.

```
<p>Is this fern leaf a <nolink>simple</nolink> or  
<nolink>compound</nolink> leaf?</p>
```

## Preventing Glossary Auto-Linking in Quiz Questions

Nếu bạn có một bảng thuật ngữ trong khóa học của bạn, những thuật ngữ được sử dụng trong câu hỏi bài kiểm tra sẽ liên kết đến các mục thuật ngữ của chúng. Nếu bạn không muốn học sinh có nguồn tài nguyên này khi họ làm các bài kiểm tra, thì đi đến các bảng thuật ngữ, và thay đổi thiết lập *Automatically link glossary entries* thành *No*. Hoặc, trong khi gõ một từ vựng trong một câu hỏi bài kiểm tra, sử dụng trình soạn thảo trực tuyến của khung nhìn HTML, thêm thẻ `<nolink>` `</nolink>` vào các từ.

### **Preventing an Open-Book Quiz**

Trong hầu hết các khóa học Moodle, kiểm tra là công việc “*open-book*”. Điều này là do khi học sinh được tham gia một bài kiểm tra, không có gì để ngăn chặn học sinh khỏi việc đọc các phần khác của khóa học. Nếu bạn muốn ngăn chặn điều này, bạn có thể làm như vậy với một số can thiệp bằng tay.

Cách đơn giản nhất để ngăn chặn một bài kiểm tra trở thành việc mở sách là đưa bài kiểm tra đó vào một chủ đề khóa học riêng biệt. Sau đó, ẩn tất cả các chủ đề khóa học khác. Điều này có thể được thực hiện với một cái nhấp chuột trên mỗi chủ đề. Quản lý các bài kiểm tra, và hiển thị lại các chủ đề sau đó.

### **SCORM/AICC**

SCORM là viết tắt của Sharable Content Object Reference Model. AICC là viết tắt của Aviation Industry CBT (Computer-Based Training) Committee. Chúng là những tiêu chuẩn, không phải sản phẩm hoặc các tính năng. Nó là một tập hợp của các thông số cho phép hệ thống quản lý học tập sử dụng nội dung được phát triển cho nhau. Hầu như tất cả các hệ thống quản lý học tập hỗ trợ SCORM, vì vậy phát triển nội dung SCORM-compliant cho phép nội dung được chuyển vào nhiều hệ thống.

Mô-đun SCORM cho phép bạn tải lên bất kỳ gói tiêu chuẩn SCORM hoặc AICC có trong khóa học của bạn

*Summary* được hiển thị khi học sinh lựa chọn hoạt động này từ trang chủ của khóa học.

Để chọn các gói SCORM mà bạn muốn nhập, sử dụng *Course package* và nút *Choose*.

Nếu các gói bạn nhập có chấm điểm, chọn một trong các phương pháp chấm điểm (*Grading methods*).

Nếu *Auto-continue* được thiết lập là *Yes*, khi học sinh kết thúc với một đối tượng nội dung chia sẻ, cái tiếp theo sẽ hiển thị trong khóa học một cách tự động. Nếu không, các học sinh phải bấm vào một nút *Continue* để tiếp tục.

*Enable preview mode* cho phép các học sinh duyệt qua các nội dung mà không cần dùng các thử nghiệm liên quan. Nội dung được đánh dấu là đã duyệt.

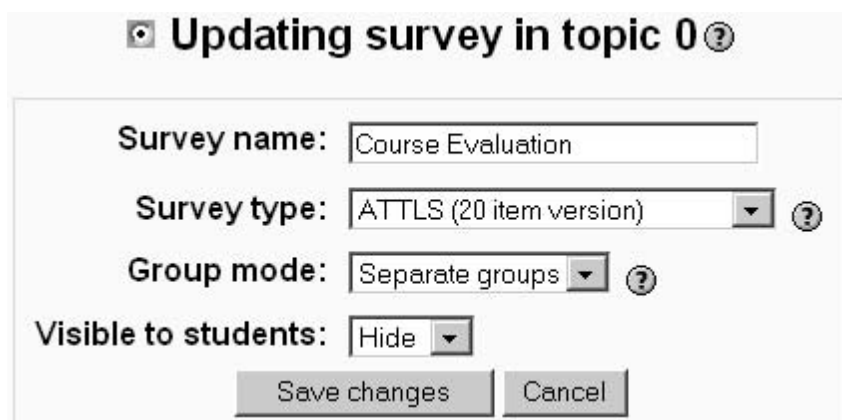
Dù các đối tượng nội dung chia sẻ hiển thị trong cùng một cửa sổ hoặc một cửa sổ riêng biệt, các thiết lập *Width* và *Height* xác định kích thước của vùng hiển thị cho các đối tượng, không phải là kích thước của cửa sổ.

## Survey

Khảo sát của Moodle bao gồm các câu hỏi về "thái độ đối với việc học nói chung và quá khóa học cụ thể, và về các kinh nghiệm của học sinh với khóa học. Moodle cho phép bạn tạo 5 khảo sát khác nhau, tất cả đều được tạo trước cho bạn. Các câu hỏi khảo sát được thiết kế để giúp bạn đánh giá học sinh. Các câu hỏi và lựa chọn trong các khảo sát này được thiết lập, và bạn không thể chỉnh sửa chúng. Nếu câu hỏi khảo sát không phù hợp cho việc sử dụng của bạn, bạn sẽ cần phải sử dụng lại một bài kiểm tra cho một cuộc khảo sát.

### Creating a Survey (tạo khảo sát)

Để tạo ra một cuộc khảo sát, thêm nó vào hoạt động của bạn và sau đó chọn *Survey type*. Thiết lập *Group mode*, chỉnh sửa văn bản giới thiệu, và cuộc điều tra hoàn tất. Các câu hỏi được đặt ra cho bạn.



**Updating survey in topic 0**

Survey name:

Survey type:

Group mode:

Visible to students:

### Survey Types

Moodle cung cấp 5 khảo sát khác nhau, được chia thành ba loại.

### COLLES

COLLES là viết tắt của Constructivist On-Line Learning Environment Survey. Có ba khảo sát trong danh mục này. Mỗi cái bao gồm 24 báo cáo, mà qua đó học sinh cho thấy một mức độ đồng ý hay bất đồng ý kiến. Những câu hỏi hỏi về:

- Sự thích hợp của khóa học với lợi ích của học sinh và mục tiêu nghề nghiệp.



- Mức độ tư duy phê phán hay phản xạ mà học sinh áp dụng với các tài liệu trong khóa học
- Mức độ tương tác học sinh tham gia vào, trong suốt khóa học
- Mức độ hỗ trợ các mà học sinh được nhận trong khóa học
- Mức độ hỗ trợ đồng đẳng mà học sinh nhận được trong khóa học
- Sự thành công của sự hỗ trợ của học sinh, và sự giải thích của học sinh trong sự tương tác giữa các học sinh với nhau.

Ba cuộc khảo sát COLLES hỏi học sinh về môi trường học tập ưa thích của họ, môi trường học tập thực tế họ đang trải qua với khóa học, và sự kết hợp của cả hai.

Survey type:

- Choose...
- ATTLS (20 item version)
- Critical Incidents
- COLLES (Actual)
- COLLES (Preferred and Actual)
- COLLES (Preferred)

## ATTLS

ATTLS là viết tắt của Attitudes To Thinking and Learning Survey. Nó bao gồm 20 câu hỏi hỏi về phong cách học tập của học sinh, thảo luận, và tranh luận. Ví dụ, khảo sát hỏi về thái độ của học sinh đối với luận lý so với mối quan tâm cá nhân - tôi đánh giá cao việc sử dụng luận lý và lý do trên sự kết hợp các mối quan tâm của riêng tôi khi giải quyết vấn đề.

Các câu hỏi ATTLS rất hữu ích để đo lường thái độ của học sinh nói chung, nhưng không phải để đo lường nhận thức của học sinh, hoặc sự hài lòng với một khóa học.

## Critical Incidents

Khảo sát Critical Incidents khác với các khảo sát COLLES và ATTLS ở hai điều:

- Nó ngắn hơn nhiều, chỉ có năm câu hỏi.
- Học sinh trả lời bằng cách gõ câu trả lời ngắn thay vì chọn từ nhiều lựa chọn.

Khảo sát này hỏi học sinh về việc họ cảm thấy thế nào về các sự kiện gần đây trong khóa học. Năm câu hỏi trong khảo sát Critical Incidents là:

1. Thời điểm nào trong lớp bạn được quan tâm nhất với vai trò là một người học?
2. Thời điểm nào trong lớp bạn bị tách xa nhất với vai trò một người học?
3. Hoạt động gì từ diễn đàn mà bạn thấy hữu ích nhất?
4. Hoạt động gì từ diễn đàn mà bạn thấy khó hiểu nhất?
5. Sự kiện nào làm bạn bất ngờ nhất?

## When to Use the Different Types of Surveys

Vào lúc bắt đầu của một khóa học, cuộc điều tra COLLES (Preferred) có thể cung cấp cho bạn một ý tưởng về cách học tập ưa thích của học sinh. Điều này có thể giúp bạn thiết kế và trình bày khóa học một cách tốt nhất cho học sinh của bạn. Trong suốt khóa học, bạn có thể sử dụng một cuộc khảo sát COLLES (Actual) để đo lường việc khóa học đáp ứng nhu cầu của học sinh tốt như thế nào. Đây là những cuộc khảo sát dài, do đó không lạm dụng chúng.

Khảo sát ATTLS cũng có thể được sử dụng vào đầu một khóa học để giúp bạn hiểu phong cách học tập của học sinh. Hãy nhớ rằng khảo sát này là về học sinh, không phải khóa học. Bạn có thể muốn yêu cầu mỗi học sinh mới trong trang web học tập của bạn hoàn thành một cuộc khảo sát ATTLS trước khi tham gia bất kỳ khóa học nào. Sau đó, mỗi giáo viên có thể kiểm tra khảo sát ATTLS của học sinh, và biết họ sẽ làm việc với những ai trong khóa học của họ.

Vì khảo sát Critical Incidents ngắn, và hỏi về các sự kiện gần đây, bạn có thể sử dụng khảo sát này sau mỗi chủ đề hoặc tuần. Nó cung cấp một hướng dẫn hữu ích cho việc thực hiện những thay đổi nhỏ trong tiến trình khóa học của bạn.

## Choices

Choice của Moodle là loại hoạt động đơn giản. Trong một hoạt động Choice, bạn tạo ra một câu hỏi, và chỉ định một lựa chọn câu trả lời. Bạn có thể sử dụng một Choice để:

- Có một cuộc thăm dò nhanh chóng.
- Yêu cầu học sinh chọn các mặt trong một cuộc tranh luận.
- Xác nhận sự hiểu biết của học sinh về một thỏa thuận.
- Thu thập sự đồng ý.

Trước khi xem làm thế nào để thực hiện điều này, chúng ta hãy nhìn vào các hoạt động Choice từ khung nhìn của học sinh, và sau đó khám phá các thiết lập có sẵn cho các giáo viên trong khi tạo ra một Choice.

## Student's Point of View

Từ khung nhìn của học sinh, một hoạt động Choice giống như sau:

**Moodle Solutions ► ForumSolutions ► Choices ► Choose a Side for Class Debate**

Our public speaking class will end with a debate between three sides. The topic for the debate is the the legalization of illegal immigrants. The three sides are listed below.  
 Pick a side in the debate. There are twelve people in class. Each side is limited to four people.  
 You don't need to pick a side that you agree with. You can often learn more from supporting a view that you disagree with.

Illegal immigrants should be immediately located and deported. 4 spaces available

We should implement a guest worker program where illegal immigrants can eventually earn their legal status. 4 spaces available

We should declare amnesty for current illegal immigrants and allow them to apply for citizenship. 4 spaces available

**Responses**

Illegal immigrants should be immediately located and deported.	We should implement a guest worker program where illegal immigrants can eventually earn their legal status.	We should declare amnesty for current illegal immigrants and allow them to apply for citizenship.
Taken:0 Limit:4	Taken:0 Limit:4	Taken:0 Limit:4

Lưu ý rằng ở dưới cùng của cửa sổ, học sinh có thể xem có bao nhiêu học sinh khác đã chọn một câu trả lời. Cũng có một giới hạn về số lượng các sinh viên có thể chọn mỗi câu trả lời.

### Teacher's Point of View

Trước khi chúng ta thảo luận về một số công dụng của một hoạt động Choice, chúng ta hãy nhìn vào các thiết lập có sẵn trên trang Editing Choice. Sau đó, chúng ta sẽ xem làm thế nào chúng ta có thể sử dụng sáng tạo của những khả năng.

### Number of Choices

Khi bạn lần đầu tiên sử dụng trang Editing Choice, Moodle cung cấp cho bạn chỗ trống cho 5 câu trả lời:

## ? Updating Choice in topic 8 ?

Choice name:

Choice text:

Trebuchet 1 (8 pt) **B I U S** x<sub>2</sub> x<sup>2</sup>

Write carefully

Ask good questions About the HTML editor

Our public speaking class will end with a debate between three sides. The topic for the debate is the the legalization of illegal immigrants. The three sides are listed below.  
Pick a side in the debate. There are twelve people in class. Each side is limited to four people.  
You don't need to pick a side that you agree with. You can often learn more from supporting a view that you disagree with.

Path:

- |           |  |  |        |                                |
|-----------|--|--|--------|--------------------------------|
| Choice 1: | <input type="text" value="Illegal immigrants should be immediately located and deported."/>    |  | Limit: | <input type="text" value="4"/> |
| Choice 2: | <input type="text" value="We should implement a guest worker program where illegal imm"/>      |  | Limit: | <input type="text" value="4"/> |
| Choice 3: | <input type="text" value="We should declare amnesty for current illegal immigrants and alli"/> |  | Limit: | <input type="text" value="4"/> |
| Choice 4: | <input type="text"/>   |  | Limit: | <input type="text" value="0"/> |
| Choice 5: | <input type="text"/>   |  | Limit: | <input type="text" value="0"/> |

Nếu bạn sử dụng tất cả các Choice, và sau đó lưu các hoạt động, Moodle cung cấp cho bạn hai Choice trống khi bạn quay lại trang chỉnh sửa. Bạn có thể tiếp tục làm điều này cho đến khi Moodle đã tạo ra nhiều đủ Choice mà bạn cần.

### Limit

*Limit* kế bên mỗi Choice cho phép bạn giới hạn bao nhiêu học sinh có thể chọn Choice đó. Trong ví dụ trước, không quá 4 học sinh có thể chọn mỗi Choice. Vì vậy, sau khi bốn học sinh đã chọn *Choice 1*, Choice đó thể chọn nữa. *Limit* phải được kích hoạt cho Choice:

Limit the number of responses allowed:

### Time Limit

Bạn có thể xác định một khoảng thời gian mà học sinh được phép thực hiện một hoạt động Choice. Nếu bạn không đặt giới hạn thời gian (nếu bạn dừng chọn), thì Choice luôn luôn có sẵn.

**Restrict answering to this time period:**  ?

**Open:** 17 May 2007 10 15

**Until:** 30 May 2007 10 15

## Publish Results

Bạn có thể chọn hiện các kết quả của Choice cho các học sinh hay không:

**Publish results:**

Do not publish results to students

Do not publish results to students

Show results to a student after they answer

Show results to students only after the choice is closed

Always show results to students

Trong ví dụ ở phần đầu của phần này, *Publish result* đã được thiết lập là *Always show results to students*. Đó là lý do tại sao học sinh có thể xem có bao nhiêu học sinh đã chọn mỗi câu trả lời. Nếu nó đã được thiết lập là *Do not publish results to students*, các hoạt động sẽ không cho thấy có bao nhiêu học sinh đã lựa chọn mỗi câu trả lời. Lưu ý rằng ở dưới cùng của trang này, các con số, *Taken* và *Limit*, không còn hiển thị:

Our public speaking class will end with a debate between three sides. The topic for the debate is the the legalization of illegal immigrants. The three sides are listed below.

Pick a side in the debate. There are twelve people in class. Each side is limited to four people.

You don't need to pick a side that you agree with. You can often learn more from supporting a view that you disagree with.

Illegal immigrants should be immediately located and deported.

We should implement a guest worker program where illegal immigrants can eventually earn their legal status.

We should declare amnesty for current illegal immigrants and allow them to apply for citizenship.

Save my choice




Nếu bạn hạn chế số lượng học sinh có thể chọn một câu trả lời, xem xét việc sử dụng *Always show results to students*. Bằng cách đó, học sinh có thể xem có bao nhiêu người khác đã chọn câu trả lời, và bao nhiêu chỗ còn lại cho mỗi câu trả lời.

## Privacy

Nếu bạn xuất kết quả của một choice, bạn có thể chọn hiện tên của sinh viên đã chọn choice đó hay không hiện:

<b>Privacy of results:</b>	Publish full results, showing names and their choices
	Publish anonymous results, do not show student names
	Publish full results, showing names and their choices

Trong ví dụ ở phần đầu của phần này, *Privacy* của kết quả đã được thiết lập là *Publish anonymous results*. Nếu nó được thiết lập là *Publish full results*, học sinh sẽ thấy những người đã lựa chọn mỗi câu trả lời:

Responses		
<b>Illegal immigrants should be immediately located and deported.</b>	<b>We should implement a guest worker program where illegal immigrants can eventually earn their legal status.</b>	<b>We should declare amnesty for current illegal immigrants and allow them to apply for citizenship.</b>
 Student1 Moodle	 Student2 Moodle	 Student3 Moodle
Taken:1 Limit:4	Taken:1 Limit:4	Taken:1 Limit:4

### Allow Students to Change Their Minds

Thiết lập *Allow choice to be updated* xác định một học sinh có thể thay đổi câu trả lời của mình sau khi gửi nó hay không. Nếu điều này được thiết lập là *Yes*, một học sinh có thể làm lại hoạt động Choice cho đến khi hoạt động được đóng lại.

### Summary (Tóm lại)

*Assignment*, *journal*, và *lesson* của Moodle cho phép bạn tạo tài liệu khóa học mà có thể tương tác với học sinh. Sự tương tác này thì hấp dẫn hơn, và thường có hiệu quả hơn, so với các khóa học chỉ gồm tài liệu tĩnh mà các sinh viên xem. Trong khi bạn sẽ bắt đầu tạo khóa học của bạn bằng cách thêm các tài liệu tĩnh, bước tiếp theo thường nên hỏi, “Làm thế nào tôi có thể thêm các tương tác cho khóa học này?” Các *lesson* thậm chí có thể thay thế nhiều các trang web tĩnh, vì chúng bao gồm các trang web với một câu hỏi ở cuối mỗi trang.

*Survey* và *Choice* cho giáo viên cơ hội để đánh giá học sinh, thái độ của họ đối với việc học tập, và sự hài lòng của họ với một khóa học. Khảo sát ATTLS có thể trở thành một phần của hồ sơ của học sinh, sẵn sàng cho tất cả các giáo viên của học sinh đó trong một khóa học. Khảo sát COLLES (Preferred) có thể được sử dụng vào đầu một khóa học để đánh giá động lực và kỳ vọng của học sinh, trong khi COLLES (Actual) có thể được sử dụng vài tuần một lần để đánh giá sự hài lòng của học sinh.

Thêm một khảo sát Critical Incidents sau mỗi chủ đề hoặc tuần, và Choice khi cần thiết, và kết quả được cấu trúc, như cuộc hội thoại đang diễn ra giữa các học sinh và giáo viên.

## CHƯƠNG 7: THÊM NỘI DUNG XÃ HỘI VÀO KHÓA HỌC

Các hoạt động xã hội trong khóa học khuyến khích sự tương tác của học viên. Tương tác ngay hàng là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất mà moodle cung cấp. Nó không chỉ khuyến khích học tập mà còn dùng để khảo sát, thăm dò ý kiến. Nó cũng là cho khóa học thú vị hơn, làm tăng hứng thú, sự tham gia của học viên. Trong chương này sẽ hướng dẫn bạn làm thế nào để thêm các nguồn tài nguyên xã hội vào khóa học và làm thế nào để sử dụng chúng một cách tốt nhất.

### Chat (trò chuyện)

Các module tạo phòng chat, nơi mà học viên có thời gian để trò chuyện trực tuyến. Trò chuyện trực tuyến sẽ có một số lợi thế trong cuộc thảo luận của lớp. Học viên không cần đối phó với nỗi sợ hãi trước đông người. Bản sao có thể chỉnh sửa và sử dụng như tài liệu cho khóa học. Người tham gia có thời gian để suy nghĩ về nội dung cuộc trò chuyện. Chia khóa để sử dụng chia khóa này đó là sự chuẩn bị. Sự chuẩn bị của học sinh đảm bảo rằng họ biết thích nghi với phòng chat và biết sử dụng các phần mềm. Chuẩn bị sẵn sàng cho mình tài liệu sao chép và dán vào chat. Và mọi người phải chuẩn bị tập trung vào mục tiêu và chủ đề của cuộc trò chuyện. Hơn bất kỳ hoạt động trực tuyến nào. Trò chuyện yêu cầu GV phải biết lãnh đạo và hướng dẫn học viên của mình để học được những kinh nghiệm và có kết quả tốt.

Khi bạn thêm phòng chat vào khóa học, bất cứ học viên nào cũng có thể tham gia phòng chat bất cứ lúc nào. Phòng chat trở thành nơi gặp gỡ của học viên trong khóa học, ở đây họ có thể trao đổi thông tin, và hợp tác với nhau. Nếu bạn cho bài tập nhóm, hoặc học viên đánh giá bài tập của học viên khác thì bạn nên xem xét việc thêm một phòng chat và khuyến khích học viên sử dụng nó.

### **The Editing Chat Page ( Chỉnh sửa trang trò chuyện)**

Editing Chat page là nơi để bạn tạo và chọn các thiết lập cho phòng chat



**General**

Name of this chat room\*

Introduction text\*

Trebuchet 1 (8 pt) Lang **B** *I* U ~~S~~

Students enrolled in this course can enter the chat room at any time. Your past chats will be saved for all students to see.

Path:

Next chat time

Repeat sessions

Save past sessions

Everyone can view past sessions

**Common module settings**

Group mode

Visible

Chúng ta hãy cùng quan sát các thiết lập trên Editing Chat page:

### Name

Đây là tên mà học viên sẽ nhìn thấy trên Home page của khóa học

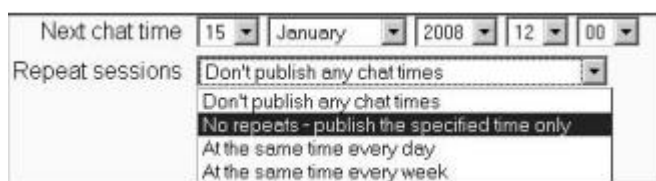
### Introduction Text

Khi học viên lựa chọn phòng chat, họ sẽ nhìn thấy một đoạn văn bản giới thiệu trước khi nhấp vào phòng chat.



**Next Chat Time and Repeat Sessions** ( Thời gian trò chuyện tiếp và phiên lặp lại)

Trang này giống như sau:



The image shows a configuration window for chat sessions. At the top, there are dropdown menus for 'Next chat time' set to '15', 'January', '2008', '12', and '00'. Below this is a 'Repeat sessions' dropdown menu with the following options: 'Don't publish any chat times', 'No repeats - publish the specified time only' (which is highlighted), 'At the same time every day', and 'At the same time every week'.

Như trong phần đầu, học viên có thể tham gia phòng chat bất cứ khi nào, miễn là có thể thấy cuộc trò chuyện. Do đó các thiết lập Next chat time và Repeat Sessions không mở và đóng cuộc trò chuyện. Thay vào đó các thiết lập này cài đặt thời gian và ngày để trò chuyện trên lịch trò chuyện.

Khi tạo các thiết lập, kết quả nhận được như sau



Lần trò chuyện được liệt kê trong danh sách Calendar và khối Upcoming Event. Lưu ý chat không giới hạn số lần. Xem xét thêm các khối Online User để khi ghé thăm trang web học viên biết được những ai đang trực tuyến và có thể mời họ vào phòng chat.

Để phòng chat có sẵn trong thời gian được chỉ định, bạn nên bật chế độ chỉnh sửa của GV. Sau đó ẩn các phòng chat, khi cuộc trò chuyện bắt đầu, GV có thể hiển thị phòng chat.

### **Lưu các phần trước và mọi người có thể xem các phần trước đó.**

Các cuộc trò chuyện trước sẽ được lưu lại. Thiết lập Save past sessions cho phép giới hạn thời gian để lưu các cuộc trò chuyện. Các cài đặt Everyone can view past session quyết định xem học viên có thể xem các cuộc trò chuyện trước (Yes) hoặc dù dù GV có thể xem các cuộc trò chuyện (No).

## Chat Security

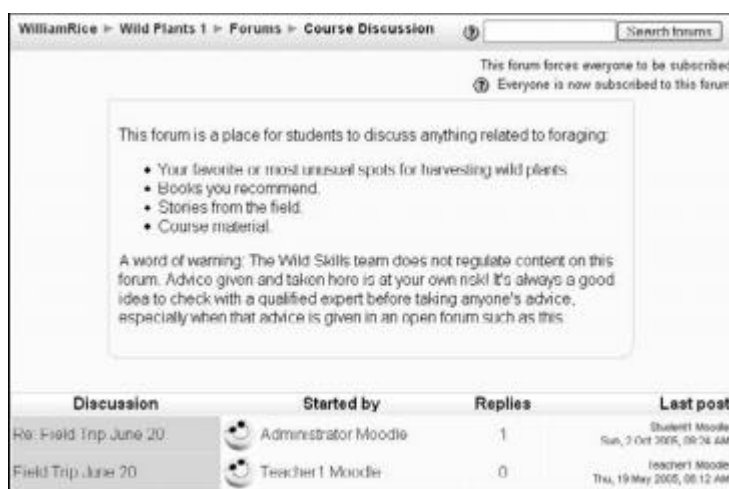
Chỉ có an ninh cho phòng chat được mở ở chế độ nhóm, do đó chỉ có học viên trong nhóm mới có thể chọn nhóm để tham gia.

Hãy nhớ rằng trong các trang Course Setting, bạn có thể thiết lập Enrolment duration như Unlimit. Điều này có nghĩa là một học viên được ghi danh vào khóa học, người đó sẽ luôn được ghi danh cho đến khi bạn hủy ghi danh của học viên đó. Nếu bạn mở một khóa học cho tất cả học viên đã ghi danh hãy xem xét việc tạo ra các nhóm trò chuyện riêng theo từng nhóm. Sau đó, tạo ra một nhóm bao gồm chỉ các học viên hiện đang theo học. Điều này ngăn chặn học viên tham gia vào quá nhiều phòng chat.

## Forum

Diễn đàn là một trong những tính năng mạnh mẽ nhất của moodle. Một diễn đàn tốt cso thể kích thích thảo luận, thu hút sự tham gia của học viên và có được những kết quả bất ngờ từ các cuộc thảo luận.

Bạn có thể thêm bất kì một diễn đàn nào khóa học, cũng như Front page. Bất cứ ai có quyền truy cập vào khóa học cũng sẽ được phép truy cập vào diễn đàn. Banh có thể sử dụng chế độ nhóm để giới hạn truy cập vào diễn đàn của một nhóm cụ thể.



Khi tham gia vào một diễn đàn, học viên cso thể thấy mô tả trogn lúc tạo diễn đàn, như thể hiện trogn hình trước.

Trogn khi viết bài trong diễn đàn, học viên có thể sử dụng trình soạn thảo WYSIWYG trực tuyến khi tạo ra các trang web trong moodle. Ngoài ra bạn có thể cho phép học viên tải các tập tin lên diễn đàn. nếu bạn yêu cầu học viên cộng tác trong các bài tập, hoặc yêu cầu họ đánh giá lẫn nhau, hãy xem xét việc thêm một diễn đàn dành riêng cho thảo luận về bài tập này. Khuyến khích học viên sử dụng diễn đàn để xem trước các công việc của nhau và hợp tác trên các bài tập.

## **Thảo luận bằng các chủ đề**

Trong diễn đàn của moodle, các cuộc thảo luận tương đương với các chủ đề. Khi thiết lập Can a student post to this forum? Thiết lập Discussions and replies are allowed, học viên có thể tạo topic mới và trả lời các topic. Khi thiết lập No discussions, but replies are allowed học viên có thể gửi các bài viết lên topic đã có, nhưng GV phải tạo ra các chủ đề thảo luận. Khi thiết lập No discussions, no replies thì chỉ có GV mới có thể tạo các cuộc thảo luận và trả lời bài viết.

Trong moodle 1.9+, thiết lập Can a student post to this forum? Và discussions and replies are allowed được kiểm soát dưới tab phụ Roles-> Override roles.

## **Sử dụng diễn đàn để gửi hàng loạt các email.**

Tùy chọn cuối cùng, No discussions, no replies, thường được sử dụng khi bạn muốn gửi hàng loạt email cho toàn lớp học. Moodle không có modun chỉ gửi email thông báo, vì vậy khi bạn muốn gửi email đến tất cả mọi người trong một lớp học, bạn có thể tạo ra một Forum cho lớp học và chọn Yes hoặc Force everyone to be subscribed? Diễn đàn bị khóa, chỉ có GV mới có thể gửi tin nhắn. Khi GV gửi tin nhắn, tất cả mọi người đăng kí vào forum đều nhận được thông báo qua email. Với tất cả mọi người đăng kí, cả lớp sẽ nhận được một bản sao của các bài đăng qua email.

## **Multiple Forum**

Hãy nhớ rằng một lớp có thể có nhiều diễn đàn. Nếu khóa học của bạn sử dụng nhóm, bạn có thể sử dụng các nhóm trong diễn đàn này. Ngoài ra bạn cũng có thể ẩn các diễn đàn cũ và tạo diễn đàn mới. Tắt các diễn đàn cũ và tạo các diễn đàn mới cho bạn làm mới một phần của khóa học.

Thiết lập diễn đàn

Trang Editing Forum cho phép bạn chọn các thiết lập cho diễn đàn. Chúng ta hãy xem các thiết lập ảnh hưởng thế nào đến trải nghiệm của người dùng.

## **Thiết lập chung**

Trang thiết lập General trông như sau:

**Updating Forum in topic 6**

**General**

Forum name\*

Forum type

Forum introduction\*

---

Trebuchet | 1 (8 pt) | Heading 1 | Lang | **B** | *I* | U | ~~S~~ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

You are teaching a course in geometry to secondary school (high school) level students. You want to supplement the class time with online learning. The result will be a blended learning environment. Assume that each student has access to a computer outside of class. Describe how you might implement several instructional strategies during the class.

Path: body > h1

Force everyone to be subscribed?

Read tracking for this forum?

Maximum attachment size

## Tên forum

Đó là tên mà học viên sẽ nhìn thấy khi Forum được liệt kê trong danh sách khóa học của Home page.

## Loại Forum

Trong moodle, bạn có thể tạo một số dạng của forum. Mỗi loại có một cách sử dụng riêng khác nhau. Các loại forum:

Loại diễn đàn	Mô tả
Single simple discussion	Toàn bộ diễn đàn xuất hiện trên một trang. Trong bài đăng đầu tiên,, ở đầu trang là các chủ đề cho diễn đàn này. Các chủ đề này thường được GV tạo. Sau đó học viên sẽ trả lời các bài đăng dưới mỗi chủ đề. Single-topic forum là rất hữu ích cho các cuộc thảo luận ngắn
Standard	Trong standard forum, bất cứ ai cũng có thể tạo chủ đề mới. GV và học viên có thể tạo diễn đàn mới và trả lời các bài đăng trước đó.

Each person posts on discussion	Mỗi học viên chỉ có thể tạo một chủ đề. Mọi người có thể trả lời mọi chủ đề
Q and A	Giống single-topic forum, GV có thể tạo chủ đề cho diễn đàn Sau đó học viên có thể trả lời chủ đề đó. Tuy nhiên một học viên không thể xem trả lời của người khác cho đến khi họ có được câu trả lời. Chủ đề thường là câu hỏi được đặt ra bởi GV và trả lời của học viên

## **Giới thiệu Forum**

Khi học viên vào một diễn đàn, họ sẽ thấy Forum introduction ở đầu trang diễn đàn. Đoạn văn bản này sẽ cho học viên biết về diễn đàn. Bạn cũng có thể sử dụng đoạn giới thiệu này giúp học viên biết nếu người khác đánh giá bài đăng của họ thậm chí liên kết đến một tài liệu hướng dẫn sử dụng diễn đàn.

## **Force Everyone to be Subscribed?**

Chọn Yes cho Force everyone to be subscribed? Dẫn kí học viên tự động cho các diễn đàn, ngay cả học viên đã ghi danh vào khóa học sau đó. Trước khi sử dụng các thiết lập này, hãy xem xét ảnh hưởng lâu dài của nó với các sinh viên trong lớp học của bạn.

Nếu bạn sử dụng lại cùng lớp học cho nhóm học viên sau, sau đó các nhóm trước sẽ vẫn được ghi danh. Bạn có muốn học viên trước đây nhận được thông báo về thông tin của bài đăng mới trong diễn đàn. Nếu không, có một số giải pháp như sau:

- Không ép buộc tất cả học viên đăng kí
- Sử dụng nhóm để tách các nhóm hiện tại trong lớp với các nhóm trước.
- Tạo thẻ hiện mới cho từng nhóm mới.

## **Đọc các theo dõi đối với diễn đàn**

Khi được bật, điều này làm nổi bật các thông báo mà học viên chưa đọc

Discussion	Started by	Replies	Unread
getting started with documentation	 Matthew Hikory	2	1 ✓
Very important question... - design... Moodle	 Roi Shillo	1	1 ✓
Can we make suggestions?	 Jennifer Blackstone	3	1 ✓
Version 1.71	 Jennifer Blackstone	2	3 ✓

Nếu học viên đăng kí vào diễn đàn thông qua email, tính năng này sẽ rất hữu ích vì nó không phản ánh các bài đăng thông qua email.

### Kích thước tối đa của tập tin đính kèm


Học viên có thể đính kèm tập tin vào bài đăng trong diễn đàn của mình. Điều này cho biết kích thước tối đa của tập tin mà bạn có thể đăng tải.

### Thiết lập điểm số

Trang thiết lập Grade trong như sau:

**Grade**

Allow posts to be rated?  Use ratings

Grade  Scale: Relevance of Forum Posting

Restrict ratings to posts with

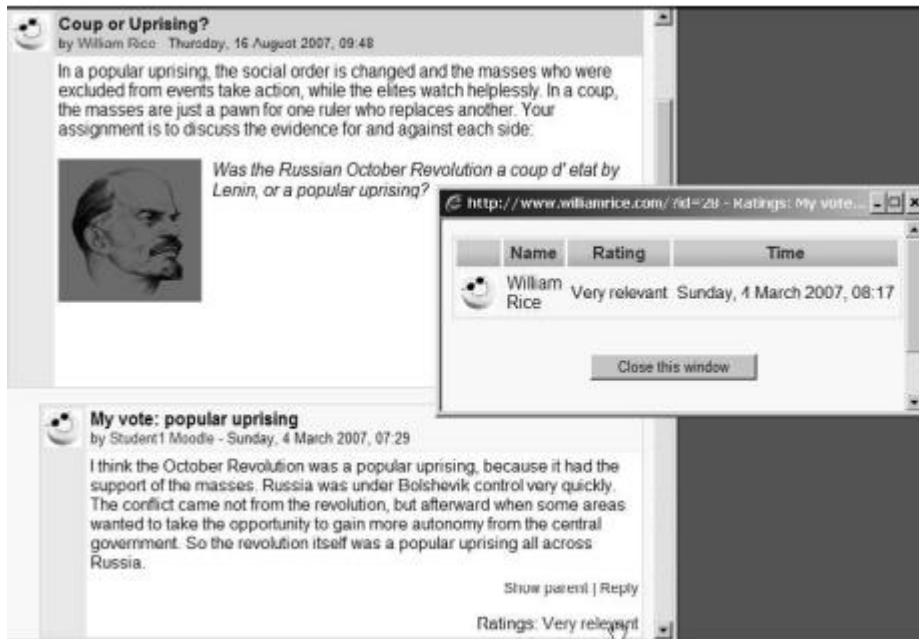
dates in this range:

From 5 January 2008 15 00

To 5 January 2008 15 00

Trong diễn đàn, một “Grade” thật sự là một “rating”. Khi bạn kích hoạt Allow post to be rated?, Bạn đã thực sự cho phép giáo viên quyền đánh giá trong mỗi diễn đàn.

Trong ảnh chụp màn hình sau, bạn có thể thấy bài đăng đầu tiên trong diễn đàn được thực hiện bởi GV. Dưới đây bạn sẽ thấy trả lời của Student 1. Trả lời của học viên sẽ được giáo viên đánh giá. Học viên muốn xem ai đã đánh giá học và đánh giá khi nào, họ nhấp vào đánh giá và cửa sổ pop-up nhỏ nó sẽ hiển thị:



Theo mặc định chỉ cso GV và quản trị viên có thể đánh giá các bài đăng trên diễn đàn. Nếu bạn muốn học viên có thể đnahs giá các bài đăng trogn diễn đàn, bạn phải kích hoạt cho diễn đàn. Bạn làm điều đó với trang Override Roles. Trước khi rời khỏi trang cài đặt, lưu lại công việc của bạn.

### Cho phép học viên đánh giá bài đăng trong diễn đàn

1. Từ trang Editing Forum, chọn thẻ Roles.
2. Chọn Override Roles. Lưu ý trong phiên bản moodle 1.9+, các quản trị viên phải cung cấp quyền truy cập Override Roles
3. Từ danh sách các vai trò, chọn Student
4. Di chuyển xuống đến dưới Forums, tìm đến Rate posts.
5. Chọn nút radio ở cột thứ 2, Allow.
6. Chọn nút Save changes

### Khởi thiết lập giới hạn bài đăng

Trang thiết lập trong như sau:

Post threshold for blocking	
Time period for blocking ?	Don't block ▾
Post threshold for blocking ?	0
Post threshold for warning ?	0



Thiết lập này giúp bạn ngăn chặn diễn đàn hiển thị các trang quảng cáo. Người dùng có thể bị chặn từ các bài đăng hơn là số lượng bài trong thời gian cho phép. Khi tiếp cận giới hạn họ sẽ nhận được cảnh báo.

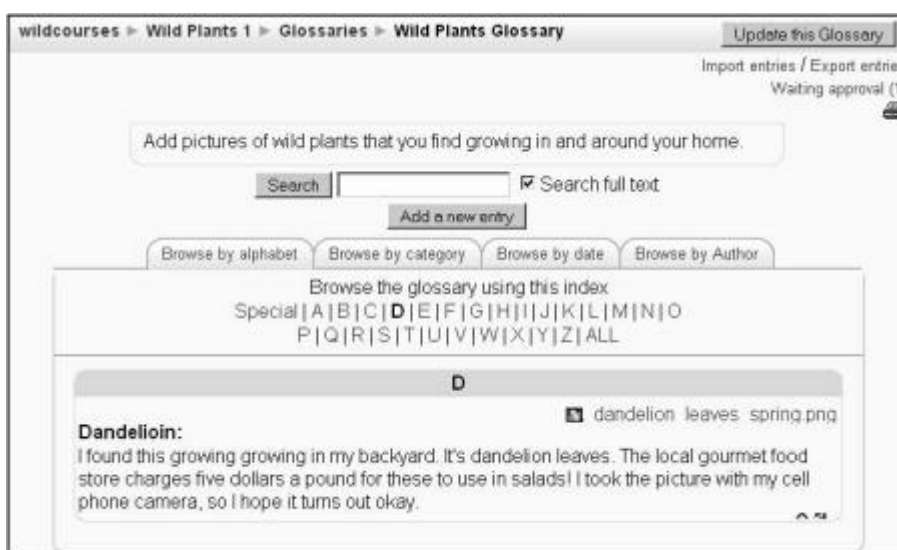
## Glossary

Hoạt động glossory là một trong những đánh giá thấp trong moodle. Trên bề mặt, một glossory là danh sách các từ và định nghĩa mà học viên có thể truy cập. Tuy nhiên một khóa học tác giả có thể cho phép học viên thêm vào các Glossory. Biến đổi từ glossory sang một danh sách các từ vũng tĩnh để trợ giúp cho việc học.

Bạn có thể sử dụng glossory để xây dựng nên từ điển cho lớp học, bộ sưu tập các câu hỏi cho kì thi đã qua, trích dẫn nổi tiếng thậm chí là bộ sưu tập chú giải bằng hình ảnh.

## Adding Glossary Entries (thêm các Glossory)

Thiết lập Glossory từ từ trình đơn hiển thị của trang Glossory. Trong trang này bạn có thể chỉnh sửa và duyệt bảng từ điển đã có sẵn trong khóa học.. Trong hình ảnh sau, bạn có thể thêm mới các từ chú giải từ thẻ Browse.



Trong trang này, đây là khái niệm là thuật ngữ cho phép bạn thêm vào các chú giải.. Từ khóa, từ đồng nghĩa- tương đương với “See also” trong một chỉ mục hoặc từ điển. Các mục này sẽ liên kết đến các định nghĩa tương tự như khái niệm.

Tạo mới một loại chú giải bằng cách nhấp vào Add a neww entry. Đây là nút xuất hiện dưới mỗi thẻ khi mà bạn xem các thuật ngữ, vì vậy nó luôn tồn tại.

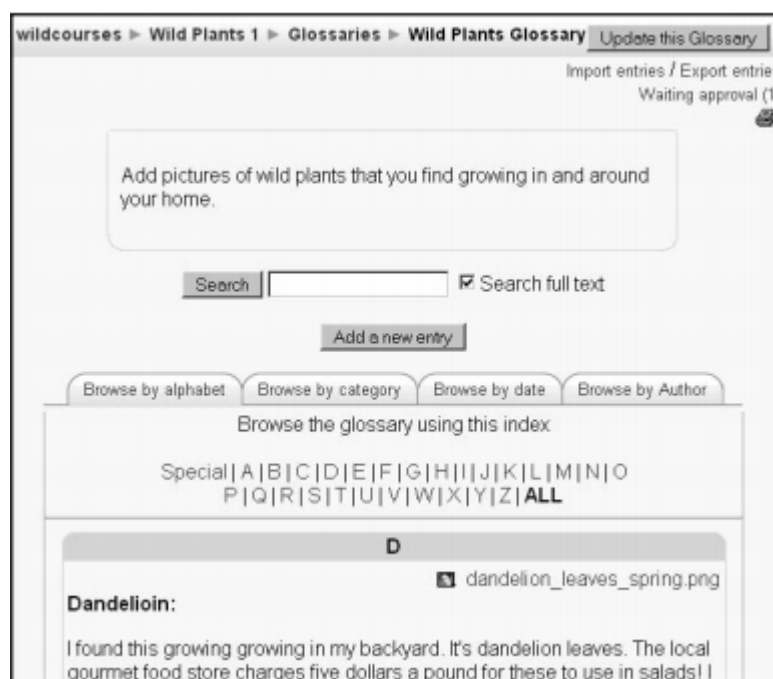
Các loại được tạo ra dưới thẻ Browes Categories. Nhấp vào nhãn Edit category dưới thẻ đó để tạo, xóa hoặc đổi tên loại.

Bạn cũng có thể đăng tải lên một tập tin tùy ý cho mỗi mục chú giải, Bằng cách nhấp vào liên kết Import entries nằm ở góc trên bên phải. liên kết Import và Export cho phép bạn trao đổi chú giải giữa các khóa học và thậm chí là cài đặt moodle. Bạn có thể muốn bắt đầu một khóa học bằng một từ điển nhỏ và để cho học viên phát triển thêm những khái niệm mới.

Nếu bạn muốn điều đó, export các thuật ngữ bắt đầu để bạn có sẵn nó trong những khóa học tiếp.. Lần sau khi bạn dạy khóa học đó bạn có thể chọn để export tất cả mọi thứ trong khóa học đã hoàn tất trừ thông tin học viên và chú giải. Trong bản sao chép mới, chỉ cần tạo ra bảng thuật ngữ mới để nhập vào các thuật ngữ mới.

Ngoài ra, lưu ý rằng cửa sổ chỉnh sửa cho phép bạn tạo các liên kết trong định nghĩa. Bạn có thể sử dụng liên kết đến thông tin một cách tự do chẳng hạn <http://www.wikipedia.org/> .

Khi bạn tạo bảng thuật ngữ, trong cửa sổ cài đặt bạn chọn điều kiện sinh viên được phê duyệt tự động hoặc họ cần giáo viên phê duyệt. Trong ví dụ này Waiting approval là không chờ đợi vì thuật ngữ này tự động phê duyệt. Nếu tắt cài đặt, mục mới sẽ chờ GV duyệt trước khi được thêm vào. Trong hình dưới đây, chú ý liên kết trong góc trên bên phải Awaiting approval



**Global Versus Local Glossary (bảng thuật ngữ một phần với toàn bộ)**

Site **Administration->Modules->Filters**, trang quản trị có thể bật Glossary Auto-Linking. Khi được bật, bất kì từ nào của bảng thuật ngữ mà xuất hiện trong khóa học thì sẽ được tô màu xám. Nhấp vào từ đó sẽ mở cửa sổ với mục thuật ngữ của từ đó. Mặc định, một bảng thuật ngữ chỉ áp dụng cho khóa học chứa nó. Tuy nhiên, bạn có thể chọn tạo một bảng thuật ngữ toàn cục, trong trường hợp đó, các từ của bảng thuật ngữ này sẽ được làm nổi bật và có thể nhấp vào được tại những vị trí mà nó xuất hiện. Từ mà đã được làm trong một khóa học sẽ trở nên sẵn sàng cho tất cả các khóa học trong trang của bạn. Nếu tiêu đề môn học của trang của bạn được tập trung chú ý (như trong ví dụ của chúng tôi với chủ đề môn Wilderness Skill), nên xem xét sử dụng một bảng thuật ngữ toàn cục (global glossary). nếu chủ đề môn củ trang của bạn quá rộng, như trong trang học tập của đại học, bạn nên sử dụng bảng thuật ngữ cục bộ để tránh nhầm lẫn. Ví dụ, bạn có một khóa học môn hóa học và một môn khác về thống kê. Cả hai cùng sử dụng từ ‘granular’, nhưng hóa học sử dụng nó để nói đến chất bột gây nghiện trong khi thống kê sử dụng nó để nói đến mức phạt chi tiết.

### **Main and Secondary Glossaries (bản thuật ngữ chính và thứ cấp)**

Nếu bạn muốn học viên của bạn có thể thêm một mục vào bảng thuật ngữ, bạn phải tạo nó là bảng thuật ngữ thứ cấp (secondary glossary). Chỉ giáo viên mới có thể thêm các thuật ngữ vào bảng thuật ngữ chính (main glossary). Bảng thuật ngữ thứ cấp chỉ có những thuật ngữ mà học viên và giáo viên thêm vào. Từ Moodle 1.7 và sự ra đời của các vai trò, chúng ta đã có thể ghi đè lên các thiết lập này và cho phép các học viên thêm mục và bảng thuật ngữ chính thông qua các tính năng ghi đè (Override).

Bạn có thể xuất các thuật ngữ cùng lúc từ bảng thuật ngữ thứ cấp vào bảng thuật ngữ chính. Vì vậy, bạn có thể tạo ra một bảng thuật ngữ thứ cấp để học viên thêm thuật ngữ vào. Sau đó, bạn và học viên có thể xuất các thuật ngữ tốt nhất vào bảng thuật ngữ chính. Tương tự một khóa học với một bảng thuật ngữ chính và một bảng thuật ngữ thứ cấp. Bảng thuật ngữ chính sẽ trở thành kho lưu trữ với những thuật ngữ tốt nhất được thêm vào mỗi lớp học.

Bạn có thể thêm một bảng thuật ngữ thứ cấp cho mỗi phần trong khóa học. Ví dụ, thêm một bảng thuật ngữ thứ cấp vào mỗi chủ đề hoặc mỗi tuần. Sau đó, bạn có thể tạo một bảng thuật ngữ chính cho khóa học mà sẽ tự động gồm các thuật ngữ đã được thêm vào bảng thuật ngữ thứ cấp. đặt bảng thuật ngữ chính vào chủ đề 0, phần đầu của trang chủ của khóa học. Một cách khác để sử dụng các bảng thuật ngữ thứ cấp là sử dụng một bảng thuật ngữ chính, và tạo các danh mục trong bảng thuật ngữ đó cho mỗi phần của khóa học. Điều này lưu tất cả các mục thuật ngữ vào một chỗ.

Nếu bạn muốn khóa học chỉ có một bảng thuật ngữ, và bạn muốn các học viên có thể thêm vào nó, hãy tạo một bảng thuật ngữ thứ cấp. Bạn chỉ có một (hay nhiều hơn một) bảng thuật ngữ thứ cấp, không có bảng thuật ngữ chính.

### Ratings and Comments (đánh giá và bình luận)

Bạn có thể cho học viên đánh giá cho các mục thuật ngữ, giống như họ có thể đánh giá bài đăng trong diễn đàn. Câu hỏi là, bạn muốn học viên đánh giá về cái gì - sự rõ ràng, lợi ích của nó, hay kỹ năng viết trong việc tạo mục thuật ngữ. Bạn nên xem xét việc bạn muốn học viên đánh giá cái gì, và tạo ra một quy mô tùy chỉnh để hỗ trợ đánh giá. Bạn xác định ai là người có thể đánh giá các mục thuật ngữ, và sử dụng quy mô nào, trên trang Editing Glossary:

The screenshot shows a configuration form for allowing entries to be rated. It includes the following elements:

- Allow entries to be rated?:**  Use ratings:
- Users:** A dropdown menu set to "Everyone can rate entries".
- Grade:** A dropdown menu set to "Scale: Help Memorizing".
- Restrict ratings to entries with dates in this range:
- From:** A series of dropdown menus for date selection: 4, May, 2007, 17, 40.
- To:** A series of dropdown menus for date selection: 4, May, 2007, 17, 40.

Trong ảnh chụp màn hình trước, người tạo khóa học đang áp dụng một quy mô tùy chỉnh gọi là Help Memorizing vào bảng thuật ngữ. Học viên sẽ có khả năng đánh giá mỗi mục thuật ngữ trên quy mô nó hữu ích thế nào trong việc ghi nhớ tài liệu. Từ khung nhìn của học viên, kết quả trông như sau:

The screenshot shows a glossary entry titled "Basic Trigonometry Formulas". The text includes:

The formulas for the three basic trigonometry functions are:

$$\begin{aligned} \text{Tan} &= \text{Opp}/\text{Adj} \\ \text{Cos} &= \text{Adj}/\text{Hyp} \\ \text{Sin} &= \text{Opp}/\text{Hyp} \end{aligned}$$

To help you remember, use this mnemonic:

The Old Arab Carried A Heavy Sack Of Hay

Keyword(s): Tangent

A rating dropdown menu is open, showing the following options:


- Rate...
- Rate...
- A great memory aid
- Somewhat helpful in remembering the concept
- Not helpful but not a hindrance
- Confusing-impaired my ability to memorize the concept

Wiki

Các mô-đun Wiki của Moodle cho phép các học viên cộng tác theo nhóm viết dự án, xây dựng một sơ sở kiến thức và thảo luận các chủ đề của lớp học. Vì Wiki dễ dàng để sử dụng, tương tác, và được tổ chức theo ngày, nó khuyến khích cộng tác giữa những người tham gia. Điều này làm cho nó trở thành một công cụ mạnh mẽ cho việc tạo kiến thức nhóm. Điểm khác biệt chủ yếu giữa Wiki và diễn đàn là khi người dùng vào diễn đàn họ thấy một bài viết cho một chủ đề. Mỗi mục thì ngắn. Người dùng đọc qua bài viết, một mục một lúc. Kết quả là cuộc thảo luận trở nên nổi bật. Trong Wiki, người dùng thấy kết quả cuối cùng của bài viết. Để thấy lịch sử của bài viết, họ phải chọn thẻ History. Kết quả là, kết quả cuối cùng của bài viết trở nên nổi bật.

Nội dung Wiki cũ không bao giờ bị xóa và có thể được phục hồi. Wiki cũng có thể được tìm kiếm, giống như những tài liệu khóa học khác. Trong phần sau, chúng ta sẽ xem các thiết lập trên trang Editing Wiki và xem chúng ảnh hưởng tới trải nghiệm người dùng như thế nào.

### **Using Wiki Type and Group Mode to Determine Who Can Edit a Wiki (sử dụng Wiki Type và Group Mode để xác định ai có thể chỉnh sửa Wiki)**

Một wiki có thể được mở để chỉnh sửa bởi toàn bộ lớp học, một nhóm, giáo viên, hoặc một học viên duy nhất. Nó cũng có thể được mở để xem được toàn bộ lớp học, một nhóm, giáo viên, hoặc học viên duy nhất. Lưu ý rằng các người tạo khóa học xác định những ai có thể chỉnh sửa wiki, và những ai có thể nhìn thấy nó, và rằng chúng là những thiết lập khác nhau. Thiết lập những người có thể chỉnh sửa wiki được thực hiện bằng cách sử dụng hộp thả xuống Type. Thiết lập ai có thể xem wiki được thực hiện bằng cách sử dụng chế độ nhóm (Group Mode). Đối với một ma trận giải thích tất cả các tùy chọn, chọn biểu tượng  bên cạnh các ô Type.

**Name:** Group Wiki

**Summary:** Trebuchet 1 (8 pt) Heading 1 B I U S ...  
 Use this wiki to record your foraging experiences during the course. Only you and the members of your group can read and edit the wiki.

**Type:** Groups

**Print wiki name on every page:** Yes

**HTML Mode:** HTML only

**Allow binary files:** No

**Wiki auto-linking options:**  Disable CamelCase linking

**Student admin options:**  Allow 'set page flags'  Allow 'remove pages'  Allow 'strip pages'  Allow 'revert mass changes'

**Optional:**

**Page Name:** Group Journal - or -

**Choose an Initial Page:**

Tạo một chỉnh sửa wiki bởi chỉ một học viên duy nhất xuất hiện để biến wiki vào một nhật ký cá nhân. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa một wiki của một học viên và nhật ký cá nhân là một nhật ký các nhân có thể được nhìn thấy bởi chỉ học viên và giáo viên. Bạn có thể giữ một wiki của một học viên duy nhất riêng tư, hoặc bạn có thể mở nó cho nhóm của học viên hoặc cả lớp xem.

### Wiki Markup Versus HTML Mode

Thiết lập HTML Mode xác định xem tác giả sử dụng Wiki Markup chuẩn hoặc mã HTML trong khi chỉnh sửa. Nếu bạn đang sử dụng trình soạn thảo HTML cho các hoạt động khác của học viên, thiết lập cái này là HTML chỉ có thể đơn giản hóa hoạt động này cho học sinh. Họ sẽ nhận được các trình biên tập HTML quen thuộc, và không cần phải học ngôn ngữ Wiki Markup. Tuy nhiên, nếu học sinh đã quen với wiki, bạn có thể muốn chọn No HTML. Điều này cho phép họ sử dụng Wiki Markup, đó là nhanh hơn cho người đánh máy có kinh nghiệm.

### Enabling the Uploading of Binary Files (cho phép tải lên các tập tin nhị phân )

Allow binary files cho phép hoặc vô hiệu hóa khả năng tải lên các tập tin không phải văn bản cho wiki. Việc sử dụng phổ biến nhất của các tập tin nhị phân là hình ảnh được nhúng trên các trang wiki hoặc gắn vào wiki. Thiết lập là Yes

cho phép cả hai. Kích thước của các tập tin tải lên bị giới hạn bởi một thiết lập cấu hình, đã thảo luận trong Chương 3.

### **When to Use CamelCase Linking**

CamelCase là hành động viết từ ghép hoặc cụm từ mà các từ được nhập lại với nhau mà có dấu cách, và mỗi từ được viết hoa trong cụm. Điều này còn được gọi là Bicapitalization, InterCaps, và MixedCase. CamelCase là một quy ước đặt tên định danh chuẩn cho một số ngôn ngữ lập trình, và mang nó vào ngôn ngữ Wiki Markup chuẩn. Đây cũng là thời trang trong việc tiếp thị tên của sản phẩm và công ty. Nó cũng rất thời thượng trong việc tiếp thị tên của các sản phẩm và công ty.

WikiWiki là Wiki ban đầu, là quy ước để tạo ra các siêu liên kết là CamelCase. Tuy nhiên, do vấn đề về cú pháp, một số wiki (như Wikipedia) chuyển sang một cú pháp có thể thay thế cho phép bất kỳ chuỗi ký tự làm một liên kết. Nếu bạn định nhập wiki cũ vào một wiki của Moodle, bạn có thể muốn kích hoạt CamelCase để các liên kết của wiki cũ nhập một cách chính xác. Tuy nhiên, nếu bạn không nhập một wiki cũ, tốt nhất là vô hiệu hóa CamelCase vì việc sử dụng của nó đã rơi vào phản đối.

### **Student Admin Options (tùy chọn quản trị học viên)**

Các tùy chọn quản trị học viên trở nên sẵn sàng đối với các học viên chỉ khi học viên được cho phép chỉnh sửa wiki. Nếu bạn cho phép các tùy chọn này, nhưng không cho phép chỉnh sửa wiki, chúng sẽ không có hiệu lực.

### **Page Name (tên trang)**

Chú ý rằng trong ví dụ trước, tên của wiki là khá tế nhị “Group Wiki”. Nếu bạn bỏ trống trường Page Name, tên trên trang đầu tiên của wiki sẽ được lấy từ trường name. Để ghi đè lên đó, bạn có thể nhập tên trang trong trường Page Name.

### **Choose Initial Page (chọn trang ban đầu)**

Khi bạn lần đầu tiên tạo ra một wiki, nó là trống. Sử dụng Choose an Initial Page, bạn có thể tạo ra một trang bắt đầu hoặc các trang cho wiki của bạn. Những trang này sẽ được thực hiện, và trống, khi học viên đầu tiên vào wiki. Bạn có thể sử dụng các trang ban đầu này để cung cấp cho học viên một phác thảo để ghi chú, một cấu trúc cho nhóm văn bản, hoặc chỉ đơn giản là để giữ cho các cuộc trò chuyện về chủ đề.

Nếu có một wiki cho toàn bộ lớp, khi học viên đầu tiên đi vào wiki, học viên sẽ thấy trang bắt đầu. Nếu học viên đầu tiên chỉnh sửa bất kỳ trang nào, các học viên kế tiếp sẽ thấy phiên bản đã chỉnh sửa, và cứ như vậy. Nếu có một wiki cho mỗi nhóm trong lớp, sau đó mỗi nhóm sẽ nhận được một wiki trống, với trang bắt đầu mà bạn tạo ra. Và, nếu mỗi học viên thực hiện wiki riêng của mình, thì mỗi học viên sẽ thấy các trang bắt đầu này khi họ vào wiki của họ.

Hướng dẫn chi tiết cho việc tạo ra trang bắt đầu một wiki. Quá trình tổng thể trông như thế này:

1. Tạo ra một tập tin văn bản cho trang chủ của wiki.
2. Nếu muốn, tạo ra các tập tin văn bản bổ sung cho các trang bắt đầu.
3. Tải lên các tập tin văn bản vào khóa học.
4. Tạo wiki.
5. Trong khi tạo wiki, chọn các tập tin văn bản cho các trang ban đầu.
6. Kiểm tra wiki với vai trò là một học viên.

### **Create a Text File for the Wiki's Home Page (tạo tập tin văn bản cho trang chủ của wiki)**

Cho mỗi trang ban đầu mà bạn muốn wiki của bạn có, bạn phải tạo và tải lên một tập tin văn bản. Sau đó, chúng ta sẽ xử lý với việc tải lên và chọn các tập tin văn bản. Đầu tiên, chúng ta phải giải quyết việc tạo ra các tập tin văn bản cho các trang wiki đầu tiên của chúng ta. Và trước khi chúng ta tạo ra các tập tin văn bản mà sẽ trở thành trang ban đầu của chúng ta, chúng ta phải trả lời một câu hỏi: HTML hoặc Wiki Markup?

Wiki có thể sử dụng các lệnh định dạng được gọi là “wiki markup”. Mục đích của các lệnh này là để cho phép một tác giả nhanh chóng định dạng văn bản, trong khi đánh máy, mà không cần phải đi đến một trình đơn. Ví dụ, để tạo ra một tiêu đề nhỏ (tương đương với một Heading 3 trong Word hoặc trình soạn thảo HTML của bạn), bạn gõ! **Headline**. Điều đó sẽ tạo ra một heading trông như thế này: **Headline**

Để tạo một headline trung bình (Heading 2), sử dụng 2 dấu chấm than. Headline lớn nhất (Heading 1) sử dụng 3 dấu. Ví dụ, **!!!Heading** sẽ trông như thế này:

**Heading** và **!!!Heading** trông như thế này: **Heading**

Nếu bạn muốn trang bắt đầu wiki của bạn chứa các đề mục cấp 1 cho một đề cương, và bạn muốn wiki của bạn được gọi là “Microscopy”, bạn có thể tạo một tập tin văn bản gọi là Mycroscopy mà chứa văn bản này:



```

!!!Microscopy and Specimen Preparation
[Lenses and the Bending of Light | Lenses_and_the_Bending_of_Light]
[The Light Microscope | The_Light_Microscope] [m3]
[Preparation and Staining of Specimens | Preparation_and_Staining_of_
Specimens]

```

Nếu bạn chọn tập tin văn bản đó là trang bắt đầu cho một wiki, lần đầu tiên học viên truy cập vào wiki, họ sẽ thấy điều này:

View	Edit	Links	History
<b>Microscopy</b>			
<b>Microscopy and Specimen Preparation</b>			
<b>Lenses and the Bending of Light</b>			
<b>The Light Microscope</b>			
<b>Preparation and Staining of Specimens</b>			

Lưu ý rằng tên của tập tin văn bản, Mycroscopy, đã trở thành tên của. Cũng lưu ý rằng các văn bản liền trước bởi ba dấu chấm than (!!!) đã trở thành một đề mục cấp cao nhất. Và các văn bản trong dấu ngoặc vuông đã trở thành liên kết.

Trong ví dụ này, chúng ta sử dụng ngôn ngữ wiki markup cho các tập tin văn bản mà tạo ra trang đầu tiên của wiki. Điều sẽ là thích hợp nếu chúng ta muốn các học viên cũng sử dụng wiki markup khi họ chỉnh sửa wiki. Nếu bạn muốn sử dụng HTML trong wiki của bạn, các tập tin văn bản mà tạo ra những trang đầu tiên của bạn phải được viết bằng HTML. Nếu bạn muốn sử dụng ngôn ngữ wiki markup, các tập tin văn bản phải được viết bằng ngôn ngữ wiki markup.

Ở trang đầu tiên, học viên sẽ chọn liên kết Edit và bắt đầu chỉnh sửa wiki.

### **If Desired, Create Additional Text Files for Additional Starting Pages**

Bạn cần phải tạo và tải lên một tập tin văn bản cho mỗi trang ban đầu trong wiki. Trong ví dụ, các tập tin văn bản cho trang bắt đầu và ba trang chủ đề sẽ như sau:

### **Microscopy.txt**

```
!!!Microscopy and Specimen Preparation  
[Lenses and the Bending of Light | Lenses_and_the_Bending_of_Light]  
[The Light Microscope | The_Light_Microscope]  
[Preparation and Staining of Specimens | Preparation_and_Staining_of_Specimens]  
Lenses_and_the_Bending_of_Light.txt  
!!Lenses and the Bending of Light
```

```
!Refraction  
!Focal Point
```

### **The\_Light\_Microscope.txt**

```
!!The Light Microscope  
!The Bright-field Microscope  
!Resolution  
!The Dark-field Microscope
```

### **Preparation\_and\_Staining\_of\_Specimens.txt**

```
!!Preparation and Staining of Specimens  
!Fixation  
!Dyes and Simple Staining  
!Differential Staining
```

Sau khi bạn đã tạo ra một tập tin văn bản cho mỗi trang ban đầu mà bạn muốn trong wiki của bạn, bạn đã sẵn sàng để tải chúng.

### **Upload Text Files to the Course (tải tập tin văn bản lên khóa học)**

Trong khi tạo ra wiki, bạn chọn các tập tin văn bản mà tạo các trang ban đầu. Bạn chọn chúng từ thư mục Files của khóa học.

1. Trên trang chủ của khóa học của bạn, từ khối Administration, chọn Files.
2. Trong cửa sổ hiện ra, chọn nút New Folder.
3. Đặt tên cho thư mục mới. Tôi thích sử dụng tên tương tự như wiki.
4. Tải lên các tập tin văn bản vào thư mục. Kết quả sẽ như sau:

Moodle Solutions ► Effective Strat ► Files ► Initial\_Content\_Files\_for\_Example\_Wiki

Name	Size	Modified	Action
Parent folder			
<input type="checkbox"/> ? Lenses_and_the_Bending_of_Light	81 bytes	21 Jan 2007, 04:23 PM	Rename
<input type="checkbox"/> ? Microscopy	241 bytes	21 Jan 2007, 04:23 PM	Rename
<input type="checkbox"/> ? Preparation_and_Staining_of_Specimens	107 bytes	21 Jan 2007, 04:23 PM	Rename
<input type="checkbox"/> ? The_Light_Microscope	133 bytes	21 Jan 2007, 04:23 PM	Rename

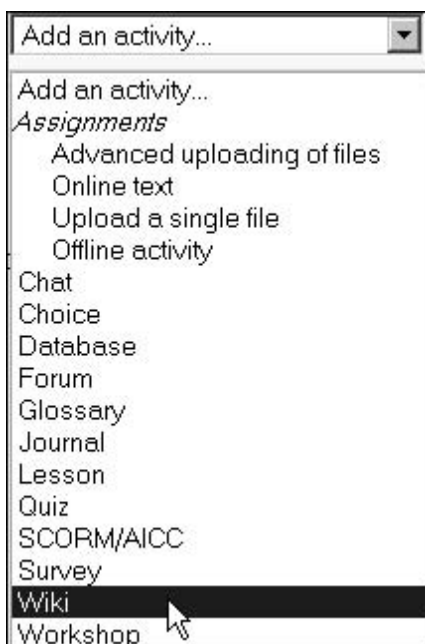
With chosen files...

Trong ví dụ trước, lưu ý rằng các tập tin có gạch dưới trong các tên tập tin của chúng, ví dụ, The\_Light\_Microscope.txt. Trang bắt đầu wiki được tạo ra từ tập tin văn bản này cũng sẽ có gạch dưới trong tên của nó. Do đó, nó sẽ là The\_Light\_Microscope.

Cũng chú ý trong ví dụ trước đó các thanh điều khiển cho chúng ta thấy tên khóa học, sau đó là các tập tin, và sau đó là tên của thư mục chúng ta tạo ra cho các tập tin văn bản của chúng ta.

### Create the Wiki

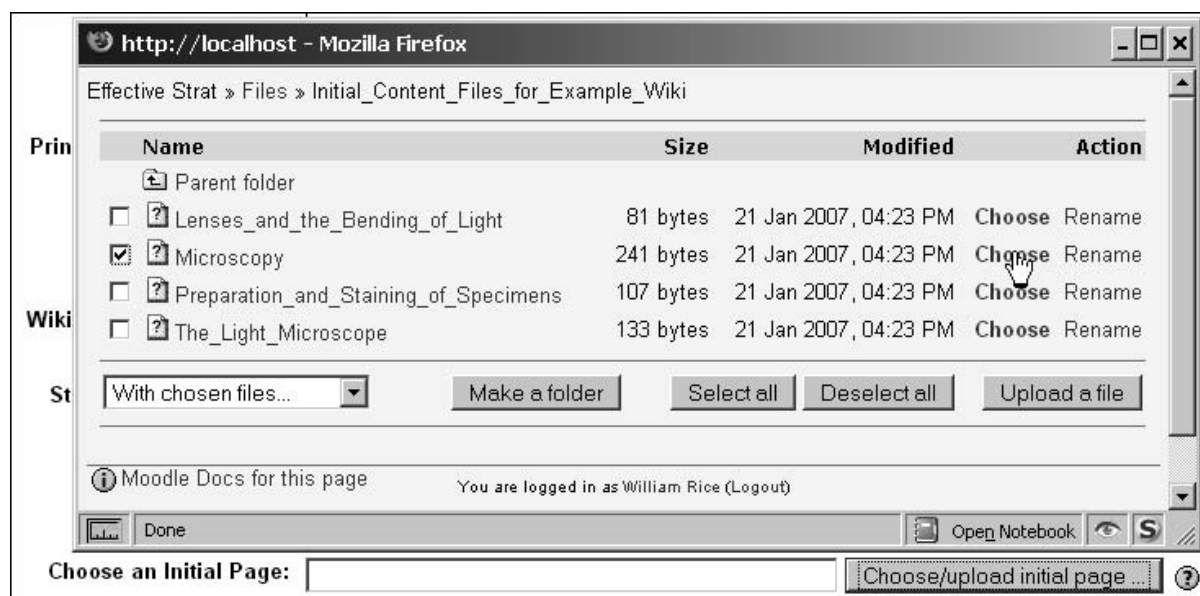
Với các tập tin văn bản tại chỗ, bây giờ bạn có thể thêm các wiki vào khóa học của bạn:



**While Creating the Wiki, Select the Text Files for the Initial Pages**

Trong khi tạo wiki, dưới mục Choose an Initial Page, bấm nút Choose / upload initial page ..., và điều hướng đến thư mục mà bạn lưu trữ các tập tin văn bản. Thư mục này chỉ nên chứa các tập tin văn bản cho các trang bắt đầu.

Từ bên trong thư mục, chọn tập tin văn bản cho trang bắt đầu. Điều đó sẽ trở thành trang chủ của wiki. Bất kỳ các tập tin văn bản khác trong thư mục đó sẽ trở thành trang bổ sung. Trong ví dụ sau, Mycroscopy sẽ trở thành trang chủ cho wiki, và các tập tin văn bản khác trở thành trang bắt đầu bổ sung.



Lưu ý rằng tôi chỉ cần chọn Mycroscopy. Mycroscopy sẽ được trang đầu tiên của wiki. Các tập tin khác trong thư mục này sẽ tự động trở thành trang ban đầu. Đó là lý do tại sao việc thư mục này chỉ chứa các tập tin văn bản cho các trang bắt đầu wiki của bạn là quan trọng. Hãy nhớ rằng trước đó, chúng ta tạo ra một thư mục riêng biệt để lưu chỉ là các tập tin văn bản cho các trang ban đầu. Chúng ta đã làm điều này để cô lập các tập tin văn bản trong thư mục riêng của chúng.

### Test the Wiki As a Student (kiểm tra wiki với vai trò là học viên)

Khi tạo một khóa học, thật là hữu ích khi giữ cho hai trình duyệt riêng biệt chạy, chẳng hạn như Internet Explorer và Firefox. Trong một trình duyệt, tạo khóa học. Trong trình duyệt khác, đăng nhập với vai trò là một học viên, và thử nghiệm như bạn tạo.

Đăng nhập với vai trò là một học viên và xem wiki, để đảm bảo rằng các trang bắt đầu được tạo ra. Nhưng lưu ý rằng, một khi một học viên đã xem wiki, bạn không còn có thể thay đổi trang bắt đầu. Vào thời điểm đó, nếu bạn muốn có một wiki với một trang bắt đầu khác, bạn phải tạo một wiki mới.

### **Workshop (hội thảo)**

Một hội thảo cung cấp một nơi cho các học viên trong một lớp học để xem một dự án mẫu, tải lên các dự án cá nhân của họ, và nhìn thấy và đánh giá dự án của nhau. Khi một giáo viên yêu cầu mỗi học viên để đánh giá công việc của một số học viên khác, hội thảo sẽ trở thành một công cụ đánh giá có tính hợp tác mạnh mẽ.

## Updating Workshop in topic 6

**Submission Title:**

**Description:**  
Write carefully [?](#)  
About the HTML editor [?](#)

trebuchet 1 (0 pt) Lang B I U S X C K L

**What is this workshop about?**

You are probably surrounded by familiar plants. Your garden or flowerbox; the grass, trees and weeds in your backyard; the plants in the neighborhood park... In this workshop, you will observe and record your observations of a few, familiar plants during the next few weeks. You will put your observations into the class wiki. Your classmates can see your observations, and you can see theirs.

**Each student will be asked to enter evaluation comments for three other students.**

Path: [?](#)

**Grade for Assessments:**  [?](#)

**Grade for Submission:**  [?](#)

**Grading Strategy:**  [?](#)

**Number of Comments, Assessment Elements, Grade Bands, Criterion Statements or Categories in a Rubric:**  [?](#)

**Number of Attachments expected on Submissions:**  [?](#)

**Allow Resubmissions:**  [?](#)

**Number of Assessments of Examples from Teacher:**  [?](#)

**Comparison of Assessments:**  [?](#)

**Number of Assessments of Student Submissions:**  [?](#)

**Weight for Teacher Assessments:**  [?](#)

**Over Allocation:**  [?](#)

**Self Assessment:**  [?](#)

**Assessments must be agreed:**  [?](#)

**Hide Grades before Agreement:**  [?](#)

**League Table of Submitted Work:**  [?](#)

**Hide Names from Students:**  [?](#)

**Use Password:**  [?](#)

**Password:**  (Leave blank to keep current password) [?](#)  
**Maximum Size:**

**Start of submissions:**    -   [?](#)

**Start of assessments:**    -   [?](#)

**End of submissions:**    -   [?](#)

## **Workshop Strategies (chiến lược hội thảo)**

Các hội thảo có thể không được đánh giá, được bạn bè đánh giá, được giáo viên đánh giá, hoặc một sự kết hợp của cả bạn bè và giáo viên đánh giá. Hội thảo cho phép bạn tạo ra các tiêu chí đánh giá rất cụ thể cho các em học viên sử dụng. Ngoài ra, hội thảo cho phép bạn thiết lập các ngày đến hạn nộp công việc, và đánh giá công việc. Bạn có thể sử dụng các tính năng khác để xây dựng một chiến lược cho việc sử dụng tốt nhất của các cuộc hội thảo trong các khóa học của bạn.

## **Peer Assessment of Assignments (đánh giá ngang hàng với assignment)**

Một chiến lược cho hội thảo là phải có học sinh đánh giá công việc của nhau, trước khi nộp cùng một công việc, mà công việc đó như là một assignment có chấm điểm. Ví dụ, bạn có thể tạo ra một cuộc hội thảo mà học sinh đánh giá vấn đề của nhau, vạch ra, và giả thuyết cho các tài liệu thuật ngữ của họ. Hoặc họ có thể đánh giá hình ảnh của nhau cho các tiêu chí kỹ thuật và nghệ thuật đặc biệt trước khi nộp cho người hướng dẫn để chấm điểm.

## **Timing of Submissions and Assessments (thời gian nộp và đánh giá)**

Hội thảo cho phép bạn thiết lập ngày đến hạn khác nhau cho việc nộp bài, và để đánh giá các công việc khác của học viên. Nếu bạn thiết lập cùng ngày đến hạn cho cả hai việc nộp và đánh giá, nhiều học viên có thể gửi tác phẩm của mình ngay trước khi hết thời hạn nộp và chúng có thể không được đánh giá tất cả trước khi hết hạn đánh giá. Xem xét việc thiết lập thời hạn nộp bài trước thời hạn đánh giá. Rồi trước khi mở ra tính năng đánh giá cho học viên, kiểm tra các bài do họ nộp để đảm bảo rằng nó gần với những gì bạn mong. Bạn thậm chí có thể muốn sử dụng thời gian giữa nộp bài và đánh giá để hoàn thiện tiêu chí đánh giá của bạn, để phản hồi các bài đã nộp.

## **Creating a Workshop (tạo hội thảo)**

Các trường trong cửa sổ hội thảo cung cấp cho bạn nhiều sự lựa chọn. Không có vấn đề gì bạn nhập giá trị vào mỗi trường, nhiều quyết định của bạn có thể được tóm tắt như:

- Bạn muốn mỗi học viên làm gì? Tạo ra một tập tin không trực tuyến và tải nó lên hội thảo? Viết nhật ký? Tham gia vào một cuộc trò chuyện trực tuyến? Perfor một số hoạt động không trực tuyến và báo cáo qua email hoặc wiki? Trong khi các cửa sổ hội thảo cho phép các học viên tải lên một tập tin, bạn cũng có thể yêu cầu bất kỳ hoạt động nào khác từ học viên.

- Ai sẽ đánh giá các assignment? Các giáo viên sẽ đánh giá tất cả các assignment? Học viên sẽ được yêu cầu đánh giá assignment học viên khác? Mỗi học viên sẽ tự đánh giá công việc của mình?
- Các assignment sẽ được đánh giá như thế nào? Bạn có thể xác định số lượng các tiêu chí trên mà mỗi assignment được đánh giá, quy mô chấm điểm, và các kiểu chấm điểm.
- Khi nào học viên sẽ được phép nộp bài tập của mình? Assignment trở thành sẵn sàng ngay sau khi bạn hiển thị nó. Tuy nhiên, bạn có thể yêu cầu học viên đánh giá một ví dụ mẫu trước khi được cho phép nộp tác phẩm của họ, và bạn cũng thiết lập một thời hạn nộp.

Tất cả các trường mà chúng ta sẽ thảo luận từ nay về sau là những biến thể của những câu hỏi này. Trợ giúp trực tuyến làm một công việc tốt trong việc giải thích làm thế nào để sử dụng mỗi trường. Thay vì lặp đi lặp lại như thế nào để sử dụng mỗi trường ở đây, chúng ta sẽ tập trung vào cách lựa chọn của bạn ảnh hưởng đến trải nghiệm của học viên và giáo viên như thế nào.

### **Workshop Fields (các trường hội thảo)**

Các hoạt động hội thảo là công cụ phức tạp nhất hiện có trong Moodle. Hội thảo được thiết kế để một tác phẩm của của học viên có thể được nộp và cung cấp cho đánh giá ngang hàng trong khung cấu trúc. Hội thảo cung cấp một quá trình cho cả ý kiến phản hồi của người hướng dẫn và bạn bè trên các assignment mở, chẳng hạn như bài tiểu luận và tài liệu nghiên cứu. Có giao diện để sử dụng để tải lên assignment, thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngang hàng các bài của học viên khác. Chìa khóa để hội thảo là hướng dẫn cho điểm, cái mà là một tập hợp các tiêu chí riêng cho việc đánh giá về chất lượng của một công việc nhất định. Có một số trường trong trong hội thảo. Chúng sẽ được giải thích trong các phần sau. Chúng cung cấp một nơi cho các học viên trong lớp cũng như các giáo viên để tạo ra cách sử dụng tốt nhất của Moodle.

### **Title and Description (tiêu đề và mô tả)**

Học viên của bạn sẽ thấy và nhấp vào Title. Description nên cung cấp hướng dẫn cho việc hoàn thành hội thảo. Nếu bạn muốn thực hiện hướng dẫn máy in, bạn có thể tải lên một tập tin \*.pdf vào vùng các tập tin khóa học, và đặt một liên kết đến các tài liệu trong mô tả hội thảo.

### **Over Allocation**

Học viên nộp hoặc đăng tải công việc của họ lên workshop, Moodle phân bố cho các học viên khác để đánh giá. Trường Number of Assessments of Student Submissions xác định có bao nhiêu kế hoạch cho mỗi học viên là cần thiết để



đánh giá. Lí tưởng nhất là tất cả mọi người sẽ nộp bài đúng thời hạn, và các bạn học viên sẽ có rất nhiều thời gian để đánh giá công việc của nhau. Ví dụ, giả sử có 10 học viên trong lớp và Number of Assessment of Student Submissions thiết lập 3. Điều này có nghĩa là mỗi người sẽ có 3 lần đánh giá. Moodle đánh giá bài tập như là công việc được gởi.

Tuy nhiên nếu học viên nộp bài trễ, học viên đánh giá công việc của người cuối cùng sẽ phải đợi trước khi họ có thể hoàn thành các đánh giá của họ. Chúng ta giả sử có một học viên không nộp tác phẩm của mình trước thời hạn. Điều này có nghĩa là có 3 đánh giá ngán trong lớp học. Như trong moodle, 3 học viên sẽ kết thúc lớp học bằng một đánh giá ngán. Chúng ta sẽ phạt những học viên không hoàn thành đủ 3 yêu cầu đánh giá.

Trong ví dụ của chúng tôi, Over Allocation thiết lập về 0, và mỗi bài nộp được đánh giá 3 và chỉ 3 lần. Nếu chúng ta cài đặt Over Allocation là 1, và hết thời gian, moodle sẽ bố trí công việc cho các học viên, các học viên vẫn cần phải được đánh giá. Trong ví dụ này, moodle sẽ ngẫu nhiên chọn 3 phần của công việc mà đã được đánh giá 3 lần và giao cho 3 học viên đang thiếu đánh giá. Các phần công việc sau đó sẽ kết thúc bởi mỗi đánh giá

### **Tự đánh giá**

nếu thiết lập này là Yes, mỗi học viên được yêu cầu đánh giá công việc của riêng mình. Điều này thêm vào số lượng học viên nộp bài, yêu cầu đánh giá.

### **Assessments Must Be Agreed**

Nếu thiết lập là Yes, Sau đó đánh giá được thực hiện bởi học viên có thể được xem bởi người nhận xét cùng một công việc. Nếu người nhận xét khác không đồng ý, quá trình đánh giá tiếp tục cho đến khi họ đồng ý hoặc thời gian cho bài tập đã hết. Điều này là một công cụ hữu ích để xác định cách làm rõ ràng các yếu tố đánh giá của bạn. Nếu có sự bất đồng giữa các nhận xét của cùng một công việc hãy xem lại các yếu tố đánh giá và hướng dẫn mà bạn cung cấp cho người bình luận

### **Ẩn đánh giá trước khi đồng ý.**

Nếu được thiết lập là Yes, các phần số đánh giá của dự án sẽ ẩn từ các nhận xét khác. Người nhận xét có thể xem ý kiến của nhau, nhưng không phải là đánh giá những gì học được giao. Các đánh giá sẽ được xuất hiện sau khi người bình luận đồng ý với nhau

## **League Table of Submitted Work**

Điều này tạo ra một danh sách các bài tập được đánh giá cao trong workshop. Nếu thiết lập này là 0, sẽ không có danh sách được tạo ra.

### **Ẩn tên học viên**

Khi bạn thiết lập Yes, tên của học viên thực hiện công việc đang được đánh giá sẽ được ẩn tên. Lưu ý rằng tên của học viên sẽ không bao giờ được ẩn từ giáo viên. Ngoài ra nếu giáo viên đánh giá công việc của học viên, giáo viên sẽ không thể ẩn danh. Việc này chỉ ẩn tên của học viên nộp bài, học viên được đánh giá

### **Password và việc sử dụng password**

Bạn có thể dùng trường này để đặt mật khẩu bảo vệ bài tập.

### **Kích thước tối đa.**

Trường này đặt ra giới hạn cho tập tin được đăng tải lên workshop

### **Bắt đầu và kết thúc việc một Submissions/Assessments**

Các lĩnh vực được xác định khi workshop đóng và mở. Vào ngày đóng nếu có một đánh giá ẩn xuất hiện, học viên không còn có thể tải lên các tập tin và đánh giá công việc của người khác.

### **Release Teacher Grades**

Bạn có thể sử dụng trường này để giữ lại các bài tập đánh giá của giáo viên đến một ngày nhất định.

### **Chế độ nhóm**

Cũng như trong các hoạt động khác, điều này xác định nếu truy cập được tách biệt theo nhóm

### **Visibla**

Trường này cho thấy workshop hoặc ẩn nó không cho học sinh thấy.

### **Tóm tắt**

Moodle cung cấp một số tùy chọn cho học sinh tương tác với học sinh, học sinh tương tác với giáo viên. Khi quyết định sử dụng các hoạt động xã hội, xem xét mức độ của cấu trúc và số lượng của học sinh-học sinh, học sinh- GV theo ý muốn của bạn. Ví dụ. các cuộc trò chuyện và wiki cung cấp một môi trường

không có cấu trúc, với rất nhiều cơ hội tiếp xúc tương tác giữa học sinh-học sinh. Đó là cách tốt nhất để bỏ một số quyền kiểm soát lớp học. một diễn đàn cung cấp cấu trúc vì các mục được phân loại theo chủ đề. Nó có thể được điều tiết bởi giáo viên. Workshop cung cấp các cấu trúc, bằng tập tiêu chí đánh giá học viên mà họ phải sử dụng khi đánh giá công việc của nhau. Ghi chú lại làm cho các hoạt động trở nên có cấu trúc hơn.

Bạn có thể muốn giới thiệu một cuộc trò chuyện/ hoặc diễn đàn vào đầu khóa học, để xây dựng “Esprit de corps” giữa các học viên, sau đó di chuyển vào một wiki chẳng hạn dự án viết giữa các nhóm. Cuối cùng, sau khi học viên đã học về mỗi cách khác và cảm thấy thoải mái khi làm việc cùng nhau, bạn có thể sử dụng workshop cho dự án cuối cùng của họ.

## CHƯƠNG 8: CHÀO ĐÓN SINH VIÊN CỦA BẠN

### Ấn tượng đầu tiên- Trang đăng nhập, trang chủ, hoặc trang cá nhân?

Trong chương 2, bạn đã học được rằng biên trang web **Forcelogin** sử dụng để buộc người dùng phải đăng nhập vào trang web của bạn. Nếu điều này được thiết lập **Yes**, tất cả người dùng thấy trang đăng nhập khi họ vào trang web học tập của bạn.

Trang đăng nhập không trình bày nhiều sự chào đón cho sinh viên tương lai. Nếu bạn muốn chào đón sinh viên tương lai với nhiều thông tin về trang web học tập của bạn, hãy sử dụng các trang chủ, hay một trang thiết kế riêng của bạn như là trang chào mừng bạn đến trang web của bạn. Để làm điều này, bạn chỉ cần thiết lập **Forcelog** là **No**. Sau đó, khi mọi người vào trang web của bạn, họ sẽ tự động thấy trang:

The screenshot displays a website interface for 'Wilderness Skills'. At the top right, it indicates 'You are not logged in. (Login)' and shows a language dropdown menu set to 'English (en\_us)'. The main content area is divided into several sections:

- Desert Plants Course Added:** A new course has been added to our Wild Plants section. After taking our free course, *Basic Botany for Foragers*, you're ready to learn about the plants found in some of the harshest places on Earth. Below this is a link: 'Win a Prize: Test Your Wilderness Knowledge'.
- Available Courses:** A list of courses is shown, categorized into:
  - Free Courses:** Free Wild Pictures, Wilderness Skills Discussions, and FREE COURSE: Basic Botany for Foragers.
  - Wild Plants:** A Walk on the Beach, By the Water's Edge, and Desert Plants.
  - Tracking and Animal Observation:** Tracking Basics and Deer Habits.
  - Shelter and Fire:** Course Fullname 101, Debris Huts, and Bow Drill Firestarting.
- Welcome message:** 'Welcome to the Wilderness Skills site. If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills. The first course, *Basic Botany for Foragers*, is free. It covers the terms and concepts you need to know to understand most field guides and to talk about wild plants. Try the free course, and if you like it, you can join us for other courses for a low fee.'
- Login Form:** Includes fields for 'Username:' and 'Password:', a 'Login' button, and links for 'Create new account' and 'Lost password?'.
- Online Users:** Shows '(last 5 minutes)' and a user named 'William Rice'.

Một lựa chọn khác là sử dụng các trang chủ trang web của bạn. Trang này có thể là mặt tiền của bạn, và chứa liên kết đến các trang chủ hoặc trang đăng nhập của trang Moodle của bạn. Nếu bạn chọn tùy chọn này, bạn cần phải biết làm thế nào dịch vụ lưu trữ web của bạn xử lý trang \* .htm. và \* .php.

Theo mặc định, khi người dùng truy cập thư mục một máy chủ web Apache, máy chủ hiển thị các trang index.html hoặc index.htm. Các màn hình máy chủ trang Moodle là index.php. Hành vi này được điều khiển bởi một dòng trong tập tin cấu hình của máy chủ Apache. Dưới đây là một cấu hình mặc định cho các phiên bản Apache web server 2.0:

```
DirectoryIndex index.html index.htm index.php index.php4 index.php3 index.cgi  
index.pl index.html.var index.phtml
```

Điều này có nghĩa rằng nếu bạn đặt một tập tin có tên index.htm trong thư mục Moodle, các du khách đến trang Moodle của bạn sẽ thấy index.html thay vì trang Moodle, đó là index.php. Điều này cho phép bạn xây dựng trang chào đón mà bạn muốn, không bị giới hạn bởi trang chủ hoặc trang đăng nhập của Moodle. Từ trang chào đón, bạn có thể liên kết đến trang Moodle, (index.php). Bạn có thể kiểm tra hành vi này bằng cách đặt index.html trong thư mục Moodle của bạn, và nhấn thư mục đó với trình duyệt web của bạn. Nếu index.html không hiển thị, trao đổi với quản trị trang web của bạn về việc sửa đổi dòng chỉ số thư mục để đặt index.html trước index.php.

Có thể bạn muốn màu sắc trên index.html để phù hợp với những người sử dụng trong trang Moodle của bạn. Nếu bạn thành thạo với đọc mã HTML, và sử dụng CSS, bạn có thể xem màu sắc site Moodle của bạn sử dụng bằng cách xem trong */theme/themename/config.php*, nơi tên theme là tên của theme bạn đang sử dụng

### **Tùy chỉnh trang đăng nhập**

Trang đăng nhập của Moodle hiển thị hướng dẫn để tạo một tài khoản người dùng mới trong cột bên phải:

**Wilderness Skills** You are not logged in. (Login)

wildskills » Login to the site English (en\_us)

**Returning to this web site?**

Login here using your username and password:  
(Cookies must be enabled in your browser) ⓘ

Username:

Password:

---

Some courses may allow guest access:

---

Forgotten your username or password?

**Is this your first time here?**

Hi! For full access to courses you'll need to take a minute to create a new account for yourself on this web site. Each of the individual courses may also have a one-time "enrollment key", which you won't need until later. Here are the steps:

1. Fill out the New Account form with your details.
2. An email will be immediately sent to your email address.
3. Read your email, and click on the web link it contains.
4. Your account will be confirmed and you will be logged in.
5. Now, select the course you want to participate in.
6. If you are prompted for a "enrollment key" - use the one that your teacher has given you. This will "enroll" you in the course.
7. You can now access the full course. From now on you will only need to enter your personal username and password (in the form on this page) to log in and access any course you have enrolled in.

Các nội dung của trang này sẽ thay đổi dựa trên các phương pháp xác thực mà bạn cho phép. Ví dụ, thông báo rằng các hướng dẫn trên trang hiển thị trên cho người sử dụng như thế nào để đăng ký một tài khoản. Những hướng dẫn này xuất hiện nếu đăng ký dựa trên email được kích hoạt. Nếu phương pháp mà bị tắt đi, thì sau đó các hướng dẫn sẽ được thay thế bằng cái khác.

Moodle 1.9 cho phép bạn tùy chỉnh các hướng dẫn xuất hiện trong trang đăng nhập . Bạn có thể tùy chỉnh dưới đây **Site Administration | Users | Authentication | Instructions**.

Trong chương 3, trong khi cấu hình, bạn đã biết Moodle lưu các tin nhắn văn bản trong tập tin ngôn ngữ. Mỗi ngôn ngữ có một thư mục riêng biệt, chẳng hạn như `moodle \ lang \ en` cho tiếng Anh, và `moodle \ lang \ es` cho tiếng Tây Ban Nha (Español). Trong ảnh chụp màn hình trước đó, người dùng đã lựa chọn các ngôn ngữ như tiếng Anh Mỹ, vì thế Moodle sẽ sử dụng các tập tin văn bản được tìm thấy trong `moodle \ lang \ en_us`.

File `moodle.php` giữ văn bản hiển thị trong cột bên phải. Tìm kiếm `moodle.php` cho dòng mà bắt đầu là `$string ['loginsteps'] =`. Dòng này nắm giữ các mã HTML hiển thị trong cột bên phải của trang đăng nhập. Bằng cách chỉnh sửa dòng này, bạn có thể đặt bất cứ điều gì code HTML bạn muốn trong cột đó.

### Tùy biến trang chủ

Trang chủ của trang Moodle của bạn có thể làm hai việc. Nó có thể làm một trong hai, hoặc cả hai:

- Hiện thị danh sách các khóa học, và / hoặc danh mục khóa học, tạo điều kiện cho khách truy cập để chuyển đến một khóa học được lựa chọn hoặc thể loại.
- Hành động như một khóa học của riêng mình, bằng cách hiển thị bất cứ điều gì mà một khóa học có thể hiển thị.

Bất cứ điều gì có thể được thêm vào một khóa học có thể được thêm vào trang chủ, để các trang chủ có thể trở thành trình riêng của nó. Trong ví dụ sau, các trang chủ làm cả hai:

The screenshot shows a Moodle course page for 'Wilderness Skills'. The page layout includes a main menu on the left with links to 'About Wilderness Skills', 'How to Use this Site', and 'Enroll for a Course'. Below the menu is a calendar for May 2006, and further down, an 'Upcoming Events' section stating 'There are no upcoming events'. The main content area is titled 'Available Courses' and lists several course categories: 'Free Courses' (with sub-items like 'Free Wild Pictures', 'Wilderness Skills Discussions', and 'FREE COURSE: Basic Botany for Foragers'), 'Wild Plants' (with sub-items like 'A Walk on the Beach', 'By the Water's Edge', and 'Desert Plants'), 'Tracking and Animal Observation' (with sub-items like 'Tracking Basics' and 'Deer Habits'), and 'Shelter and Fire' (with sub-items like 'Course Fullname 101', 'Debris Huts', and 'Bow Drill Firestarting'). On the right side, there is a 'Login' form with fields for 'Username' and 'Password', and a 'Login' button. Above the login form is a 'Welcome' message: 'Welcome to the Wilderness Skills site. If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills.' Below the login form is an 'Online Users' section showing 'William Rice' as the only user online.

Khóa học thực vật sa mạc là một danh mục tại mục 1 của trang chủ, như là các văn bản dưới nó. Liên kết dưới đây là một bài kiểm tra đã được thêm vào phần này.

Các khóa học có sẵn là kết quả của việc lựa chọn để hiển thị danh mục khóa học trên trang chủ. Định dạng biến trang chủ trên trang cài đặt. Để biết thêm về điều này, hãy tham khảo Chương 2.



Lưu ý rằng các khối trên bên trái hiển thị tiêu đề. Trong cài đặt mặc định, điều này đã được gắn nhãn Menu chính. Bạn có thể thêm bất cứ điều gì tại menu block chính, bạn có thể thêm vào một khóa học.

Trong khóa học của tôi, chúng tôi đã thêm ba trang web bằng cách sử dụng Add một trình đơn thả xuống tài nguyên. Chúng tôi cũng chỉnh sửa tiêu đề của khối. Trong `/lang/en/file moodle`, dòng `$string ['mainmenu'] = 'Main Menu'`; đã được thay đổi để `$string ['mainmenu'] = 'Làm thế nào để sử dụng trang web này'`. Trong phiên bản mới hơn của Moodle, bạn có thể chỉnh sửa các chuỗi từ **Site Administration | Language | Language Editing**.

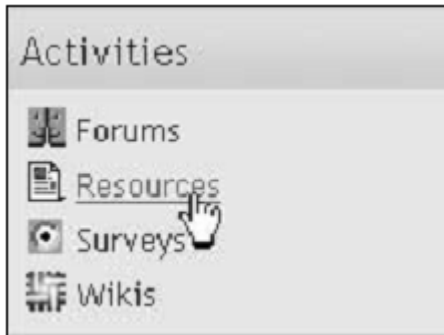
### Trang chủ Blocks

Trong chương 4, block có thể được thêm vào một khóa học để nâng cao kinh nghiệm người dùng. Một nhóm bất kỳ có thể được thêm vào một khóa học cũng có thể được thêm vào trang chủ. Các khối khác có thể được thêm vào các trang chủ, mà không thể xuất hiện trong khóa học. Mỗi tiểu mục nói về làm thế nào để thêm một khối tiêu chuẩn cho các trang chủ, và làm thế nào để tận dụng tốt nhất của khối bên dưới.

### Hoạt động

Các hoạt động ngăn chặn tất cả các danh mục hoạt động có sẵn trong các trang chủ. Nếu loại hoạt động không được sử dụng trên các trang chủ, các liên kết cho loại hoạt động không được trình bày. Khi block này là trên trang chủ của trang web, nhấp vào một loại hoạt động cho một danh sách các hoạt động trên trang chủ, và không cho toàn bộ trang web. Trong hình bên dưới, nhấp vào nguồn tài nguyên sẽ hiển thị một danh sách của tất cả các tài liệu khóa học tĩnh đã được thêm vào trang chủ.





Hãy nhớ rằng những người tham gia trang chủ của khóa học có thể là người sử dụng lần đầu. Khối hoạt động là không hoàn toàn trực quan cho người sử dụng lần đầu. Một lý do là vì nó sử dụng thuật ngữ đó là cụ thể như bài tập, chọn lựa, bài học, và tài nguyên. Tại thời điểm này, người truy cập của bạn không biết gì. Một lý do khác khối hoạt động có thể gây nhầm lẫn cho một giờ đầu tiên là do nó có thể liệt kê các hoạt động trong trật tự. Các hoạt động được liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái, trong đó thứ tự xuất hiện trên các trang chủ. Moodle khuyến khích thăm dò, và hoạt động bài thi hành lệnh trên sinh viên. Tuy nhiên, bạn có thể muốn định hướng cho sinh viên mới của bạn trước khi cho phép họ tự do.

### **Menu quản trị trang web**

Chỉ giáo viên và các quản trị viên trang web có thể thấy khối quản trị. Nó được ẩn với các sinh viên. Nó xuất hiện trên trang chủ theo mặc định. Để biết thêm về menu quản trị, xem cấu hình trên chương 3

### **Lịch**

Hội thảo, các bài tập, câu đố, và các sự kiện, tất cả đều có ngày, vì thế tất cả chúng xuất hiện trên lịch



Trong ảnh chụp màn hình trước đó, khối màu bên cạnh mỗi loại sự kiện cho thấy làm thế nào loại được hiển thị trên lịch. Để tắt màn hình hiển thị của kiểu sự kiện, nhấp vào mắt bên cạnh các loại sự kiện. Khối màu sẽ biến mất, và loại sự kiện sẽ được đưa ra khỏi lịch. Sự kiện toàn cầu là những sự kiện mà một quản trị viên trang web thêm vào các trang trước. Các sự kiện là những sự kiện mà một quản trị viên hoặc giáo viên cho biết thêm một khóa học. Sự kiện được tạo ra bởi một giáo viên mà chỉ mở cửa để các nhóm trong đó học sinh là thành viên. Sự kiện người sử dụng được tạo ra bởi người sử dụng. Họ là những sự kiện cá nhân, có thể xem được chỉ bởi người sử dụng.

Màn hình hiển thị các sự kiện trong lịch cụ thể cho người sử dụng. Nếu người dùng ẩn một loại sự kiện, thiết lập đó là chỉ áp dụng cho người dùng. Ví dụ, nếu bạn là một giáo viên, và bạn ẩn các sự kiện toàn cầu trong lịch, bạn đang che giấu chúng chỉ trên lịch của bạn. Học sinh vẫn có thể xem các sự kiện toàn cầu về lịch của họ.

Các loại người sẽ có thể truy cập vào các trang chủ xác định sự kiện loại bạn muốn hiển thị trên lịch. Nếu trang chủ của bạn là mở cửa cho người vô danh, người xem không đăng ký, bạn phải quyết định nếu bạn muốn tiết lộ sự kiện toàn cầu cho họ. Những sự kiện này sẽ đóng vai trò như một công cụ giới thiệu tốt, và truyền cảm hứng cho mọi người đăng ký trang web của bạn? Hoặc, sẽ tiết lộ những sự kiện phản bội niềm tin của người dùng? Thường, cho thấy sự kiện toàn cầu cho người sử dụng vô danh là một công cụ giới thiệu tốt, mà không tiết lộ bất cứ điều gì bí mật về người đăng kí sử dụng . Các sự kiện, nhóm, và người sử dụng không thể nhìn thấy cho du khách vô danh.

### **Mô tả trang chủ**

Khi bạn xem một khóa học, khối tóm tắt khóa học hiển thị tóm tắt khóa học từ trang cài đặt của khóa học. Khi bạn xem các trang chủ, mô tả khối chủ hiển thị mô tả trang web từ trang cài đặt trang web. Như tất cả các khối, mô tả trang chủ xuất hiện ở cột bên trái hoặc phải. Nghiên cứu cho thấy độc giả nhận thấy các mặt hàng được đặt ở góc trên bên phải của một trang web nhiều hơn so với những người ở các vị trí khác. Xem xét việc đặt nó ở đó nếu nó quan trọng đối với du khách mới thấy khối này.



Ngoài ra, khối này về cơ bản là một trang web đầy đủ tính năng. Cửa sổ chỉnh sửa để tạo ra văn bản này là một trong những trang giống như Moodle cung cấp cho bạn để tạo các trang web. Bạn có thể sử dụng các kiểu văn bản, đồ họa, các đối tượng đa phương tiện thậm chí nhúng, hoặc JavaScript trong khối này. Mô tả trang chủ là cơ hội đầu tiên và tốt nhất của bạn để thuyết phục du khách vượt qua được những trang trước.

Ngoài việc xuất hiện trên các trang chủ, mô tả trang web cũng xuất hiện trong các thẻ meta của trang web của bạn. Hình dưới đây là mã nguồn cho các trang trước của trang web. Lưu ý rằng mô tả trang web xuất hiện trong thẻ meta.



```
<html dir="ltr">
<head>
<meta http-equiv="content-type" content="text/html; charset=iso-8859-1" />
<style type="text/css">@import
url(http://moodle.williamrice.com/lib/editor/htmlarea.css);</style>
<meta name="description" content="

Welcome to the Wilderness Skills site. If you have an interest in primitive living/survival
skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany [just enough for
a beginning forager], shelter building, firestarting without matches, orienteering, and
other wilderness skills. The first course, Basic Botany for Foragers, is free. It covers the
terms and concepts you need to know to understand most field guides and to talk about wild
plants. Try the free course, and if you like it, you can join us for other courses for a low
fee.">

<title>Wilderness Skills</title>
<meta name="keywords" content="moodle, Wilderness Skills " />
<link rel="stylesheet" type="text/css"
href="http://moodle.williamrice.com/theme/standard/styles.php" />
```

Hầu hết các công cụ RCH sử dụng các thẻ meta để phân loại trang web của bạn. Trong một số trường hợp, những lời đầu tiên trong thẻ meta này xuất hiện trong kết quả tìm kiếm. Khi bạn viết mô tả trang web, hãy chắc chắn rằng là những câu đầu tiên trong công cụ tìm kiếm thân thiện. Hãy tưởng tượng rằng đó là những câu mà ai đó sẽ thấy, khi trang web của bạn được hiển thị trong kết quả công cụ tìm kiếm. Ngoài ra, không ngại sử dụng các kiểu văn bản, đồ họa, và các tính năng trang web khác trong mô tả.

## Khóa học

Dành cho khách và các quản trị viên trang web, các khối hiển thị khóa học liên kết đến các loại khóa học. Nhấp chuột vào một liên kết đưa người dùng vào danh sách các khóa học. Cho giáo viên và sinh viên đã đăng nhập, khối này sẽ hiển thị một danh sách các khóa học của tôi. Nhớ lại rằng trên trang cài đặt, bạn có thể chọn để hiển thị một danh sách các loại khóa học, hoặc một danh sách các khóa học. Một trong những khóa học sẽ xuất hiện ở trung tâm của trang.

## Wild Courses

You are not logged in. (Login)  
 English (en)

### Desert Plants Course Added

A new course has been added to our Wild Plants section. After taking our free course, *Basic Botany for Foragers*, you're ready to learn about the plants found in some of the harshest places on Earth.

Win a Prize: Test Your Wilderness Knowledge

#### Course categories

- Free Courses
- Animals
- Foraging
- Shelter and Fire

Search courses ...  
All courses ...

### Course categories

#### Free Courses

- FREE COURSE: Basic Botany for Foragers 📖 ⓘ
- Wilderness Skills Discussions 📖 ⓘ
- Free Wild Pictures 📖 ⓘ

#### Animals

- Deer Habits 📖 ⓘ
- Tracking Basics 📖 ⓘ

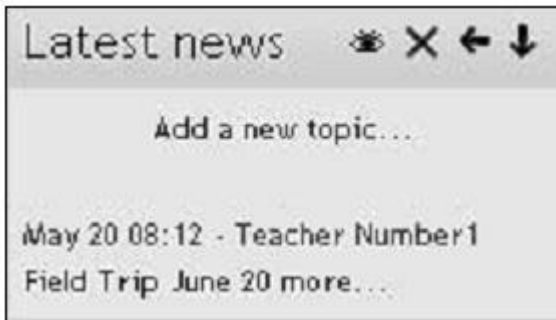
Welcome to the *Wilderness Skills* site. If you have an interest in primitive living/survival skills, you're at the right place. This site offers courses in basic botany (just enough for a beginning forager), shelter building, firestarting without matches, orienteering, and other wilderness skills.

The first course, *Basic Botany for Foragers*, is free. It covers the terms and concepts you need to know to understand most field guides and to talk about wild plants.

Tôi đã hiển thị khối các khóa học (mà thực sự hiển thị như danh mục khóa học), và cũng hiển thị danh sách các khóa học bằng cách sử dụng thiết lập từ menu quản trị. Tất nhiên, những danh sách này là không cần thiết. Tuy nhiên, điều này mang đến cho bạn cơ hội để so sánh hai phương pháp danh sách các khóa học của bạn bên cạnh nhau. Lưu ý rằng việc hiển thị các khóa học ở trung tâm của trang web làm cho chúng nổi bật hơn. Nếu bạn sử dụng khối khóa học thay vì hiển thị danh sách khóa học ở trung tâm của trang, bao gồm một số văn bản trên trang chủ mà chỉ thị khách truy cập vào chọn một loại khóa học từ các khóa học khối, khi họ đã sẵn sàng để nhập một khóa học.

### Tin tức mới nhất

Theo mặc định, trang chủ có một diễn đàn tin tức. Khối tin tức mới nhất sẽ hiển thị các thông tin đăng mới nhất từ diễn đàn này.



Ngay cả khi diễn đàn được đổi tên, khối này sẽ hiển thị các thông tin đăng. Số lượng các bài đăng hiển thị trong khối này được xác định theo **Site Administration | Front Page | Front Page settings | News items to show**.

## Đăng nhập

Khối đăng nhập chỉ có sẵn cho trang chủ của trang web.



Sau khi người dùng đăng nhập vào, khối này sẽ biến mất. Nếu một người không đăng nhập, Moodle sẽ hiển thị liên kết đăng nhập nhỏ ở góc trên bên phải và dưới trung tâm của trang. Tuy nhiên, các liên kết không phải là rất đáng chú ý. Khối đăng nhập là nổi bật hơn, và chứa một thông điệp khuyến khích khách truy cập đăng ký một tài khoản.

Ưu điểm chính vào khối đăng nhập qua các liên kết đăng nhập nhỏ là tầm nhìn lớn hơn của khối. Tuy nhiên, nếu bạn muốn làm cho các liên kết đăng nhập ở phía trên bên phải lớn hơn, nhìn vào file `index.php` của Moodle cho dòng này:

```
$loginstring = "<font size=2> <a href=\"\$wwwroot/login/index.php\">\".get_string(\"login\").\"</a></font>";
```

Thay đổi `<font size=2>` để một số lớn. Điều này làm tăng kích thước font chữ của liên kết đăng nhập.

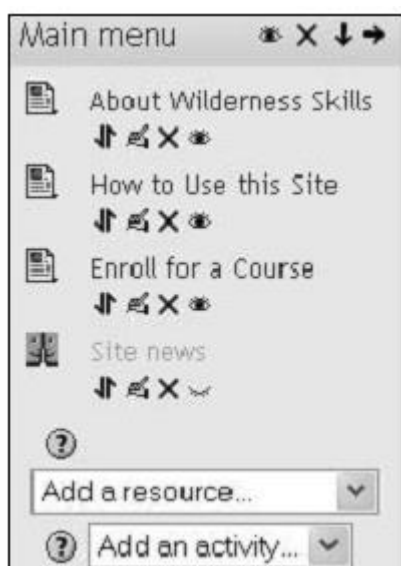
Nếu bạn muốn chỉnh sửa tin nhắn hiển thị trong khối đăng nhập, tìm kiếm chuỗi *startsignupin* các tập tin *moodle.php*, trong thư mục ngôn ngữ. Trong trang web của tôi, tôi đang sử dụng ngôn ngữ *en\_us*, vì vậy tôi tìm trong tập tin */lang/en\_us/moodle.php* cho dòng này:

```
$string['startsignup'] = 'Start now by creating a new account!';
```

Tôi có thể thay đổi thông điệp tới một cái gì đó khác, chẳng hạn như Click vào đây để đăng ký!.

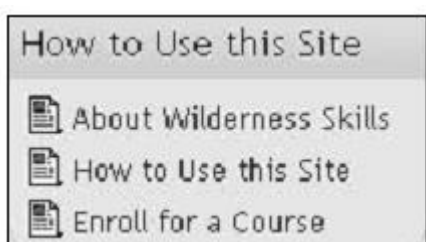
## Menu chính

Khối Menu chính có sẵn trên trang chủ của trang web. Có thể thêm vào một khóa học và được bổ sung vào khối này, như bạn có thể nhìn thấy từ trình đơn thả xuống có nhãn Thêm một nguồn tài nguyên ... và Thêm một hoạt động ...



Trong trang web của tôi, tôi sử dụng Menu chính để truyền đạt thông tin về các trang web và làm thế nào để sử dụng trang web. Tôi muốn truy cập dễ dàng để nhận được hướng dẫn đăng ký và sử dụng các khóa học. Có lẽ tôi nên thay đổi tên của khối này Làm thế nào để sử dụng trang web này. Tôi có thể làm điều đó bằng cách xem trong thư mục ngôn ngữ trong *moodle.php*, cho dòng sau:

```
$string['mainmenu'] = 'Main Menu';
```



Thay đổi Menu chính để bất cứ điều gì bạn muốn hiển thị tên của menu. Trong các phiên bản mới hơn của Moodle, bạn cũng có thể chỉnh sửa các chuỗi từ trang **Site Administration | Language | Language Editing**.

### Người dùng trực tuyến

Khởi chương trình người dùng trực tuyến là trên các trang web tại một thời điểm nhất định. Mỗi vài phút, kiểm tra khối người trên trang web. Bạn thiết lập số lượng phút dưới **Site**

**Administration | Modules | Blocks | Manage Blocks | Online Users | Settings**.



Lưu ý rằng người dùng có thể ở bất cứ nơi nào trên trang web, khối không cho bạn biết nơi đó. Cũng lưu ý rằng nó cho bạn biết ai là đang trên trang web ngay bây giờ. Nó không phải là một danh sách đầy đủ của tất cả những người đăng ký trên trang web.

Khi một người truy cập nhấp chuột vào tên của người dùng trong khối này, Moodle sẽ hiển thị profile của người dùng. Tuy nhiên, nếu người sử dụng thiết lập để đăng nhập cho cấu hình được chọn (theo **Site Administration | Security | Site policies**), sau đó người truy cập phải tạo một tài khoản, và đăng nhập để xem profile của người dùng.

### Mọi người

Khi khối mọi người được thêm vào Trang của trang web, nó sẽ liệt kê những người sử dụng đăng ký trên trang web.



Khi nó được thêm vào một khóa học, nó sẽ liệt kê người dùng ghi danh vào lớp học cụ thể. Nếu các trang web hoặc khóa học sử dụng các nhóm, nó cung cấp một liên kết đến các nhóm.

### Hoạt động gần đây



Khi khối hoạt động gần đây được thêm vào trang chủ của trang web, nó sẽ liệt kê tất cả các sinh viên và giáo viên hoạt động trên các trang chủ, từ lần đăng nhập cuối cùng của người sử dụng



Nếu ai đó đã đăng nhập như một người dùng khách, khối này sẽ hiển thị các hoạt động của khách kể từ lần cuối cùng họ đăng nhập. Nếu người dùng khách liên tục đến với trang web của bạn, khối này có thể được sử dụng hạn chế đối với họ. Một chiến lược là bỏ qua khối này từ trang chủ của trang web, vì vậy người dùng vô danh không nhìn thấy nó, và thêm nó vào các khóa học yêu cầu người dùng đăng nhập

### **Tìm kiếm trong diễn đàn**

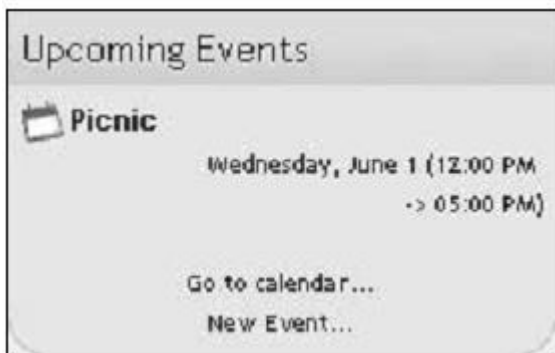
Tìm kiếm trong diễn đàn là cung cấp chức năng tìm kiếm cho các diễn đàn. Nó không tìm kiếm các loại hoạt động hoặc các nguồn lực. Khi khối này được thêm vào trang chủ của trang web, nó chỉ tìm kiếm các sự việc trên diễn đàn ở trang chủ.



Khối tìm kiếm tự động xuất hiện khác nhau trong các liên kết đến khóa học. Lĩnh vực tìm kiếm các khóa học như tìm kiếm tên khóa học và mô tả cho các từ tìm kiếm, trong khi bài viết tìm kiếm diễn đàn tìm kiếm diễn đàn.

### **Sự kiện sắp tới**

Các sự kiện sắp tới của khối là một phần mở rộng của khối lịch. Nó cho biết thông tin sự kiện từ lịch của bạn. Theo mặc định, các sự kiện sắp hiển thị tối đa 10 sự kiện sắp tới. Trước đó tối đa là 21 ngày.



Trong các phiên bản cũ hơn của Moodle, các giới hạn này được thiết lập trong */blocks/calendar/lib.php*, trong những dòng sau đây:

```
define ('CALENDAR_UPCOMING_DAYS', 21);
```

```
define ('CALENDAR_UPCOMING_MAXEVENTS', 10);
```

Để thay đổi theo tùy chọn trong các phiên bản Moodle 1.9 trở lên, bạn có thể sử dụng giao diện Moodle:

1. Nhấp chuột vào tên của tháng trong Calendar.



2. Trong kết quả trang **Detailed Month View**, nhấp vào nút **Preferences...** ở góc trên bên phải.

**Calendar** You are logged in as William Rice (Logout)

EPISD > Calendar > April 2008 [Preferences](#)

Detailed Month View:  [New Event](#)

◀ March 2008 **April 2008** May 2008 ▶

Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

**Monthly View**

Global events
  Course events  
 Group events
  User events

March 2008

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

April 2008

Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

3. Thay đổi theo tùy chọn và lưu lại.

### Preferences

Time display format:

You can choose to see times in either 12 or 24 hour format. If you choose "default", then the format will be automatically chosen according to the language you use in the site.

First day of week:

Calendar weeks will be shown as starting on the day that you select here.

Maximum upcoming events:

This sets the maximum number of upcoming events that can be displayed. If you pick a large number here it is possible that upcoming events displays will take up a lot of space on your screen.

Upcoming events look-ahead:

This sets the (maximum) number of days in the future that

### **Kết hợp ẩn danh, khách vãng lai và đăng ký truy cập**

Có ba cách mà bạn có thể truy cập vào Moodle: thông qua ẩn danh, khách vãng lai hoặc đăng ký truy cập. Tuy nhiên, bạn cần phải biết loại truy cập người

dùng là tốt nhất cho trang web học tập của bạn. Các loại truy cập khác nhau có thể được áp dụng cho các trang web, và các khóa học, bạn có thể kết hợp chúng để tạo ra các hiệu ứng mà bạn muốn. Điều này được giải thích trong phần sau.

### **Tùy chọn bảo mật có sẵn cho bạn**

Bảo mật của Moodle cho phép bạn chọn các loại người dùng truy cập đó là tốt nhất cho trang web học tập của bạn. Từ thời điểm đó một trình duyệt web truy cập trang Moodle của bạn đến khi một học sinh đã ghi danh vào một khóa học, sau đây là các tùy chọn:

- Đến thư mục Moodle thêm trang giới thiệu của riêng bạn index.htm. Khi trình duyệt đầu tiên ghé thăm trang web của bạn, thay vì nhìn thấy trang Moodle họ sẽ thấy index.html. Điều này cho phép bạn tạo ấn tượng đầu tiên mà bạn muốn, mà không có sự hạn chế áp đặt bởi bố trí của Moodle.
- Cho phép truy cập ẩn danh, hoặc yêu cầu đăng nhập vào trang chủ. Tùy chọn mà bạn sử dụng phụ thuộc vào mục đích của trang chủ. Nếu trang chủ giới thiệu trang web của bạn, có thể bạn sẽ muốn cho phép truy cập vô danh. Nếu trang chủ muốn người dùng đăng ký để sử dụng trang web của bạn, có thể bạn sẽ cần phải yêu cầu đăng ký.
- Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa khách truy cập cho từng môn học. Nếu bạn muốn truy cập ẩn danh để có thể lấy bài mẫu chương trình học một cách dễ dàng, tạo ra một loại khóa học miễn phí và đặt nổi bật trên trang chủ. Cho phép khách truy cập mà không cần có khoá để truy cập cho các khóa học mẫu. Sau đó, bạn có thể hạn chế quyền truy cập vào các khóa học cốt lõi của bạn chỉ cho người dùng đăng ký.
- Bật hoặc tắt khoá truy cập cho từng môn học. Bạn đưa các khoá của Moodle đối với học sinh bên ngoài. Điều này là một cách khác để xác thực sinh viên. Bạn có thể phát khoá truy cập tại một thời gian, sau khi bạn đã xác nhận danh tính của học sinh hoặc họ đã trả tiền cho khóa học. Trong trường hợp đó, trong các thiết lập cho khóa học, bạn sẽ lựa chọn không cho phép khách truy cập, và sử dụng khoá truy cập. Sau đó, người dùng chỉ đăng ký với khoá truy cập có thể truy cập vào khóa học. Một lựa chọn khác là cho phép khách vào khóa học với các khóa tuyển sinh. Trong trường hợp đó, các sinh viên sẽ giữ kín danh tính vì họ đã không được đăng ký, nhưng vẫn sẽ có một số kiểm soát trên những người có thể truy cập vào khóa học. Ví dụ, giả sử bạn có một khóa học để giúp nhân viên cứu hộ đối phó với sự căng thẳng của công việc của họ. Bạn có thể muốn cung cấp cho sinh viên lựa chọn ẩn danh, bằng cách cho phép khách truy cập. Tuy nhiên, bạn không muốn toàn bộ thế giới có thể truy cập vào khóa học. Vì vậy, bạn có thể phân phối các khoá truy cập cho người sử dụng qua email cơ quan của họ, hoặc một bản ghi nhớ trong hộp thư của họ, hoặc phương pháp khác để đảm bảo rằng chỉ có đối tượng dự định được các khoá truy cập.

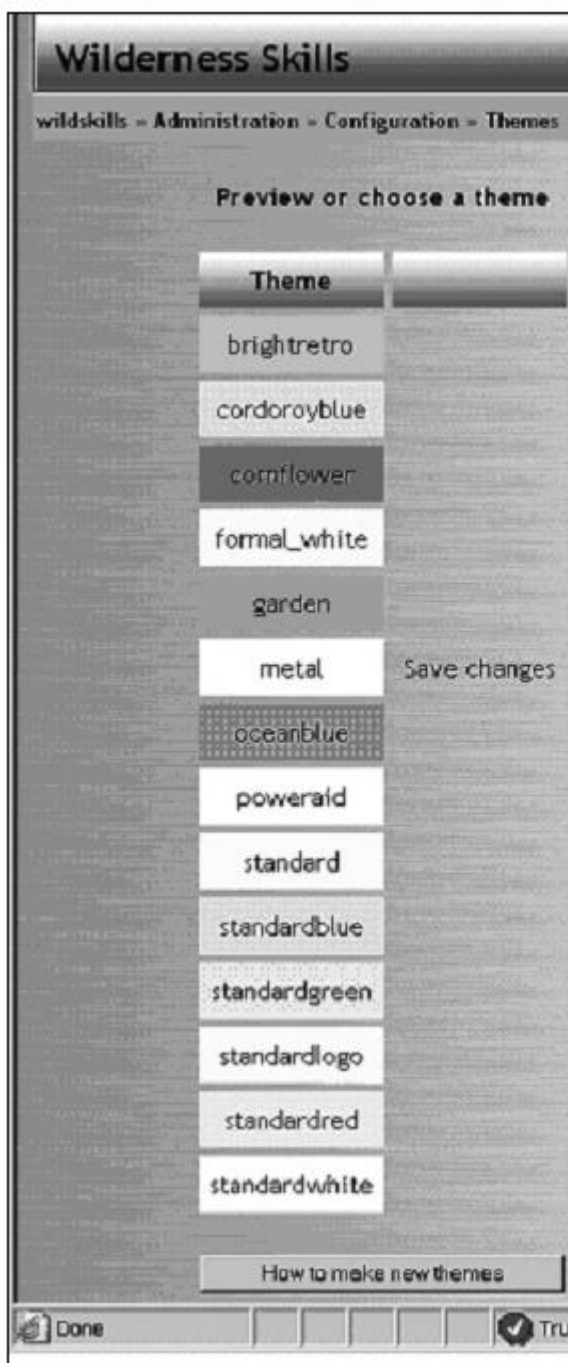
- Cách ly các khóa học thành các nhóm. Hãy nhớ rằng đối với từng loại hoạt động, bạn có thể bật và tắt chế độ nhóm. Điều này cung cấp an ninh tốt hơn là chỉ điều chỉnh quyền truy cập vào các khóa học. Bạn có thể cho phép tiếp cận với thông tin giới thiệu của một khóa học, và sau đó bật chế độ nhóm, cho các hoạt động thanh toán trong khóa học.

### **Nhìn và cảm nhận**

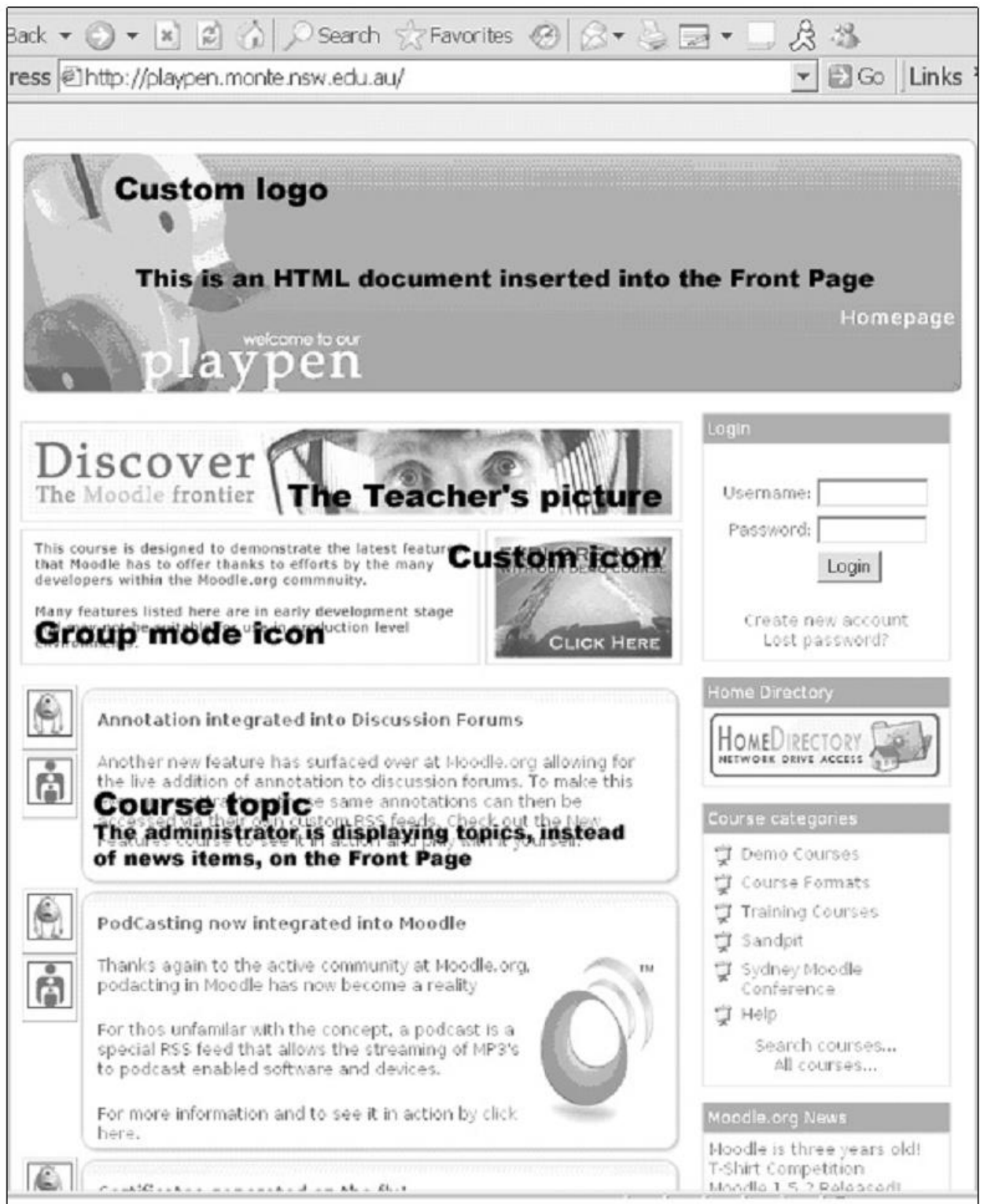
Bạn thể hiện trang web học tập của bạn với màu sắc của riêng bạn, phong chữ, phong cách, biểu tượng, và tin nhắn văn bản.

### **Chủ đề -Tùy chỉnh màu sắc và phong cách**

Trong Moodle, xác định màu sắc chủ đề và kiểu font trang web của bạn sử dụng. Để lựa chọn một chủ đề, chọn **Site Administration | Appearance | Themes | Theme selector**. Các lựa chọn bạn thấy có những chủ đề chuẩn đi kèm với Moodle. Trên máy chủ của bạn, bạn sẽ tìm thấy các tập tin cho các chủ đề này trong */theme*. So sánh những cái tên chủ đề có sẵn trong trang **Themes** với các thư mục mà bạn nhìn thấy trên máy chủ:



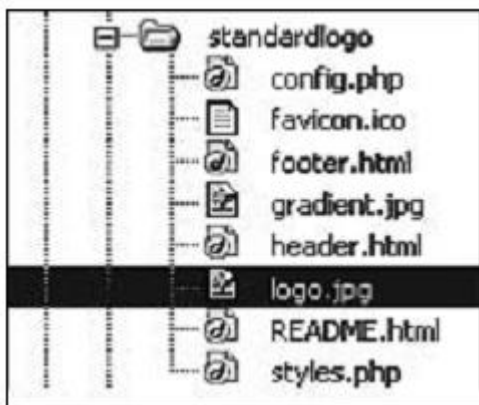
Thay vì sửa đổi một chủ đề chuẩn thành chủ đề bạn muốn, và sửa đổi các bản sao. Ngoài ra, kiểm tra <http://moodle.org/> cho các chủ đề khác mà bạn có thể sử dụng. Ví dụ, chủ đề được gọi là Kubrickgives. Moodle cho một cái nhìn tương tự như cài đặt mặc định của phần mềm WordPress blog. Với chủ đề này, trang web của bạn không giống là một trang web Moodle.



Các phần sau đây cho bạn thấy làm thế nào để đạt được một số các tùy chỉnh.

### Tùy chỉnh biểu tượng

Không phải tất cả chủ đề sử dụng một logo. Cách dễ nhất để tùy chỉnh biểu tượng trong trang Moodle của bạn là để sao chép một chủ đề mà sử dụng một biểu tượng, và sau đó thay thế tập tin logo.jpg của chủ đề đó của riêng bạn.



## Tùy chỉnh Header và Footer

Bên trong thư mục Theme, bạn sẽ tìm thấy các tập tin header.html và footer.html. Lưu ý trang chủ của trang web của bạn sử dụng một tiêu đề khác nhau so với trang bên trong. Nếu bạn muốn sử dụng cùng một tiêu đề trên các trang bên trong và trang chủ, bạn sẽ cần phải tùy chỉnh cả tiêu đề.

### Tùy biến Header

Các dòng mà bạn cần phải tùy chỉnh trong header.html được sao chép dưới đây. Tôi đã thêm số dòng. Bạn sẽ không tìm thấy trong các mã và không cần phải cài đặt chúng. Tôi sẽ đề cập đến các số dòng như chúng tôi thảo luận làm thế nào để tùy chỉnh mã:

1. `if($home) { // home page ?>`
2. `<div id="header-home">`
3. `<h1 class="headermain"></h1>`
4. `<div class="headermenu"><?php echo $menu ?></div>`
5. `</div>`
6. `<?php } else if ($heading) { //This is what gets printed on any other page with a heading.`
7. `?>`
8. `<div id="header-home">`



9. `<h1 class="headermain"></h1>`.

10. `<div class="headermenu"><?php echo $menu ?></div>`.

11. `</div>`

Nhớ lại rằng tôi đã nói rằng các tiêu đề cho trang của trang web là khác nhau từ phần đầu cho tất cả các trang khác. Dòng 1 kiểm tra xem bạn đang ở trên trang nhất. Dòng 2 đến 5 tạo ra các tiêu đề. Nếu bạn không phải trên trang chủ của trang web, dòng 6 đến 11 tạo ra các tiêu đề. Sự khác biệt duy nhất giữa hai tiêu đề này là ở dòng 10, tạo menu ở đầu mỗi trang:



```
wildcourses > Wild Plants 1 > Assignments > The Plants Around You
```

Chú ý rằng dòng 3 và 9 xác định chiều rộng và chiều cao của logo:

```
<h1 class="headermain">
```

```
</h1>
```

```
<div class="headermenu"><?php echo $menu ?></div>
```

```
</div>
```

```
<?php } else if ($heading) { // This is what gets printed on any other page with a heading ?>
```

```
<div id="header-home">
```

```
<h1 class="headermain">
```

```
</h1>
```

Nếu bạn sử dụng một hình ảnh khác nhau cho logo của bạn, bạn sẽ muốn thay đổi các giá trị để phù hợp với đồ họa mới.

Nếu bạn muốn thêm một số văn bản cho đầu trang, đặt nó giữa các thẻ `<h1>`:

```
<h1 class="headermain">add your text here
```

```
</h1>
```

```
<div class="headermenu"><?php echo $menu ?></div>
```

```
</div>
```

```
<?php } else if ($heading) { // This is what gets printed on any other page with a heading ?>
```

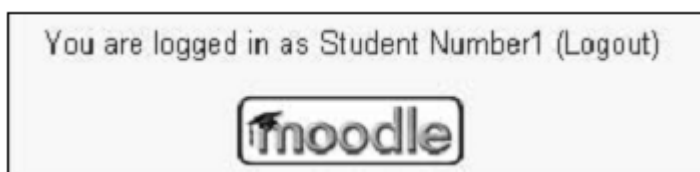
```
<div id="header-home">
```

```
<h1 class="headermain">add your text here</h1>
```

Kỹ thuật hữu ích nhất để tùy chỉnh tiêu đề trang web của bạn là làm cho một sự thay đổi tại một thời điểm, lưu nó và sau đó xem trước rằng một sự thay đổi trong trình duyệt của bạn. Lặp lại điều này cho đến khi bạn có được hiệu quả mà bạn muốn.

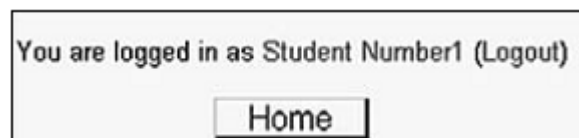
## Tùy biến các Footer

Các tập tin footer.html còn đơn giản hơn và dễ dàng hơn để tùy chỉnh so với tiêu đề. Có hai dòng mà bạn sẽ thấy ở dưới cùng của mỗi trang trong trang web của bạn. Trên trang chủ của trang web của bạn, bạn sẽ thấy như sau:



Lưu ý rằng footer hiển thị tên đăng nhập của bạn, và một liên kết đến trang web chính thức Moodle.org.

Trên mỗi trang khác của trang web của bạn, bạn sẽ thấy như sau:



Lưu ý rằng bạn vẫn thấy tên đăng nhập của bạn, nhưng thay vì một liên kết đến trang web Moodle.org, bạn sẽ thấy một liên kết đến trang chủ của trang web của bạn. Hai dòng được tạo ra bởi các dòng mã sau đây trong *footer.html*:

```
<?php echo $loggedinas ?>
```

```
<?php echo $homelink ?>
```

Bạn có thể chỉnh sửa, xóa, hoặc thêm như bạn muốn. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng nếu bạn loại bỏ từ menu tiêu đề <? php echo \$menu>, và cũng loại bỏ <? php echo \$ loggedinas> từ footer, người dùng sẽ không nhận được bất kỳ thông báo xác nhận khi đăng nhập. Bạn cũng có thể chèn code HTML trước, giữa, hoặc sau hai đường. Nội dung sẽ hiển thị trên mỗi trang trong trang web của bạn.

### Tùy chỉnh biểu tượng

Biểu tượng cho site Moodle của bạn nằm trong thư mục */moodle / pix*. Thư mục con bên trong */pix* tổ chức các biểu tượng dựa trên mục đích của họ:

- */ moodle / pix / c* giữ biểu tượng khóa học. Ví dụ, nó giữ các biểu tượng xuất hiện trước tên khóa học, tên sự kiện, và các nhóm.
- */ moodle / pix / f* giữ các biểu tượng cho các định dạng file khác nhau. Ví dụ, nó giữ các biểu tượng cho các tập tin văn bản, video, và các tập tin Excel.
- */ moodle / pix / g* giữ những hình ảnh mà giáo viên tải lên hồ sơ cá nhân của họ. Moodle cài đặt mặc định có hai tập tin trong thư mục này: một khuôn lớn và một khuôn mặt nhỏ.
- */ moodle / pix / i* giữ điều hướng và chức năng biểu tượng của Moodle. Ví dụ, có những biểu tượng cho các chức năng chỉnh sửa, để ẩn và hiển thị các mục, và để hiển thị các tin tức.
- */ moodle / pix / m* giữ biểu tượng cho tiền tệ.
- */ moodle / pix / s* giữ biểu tượng cho biểu tượng vui-tức giận, buồn, cái nháy mắt, và như vậy
- */ moodle / pix / t* giữ biểu tượng xuất hiện trong các chức năng của giáo viên: sao lưu, xóa, ẩn, và khôi phục lại.
- */ moodle / pix / u* giữ hình ảnh mà sinh viên tải lên hồ sơ cá nhân của họ. Cài đặt Moodle mặc định có hai tập tin trong thư mục-một khuôn mặt vui vẻ lớn và nhỏ.

Bạn có thể thay thế bất kỳ các biểu tượng của riêng bạn. Tuy nhiên, nếu bạn thay đổi kích thước của một biểu tượng, bạn nên xem trước kết quả trên một số trang để đảm bảo rằng các biểu tượng vẫn còn phù hợp trong không gian được đưa ra bởi Moodle

## Tùy chỉnh các chuỗi

Trong chương này và các chương trước, bạn đã thấy rằng bạn có thể chỉnh sửa các chuỗi từ trang **Site Administration | Language | Language Editing**.

Nếu bạn đang sử dụng một phiên bản cũ của Moodle, chỉnh sửa các chuỗi trong */lang/en/moodle.php* cho phép bạn tùy chỉnh các thông báo, nhắc nhở, và tên hộp Moodle hiển thị. Nếu bạn nhìn vào thư mục */lang/en*, bạn sẽ thấy nhiều tập tin khác trong thư mục đó. Những tập tin này chứa các chuỗi cho các module bổ sung của Moodle. Ví dụ, */lang/en/forum.php* chứa chuỗi trên các diễn đàn, chẳng hạn như `$ string ['deleteddiscussion'] = 'Các chủ đề thảo luận đã bị xóa.'`. Nếu bạn muốn tùy chỉnh một chuỗi, và bạn không chắc chắn nơi để tìm thấy nó, sử dụng trình soạn thảo HTML của bạn (hoặc thậm chí từ bộ vi xử lý của bạn) để tìm kiếm các tập tin trong thư mục ngôn ngữ cho chuỗi.

## Tổng kết

Ấn tượng đầu tiên là quan trọng cho một trang web học tập. Bằng cách tùy biến trang chủ trang web của bạn, và mở quyền truy cập vào các mẫu tài liệu học tập, bạn có thể cung cấp cho học sinh tương lai ấn tượng tốt nhất. Tùy biến biểu tượng của trang web, header, footer và các chuỗi đòi hỏi một mức độ cao hơn một chút kỹ năng kỹ thuật, nhưng kết quả trong một trang web truyền tải thương hiệu độc đáo của bạn.

## CHƯƠNG 9: CÁC TÍNH NĂNG DÀNH CHO GIÁO VIÊN (FEATURES FOR TEACHERS)

### 1. Báo cáo và Logs (Reports and Logs)

Moodle giữ chi tiết các logs của tất cả các hoạt động mà người dùng thực hiện trên trang web của bạn. Bạn có thể sử dụng các logs để xác định người đã hoạt động trong trang web của bạn, những gì họ đã làm, một khi họ đã làm nó.

Moodle có một hệ thống xem đăng nhập. Bạn có thể xem các log dưới quản trị | Báo cáo. Các báo cáo này cho phép bạn nhìn vào nguyên liệu các log cho một khóa học. Tuy nhiên, để phân tích log phức tạp, bạn cần phải nhìn ra bên ngoài của Moodle. Phần sau đây sẽ giúp bạn với các công cụ bạn cần để xem và phân tích log trang web của bạn

#### 1.1. Các trang báo cáo (The Report Page)

Sau đây là một ảnh chụp màn hình của các báo cáo khi nó xuất hiện trong Logs trang của Moodle:

The screenshot shows the Moodle Reports interface. At the top, the breadcrumb path is 'wildcourses > Wild Plants 1 > Reports'. The main heading is 'Choose which logs you want to see:'. Below this, there are three dropdown menus: 'FREE COURSE: Basic Botany for Foragers', 'All participants', and 'Today, 14 January 2008'. Below these are three more dropdown menus: 'All activities', 'All actions', and 'Display on page', followed by a 'Get these logs' button. Below this section is the heading 'Or watch current activity:' and the text 'Live logs from the past hour'. A section labeled 'Activity report' is visible. At the bottom, there are more filters: 'Activity module' set to 'Glossary', 'Look back' set to '7 weeks', and 'Show only' set to 'Student'. There are also 'Show actions' dropdown set to 'All actions', a help icon, and a 'Go' button. A section labeled 'Statistics' is visible at the bottom.

Bạn có thể sử dụng trang này để hiển thị ba loại thông tin khác nhau. Từ trên xuống phía dưới, đó là:

- Nguyên liệu logs
- Báo cáo hoạt động
- Số liệu thống kê trang web

Hãy nhìn vào mỗi một cách riêng biệt.

## 1.2. Xem Logs (Viewing Logs)

Chú ý rằng màn hình hiển thị của các tập tin log của Moodle có thể được lọc bởi các khóa học, người tham gia, ngày, hoạt động, và hành động. Bạn có thể chọn một giá trị duy nhất cho bất kỳ các bộ lọc này:

wildcourses ► Wild Plants 1 ► Reports ► Logs ► Student Number1, All days

### FREE COURSE: Basic Botany for Foragers: Student Number1, All days (GMT-5)

FREE COURSE: Basic Botany for Foragers ▼ Student Number1 ▼

All days ▼ All activities ▼ All actions ▼

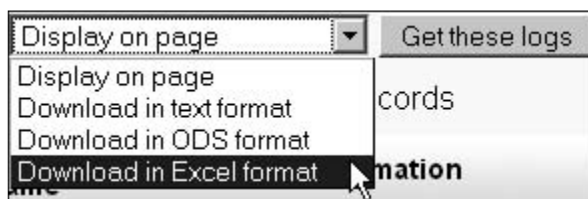
Display on page ▼ Get these logs

Displaying 37 records

Time	IP Address	Full name	Action	Information
Fri 11 January 2008, 11:15 PM	127.0.0.1	Student Number1	course view	FREE COURSE: Basic Botany for Foragers
Fri 11 January 2008, 11:09 PM	127.0.0.1	Student Number1	course view	FREE COURSE: Basic Botany for Foragers
Tue 8 January 2008, 11:59 PM	127.0.0.1	Student Number1	glossary view	Wild Plants Glossary
Tue 8 January 2008, 04:11 PM	127.0.0.1	Student Number1	glossary view	Wild Plants Glossary
Tue 8 January 2008,	127.0.0.1	Student Number1	upload upload	C:\Program Files\xampp\htdocs\wildcourses\moodledata/3/moddata/g

Bạn không thể chọn nhiều giá trị cho bất kỳ của các biến. Có nghĩa là, bạn không thể chọn hai khóa học từ danh sách thả xuống đầu tiên, sau đó bốn người tham gia từ thứ hai, và một vài ngày kể từ thứ ba. Nếu bạn muốn một cái nhìn tinh vi hơn của các log, bạn phải sử dụng một công cụ khác hơn được xây dựng trong log của Moodle. May mắn thay, bạn có thể tải về các log như các tập tin văn bản và nhập chúng vào một

công cụ khác, chẳng hạn như một bảng tính. Để tải về các log, sử dụng danh sách thả xuống cuối cùng trên trang:



Ví dụ, bạn có thể sử dụng trình đơn dữ liệu của Excel để định dạng, biểu đồ, và phân tích dữ liệu. Một cuộc thảo luận đầy đủ các chức năng dữ liệu của Excel là vượt quá phạm vi của cuốn sách này, nhưng có nhiều nguồn trợ giúp cho các chức năng này. Hình dưới đây là một ví dụ của một bảng được tạo ra trong Excel từ dữ liệu được đưa vào. Tôi đã sắp xếp các dữ liệu người tham gia ("Họ và tên"), do đó, trong nháy mắt, tôi có thể nhìn thấy mà người sử dụng đang hoạt động:

	A	D	C	D	E	
1	Course	Time	IP Address	Full name	Action	Information
2	FreePics	2007 February 24 19:34	82.27.68.16	LisaMarie Alexandria	course view	Free Wild Pictures
3	FreePics	2007 January 16 19:43	82.27.73.24	LisaMarie Alexandria	course view	Free Wild Pictures
4	FreePics	2007 January 16 19:23	82.27.73.24	LisaMarie Alexandria	resource view	Common Burdock in the Spring
5	FreePics	2007 January 16 19:23	82.27.73.24	LisaMarie Alexandria	course view	Free Wild Pictures
6	FreePics	2007 January 16 19:23	82.27.73.24	LisaMarie Alexandria	course enrol	Deer Habits
7	Debris Huts	2007 February 18 16:43	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	Debris Huts
8	Debris Huts	2007 February 18 16:43	86.136.132.	Bradford Sorens	course enrol	Debris Huts
9	Bow Drill	2007 February 18 16:43	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	Bow Drill Firestarting
10	Bow Drill	2007 February 18 16:43	86.136.132.	Bradford Sorens	course enrol	Debris Huts
11	Tracking Basic	2007 February 18 16:42	86.136.132.	Bradford Sorens	user view all	
12	Tracking Basic	2007 February 18 16:41	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	Tracking Basics
13	Tracking Basic	2007 February 18 16:41	86.136.132.	Bradford Sorens	course enrol	Debris Huts
14	Water's Edge	2007 February 18 16:40	86.136.132.	Bradford Sorens	course enrol	Debris Huts
15	Water's Edge	2007 February 10 16:40	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	By the Water's Edge
16	FreePics	2007 February 18 16:31	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	Free Wild Pictures
17	FreePics	2007 February 18 16:31	86.136.132.	Bradford Sorens	resource view	Wild Plant Pictures
18	FreePics	2007 February 18 16:31	86.136.132.	Bradford Sorens	course view	Free Wild Pictures
19	FreePics	2007 February 18 16:31	86.136.132.	Bradford Sorens	course enrol	Debris Huts

### 1.3. Xem báo cáo các hoạt động (Viewing Activity Reports)

Báo cáo hoạt động cung cấp một cái nhìn thân thiện của hoạt động này trong một khóa học duy nhất. Trong khi các log hiển thị thông tin đầy đủ, báo cáo hoạt động chỉ hiển thị các khóa học, những gì đã được thực hiện trong từng mục, và thời gian của các hoạt động mới nhất cho mục

wildecourses > Wild Plants 1 > Reports > Activity report		
FREE COURSE: Basic Botany for Foragers		
Activity report		
<b>Topic 0</b>		
Course Goals and Outline	1 views	Wednesday, 21 November 2007, 01:59 PM (54 days 20 hours)
Wild Plants Chat Room	3 views	Saturday, 5 January 2008, 01:12 PM (9 days 21 hours)
Jump to a TopicTypes of PlantsLife Cycles of Plant...	-	
Course Discussion	2 views	Saturday, 5 January 2008, 01:35 PM (9 days 20 hours)
Hidden Course Schedule	-	
Group Wiki	-	
Course Evaluation	-	
Before You Start the Course: Do These Activities	-	
The Plants Around You	4 views	Friday, 30 November 2007, 04:11 PM (45 days 18 hours)
Have you tried edible wild plants?	1 views	Wednesday, 5 December 2007, 12:53 AM (41 days 9 hours)
Foraging Journal	2 views	Tuesday, 4 December 2007, 10:30 PM (41 days 11 hours)
<b>Topic 1</b>		
Types of Plants		
What kind of plant is it?	8 views	Friday, 28 December 2007, 11:42 PM (17 days 10 hours)
<b>Topic 2</b>		
Life Cycles of Plants	2 views	Sunday, 25 November 2007, 11:13 PM (50 days 11 hours)
<b>Topic 3</b>		
Leaf Types and Shapes	9 views	Monday, 31 December 2007, 01:09 PM (14 days 21 hours)

Chú ý rằng theo mặc định, một Báo cáo hoạt động cho thấy các hoạt động của tất cả các thành viên tham gia một khóa học. Nếu bạn muốn xem hoạt động chỉ cho một người tham gia duy nhất:

- 1. Các khóa học bạn cần phải hiển thị the People block. Từ the People block, chọn người tham gia



- 2. Từ danh sách các thành viên tham gia, chọn một người mà bạn muốn báo cáo hoạt động



**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers**

wildcourses ▶ Wild Plants 1 ▶ Participants

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers**

Participants Blogs

Inactive for more than  User list

Current role:

**All participants: 4**

(Accounts unused for more than 120 days are automatically unenrolled)

User picture	First name / Surname	City/town	Country	Last access ↑	Select
	Student Number1	New York	United States of America	4 days	<input type="checkbox"/>
	Student Number2	New York	United States of America	46 days 7 hours	<input type="checkbox"/>

- 3. Từ trang của sinh viên, chọn thẻ Báo cáo hoạt động. Một báo cáo cho thấy hoạt động của sinh viên trong quá trình hiện tại:

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers** You are logged in as William Rice (Logout)

wildcourses ▶ Wild Plants 1 ▶ Participants ▶ Student Number1 ▶ Activity report ▶ Outline

**Student Number1**

Profile Edit profile Forum posts Blog Activity reports Roles

Outline report Complete report Today's logs All logs Statistics Grade

**Topic 0**

	Course Goals and Outline	-	
	Wild Plants Chat Room	-	
	Course Discussion	1 posts	Monday, 3 October 2005, 09:24 AM (2 years 104 days)
	Group Wiki	-	
	The Plants Around You	Grade: 8 / 10	Saturday, 1 October 2005, 12:34 PM (2 years 106 days)

#### 1.4. Thống kê trang web (Site Statistics)

Nếu bạn chạy một trang web, bạn có thể thói quen sử dụng số liệu thống kê trang web để theo dõi việc sử dụng trang web của bạn. Các thống kê này được ghi nhận bởi các máy chủ web và hiển thị bằng cách sử dụng phân tích thống kê. Trong Moodle, nếu

bạn kích hoạt số liệu thống kê trang web, Moodle sẽ ghi lại số liệu thống kê về từng khóa học và các trang web, cũng như hồ sơ máy chủ web của bạn số liệu thống kê về trang web của bạn. Moodle cũng sẽ sản xuất các đồ thị để hiển thị số liệu thống kê, tương tự như một phân tích thống kê.

Trang thống kê cho thấy có bao nhiêu lượt truy cập các trang khác nhau trong trang web Moodle của bạn. Bạn có thể nhìn vào các số truy cập cho một ngày nhất định hoặc giờ. Trang thống kê không cho thấy người dùng truy cập các trang này. Do đó, bạn sẽ cần phải sử dụng các log trang web.

Nếu bạn kích hoạt số liệu thống kê trang web, Moodle sẽ ghi lại hoạt động khi nó xảy ra. Sau đó tại một thời điểm mà bạn chỉ định, Moodle sẽ xử lý số liệu thống kê để tạo ra các đồ thị và biểu đồ trên trang thống kê. Đối với một trang rất năng động, quá trình này có thể mất một thời gian dài. Vì vậy, bạn nên xác định một thời gian khi trang web không có nhiều sinh viên vào. Ngoài ra, bạn không muốn xử lý số liệu thống kê và thói quen sao lưu để chạy cùng một lúc, vì vậy bạn nên sắp xếp cho họ một vài giờ đồng hồ.

#### ❖ Để kích hoạt Thống kê trang web (To Enable Site Statistics)

Chọn quản lý trang web | Server | Thống kê.

- 1. Nhấp vào ô thống kê để kích hoạt.
- 2. Sử dụng trường Run, thiết lập thời gian để bắt đầu xử lý. Điều này nên tại một thời điểm khi trang web không có sinh viên vào
- 3. Sử dụng tối đa trường runtime để thiết lập độ dài của thời gian xử lý sẽ chạy. Nếu bạn sử dụng sao lưu tự động khóa học, bạn có thể muốn đảm bảo việc xử lý thống kê kết thúc trước khi các bản sao lưu bắt đầu.
- 4. Nhấp vào nút Lưu để thay đổi.

#### 2. Sử dụng thang điểm cho thông tin phản hồi, Đánh giá và chấm điểm (Using Scales for Feedback, Rating and Grading)

Trong Moodle, bạn có thể sử dụng thang điểm để đánh giá hoặc tính điểm các diễn đàn, bài tập, quizzes, bài học, journal và workshop. Các thang điểm có thể được sử dụng bởi bất cứ ai được chấm điểm hoặc đánh giá công việc của sinh viên. Ví dụ, nếu một workshop được chấm điểm bởi các sinh viên khác nhau, sau đó các sinh viên sử dụng các thang điểm được lựa chọn bởi các giáo viên đến cách chấm điểm cho workshop. Có thể áp dụng một thang điểm với rất nhiều loại hình hoạt động là một cách mạnh mẽ để thực hiện các khóa học của bạn tương tác nhiều hơn và hấp dẫn.

Moodle đi kèm với hai thước đo từ trước. Một được gọi là 'Cách tách biệt và kết nối của hiểu biết. Thang điểm này cho phép học sinh mô tả một mục khi kết nối với kiến

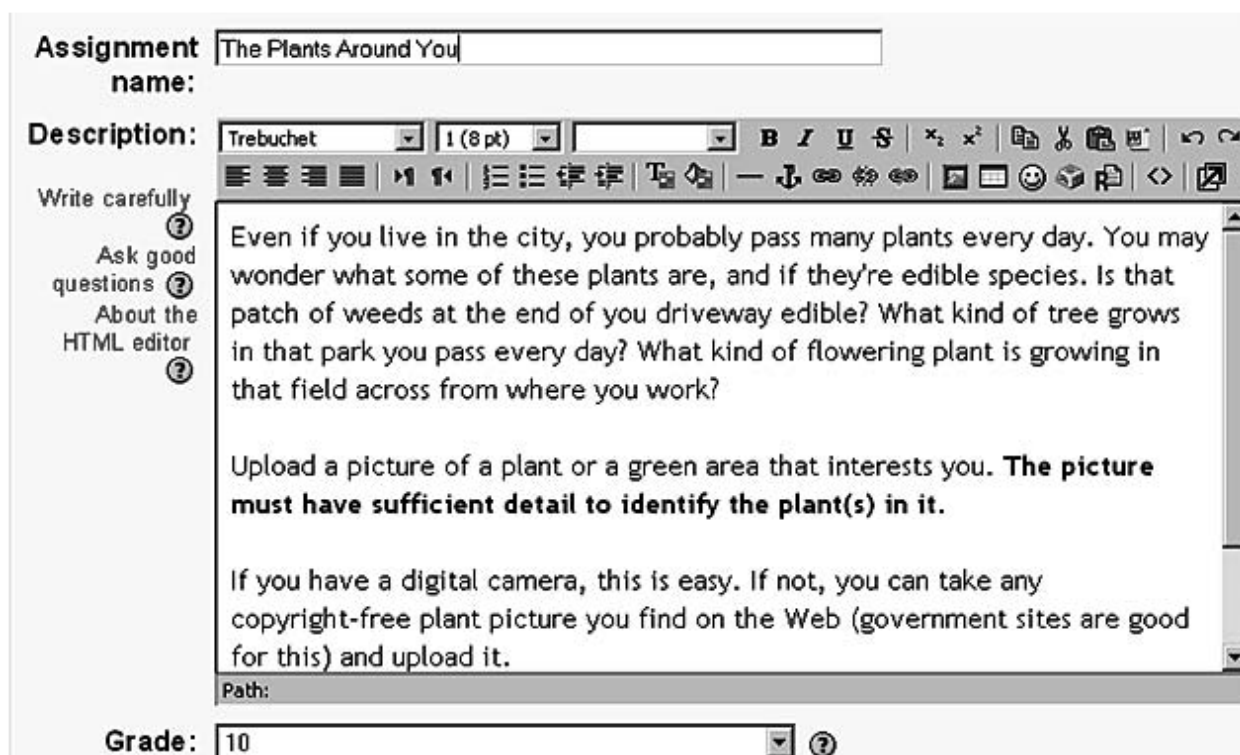
thức khác trong khóa học, hoặc tách biệt từ những kiến thức khác. Nó không phải là hữu ích khi chọn cách này để chấm điểm cho học sinh, nhưng thay vào đó được sử dụng để kích thích thảo luận về các mục.

Tích hợp trong thang điểm khác thì Moodle cung cấp là số. Bạn có thể chỉ định một số điểm tối đa, từ 1 đến 100, đến một mục. Bất cứ ai được đánh giá hay chấm điểm các mục thì lựa chọn điểm số từ một danh sách thả xuống.

Moodle cũng cho phép bạn tạo ra thang điểm tùy chỉnh. Điều này được trình bày trong tiểu mục tiếp theo. Nhưng trước tiên, chúng ta hãy xem làm thế nào để áp dụng một thang điểm cho hoạt động, và làm thế nào để sử dụng thang điểm đó gửi đến học sinh

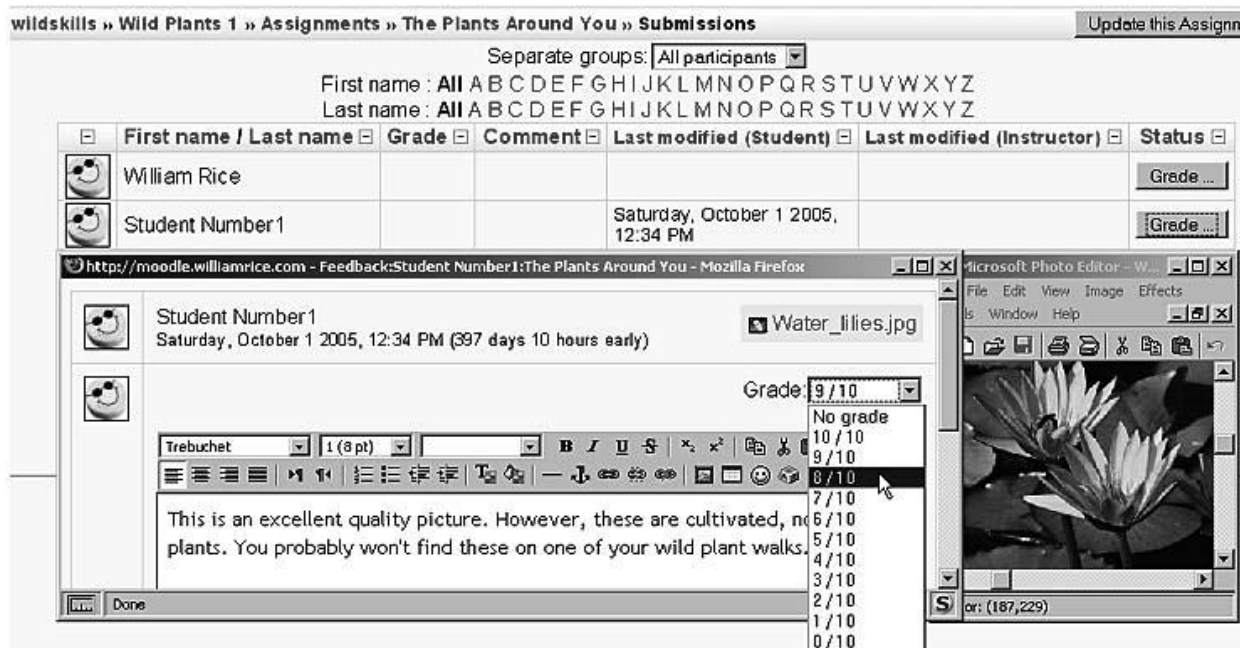
### 2.1. Áp dụng một quy mô cho một hoạt động (Applying a Scale to an Activity)

Trong màn hình tiếp theo, tôi đã thêm một thang điểm chấm điểm một hoạt động của journal. Tôi có thể chọn No grade, cách tách biệt và kết nối của hiểu biết, hoặc bất kỳ số từ 1 đến 100. Tôi đã chọn để cung cấp cho journal này có giá trị tối đa là 10 điểm:



The screenshot shows the Moodle assignment configuration interface. At the top, the 'Assignment name' is 'The Plants Around You'. Below it, the 'Description' field is active, showing a rich text editor with the text: 'Even if you live in the city, you probably pass many plants every day. You may wonder what some of these plants are, and if they're edible species. Is that patch of weeds at the end of you driveway edible? What kind of tree grows in that park you pass every day? What kind of flowering plant is growing in that field across from where you work? Upload a picture of a plant or a green area that interests you. **The picture must have sufficient detail to identify the plant(s) in it.** If you have a digital camera, this is easy. If not, you can take any copyright-free plant picture you find on the Web (government sites are good for this) and upload it.' The 'Grade' field is set to '10'. On the left side, there are links for 'Write carefully', 'Ask good questions', 'About the HTML editor', and 'Path:'.

Khi một giáo viên xem nhiệm vụ trong journal, giáo viên nhấp chuột vào Grade ... nút để hiển thị một cửa sổ bật lên nơi giáo viên có thể xem các tập tin tải lên, viết bình luận, và chọn số grade:



Nếu No grade được lựa chọn cho nhiệm vụ này, chỉ có các nhận xét sẽ được cung cấp. Danh sách thả xuống của grade sẽ không xuất hiện.

## 2.2. Kích hoạt tùy chỉnh thang điểm (Establishing Custom Scales)

Người quản trị trang web có thể tạo tùy chỉnh thang điểm chấm điểm có sẵn cho tất cả các giáo viên. Một giáo viên cũng có thể tạo ra một tùy chỉnh thang điểm được sử dụng trong quá trình mà trong đó nó được tạo ra. Một tùy chỉnh thang điểm bao gồm một danh sách các lựa chọn mà bạn nhập vào trong một thứ tự tăng dần.

Ví dụ, bạn có thể tạo ra một thang điểm cho sinh viên để đánh giá bài viết trong diễn đàn có nội dung 1-Không áp dụng cho chủ đề thảo luận của chúng, 2-Một phần áp dụng đối với chủ đề thảo luận của chúng, 3-Chủ yếu chỉ áp dụng đối với chủ đề thảo luận của chúng, 4-Tổng cộng trên mục tiêu cho chủ đề thảo luận của chúng:

wildskills » Wild Plants 1 » Scales » Editing Scale

## Scales ?

**Name:**

**Scale:**

**Description: ?**

Đề tới trang Scales, chọn Scales từ Administration block. Sau đó nhấp vào Add một nút thang điểm mới. Sẽ hiển thị một cửa sổ như thể hiện trong hình trước.

### 3. Grades

Moodle cung cấp một công cụ báo cáo rất linh hoạt cho các lớp. Khi bạn kết hợp khả năng tùy chỉnh thang điểm chấm điểm với các công cụ chấm điểm rộng rãi của Moodle, bạn có một cách mạnh mẽ để xem sự tiến bộ của sinh viên. Là một giáo viên, bạn có thể phân loại các hoạt động, phân công phạm vi cho grades, sử dụng grades nặng, và ẩn / tiết lộ grades cho sinh viên. Nếu Moodle không có khả năng báo cáo bạn muốn, bạn có thể tải về grades trong văn bản hoặc định dạng Excel và sử dụng một bảng tính biểu đồ và phân tích chúng

Bất cứ điều gì có thể áp dụng thang điểm thì nó có thể được grade -diễn đàn, các bài tập, quizzes, các bài học, journal, cơ sở dữ liệu, và workshops.

#### 3.1. Xem các grade (Viewing Grades)

Để truy cập vào grade, chọn khóa học mà có các grade bạn muốn xem, và sau đó chọn các grade từ Administration block. Điều này sẽ hiển thị một bản tóm tắt các grade cho khóa học

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers** You are logged in as William Rice (Logout)

wildskills » Wild Plants 1 » Grades

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

Download in Excel format Download in text format

**All grades by category**

Student Sort by Lastname Sort by Firstname	Uncategorised Stats		Total Stats		Student Sort by Lastname Sort by Firstname
	points(35)	Percent	points(35) ↓↑	% ↓↑	
Number1, Student	15.33	43.8%	15.33	43.8%	Number1, Student
Number2, Student	0	0%	-	0%	Number2, Student

You are logged in as William Rice (Logout)

Wild Plants 1

Nhận thấy rằng sinh viên 2 đã không hoàn thành bất cứ nhiệm vụ trong khóa học này. Sinh viên 1 đã kiếm được tổng cộng 15.33 điểm có thể xảy ra 35. Chúng ta biết rằng tất cả các grade là Uncategorised, bởi vì đó là danh mục chỉ với một liên kết. Để điều tra các tiếp tục grade, nhấp vào liên kết Uncategorised và chi tiết các grade sẽ hiển thị:

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers** You are logged in as William Rice (Logout)

wildskills » Wild Plants 1 » Grades » uncategorysed

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

Download in Excel format Download in text format

**uncategorysed Grades**

Student Sort by Lastname Sort by Firstname	Course Discussion		The Plants Around You		What kind of plant is it?		Leaf Types and Shapes		Observing the Familiar		Total ↓↑ Stats		Student Sort by Lastname Sort by Firstname
	1	Raw %	10	Raw %	3	Raw %	5	Raw %	16	Raw %	35	Percent	
Number1, Student	1.00	100%	8	80%	3.0	100%	3.33	66.6%	0	Excluded%	15.33	43.8%	Number1, Student
Number2, Student	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%	0	Excluded%	0	0%	Number2, Student

You are logged in as William Rice (Logout)

Bây giờ bạn có thể thấy lý do tại sao tổng thể các grade của sinh viên 1 là quá thấp. Đối với nhiệm vụ Observing the Familiar, các sinh viên có một grade có 0 trong tổng số có thể 16 điểm. Chúng tôi biết các sinh viên đã không hoàn thành nhiệm vụ vì Excluded nơi mà tỷ lệ phần trăm sẽ được hiển thị. Nếu sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ nhưng thu được 0 điểm, sau đó 0% sẽ hiển thị thay thế.

### 3.2. Phân loại các Grade (Categorizing Grades)

Mỗi phòng trong số các hoạt động grade có thể được đưa vào một thể loại. Lưu ý rằng bạn đặt các hoạt động thành các loại, không phải sinh viên. Nếu bạn muốn phân loại sinh viên, đặt chúng thành các nhóm. Phân loại các hoạt động grade trong một khóa học cho phép bạn nhanh chóng xem làm thế nào sinh viên của bạn đang làm với các loại hoạt động. Nếu bạn không chỉ định một hoạt động vào một thể loại, theo mặc định nó thuộc về thể loại Uncategorized. Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy một khóa học có sử dụng các thể loại mặc định của Studentgraded, Teacher-graded, và Uncategorized. Đây được tích hợp vào Moodle, và hệ thống sẽ tự động gán các hoạt động để các thể loại chính xác như bạn tạo ra các hoạt động:

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers** You are logged in as William Rice (Logout)

wildcourses ► Wild Plants 1 ► Grades

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

Download in ODS format Download in Excel format Download in text format

**All grades by category** ⓘ

Student	Student-graded Activities Stats		Teacher-graded Activities Stats		Uncategorised Stats		Total Stats		Student
Sort by Lastname	points(26)	Percent	points(14)(+2)	Percent	points(10)	Percent	points(50)	%	Sort by Lastname
Sort by Firstname							↓↑	↓↑	Sort by Firstname
Number1, Student	8	30.77%	6	42.86%	-	0%	14	28%	Number1, Student
Number2, Student	2.7	10.38%	3.67	26.21%	-	0%	6.37	12.74%	Number2, Student
Number3, Student	0	0%	2	14.29%	-	0%	2	4%	Number3, Student

### 3.3. Tạo ra và xem thể loại (Creating and Viewing Categories)

Trong ví dụ sau, thẻ Set Categories đã được chọn. Đây là nơi bạn sẽ chỉ định và tạo chuyên mục cấp cho các hoạt động trong khóa học của bạn:

**FREE COURSE: Basic Botany for Foragers** You are logged in as William Rice (Logout)

wildskills » Wild Plants 1 » Grades » Set Categories

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

**Set Categories ?**

Grade Item	Category	Max Grade	Curve To	Extra Credit
Course Discussion	Teacher-graded Activities	1	1	<input type="checkbox"/>
The Plants Around You	Student-graded Activities	10	10	<input type="checkbox"/>
What kind of plant is it?	Teacher-graded Activities	3	3	<input type="checkbox"/>
Leaf Types and Shapes	Teacher-graded Activities	5	5	<input type="checkbox"/>
Observing the Familiar	Student-graded Activities	16	16	<input type="checkbox"/>

Add Category:

Delete Category:

Note: Setting all items for a category to extra credit will effectively remove them from the grade calculation. Since there will be no point total

Điểm quan trọng nhất ở đây là để xác định những loại câu hỏi mà bạn muốn trả lời khi bạn kiểm tra grade của sinh viên, và tạo thể loại cho phép bạn trả lời câu hỏi đó. Ví dụ, “Làm thế nào để sinh viên của tôi làm các quizzes so với các hoạt động tương tác nhiều hơn, giống như workshop và diễn đàn?” Để trả lời câu hỏi đó, tạo ra một thể loại chỉ dành cho các quizzes, và bạn có thể trả lời câu hỏi chỉ bằng cách xem các grade. Hay “Làm thế nào để sinh viên của tôi làm trên hoạt động ẩn so với các hoạt động trực tuyến?” Để trả lời câu hỏi đó, tạo ra thể loại phân loại trực tuyến và ẩn. Và hãy nhớ, các thể loại này không được “viết trên đá”. Nếu nhu cầu của bạn thay đổi, bạn luôn có thể tạo ra và chỉ định thể loại grade mới theo yêu cầu.

#### 3.4. Sử dụng tín dụng phụ (Using Extra Credit)

Bạn có thể chỉ định bất kỳ hoạt động như là tín dụng phụ dưới thể Set Categories. Trong ví dụ này, tôi thiết lập các Course Discussion như là Extra Credit:



View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

### Set Categories ?

Grade Item	Category	Max Grade	Curve To	Extra Credit
Course Discussion	Teacher-graded Activities	1	1	<input checked="" type="checkbox"/>
The Plants Around You	Student-graded Activities	10	10	<input type="checkbox"/>
What kind of plant is it?	Teacher-graded Activities	3	3	<input type="checkbox"/>
Leaf Types and Shapes	Teacher-graded Activities	5	5	<input type="checkbox"/>
Observing the Familiar	Student-graded Activities	16	16	<input type="checkbox"/>

Save Changes

Trong một ảnh chụp màn hình trước đó, bạn thấy rằng các thể loại Teacher-graded Activities có tổng cộng 9 điểm có thể. Ngay bây giờ Course Discussion đã được thiết kế như Extra Credit, thể loại này có tổng cộng 8 điểm có thể:

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

Download in Excel format Download in text format

### All grades by category ?

Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>	Student-graded Activities <small>Stats</small>		Teacher-graded Activities <small>Stats</small>		Total <small>Stats</small>		Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>
	points(26)	Percent	points(8)	Percent	points (34) ↓↑	% ↓↑	
Number1, Student	8	30.77%	7.33	91.63%	15.33	45.09%	Number1, Student
Number2, Student	0	0%	-	0%	-	0%	Number2, Student

Trong khi nó có thể hấp dẫn để tạo ra một thể loại chỉ dành cho hoạt động tín dụng phụ, Moodle khuyến cáo không nên làm cho tất cả các hoạt động trong một thể loại tín dụng phụ. Điều này có thể gây ra lỗi trong chương trình, và có thể gây ra những hoạt động thậm chí không đăng ký. Thay vào đó, sử dụng cài đặt tín dụng phụ vào các hoạt động lựa chọn.

### 3.5. Grading trên một đường cong (Grading on a Curve)

Thẻ Set Categories cung cấp cho bạn khả năng grade bất kỳ hoạt động trên một đường cong. Điều này có nghĩa là thay vì hoạt động nhận được tổng số điểm thiết lập trong trang Settings của hoạt động, nó nhận được số điểm mà bạn nhập vào theo thẻ Set Categories. Trong ví dụ này, tôi đã giao cho ba câu hỏi quiz là 9 điểm. Mỗi câu hỏi trong quiz, đóng góp ba điểm trong tổng cộng các grade:

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

### Set Categories ?

Grade Item	Category	Max Grade	Curve To	Extra Credit
Course Discussion	Teacher-graded Activities	1	1	<input checked="" type="checkbox"/>
The Plants Around You	Student-graded Activities	10	10	<input type="checkbox"/>
What kind of plant is it?	Teacher-graded Activities	3	9	<input type="checkbox"/>
Leaf Types and Shapes	Teacher-graded Activities	5	5	<input type="checkbox"/>
Observing the Familiar	Student-graded Activities	16	16	<input type="checkbox"/>

**Save Changes**

Tìm kiếm dưới thẻ View Grades, bạn có thể thấy rằng bây giờ tổng số điểm cho Teacher-graded Activities đã thay đổi từ 9 đến 15:

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

Download in Excel format Download in text format

### All grades by category ?

Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>	Student-graded Activities stats		Teacher-graded Activities stats		Total stats		Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>
	points(26)	Percent	points(15)	Percent	points (40) ↓↑	% ↓↑	
Number1, Student	8	30.77%	7.33	52.36%	15.33	38.33%	Number1, Student
Number2, Student	0	0%		0%		0%	Number2, Student

### 3.6. Khi sử dụng đường cong và khi sử dụng trọng lượng (When to Use Curve and When to Use Weight)

Grading trên một đường cong là một cách thuận tiện bù đắp cho một hoạt động duy nhất trở nên quá dễ dàng hoặc quá khó khăn. Ví dụ, nếu tất cả các sinh viên đã làm rất kém trong một bài quiz, bạn có thể thấy đường cong quiz đến một số điểm thấp hơn, hoặc thậm chí cung cấp cho nó 0 điểm. Sinh viên của bạn vẫn có thể nhìn thấy các quiz grade của họ, nhưng 0 điểm sẽ loại bỏ chúng khỏi tổng số grade.

Theo thẻ Set Weights, bạn có thể ẩn toàn bộ thẻ loại các hoạt động để grades của họ không được hiển thị cho các sinh viên, và không được sử dụng trong việc tính toán tổng số. Một đường cong ảnh hưởng đến chỉ là một hoạt động đơn và vẫn cho phép sinh viên xem grades của họ.

Sử dụng đường cong khi bạn muốn điều chỉnh số lượng hoạt động đơn lẻ đóng góp vào tổng số. Sử dụng trọng lượng (bao gồm trong các phần tiếp theo) khi bạn muốn điều chỉnh số lượng toàn bộ thẻ loại góp phần vào tổng số.

### 3.7. Bù đắp cho một loại khó khăn hay dễ dàng bởi trọng lượng các grade (Compensate for a Difficult or Easy Category by Weighting Grades)

Thẻ Set Weights có chứa một số thiết lập để giúp bạn điều chỉnh bao nhiêu một thể loại góp phần vào tổng số điểm. Bạn có thể sử dụng các thiết lập này để bù đắp cho một thể loại đặc biệt khó khăn hay dễ dàng.

#### 3.7.1 Trọng lượng (Weight)

Bạn có thể chỉ định một trọng lượng cho một thể loại grade. Theo mặc định, trọng lượng 100 được áp dụng cho các thể loại Uncategorized. Điều này không có nghĩa là không ai trong số các thể loại khác được tính vào tổng số. Nó có nghĩa là mỗi thể loại là outweighed:

Category	weight	Drop X Lowest	Bonus Points	Hidden
Uncategorised	100.00	0	0	<input checked="" type="checkbox"/>
Student-graded Activities	0.00	0	0	<input type="checkbox"/>
Teacher-graded Activities	0.00	0	0	<input type="checkbox"/>

Save Changes

#### 3.7.2 Ẩn hoạt động ungraded (Hide Ungraded Activities)

Theo thẻ Set Weights, chọn ô Hide loại bỏ một thể loại từ màn hình hiển thị và cũng từ grade tính toán. Đây là một cách dễ dàng để thêm các mục vào grade tính toán chỉ sau khi họ đã được grade. Chỉ cần giữ một hoạt động ẩn cho đến khi bạn đã grade nó. Sau khi grading, bỏ ẩn hoạt động. Sau đó nó sẽ được nhìn thấy các sinh viên và được sử dụng trong tổng số grade

#### 3.7.3 Thả các điểm thấp nhất trong một thể loại (Dropping the Lowest Scores in a Category)

Trọng lượng được thiết kế để cho phép bạn điều chỉnh các điểm trong toàn bộ thể loại các hoạt động, khi những hoạt động này đã được chứng minh quá khó hoặc quá dễ dàng. Một cách để làm điều này là đưa ra một thể loại có trọng lượng thấp hơn hoặc cao hơn so với những người khác. Một cách khác để cải thiện điểm số trong một thể loại khó khăn là sử dụng Drop X Lowest để thả các hoạt động điểm số thấp nhất từ

các grade của thể loại đó. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy chắc chắn mọi hoạt động trong thể loại đó có cùng một điểm giá trị. Các thiết lập sẽ làm việc khi các hoạt động có giá trị khác nhau, nhưng kết quả trở nên vô nghĩa. Ví dụ, trong các ảnh chụp màn hình tiếp theo, bạn có thể thấy rằng có ba Teacher-graded Activities, mỗi loại có một giá trị điểm khác nhau. Nếu bạn sử dụng Drop X Lowest để thả các hoạt động điểm số thấp nhất từ thể loại đó, số điểm cho Course Discussion sẽ hầu như luôn luôn được giảm xuống vì một điểm số hoàn hảo của 1 vẫn sẽ thấp hơn điểm thấp trong What kind of plant is it? Hoặc Leaf Type and Shapes

View Grades Set Preferences Set Categories Set Weights Set Grade Letters Grade Exceptions

**Set Categories ?**

Grade Item	Category	Max Grade	Curve To	Extra Credit
Course Discussion	Teacher-graded Activities	1	1	<input checked="" type="checkbox"/>
The Plants Around You	Student-graded Activities	10	10	<input type="checkbox"/>
What kind of plant is it?	Teacher-graded Activities	3	9	<input type="checkbox"/>
Leaf Types and Shapes	Teacher-graded Activities	5	5	<input type="checkbox"/>
Observing the Familiar	Student-graded Activities	16	16	<input type="checkbox"/>

Save Changes

### 3.7.4 Cho điểm thưởng (Giving Bonus Points)

Thẻ Set Weights cho phép bạn cung cấp tất cả các điểm thưởng cho tổng số grade của mỗi học sinh trong một thể loại. Đây là một cách tốt để bù đắp cho một thể loại hoạt động đó là quá khó. Điểm thưởng hiển thị trên thẻ View Grades. Lưu ý +2 hiển thị cho Teacher-graded Activities:

**All grades by category ?**

Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>	Student-graded Activities Stats		Teacher-graded Activities Stats		Total Stats		Student <small>Sort by Lastname Sort by Firstname</small>
	points(26)	Percent	points(14) (+2)	Percent	points (40) ↓↑	% ↓↑	
Number1, Student	8	30.77%	9.33	66.64%	17.33	43.33%	Number1, Student
Number2, Student	0	0%	2	14.29%	2	14.29%	Number2, Student

### 3.8. Điểm, phần trăm và Letter Grades (Points, Percents, and Letter Grades)

Thẻ Set Grade Letters cho phép bạn xác định tỷ lệ phần trăm được áp dụng cho từng letter grade. Moodle đi kèm với giá trị đề nghị. Bạn có thể thay đổi bất cứ lúc nào, cho bất kỳ khóa học. Lưu ý rằng sự thay đổi của bạn chỉ áp dụng cho các khóa học mà bạn đang làm việc:

Grade Letter	Low	High
A	93	100
A-	90	92.99
B+	87	89.99
B	83	86.99
B-	80	82.99
C+	77	79.99
C	73	76.99
C-	70	72.99
D+	67	69.99

Trong ảnh chụp màn hình này, tôi sử dụng các letter grade truyền thống. Tôi có thể nhập vào bất kỳ văn bản thay thế Grade Letter. Ví dụ, thay vì A, tôi có thể nhập Excellent và thay vì B, tôi có thể nhập Above Average...

Để hiển thị letter grade cho sinh viên và giáo viên theo thẻ Set Preferences, chọn những người có thể xem các letter grade

### Set Preferences ?

Hide Advanced Features

Display Weighted Grades:	No <span style="float: right;">▼</span>
Display Points:	to everyone <span style="float: right;">▼</span>
Display Percents:	to Instructors only <span style="float: right;">▼</span>
Display Letter Grades:	No <span style="float: right;">▼</span>
Letter Grade:	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">           No            to Instructors only  <b>to everyone</b> </div> <span style="float: right;">▼</span>
Reprint Headers:	None <span style="float: right;">▼</span>
Show Hidden Items	Yes <span style="float: right;">▼</span>

Save Preferences

Trong cùng một cửa sổ, chọn những người có thể xem các điểm và điểm phần trăm. Hãy đặc biệt lưu ý các thiết lập đối với Show Hidden Items. Nếu điều này được thiết lập Yes, mặc dù một thể loại đã được ẩn, nó sẽ hiển thị cho các sinh viên. Bạn có thể muốn giữ thiết lập này là No bởi vì nếu bạn đang che giấu một thể loại, mục đích là học sinh sẽ không nhìn thấy nó. Các thiết lập Letter Grade xác định liệu các letter grade được tính toán dựa trên tỷ lệ phần trăm nguyên liệu thô hoặc tỷ lệ phần trăm trọng lượng.

Ví dụ, bạn có thể chọn No cho Display Weighted Grades, và để cho sinh viên thấy tỷ lệ phần trăm thực sự của họ. Sau đó, chọn Use Percent cho Letter Grade, do đó sinh viên có thể xem những gì grade của họ đã thu được sau khi trọng lượng được đưa vào tài khoản.

#### 4. Diễn đàn giáo viên (The Teacher Forum)

Mỗi khóa học có thể có một diễn đàn cho các giáo viên trong khóa học đó. Điều này đặc biệt hữu ích khi một số giáo viên cộng tác trên một khóa học. Để tạo ra một diễn đàn giáo viên, thêm một diễn đàn bình thường và sau đó ẩn nó. Giáo viên có thể xem các hoạt động khóa học ẩn trong khi học sinh có thể không.

Nếu bạn là người tạo khóa học hoặc một giáo viên trong khóa học, khi bạn vào Teacher forum, bạn nhìn thấy một số liên kết ở góc trên bên phải:

wildskills » Wild Plants 1 » Forums » Teacher forum

Search forums

Everyone can choose to be subscribed  
 Show/edit current subscribers  
 Unsubscribe from this forum

Add a new discussion topic

Dòng Everyone can choose to be subscribed có nghĩa là đăng ký ngay bây giờ tất cả giáo viên trong khóa học này có thể chọn để được đăng ký vào các diễn đàn hay không. Đăng ký nhận thông báo qua email khi ai đó đăng vào diễn đàn. Nhấp vào liên kết này buộc tất cả giáo viên của khóa học này được đăng ký với diễn đàn này. Đây là một trong những thói quen của Moodle là không chỉ có thể có động lực sáng tạo khóa học cho tất cả các giáo viên để được đăng ký, nhưng như vậy có thể là giáo viên bất kỳ của khóa học này

Các liên kết cho Show/edit current subscribers và Unsubscribe from this forum thực hiện chính xác những gì họ nói.

#### 5. Vai trò (Roles)

Chương tiếp theo, Extending and Administering Moodle, thảo luận về việc sử dụng các vai trò trong web Moodle của bạn. Khi tạo ra, chỉnh sửa, và giao vai trò về mặt kỹ thuật chức năng 'Administrator', là một giáo viên và người đồng tạo ra khóa học, bạn sẽ thường là một trong những người phải làm điều này. Vì vậy, ngay cả khi bạn không phải là quản trị viên cho web Moodle của bạn, tôi khuyên bạn nên đọc phần về Roles trong chương kế tiếp.

#### 6. Tóm tắt

Cho dù trong một lớp học hoặc trực tuyến, quản lý một khóa học thành công đòi hỏi giao tiếp hai chiều giữa giáo viên và học sinh. Liên tục theo dõi log của một khóa học và các grade cung cấp cho bạn một dấu hiệu đầu tiên cho thấy một lớp học có thể cần một sự điều chỉnh midcourse. Bạn có thể sử dụng câu hỏi, khảo sát, và chat để khám phá các vấn đề đặc biệt và thách thức cụ thể của các sinh viên đang phải đối mặt. Sau khi đưa khóa học trở lại đúng hướng, tùy chỉnh thang điểm chấm điểm, tín dụng phụ, và các đường cong có thể giúp bạn để cân bằng các grade. Khi giảng dạy trực tuyến, tạo một thói quen thường xuyên kiểm tra các log và các grade

## CHƯƠNG 10: MỞ RỘNG VÀ QUẢN TRỊ MOODLE

Trong các chương trước, bạn đã làm việc với các mô-đun tiêu chuẩn của moodle. Ví dụ: bài tập, diễn đàn, bản thuật ngữ, bài học, câu hỏi trắc nghiệm, bảng khảo sát và các tính năng khác của khóa học được diễn tả trong khóa học..tất cả điều được thể hiện bằng mô-đun. Các tiêu chuẩn mô-đun được cài đặt trong moodle. Bạn cũng cso thể cài đặt các mô-đun đó từ trang web <http://www.moodle.org/>, và từ các trang web khác. Chúng ta sẽ được giới thiệu thêm một mô-đun mới trong chương này. Chúng ta cũng có thể nhân bản một khóa học trên trang web của mình và đưa nội dung của khóa học vào từ các trang moodle kác. Cuối cùng, chúng ta sẽ xem cách moodle sử dụng các vai trò để xác định những quyền mà bạn có thể thực hiện trên trang web của bạn.

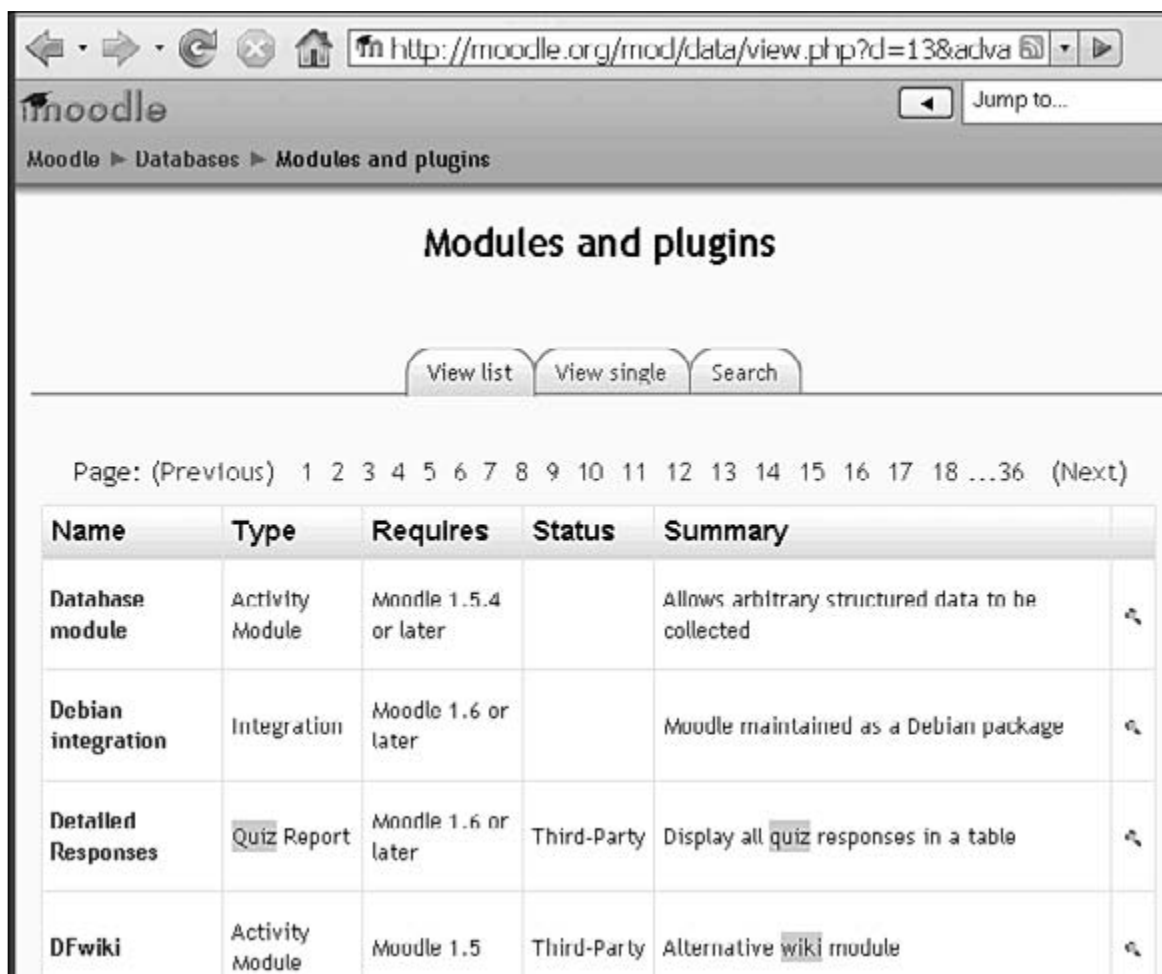
### 1. Add-On Modules.

Modules mới liên tục được phát triển. Để theo sát sự phát triển mới nhất, có cái nhìn xuyên suốt về các mô-đun và các plug-in cơ sở dữ liệu. Người lập trình viên, cần đưa các thông tin phản hồi và dữ liệu cho mô-đun cơ bản là một sự trợ giúp lớn trong sự phát triển của họ.

#### 1.1. Bắt đầu một mô-đun.

Hình dưới đây sẽ cho bạn thấy các mô-đun và trang plug-ins từ moodle.org. Lưu ý rằng trang này liệt kê danh sách các phiên bản của moodle. Nhấp vào tất cả các biểu tượng cho bên phải sẽ đưa bạn đến trang của mô-đun đó. Trên trang đó, bạn sẽ tìm thấy tất cả các bài đăng của diễn đàn với mô-đun đó. Bạn cũng có thể tải các mô-đun đó về





## 1.2. Cài đặt các mô-đun.

Trong ảnh chụp màn hình trước đó, bạn sẽ nhìn thấy thư mục /mod trong quá trình cài đặt moodle. Dưới thư mục đó là các thư mục con cho mỗi mô-đun. Cài đặt một mô-đun mới là một quá trình đơn giản.

1. Download mô-đun từ trang web <http://www.moodle.org/> hoặc bất cứ trang nào mà bạn biết.
2. Sao chép tập tin mô-đun đó vào thư mục /mod, do đó các mô-đun sẽ ở trong thư mục con của nó.
3. Bạn cần chắc chắn rằng giáo viên và học viên điều đã đăng xuất khỏi trang web.
4. Đăng nhập vào trang web của bạn dưới quyền quản trị viên và di chuyển đến menu của trang quản trị.
5. Chọn server-> Maintenance Mode. Khi trong chế độ này, chỉ có quản trị viên mới có thể đăng nhập và sử dụng trang web

6. Moodle sẽ tìm kiếm các mô-đun mới. Trong khi tìm kiếm nó sẽ hiển thị một thông báo đó là việc xây dựng bảng mô-đun mới. Tại thời điểm này nó sẽ thêm một bảng cơ sở dữ liệu để chứa các dữ liệu của mô-đun mới mà bạn sẽ tạo ra.
7. Nhấp vào nút Continue để trở lại trang Maintenance
8. Chọn liên kết để vô hiệu hóa Maintenance
9. Chọn liên kết cho các mô-đun Modules-> Activities. Bạn sẽ thấy danh sách các mô-đun đã cài đặt. Có một vài mô-đun bạn đã cài đặt nên cũng sẽ có trong danh sách.

### 1.3. Quản lí các mô-đun.

Nhiệm vụ chính của việc quản lí các mô-đun là ẩn/hiện chúng. Thay đổi các thiết lập và xóa nó. Tất cả các nhiệm vụ đó đều được thực hiện từ trang quản trị viên, vào Site Administrator → Modules → Activities → manage Activities

The screenshot shows the Moodle Site Administration interface for managing activities. The breadcrumb trail is: wildcourses > Administration > Modules > Activities. A 'Blocks editing on' button is visible in the top right. On the left is a 'Site Administration' sidebar with a search box and 'Admin bookmarks' section. The main content area is titled 'Activities' and contains a table with the following data:

Activity module	Activities	Version	Hide/Show	Delete	Settings
Assignment	3	2007020200		Delete	Settings
Chat	1	2007020200		Delete	Settings
Choice	1	2007020200		Delete	
Database	0	2007022601		Delete	Settings
Forum	11	2007020202			Settings
Glossary	1	2007020200		Delete	Settings
Hot Potatoes Quiz	0	2007020202		Delete	Settings
Journal	1	2007020200		Delete	
LAMS	0	2007020200		Delete	Settings
Label	4	2007020200		Delete	
Lesson	2	2007020201		Delete	
Quiz	3	2007020200		Delete	Settings
Resource	14	2007020200		Delete	Settings
SCORM/AICC	1	2007070301		Delete	Settings

Biểu tượng con mắt mở cho biết các mô-đun đó có sẵn. Biểu tượng con mắt đóng cho biết mô-đun đó được cài đặt nhưng đang ở trạng thái ẩn. Vì vậy người tạo khóa học không thể sử dụng các mô-đun đó hoặc tạo các hoạt động với mô-đun đó. Nhấp vào biểu tượng con mắt mở và đóng nó lại.

Nhấp vào nút Delete nếu bạn muốn xóa các thiết lập của mô-đun đó. Và tất cả được tạo ra với các mô-đun từ cơ sở dữ liệu trong trang web của bạn. Tuy nhiên nó sẽ

không xóa các đoạn mã mô-đun từ thư mục /mod. Nếu bạn không xóa thư mục của mô-đun từ /mod. Trong lần truy cập tiếp theo vào trang quản trị, mô-đun sẽ tự cài đặt lại chính nó.

Lưu ý rằng mỗi mô-đun sẽ không có liên kết Setting. Nếu có các thiết lập cho mô-đun khi bạn chọn trên đó nó sẽ ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động được tạo ra trên các mô-đun.

Bạn cần phải xác định xem mô-đun đó có phiên bản cài đặt mới hay không. Để làm điều này thì bạn download tại trang <http://www.moodle.org> hoặc bất cứ trang nào có mô-đun đó. Thông thường các mô-đun này được lưu trữ dưới dạng .Zip. Giải nén tập tin readme.txt. và tìm kiếm các phiên bản ở đầu tập tin. So sánh với các phiên bản đã cài đặt để xác định xem phiên bản đã sử dụng có phải là phiên bản mới nhất.

#### **1.4. Sao lưu, phục hồi và nhân bản các khóa học**

Moodle cho phép người quản trị tự động sao lưu tất cả các khóa học của trang web của mình. Và như trang Front page của bạn về bản chất là một khóa học vì vậy chúng ta cũng có thể sao lưu nó. Ngoài ra để tự động sao lưu, moodle cũng cho phép bạn sao lưu một khóa học theo yêu cầu bằng tay. Sử dụng phương pháp nào thì bạn có thể xác định được vị trí của tập tin . bạn có thể sử dụng các tập tin sao lưu sau:

Khôi phục lại khóa học của bạn trong trường hợp bị mất máy hoặc lỗi của con người khi đưa các khóa học vào trang web khác. Giwx lại phiên bản cũ của khóa học được lưu trữ mà không cần giữ lại chúng trong trang làm việc của moodle.

Moodle cũng cho phép bạn sao chép các khóa học và và một phần của khóa học trên trang của bạn. Vì vậy nếu bạn muốn có một bản sao chép “fresh” của một trong các khóa học của bạn, bạn chỉ cần vài cú nhấp chuột. Trong phần này, bạn sẽ thấy được làm thế nào để sao lưu, phục hồi và nhân bản khóa học của bạn

#### **1.5. Những gì được sao lưu?**

Khi moodle tạo ra một bản sao lưu của trang web của bạn, nó sẽ chỉ sao lưu mỗi khóa học đó. Sự khác biệt duy nhất giữa một bản sao lưu toàn trang web và sao lưu một khóa học là sao lưu toàn trang web sẽ tự động có các khóa học và tiết kiệm thời gian trong việc lưu các khóa học. Hình dưới đây cho thấy kết quả của sao lưu toàn bộ trang web

Remote Site	Modified	Size
moodle/		
lib	9/30/2005 5:20 PM	
moodle	9/30/2005 5:03 PM	
moodledata	10/20/2005 4:43 PM	
1	10/19/2005 6:51 PM	
4	10/1/2005 5:25 PM	
cache	10/20/2005 3:35 PM	
sessions	10/21/2005 2:53 PM	
temp	10/20/2005 4:43 PM	
users	9/30/2005 5:23 PM	
backup-baw_drill-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-debris_huts-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-deer-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-desert_plants-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	2KB
backup-discussion-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-freespics-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	4KB
backup-on_the_beach-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-tracking_basics-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-water_s_edge-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	3KB
backup-wild_plants_1-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	12KB
backup-wildskills-20051020-1143.zip	10/20/2005 4:43 PM	7KB

Lưu ý rằng tên của mỗi tập tin sao lưu bao gồm tên của khóa học, và ngày hay thời gian sao lưu. Tập tin cuối cùng, backup-wildskills-20051020-1143.zip, là Front Page của trang web. Đây là một ví dụ khác về việc Front Page của trang web của bạn cơ bản chỉ là một khóa học.

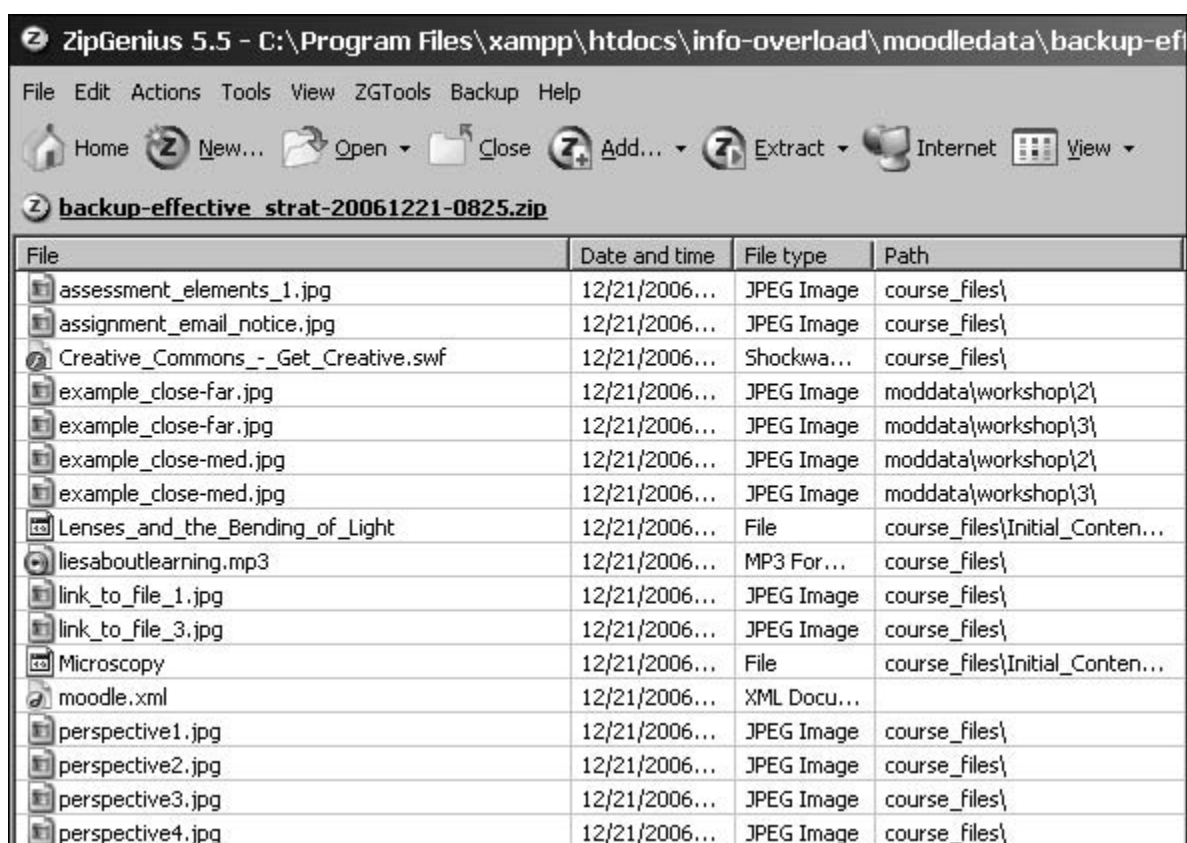
Mỗi file zip chứa một tập tin xml. File xml bao gồm tất cả các thông tin trogn khóa học: các trang web, diễn đàn và các mục , bài tập..Nó cũng chứa hình ảnh và các tập tin đã đăng tải lên.

Những hình ảnh và tập tin được đăng tải lên nằm ở đâu trên máy chủ? Hãy xem ảnh chụp màn hình sau đây:

Name	Date Modified	Size	Type
backupdata	11/26/2007 ...		File Folder
initial_content_files_for_example_wiki	11/26/2007 ...		File Folder
moddata	11/26/2007 ...		File Folder
assessment_elements_1.jpg	11/26/2007 ...	28 KB	JPEG Image
assignment_email_notice.jpg	11/26/2007 ...	34 KB	JPEG Image
Creative_Commons_-_Get_Creative.swf	11/26/2007 ...	8,531 KB	Shockwave Flash Object
liesaboutlearning.mp3	11/26/2007 ...	2,078 KB	MP3 Format Sound
link_to_file_1.jpg	11/26/2007 ...	13 KB	JPEG Image
link_to_file_3.jpg	11/26/2007 ...	32 KB	JPEG Image
perspective1.jpg	11/26/2007 ...	160 KB	JPEG Image
perspective2.jpg	11/26/2007 ...	43 KB	JPEG Image
perspective3.jpg	11/26/2007 ...	28 KB	JPEG Image
perspective4.jpg	11/26/2007 ...	20 KB	JPEG Image
quiz_review_feedbackandanswers.jpg	11/26/2007 ...	10 KB	JPEG Image
quiz_review_responsesandfeedbackandanswers...	11/26/2007 ...	8 KB	JPEG Image
quiz_review_responsesandcores.jpg	11/26/2007 ...	10 KB	JPEG Image
quiz_review_responsesandcoresandfeedback.jpg	11/26/2007 ...	10 KB	JPEG Image
select_activities_wikis.jpg	11/26/2007 ...	10 KB	JPEG Image
select_student_wiki.jpg	11/26/2007 ...	50 KB	JPEG Image
select_updated_wiki_pages.jpg	11/26/2007 ...	83 KB	JPEG Image
unchecked_box.gif	11/26/2007 ...	1 KB	GIF Image
upload_audio_1.jpg	11/26/2007 ...	56 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files1.jpg	11/26/2007 ...	19 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files1A.jpg	11/26/2007 ...	34 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files2A.jpg	11/26/2007 ...	36 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files2B.jpg	11/26/2007 ...	38 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files3.jpg	11/26/2007 ...	108 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files4.jpg	11/26/2007 ...	42 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files5.jpg	11/26/2007 ...	5 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files6.jpg	11/26/2007 ...	55 KB	JPEG Image
wiki_initial_page_files7.jpg	11/26/2007 ...	46 KB	JPEG Image

Đây là thư mục dữ liệu cho một khóa học gọi là " Effective Strategies". Các bộ phận của quá trình được tạo ra với Moodle được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu Moodle-văn bản trên các trang web, diễn đàn và đăng diễn đàn, wiki, và văn bản đã được nhập vào

wiki, quizzes, các sinh viên đang theo học tại khóa học, grade của học sinh, và nhiều hơn nữa. Các thư mục dữ liệu chứa các phần của quá trình đó được tạo ra bên ngoài của Moodle và tải lên khóa học, chẳng hạn như hình ảnh mà các giáo viên bổ sung vào các trang web được tạo ra trong Moodle, hình ảnh mà các sinh viên đăng tải trên diễn đàn của họ đăng, tập tin âm thanh, và các tập tin Flash. Khi bạn sao lưu một khóa học, tất cả các thành phần trong của khóa học - phần được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu Moodle và các bộ phận được lưu trong thư mục dữ liệu của khóa học - được đưa vào tập tin sao lưu. Sau đây là một ảnh chụp màn hình của tập tin .zip được tạo ra khi tôi sao lưu khóa học này:



Lưu ý rằng các tập tin sao lưu chứa các tập tin tương tự như thư mục dữ liệu của khóa học. Cũng lưu ý một tập tin phụ trong bản sao lưu được gọi là moodle.xml. Tập tin này chứa tất cả các thông tin khóa học đó nằm trong cơ sở dữ liệu. Vì vậy, các tập tin từ thư mục dữ liệu của khóa học và các thông tin từ cơ sở dữ liệu được gắn với nhau ở đây trong tập tin ZIP.

Bạn có thể thực hiện tập tin .zip và sử dụng nó để khôi phục lại khóa học của bạn trong trường hợp mất dữ liệu. Bạn cũng có thể sử dụng các tập tin để khôi phục lại khóa học này cho một trang web khác của Moodle. Hoặc bạn chỉ có thể lưu trữ tập tin .ZIP ẩn, điều này sẽ cho phép bạn tạo ra một kho lưu trữ của khóa học mà không cần giữ nó trong trang web còn tồn tại của bạn.

Moodle Backup so với Database Backup sao với Directory Backup

Từ ảnh chụp màn hình trước đó, bạn có thể thấy rằng sao lưu Moodle, cho dù đó là trên toàn trang web hoặc một khóa học đơn tạo ra một tập tin .zip cho mỗi khóa học của bạn. Nếu bạn có để khôi phục lại toàn bộ trang web của bạn, bạn sẽ phải cài đặt lại phần mềm Moodle, và sau đó khôi phục mỗi khóa học, một tại một thời điểm.

Nếu bạn sao lưu toàn bộ cơ sở dữ liệu Moodle, sao lưu của bạn sẽ bao gồm tất cả mọi thứ trong các tập tin sao lưu các thiết lập trang web cộng với Moodle. Tuy nhiên, nó sẽ không có thêm hình ảnh và các tập tin mà sinh viên gửi, được lưu trữ trong thư mục dữ liệu của Moodle. Nếu bạn cần thiết để khôi phục lại toàn bộ trang web của bạn, bạn sẽ phải cài đặt lại phần mềm Moodle, nhập khẩu các cơ sở dữ liệu, và sau đó khôi phục lại các thư mục dữ liệu Moodle.

Nếu bạn sao lưu tất cả các thư mục phần mềm trên máy chủ Moodle của bạn, và thư mục dữ liệu của Moodle, cộng với cơ sở dữ liệu Moodle, trong trường hợp mà bạn đang dùng một ảnh chụp nhanh đầy đủ toàn bộ trang web của bạn. Khắc phục thảm họa, đây là lựa chọn tốt nhất. Đây không phải là một cái gì đó mà bạn có thể làm với Moodle. Bạn phải làm việc với người quản trị hệ thống của bạn hoặc máy chủ để thực hiện điều này.

## **1.6. Sao lưu tự động của trang web của bạn**

Giáo viên và các quản trị viên có thể sao lưu một khóa học cá nhân theo yêu cầu. Đối với một bản sao lưu toàn trang web, bạn không tự sao lưu toàn bộ trang web Moodle của bạn theo yêu cầu. Thay vào đó, bạn sử dụng Site Administration| Courses | trang Backup để xác định khi nào trang web của bạn được sao lưu, những tính năng được sao lưu, và nơi các tập tin sao lưu được đặt. Sao lưu toàn trang web được tự động hóa. Giáo viên muốn đảm bảo rằng một khóa học được sao lưu, hoặc những người muốn có một bản chụp của một khóa học tại một thời gian nhất định, có thể sử dụng tính năng sao lưu thủ công. Chúng sẽ bao gồm sao lưu và khôi phục các khóa học cá nhân sau trong chương này.

Ảnh chụp màn hình dưới đây cho thấy các thiết lập sao lưu cho trang web demo của tôi:

## Backups

Include Modules backup_sche_modules	<input checked="" type="checkbox"/>	Choose whether you want to include course modules, with or without user data, in automated backups
Include module user data backup_sche_withuserdata	<input checked="" type="checkbox"/>	Choose whether you want to include module user data in automated backups.
Metacourse backup_sche_metacourse	<input checked="" type="checkbox"/>	If enabled, then metacourse info (inherited enrolments) will be included in automated backups
Users backup_sche_users	All	Select whether you want to include all the users in the server or only the needed users for each course
Logs backup_sche_logs	<input type="checkbox"/>	If enabled, then course logs will be included in automated backups
User Files backup_sche_userfiles	<input checked="" type="checkbox"/>	Choose whether user files (eg profile images) should be included in automated backups
Course files backup_sche_coursefiles	<input checked="" type="checkbox"/>	If enabled then course files will be included in automated backups
Messages backup_sche_messages	<input checked="" type="checkbox"/>	If enabled, then instant messages will be included in SITE automated backups
Keep backup_sche_keep	1	How many recent backups for each course do you want to keep? (older ones will be deleted automatically)
Active backup_sche_active	<input checked="" type="checkbox"/>	Choose whether or not to do automated backups
Schedule backup_sche_weekdays	Sunday <input checked="" type="checkbox"/> Monday <input checked="" type="checkbox"/> Tuesday <input checked="" type="checkbox"/> Wednesday <input checked="" type="checkbox"/> Thursday <input checked="" type="checkbox"/>	Choose which days of the week to perform automated backups.
Execute at backup_sche_hour	17:20	Choose what time automated backups should run at.
Save to backup_sche_destination		Full path to the directory where you want to save the backup files (leave blank to save in its course default dir)

Một trong những thiết lập trên trang này có vẻ rõ ràng nhất, Execute at, cần một số giải thích thêm. Thiết lập thực sự gây sao lưu dự phòng xảy ra không phải ở thời gian

chính xác mà bạn chỉ định, nhưng công việc định kỳ đầu tiên sau khi chỉ định thời gian. Nhớ lại rằng công việc định kỳ Moodle chạy ở thời gian quy định trong khi cài đặt Moodle. Nếu công việc định kỳ của bạn chạy mỗi phút, sau đó bạn sẽ cần phải chờ đợi chỉ một phút quá thời được chỉ định cho việc backup xảy ra. Trong ảnh chụp màn hình trước đó, sao lưu được thiết lập để chạy lúc 5 giờ 20 chiều. Nếu công việc định kỳ của tôi chạy mỗi giờ vào ngày giờ, các sao lưu tiếp theo sẽ xảy ra lúc 6 giờ chiều.

### ❖ **Lựa chọn một địa điểm sao lưu**

Lưu ý tên thư mục ở dưới cùng của màn hình. Nó xác định vị trí của các tập tin sao lưu trên máy chủ. Moodle được thiết kế để sao lưu các tập tin trên cùng một máy chủ hosts của phần mềm.

Tuy nhiên, nếu bạn đang sử dụng một máy chủ UNIX hay Linux, bạn có thể làm việc với quản trị hệ thống của bạn để đặt các tập tin gần như bất cứ nơi nào, ngay cả trên một máy tính khác nhau. Hệ điều hành \*nix cho phép bạn tạo các bí danh cho các thư mục và các thiết bị khác. Những bí danh được gọi là liên kết mềm. Nếu bạn đã được cho thư mục người dùng của bạn trên máy chủ Moodle, hoặc một số máy khác, bạn có thể yêu cầu quản trị hệ thống của bạn tạo ra một liên kết mềm cho thư mục của bạn. Sau đó, bạn chỉ định các liên kết mềm làm vị trí sao lưu.

### **1.7. Sao lưu cơ sở dữ liệu**

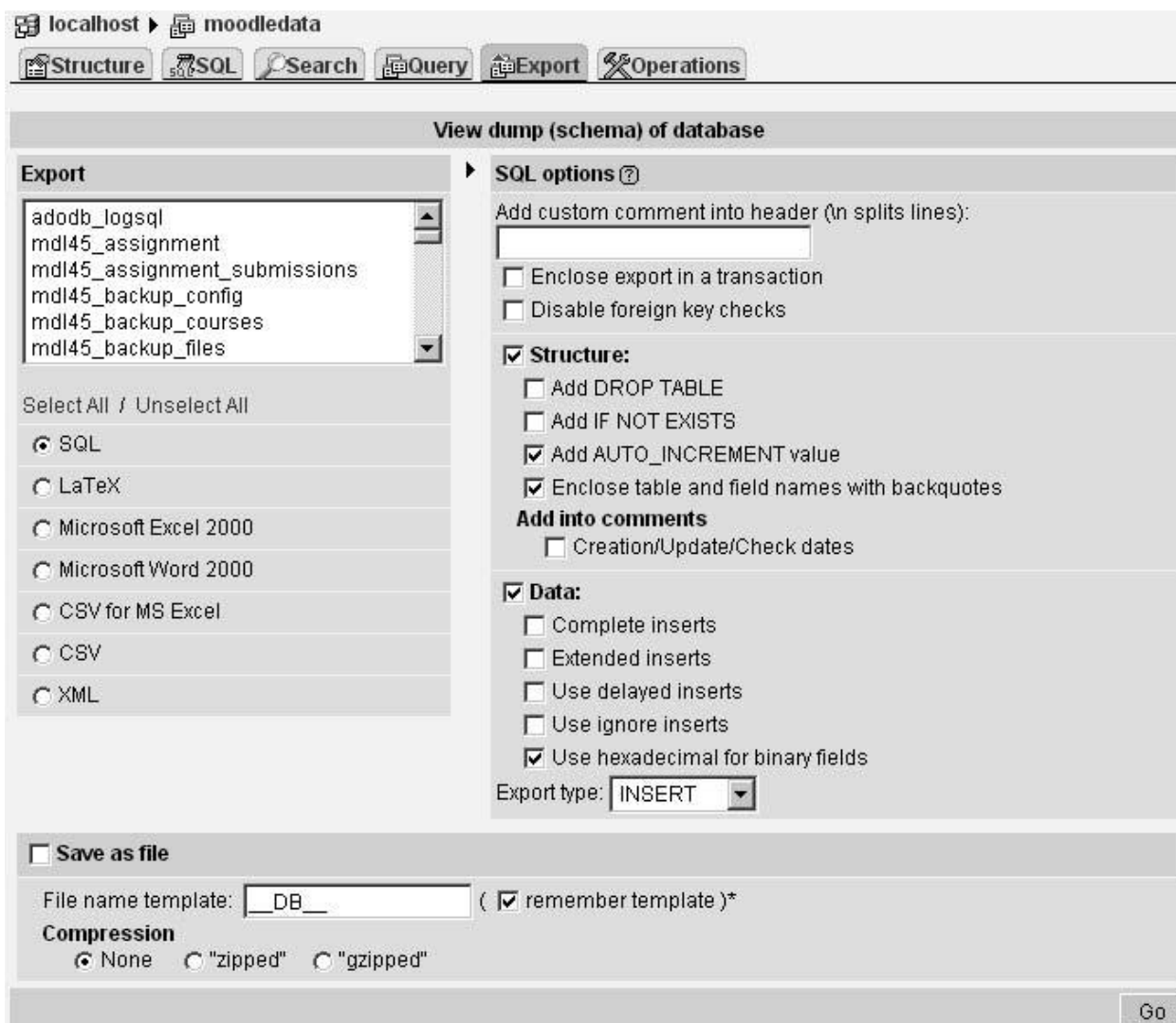
Để sao lưu cơ sở dữ liệu của Moodle, bạn có thể sử dụng các lệnh cơ sở dữ liệu SQL hoặc một công cụ như phpMyAdmin, mà nhiều dịch vụ lưu trữ cung cấp. Nếu trang web của bạn được lưu trữ bởi tổ chức của bạn, bạn có thể làm việc với quản trị hệ thống của bạn để thiết lập một thói quen sao lưu tự động

### **1.8. Sử dụng phpMyAdmin để Sao lưu Database**

phpMyAdmin là một trong những nhà quản lý cơ sở dữ liệu phổ biến nhất được cài đặt trên các dịch vụ lưu trữ thương mại. Như Moodle, nó được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP, là phần mềm mã nguồn mở, và được tự do có sẵn. Nếu cơ quan bạn lưu trữ Moodle, nó cũng có khả năng để lưu trữ phpMyAdmin. Xem xét yêu cầu tổ chức của bạn để cài đặt nó để bạn có thể thao tác trực tiếp cơ sở dữ liệu Moodle.

Sao lưu cơ sở dữ liệu Moodle bao gồm xuất tất cả các dữ liệu vào một tập tin duy nhất.



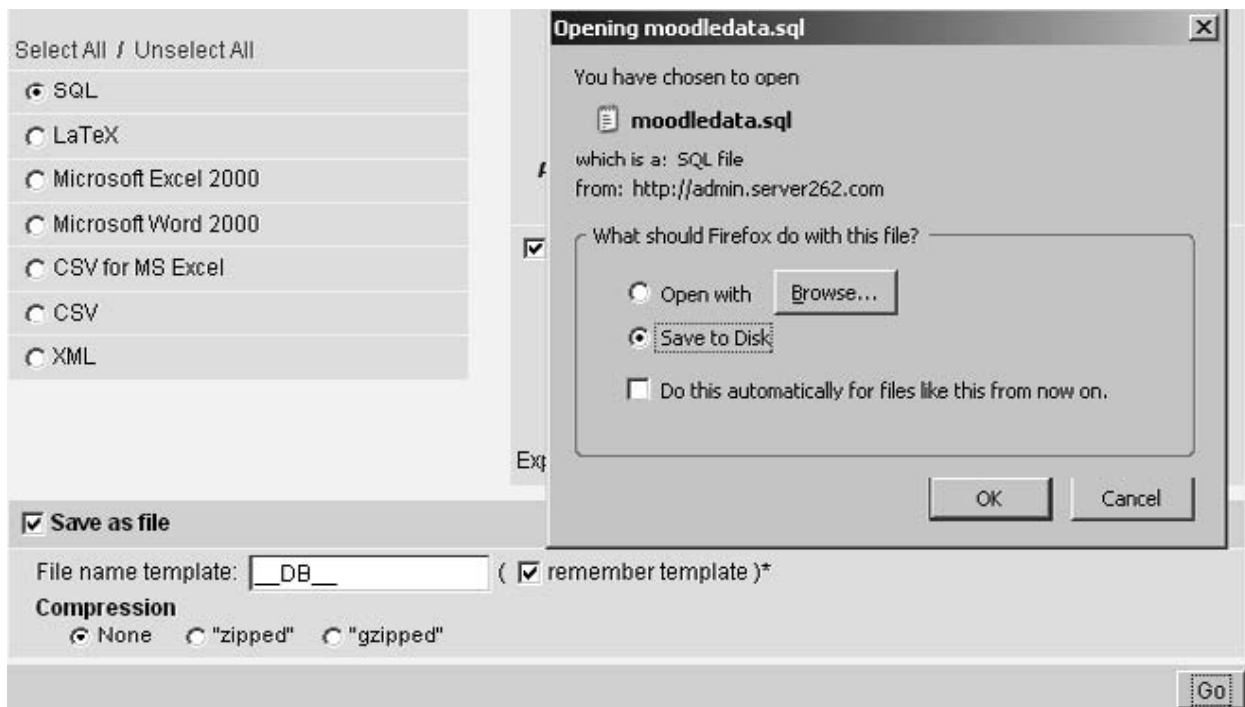


Trong ví dụ này, bởi vì toàn bộ cơ sở dữ liệu được sao lưu, Select All đã được chọn. Điều này sẽ chọn tất cả các bảng trong cơ sở dữ liệu.

Đối với một định dạng tập tin, SQL được chọn. Nếu trang web bị treo, cài đặt lại tất cả các phần mềm, và nhập tập tin này vào một cơ sở dữ liệu MySQL. Như là điểm đến cuối cùng của tập tin này là một cơ sở dữ liệu SQL, một định dạng phù hợp đã được chọn.

Các tùy chọn trong cột bên phải có thể sẽ không có hiệu lực về xuất và nhập (sao lưu và phục hồi). Trong tình huống khác, họ có thể có liên quan. Nhưng khi bạn đang có kế hoạch sử dụng xuất để điền vào một cơ sở dữ liệu trống rỗng, với cấu trúc tương tự như bản gốc, những tùy chọn có thể được bỏ qua.

Chọn tập tin Save as kết quả trong việc xuất đang được tải về máy tính cá nhân của bạn:



Dưới đây là một số dòng mẫu từ xuất cơ sở dữ liệu của tôi:

```
-----  
--  
-- Table structure for table 'mdl_choice_options'  
--  
CREATE TABLE 'mdl_choice_options' (  
  'id' int(10) unsigned NOT NULL auto_increment,  
  'choiceid' int(10) unsigned NOT NULL default '0',  
  'text' text,  
  'maxanswers' int(10) unsigned default '0',  
  'timemodified' int(10) NOT NULL default '0',  
  PRIMARY KEY ('id'),  
  UNIQUE KEY 'id' ('id'),  
  KEY 'choiceid' ('choiceid')  
) TYPE=MyISAM AUTO_INCREMENT=4 ;
```

--

-- Dumping data for table 'mdl\_choice\_options'

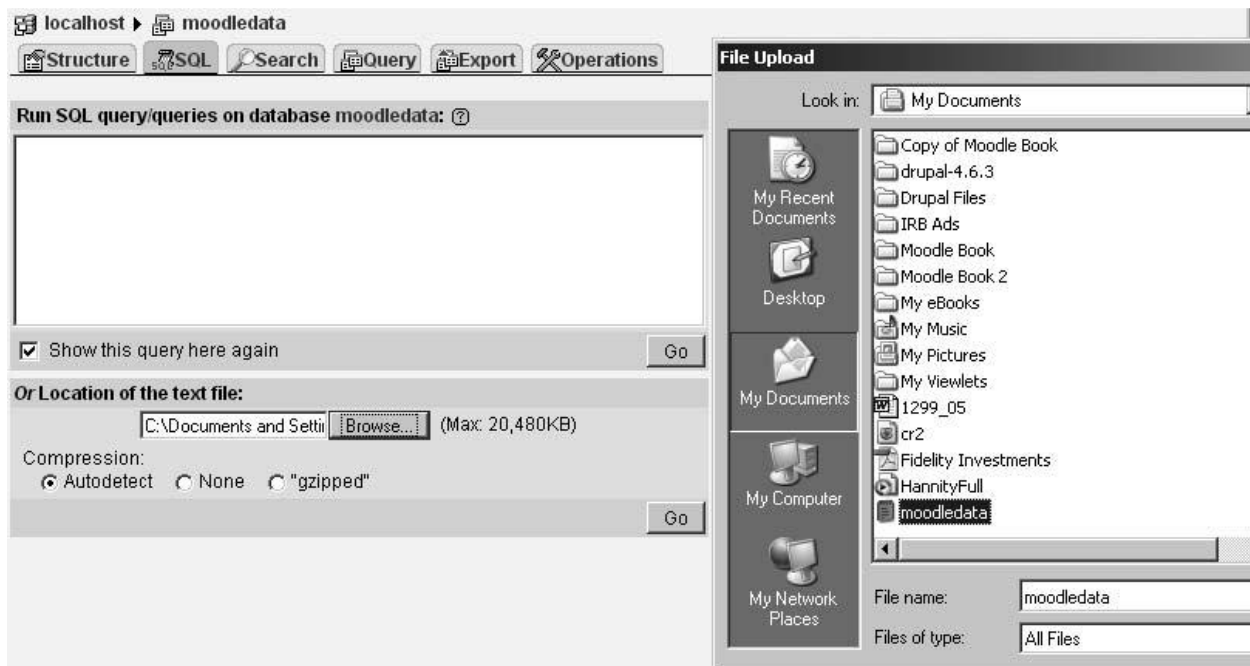
--

```
INSERT INTO 'mdl_choice_options' VALUES (1, 1, 'Yes, I've tried edible plants found in the wild.', 0, 1120577795);
```

```
INSERT INTO 'mdl_choice_options' VALUES (2, 1, 'No, not yet.', 0, 1120577795);
```

```
INSERT INTO 'mdl_choice_options' VALUES (3, 1, 'Sort of. They were plants that you can find in the wild, but I bought them from a store.', 0, 1120577795);
```

Lưu ý rằng xuất các tập tin chứa các lệnh SQL như CREATE và INSERT. Đây là những lệnh mà tạo ra các bảng cơ sở dữ liệu và điền chúng với dữ liệu. Nếu bạn cần để nhập dữ liệu này, sử dụng thẻ SQL phpMyAdmin của:

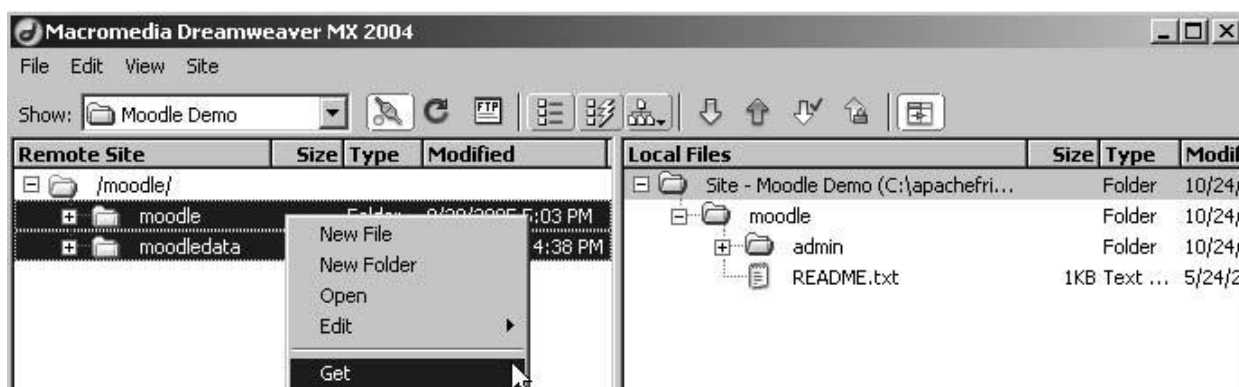


Xuất tập tin đã có tất cả các câu lệnh SQL, vì vậy bạn không cần phải nhập vào bất kỳ câu truy vấn nào. Thay vào đó, chỉ cần trình duyệt, chọn tập tin, và sau đó nhấn nút Go. Lưu ý rằng trong quá trình cài đặt Moodle bình thường, phần mềm Moodle tạo ra các bảng cơ sở dữ liệu. Nếu bạn khôi phục lại cơ sở dữ liệu của bạn bằng cách sử dụng phương pháp này, nó là tập tin SQL và không phải là do phần mềm Moodle tạo ra các bảng.

### 1.9. Sao lưu các Thư mục Moodle

Trong khi cài đặt Moodle, chúng tôi tạo ra một thư mục cho các ứng dụng và thư mục cho các tập tin dữ liệu. Sao lưu các thư mục này cũng đơn giản như sao chép chúng

vào máy tính khác. Trong hình bên dưới, tôi đang sử dụng Dreamweaver để tải về các thư mục từ dịch vụ hosting của tôi vào máy tính cá nhân của tôi:



### 1.10. Tạo ra một kế hoạch khắc phục thảm họa

Như tôi đã đề cập trước đó trong chương này, nếu bạn sao lưu tất cả các thư mục phần mềm trên máy chủ Moodle của bạn, và thư mục dữ liệu của Moodle, cộng với cơ sở dữ liệu của Moodle, bạn đang dùng một ảnh chụp đầy đủ toàn bộ trang web của bạn. Khắc phục thảm họa, đây là lựa chọn tốt nhất.

Thiết lập Moodle để tự động sao lưu toàn bộ trang web vào thư mục dữ liệu qua đêm. Giữ giá trị của một tuần sao lưu. Đây không phải là khắc phục thảm họa, nhưng để cung cấp cho bạn một cách dễ dàng để khôi phục lại các khóa học với điều kiện nó đã ở một vài ngày trước.

Làm việc với quản trị hệ thống để thiết lập thói quen sao lưu tự động sẽ định kỳ sao chép thư mục ứng dụng Moodle, thư mục dữ liệu, và xuất các cơ sở dữ liệu đến một máy chủ khác nhau hoặc máy tính của bạn.

### 1.11. Lặp lại một khóa học với nhập

Moodle cho phép bạn tạo một bản sao mới của các khóa học trên trang web của bạn chỉ với một vài cú nhấp chuột. Bản sao này sẽ không có bất kỳ học sinh ghi danh hoặc đóng góp của bản gốc. Tuy nhiên, nó có thể có các tập tin mà các giáo viên tải lên khóa học.

Bạn cũng có thể lặp lại một khóa học bằng cách sử dụng chức năng sao lưu và phục hồi, được thảo luận dưới đây. Nhập là nhanh hơn và dễ dàng hơn sao lưu và khôi phục. Tuy nhiên, nó có một số hạn chế. Một nhập không nắm bắt các khối hoặc tóm tắt chủ đề, mà sao lưu và khôi phục lại làm. Một số giáo viên thích sử dụng sao lưu và phục hồi cho sao chép các khóa học, và nhập khẩu đối với miếng nắm lấy. Đọc phần này và tiếp theo trên sao lưu và phục hồi, và bạn sẽ có thể ra một quyết định về mà sử dụng

Để tạo ra một bản sao của một khóa học:

1. Thêm một khóa học mới. Bạn vẫn sẽ cần phải điền vào trang Course Settings và chỉ định một giáo viên, cũng giống như khi bạn đã tạo ra một khóa học bình thường.
2. Một khi bên trong khóa học mới, từ bảng điều khiển Administration, chọn Import.
3. Moodle hiển thị một trang cho phép bạn chọn các khóa học mà bạn muốn sử dụng như là một khuôn mẫu cho cái mới. Bạn có thể tìm kiếm và lựa chọn các khóa học trong hệ thống. Chọn khóa học cũ, và sau đó nhấp vào Use this course
4. Cửa sổ tiếp theo sẽ hiển thị tất cả các loại nội dung trong khóa học. Lựa chọn và bỏ chọn các loại nội dung thích hợp, và nhấn nút Continue. Nếu bạn chọn để nhập khẩu các tập tin cho khóa học, bạn cũng sẽ đem lại bất kỳ tập tin mà có thể được tải lên khóa học bởi giáo viên hoặc người đồng sáng tạo khóa học. Bạn sẽ không mang lại bất kỳ tập tin cho sinh viên. Chọn Continue. Khi nhập được hoàn tất, bạn sẽ được đưa vào các khóa học mới của bạn.
5. Sửa đổi phù hợp với khóa học mới.
6. Xem xét việc đặt các khóa học cũ vào một thể loại như “Closed Course” và đóng thể loại đó cho sinh viên. Điều này làm cho nó dễ dàng hơn để đảm bảo rằng bạn không vô tình mở một khóa học cũ. Hoặc bạn có thể tạo một thể loại theo từng thể loại được gọi là " Closed Course” và di chuyển các khóa học cũ ở đó.

### **1.12. Đặc biệt là cho giáo viên-Sao lưu và khôi phục một khóa học cá nhân**

Nhiều giáo viên muốn sao lưu dự phòng riêng của họ về các khóa học của họ. Họ có thể lưu các sao lưu trên trang web Moodle, máy tính của họ, một ổ đĩa flash USB, hoặc bất cứ nơi nào khác mà họ có quyền truy cập vào. Đây là một cách tốt để đảm bảo rằng tài liệu khóa học của bạn được an toàn, và để có một bản chụp của khóa học của bạn trong thời gian.

#### **1.12.1. Để Sao lưu một khóa học**

1. Là một giáo viên, vào khóa học mà bạn muốn sao lưu.
2. Từ menu chính Administration, chọn Backup. Trang sao lưu Course được hiển thị.
3. Ở phía bên trái của trang, chọn loại hình hoạt động và nguồn lực mà bạn muốn sao lưu. Lưu ý rằng bạn có thể chọn một lần xuất hiện của một hoạt động hay tài nguyên, hoặc tất cả các hoạt động/tài nguyên của loại đó.
4. Ở bên phải của trang, chọn xem bạn muốn bao gồm dữ liệu người dùng. Nếu bạn bao gồm không có dữ liệu người dùng ở tất cả các sao lưu của bạn, tất cả các hồ sơ của sinh viên bị gạt ra ngoài của các sao lưu. Nếu bạn bao gồm dữ liệu người dùng,

sau đó những đóng góp của của sinh viên và giáo viên cho các hoạt động, và lịch sử của việc sử dụng của họ, sẽ được bao gồm.

5. Ở dưới cùng của trang, chọn cài đặt thêm.

6. Các thiết lập người dùng xác định xem bạn sẽ sao lưu các thông tin ghi danh cho khóa học. Bao gồm các tên người dùng và hồ sơ của các sinh viên và giáo viên. Lưu ý rằng nếu bạn đã chọn để bao gồm dữ liệu người dùng trong dự phòng của bạn, những người dùng được ghi danh vào khóa học cũng sẽ được sao lưu. Bạn không thể có dữ liệu người dùng mà không có một người sử dụng.

7. Thiết lập Logs xác định xem các log khóa học được sao lưu. Các log hiển thị những người dùng đã làm những gì và khi nào trong khóa học.

8. Thiết lập User files quyết định nếu các tập tin được đóng góp bởi các sinh viên của khóa học được sao lưu. Lưu ý rằng dữ liệu người dùng có khác nhau từ các tập tin người dùng. Ví dụ, một bài viết diễn đàn có dữ liệu người dùng. Một tập tin đính kèm một bài viết diễn đàn là một tập tin người dùng. Đánh giá thực hiện bởi một sinh viên trong một workshop có dữ liệu người dùng. Một tập tin tải lên bởi một sinh viên trong một workshop là một tập tin người dùng.

9. Thiết lập Course files xác định nếu các tập tin tải lên thư mục Files của khóa học (truy cập từ các Administration block) được sao lưu.

10. Chọn nút Continue

11. Nhập Name cho tập tin sao lưu. Bạn có thể sử dụng bất kỳ tên, nhưng nó phải kết thúc với .zip.

12. Di chuyển xuống trang và kiểm tra các hoạt động và nguồn lực đó sẽ được sao lưu. Điều này có thể là một kiểm tra rất quan trọng để đảm bảo rằng bạn sao lưu khóa học và các phiên bản của khóa học mà bạn có ý định làm.

13. Chọn nút Continue.

14. Sao lưu sẽ chạy. Khi bạn nhìn thấy ở dưới cùng của trang, thấy tin nhắn Backup completed successfully, nhấn nút Continue.

15. Trang Files khóa học được hiển thị. Trong số các tập tin khóa học bạn sẽ thấy các tập tin sao lưu mà bạn chỉ cần thực hiện

wildcourses ► Wild Plants 1 ► Files ► backupdata

Name	Size	Modified	Action
Parent folder			
<input type="checkbox"/> backup-wild_plants_1-20080414-1432.zip	5.9MB	14 Apr 2008, 02:33 PM	Unzip List Restore Rename
<input type="checkbox"/> backup-wild_plants_1-20080417-1556.zip	5.9MB	17 Apr 2008, 04:05 PM	Unzip List Restore Rename
<input type="checkbox"/> restorelog.html	914 bytes	19 Nov 2007, 05:24 PM	Edit Rename

With chosen files...

Nếu bạn có không gian đĩa trên máy chủ của bạn, để lại số lần lặp các tập tin sao lưu của bạn trên máy chủ cho phép bạn quay trở lại khóa học của bạn vào một ngày nhất định. Chú ý rằng Moodle gắn thêm tên tập tin với ngày, tháng, ngày và thời gian sao lưu đã được thực hiện.

16. Bạn có thể tải về các sao lưu vào máy tính của bạn để giữ an toàn. Giống như hầu hết các tập tin trên web, nếu bạn nhấp chuột phải vào tên tập tin, bạn có thể chọn để lưu tập tin vào máy tính của bạn

#### 1.12.2. Để khôi phục khóa học

1. Là một giáo viên, vào khóa học mà bạn muốn sao lưu.
2. Từ menu chính Administration, chọn Restore. Các Files | Trang backupdata được hiển thị. Đây là nơi dự phòng cho khóa học đó được tự động lưu trữ.
3. Đối với các tập tin sao lưu mà bạn muốn sử dụng, nhấp vào liên kết Restore.
4. Tại thông báo xác nhận, nhấn vào nút Yes.
5. Trên trang kết quả, nhấn nút Continue. Một trang với khôi phục lại các thiết lập và một danh sách các tài liệu hiển thị tất nhiên. Trên trang này, bạn có thể chọn các mục để khôi phục và làm thế nào để khôi phục lại khóa học.
6. Sử dụng Restore để: Thiết lập khôi phục lại các mục vào một khóa học mới, hoặc một khóa học hiện có. Nếu bạn chọn New course, bạn sẽ tạo ra một khóa học mới từ các dữ liệu sao lưu.
7. Nếu bạn chọn Existing course, , deleting it first, sau đó các khóa học mà bạn chọn như là mục tiêu sao lưu sẽ được làm trống và tất cả các tài liệu thay thế bằng dữ liệu sao lưu.
8. Nếu bạn chọn Existing course, adding to it, sau đó các hoạt động và các grade có trong tập tin sao lưu sẽ được thêm vào lựa chọn khóa học. Nếu lựa chọn khóa học có

các hoạt động cùng tên và chủng loại, họ sẽ không được ghi đè. Họ sẽ chỉ được nhân đôi. Và các grade cho các hoạt động nhân đôi sẽ được thêm vào gradebook. Nếu mục tiêu khoá học có sinh viên có tên giống nhau, họ sẽ không được nhân đôi.

9. Category, Short name, và các thiết lập Full name chỉ có hiệu lực nếu bạn đang tạo một khóa học mới từ các dữ liệu sao lưu. Nếu bạn đang khôi phục lại một khóa học hiện có, các thiết lập này là không thích hợp.

10. Quá trình khôi phục sẽ bắt đầu.

11. Chọn Start date cho khóa học.

12. Ở phía bên trái của trang, chọn loại hình hoạt động và nguồn lực mà bạn muốn khôi phục. Lưu ý rằng bạn có thể chọn một lần xuất hiện của một hoạt động hay tài nguyên, hoặc tất cả các hoạt động/tài nguyên của loại đó

13. Ở bên phải của trang, chọn xem bạn muốn bao gồm dữ liệu người dùng. Nếu bao gồm dữ liệu của người dùng trong phục hồi của bạn, dữ liệu được thêm vào các bản ghi và gradebook của người dùng.

14. Ở dưới cùng của trang, chọn additional settings .

15. Các thiết lập Metadata xác định nếu khóa học này sẽ trở thành một metacourse. Nếu khóa học ban đầu không phải là một metacourse, sau đó điều này được tự động thiết lập là No

16. Các thiết lập User xác định nếu các sinh viên và giáo viên ghi danh sẽ được phục hồi.

17. Thiết lập Logs xác định xem các log khóa học sẽ được phục hồi

18. Thiết lập các tập tin người dùng quyết định nếu các tập tin tải lên bởi người dùng sẽ được phục hồi. Lưu ý rằng dữ liệu người dùng có khác nhau từ các tập tin người dùng. Ví dụ, một bài viết diễn đàn có dữ liệu người dùng. Một tập tin đính kèm một bài viết diễn đàn là một tập tin người dùng. Đánh giá thực hiện bởi một sinh viên trong một hội thảo có dữ liệu người dùng. Một tập tin tải lên bởi một sinh viên trong một hội thảo là một tập tin người dùng.

19. Thiết lập các Course files xác định nếu các tập tin tải lên thư mục Files của khóa học (truy cập từ các Administration files) được phục hồi.

20. Sử dụng Role mapping đánh đồng vai trò trong khóa học để các vai diễn trong trang web của bạn. Nếu bạn sao lưu khóa học từ trang web này, hoặc nếu bạn đang sử dụng vai trò tiêu chuẩn của Moodle, có thể bạn không cần phải làm bất cứ điều gì với các thiết lập này.



21. Chọn nút Continue.

22. Nếu bạn đã chọn để khôi phục lại sao lưu vào một khóa học hiện có, bạn sẽ nhận được một danh sách tất cả các khóa học trên trang web mà bạn truy cập. Chọn một là mục tiêu cho việc sao lưu.

23. Tại trang xác nhận, nhấn vào nút, Restore this course now!. Quá trình khôi phục sẽ bắt đầu.

24. Sau khi khôi phục hoàn tất, nhấn nút Continue. Bạn được đưa đến khoá học phục hồi.

### 1.13. Đặt lại khóa học và liên tục cải thiện

Administration block cho mỗi khóa học có một liên kết để Reset lại các khóa học đó. Đặt một khóa học làm rỗng một cuộc chạy đua của tất cả các dữ liệu người dùng, trong khi giữ lại các hoạt động và các thiết lập khác. Bạn có thể kết hợp Backup, Restore, và Reset để tiếp tục nâng cao chất lượng của các các loại của bạn.

Thường xuyên trong khi giảng dạy một khóa học, bạn sẽ cải thiện và chỉnh sửa tài liệu. Khi cuộc đua kết thúc, bạn trái với nguyên liệu tốt hơn so với khi bạn bắt đầu. Tại thời điểm đó bạn có thể muốn sử dụng Import để mang lại vật liệu qua một khóa học mới cho phiên tiếp theo. Tuy nhiên, nhớ rằng Import không mang hơn khối hoặc tóm tắt chủ đề, trong khi sao lưu và phục hồi không. Vì vậy, sử dụng Backup và Restore để tạo ra một cuộc đua mới. Sau đó, thiết lập lại Backup và Restore khóa học. Bây giờ khóa học được cải thiện sẵn sàng cho một sản phẩm mới của sinh viên.

## 2. Role

Trong suốt cuốn sách này, chúng tôi đang sử dụng thuật ngữ 'vai trò' có nghĩa là thiết lập của người sử dụng các điều khoản trên trang web. Ví dụ, chúng tôi đã nhìn thấy vai trò của sinh viên, giáo viên, và quản trị trong hành động, chúng tôi đã tạo ra một trang web tạo ra chủng tộc, chủng tộc và bài thi. Để hiểu đầy đủ vai trò và sử dụng 'em, chúng ta cần phải xác định các điều khoản một ít hơn. Sau đó, chúng ta sẽ khám phá những gì vai trò xây dựng trong Moodle có thể và không thể làm được, cách để tận dụng tối đa vai trò biên tập tích hợp trong vai trò và.

### 2.1. Các thuật ngữ

Trước khi chúng ta khám phá việc sử dụng vai trò trong Moodle, hãy xác định các điều khoản đó Một số Moodle sử dụng trong khi làm việc với vai trò

#### 2.2.1. Role

Một vai trò là bộ của người dùng cho phép. Vai trò của người dùng có thể thay đổi theo đề trường hợp người sử dụng là trong trang web của bạn. Ví dụ, một người sử dụng có thể là một giáo viên trong một cuộc đua, và trong một sinh viên nhận xét khác. Tuy nhiên, người sử dụng có thể là một sinh viên trong thời gian, mục tiêu Có lẽ giáo viên muốn làm sinh viên đó có một người cố vấn và lãnh đạo đối với một số học sinh khác trong một diễn đàn thảo luận. Vì vậy, các giáo viên đó có thể cung cấp cho người sử dụng vai trò của giáo viên, mục tiêu duy nhất trong diễn đàn này. Trong tất cả các bộ phận khác của khóa học, người sử dụng sẽ có vai trò của một sinh viên.

Nếu vai trò đó của người sử dụng thay đổi khi chúng di chuyển qua hệ thống, quyền truy cập của người sử dụng thay đổi.

### **2.2.2. Bối cảnh**

Bối cảnh của bạn là vị trí của bạn trong hệ thống. Bạn có trên trang chủ của một cuộc đua?. Sau đó, bối cảnh của bạn là course. Bạn có đang ở wiki? Sau đó, bối cảnh của bạn là wiki. Bạn đang tìm kiếm hồ sơ của học sinh? Sau đó, bối cảnh sử dụng của user.

Bối cảnh cao nhất trong một trang web Moodle là hệ thống Core. Dưới đây là Course category, và dưới đây đó là course. Và dưới course là những hoạt động khác nhau mà bạn có thể thêm vào một khóa học (assignment, diễn đàn...)

#### **❖ Khả năng**

Một khả năng là một tính năng Moodle cụ thể hay hành động. Ví dụ, gửi bài đến một diễn đàn là một khả năng. Thêm một hoạt động một khóa học có một khả năng. Sau đây là các ảnh chụp màn hình của xác định trang Roles, cho vai trò của Teacher. Cột bên trái liệt kê các khả năng trong trang web. Các cột bên phải hiển thị các Permission với từng khả năng. Chúng tôi sẽ xác định 'cho phép' bên cạnh. Bây giờ, nhìn vào tên và cho khả năng biến. Nếu bạn muốn một lời giải thích của bất kỳ khả năng, bạn có thể click vào tên, và một trang tài liệu Moodle giải thích khả năng sẽ được hiển thị..

**View role details** ⓘ

Select a role

Name: Teacher  
Short name: editingteacher  
Description: Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.  
Legacy role type: LEGACY ROLE: Teacher (editing)

**Permissions** ⓘ

Capability	Not set	Allow	Prevent	Prohibit	Risks
<b>Course</b>					
View user grades <small>moodle/user:viewusergrades</small>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
Manage files <small>moodle/course:managefiles</small>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	▲
<u>Manage activities</u> <small>moodle/course:manageactivities</small>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	▲
Manage metacourse <small>moodle/course:managemetacourse</small>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	

## Vai trò Được xây dựng trong Moodle

Cài đặt mặc định của Moodle có bảy vai trò. Bạn có thể chỉnh sửa những vai trò này và tạo ra vai trò bổ sung. Chúng được mô tả trong bảng dưới đây:

Vai trò	Mô tả
Quản trị viên	Vai trò này có thể làm bất cứ điều gì trong các khóa học trên trang web. Nếu cùng một người là người một quản trị viên cũng dạy, tôi đặc biệt khuyên người sử dụng thông tin đăng nhập khác nhau cho các vai trò khác nhau của quản trị viên và giáo viên.
Người tạo khóa học	Vai trò này có thể tạo ra các khóa học mới và giảng dạy trong đó. Theo mặc định, vai trò của giáo viên có thể chỉnh sửa và giảng dạy một khóa học, nhưng không tạo ra một cái mới. Người tạo khóa học có thể tạo, chỉnh sửa, và giảng dạy các khóa học.
Giáo viên	Vai trò này có thể tạo ra các khóa học mới và giảng dạy trong đó. Theo mặc định, vai trò của giáo viên có thể chỉnh sửa và giảng dạy một khóa học, nhưng không tạo ra một cái mới. Tạo khóa học có thể tạo, chỉnh sửa, và giảng dạy các khóa học....

Giáo viên không chỉnh sửa	Vai trò này có thể dạy trong một khóa học, nhưng không chỉnh sửa khóa học. Do đó, một giáo viên biên tập không thể cho điểm cho một hoạt động, nhưng không thể thay đổi hoạt động.
Sinh viên	Vai trò này cho phép người dùng truy cập vào một khóa học và khả năng tham gia vào các hoạt động của nó.
Khách vắng lai	Vai trò này là dành cho những người dùng đã không được ghi danh vào một khóa học. Như bạn đã thấy trước đó trong cuốn sách, một số trang web cấm khách truy cập trong khi những người khác cho phép nó. Ngoài ra, khách truy cập có thể bị cấm / cho phép trên một cơ sở cho mỗi khóa học. Nếu khách được cho phép, họ thường không thể vào bất kỳ văn bản bất cứ nơi nào hoặc xem các lớp của học sinh theo học.
người dùng xác thực	Tất cả người dùng đăng nhập có vai trò này, thêm vào bất kỳ vai trò khác mà họ đã được giao

### Chỉ định một vai trò

Nhớ lại rằng một vai trò được chỉ định ở một mức độ cụ thể, hoặc trong một bối cảnh cụ thể. Vì vậy, bạn có thể chỉ định một người nào đó về vai trò của người tạo khóa học, các cấp độ danh mục khóa học hoặc mức độ khóa học. Mỗi người sẽ có một ảnh hưởng khác nhau, như đã nêu trong bảng dưới đây

<b>Nếu bạn chỉ định vai trò của người tạo ra học trong bối cảnh này ...</b>	<b>Người sử dụng sẽ có thể ...</b>
Trang web	Tạo và dạy các khóa học bất cứ nơi nào trên trang web, và trong bất kỳ thể loại.
Danh mục khóa học	Tạo và dạy các khóa học chỉ trong danh mục mà người sử dụng đã được đưa ra các khóa học hoặc tạo vai trò.
<b>Nếu bạn chỉ định vai trò của người tạo khóa học</b>	<b>Người sử dụng sẽ có thể ...</b>

hoặc trong bối cảnh này ...	
Khóa học	Chỉnh sửa và chỉ dạy các khóa học mà người sử dụng đã được đưa ra các khóa học hoặc tạo ra khóa học. Một giáo viên cũng có thể chỉnh sửa một khóa học. Nếu bạn muốn cung cấp cho quyền chỉnh sửa cho người dùng để chỉ một khóa học, nó sẽ làm cho ý nghĩa hơn để chỉ định vai trò cho giáo viên.

Như bạn có thể nhìn thấy từ bảng trên, một người sáng tạo khóa học có thể thực hiện các hành động tương tự ở các cấp độ khác nhau, tùy theo nội dung, trong đó vai trò được giao.

Không phải tất cả vai trò có thể chỉ định cho mỗi vai trò khác. Nói chung, vai trò mạnh mẽ hơn có thể chỉ định người dùng vai trò ít mạnh mẽ. Một quản trị viên trang web có thể chỉ định tất cả các vai trò khác. Một người tạo khóa học có thể phân công giáo viên, giáo viên không chỉnh sửa, sinh viên, và khách mời. Lưu ý rằng tác giả khóa học chỉ có thể thực hiện những bài tập trong bối cảnh mà người đó là công cụ tạo trình. Vì vậy, nếu bạn là một người sáng tạo khóa học trong một thể loại khóa học cụ thể, bạn có thể gán các giáo viên cho các khóa học chỉ trong thể loại đó. Giáo viên có thể chỉ định giáo viên không chỉnh sửa, sinh viên, và khách mời.

### Chỉ định một vai trò cho người dùng ở cấp trang web

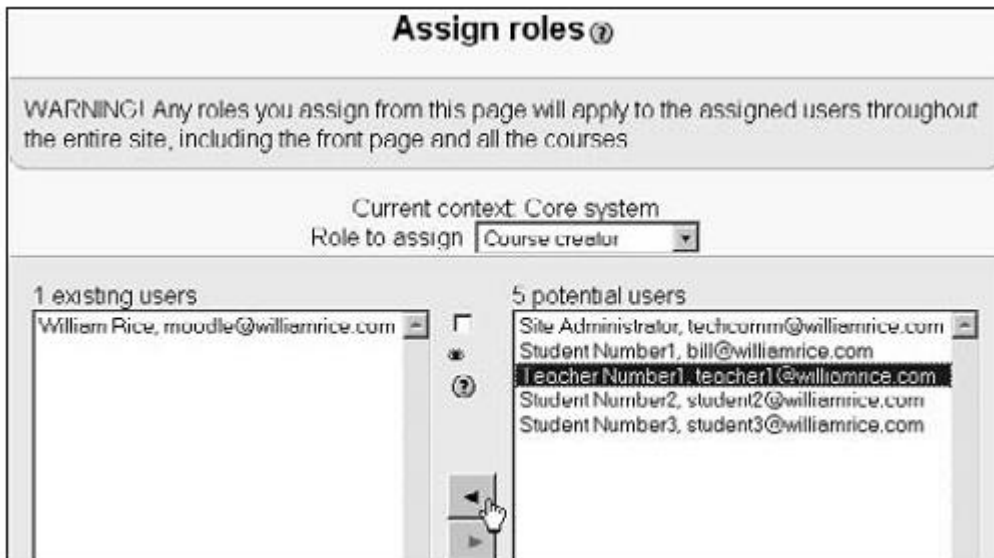
#### 1. Từ menu quản trị, chọn **Users | Permissions | Assign system roles**:

**Assign roles** ?

WARNING! Any roles you assign from this page will apply to the assigned users throughout the entire site, including the front page and all the courses.

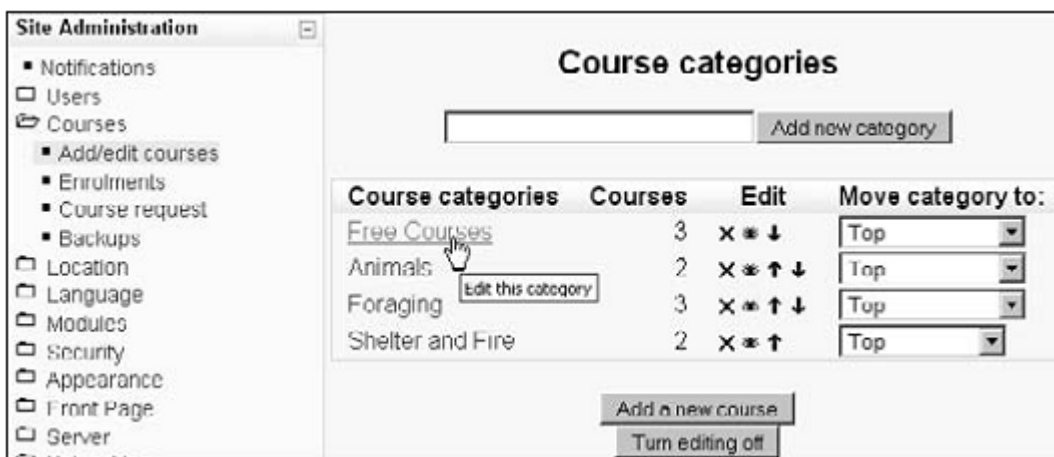
Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	1
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and mark...	0

2. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định.
3. Từ danh sách các khả năng ở bên phải, chọn người sử dụng mà bạn muốn chỉ định vai trò. Bạn có thể sử dụng Ctrl + click chọn nhiều người sử dụng. Nếu trang web của bạn có quá nhiều người sử dụng thì sử dụng các lĩnh vực tìm kiếm ở dưới cùng của cửa sổ để thu hẹp danh sách.
4. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng vai trò:

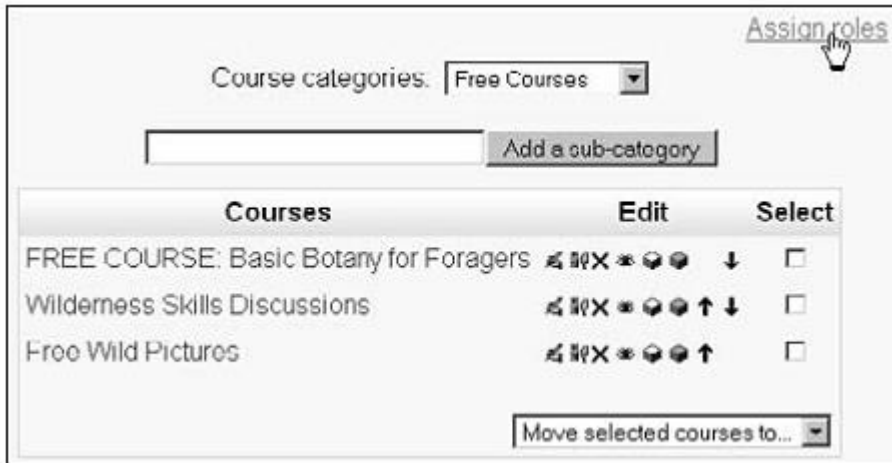


### Chỉ định một vai trò để người sử dụng trong thời hạn một ngành học

1. Từ menu quản trị, chọn **Courses | Add/edit courses**:



2. Chọn danh mục khóa học mà bạn muốn gán vai trò. Trong ví dụ trước, người dùng đã lựa chọn khóa học miễn phí
3. Trên trang kết quả danh mục khóa học, chọn liên kết chỉ định vai trò:



4. Trang chỉ định vai trò được hiển thị. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định.
5. Từ danh sách các khả năng ở bên phải, chọn người sử dụng mà bạn muốn chỉ định vai trò. Bạn có thể sử dụng Ctrl + click chọn nhiều người sử dụng. Nếu trang web của bạn có quá nhiều người sử dụng hãy sử dụng các lĩnh vực tìm kiếm ở dưới cùng của cửa sổ để thu hẹp danh sách.
6. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng vai trò...

**Chỉ định một vai trò cho người trong một khóa học (Đó là ghi danh cho một sinh viên hoặc chỉ định một giáo viên)**

Sau đây là các bước:

1. Từ trang chủ của khóa học, chọn chỉ định vai trò thuộc khối quản trị:



2. Lựa chọn liên kết này sẽ đưa bạn đến trang chỉ định vai trò:

Roles		
Assign roles		Override roles
Assign roles ?		
Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	1
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	1
Student	Students generally have less privileges within a course.	10
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0
Authenticated user	All logged in users.	0

3. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định cho người sử dụng. Trang sẽ thay đổi:

### Assign roles ?

Current context: Course: FREE COURSE: Basic Botany for Foragers

Role to assign Teacher

1 existing users

William Rice, techcomm@williamrice.com

20 potential users

CourseCreator Number1, coursecreator1@williamrice.com  
 Student Number1, bill@williamrice.com  
**Teacher Number1, teacher1@williamrice.com**  
 CourseCreator Number2, coursecreator2@williamrice.com  
 Student Number2, student2@williamrice.com  
 Teacher Number2, teacher2@williamrice.com  
 Student Number3, student3@williamrice.com  
 Student Number4, student4@williamrice.com

\* ?

Màn hình này liệt kê tất cả người dùng xác thực trong hệ thống. Bất kỳ người dùng xác thực có thể được đưa ra bất kỳ vai trò trong khóa học.

Lưu ý danh sách thả xuống bên cạnh vai trò chuyển nhượng, gần đầu của trang. Bạn không cần phải rời khỏi trang này để gán vai trò khác nhau trong khóa học.

4. Trong cột bên phải, chọn người dùng mà bạn muốn chỉ định một vai trò. Nếu người dùng không được liệt kê, bạn có thể sử dụng hộp tìm kiếm để tìm thấy những người sử dụng. Để chọn nhiều người dùng, sử dụng Ctrl + click.



5. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng lựa chọn cho vai trò.

### Chỉnh sửa năng lực của một vai trò

Khi bạn muốn biết năng lực nhất định của một vai trò, bạn có thể tìm kiếm các năng lực trên xem trang chi tiết vai trò, hoặc bạn có thể đăng nhập như là một người sử dụng với vai trò đó và thử nghiệm nó. Tôi thích làm cả hai. Để có được các xem trang chi tiết vai trò, chọn **Site Administration** | **Users** | **Permissions** | **Define roles**. Nếu bạn muốn một lời giải thích cho một năng lực, click vào nó và bạn sẽ được đưa đến trang web tài liệu Moodle cho khả năng đó. Trong hình bên dưới, bạn sẽ nhìn thấy URL của trang tài liệu cho các năng lực, các khóa học Backup.

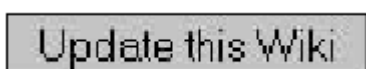


Như đã nói ở trên, bạn có thể chỉnh sửa một vai trò bằng cách thêm và loại bỏ năng lực. Các chỉnh sửa bạn thực hiện là dành cho các bối cảnh trong đó bạn chỉnh sửa vai trò. Vì vậy, nếu bạn chỉnh sửa một vai trò ở cấp độ trang web, bạn đã thay đổi vai trò cho mỗi người dùng trên trang web. Nếu bạn chỉnh sửa một vai trò trong một khóa học, bạn đã thay đổi vai trò chỉ dành cho khóa học đó. Và nếu bạn chỉnh sửa một vai trò trong một hoạt động, bạn đã thay đổi vai trò chỉ cho rằng hoạt động trong khóa học đó. Trước khi bạn chỉnh sửa một vai trò, bạn nên xem xét và hiểu các khả năng mà vai trò đã có. Các hướng dẫn sau đây sẽ giúp bạn làm điều đó.

### Để chỉnh sửa khả năng của một vai trò

Đến với bối cảnh mà bạn muốn chỉnh sửa vai trò.

- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho toàn bộ trang web, hãy vào trang chủ trang web của bạn.
- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một khóa học, vào trang chủ của khóa học.
- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một hoạt động, hãy vào trang chỉnh sửa của hoạt động và tìm kiếm một nút để đọc, cập nhật này .... Nút có thể sẽ được ở góc trên bên phải của trang:



- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một loại khóa học, từ menu quản trị chọn **Courses** | **Add/edit courses** và sau đó chọn danh mục khóa học.

Những gì bạn làm gì tiếp theo phụ thuộc vào ngữ cảnh mà bạn muốn chỉnh sửa vai trò:

- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho toàn bộ trang web, chọn Users | Permissions | Define roles từ menu quản trị tại trang chủ của trang web.
- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một khóa học, sau đó từ trang chủ khóa học, chọn chỉ định vai trò dưới khối quản trị.
- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một hoạt động, chọn tab vai trò:



- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một loại khóa học, chọn liên kết chỉ định vai trò (nó nằm ở góc trên bên phải của trang) từ trang chuyên mục khóa học.

Kết quả sẽ được rằng bạn ghi trên trang vai trò chỉ định bất cứ điều gì là bối cảnh mà bạn đã chọn. Trong ví dụ này, người sử dụng trong vai trò trang chỉ định cho một wiki

wildcourses ► Wild Plants 1 ► Wikis ► Group Wiki ► Editing Wiki ► Override roles		
		Update Roles
Assign roles		Override roles
Overrides ?		
Roles	Description	Overrides
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	0
Student	Students generally have less privileges within a course.	0
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0
Authenticated user	All logged in users.	0

- Chọn liên kết ghi đè lên vai trò.

- Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉnh sửa. Trong hình bên dưới, chỉnh sửa vai trò của người dùng thì giáo viên không được phép chỉnh sửa trong bối cảnh của một wiki:

WilliamRice > Wild Plants 1 > Wikis > Group Wiki > Editing Wiki

Settings Locally assigned roles Override permissions

### Override permissions in Activity module: Group Wiki ?

Role to override: Non-editing teacher

Capability	Inherit	Allow	Prevent	Prohibit	Risks
<b>System</b>					
Access all groups moodle/site:accessallgroups	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
<b>Wiki</b>					
Edit wiki pages mod/wiki:participate	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Manage wiki settings mod/wiki:manage	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Override locked pages mod/wiki:overridelock	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	

Save changes Cancel

- Lưu ý rằng chỉ có một số khả năng có thể được chỉnh sửa cho vai diễn. Như là bối cảnh thay đổi, do đó, khả năng có thể được chỉnh sửa. Nếu bạn muốn thay đổi một năng lực cho giáo viên không chỉnh sửa mà không được liệt kê ở đây, bạn sẽ cần phải đi lên một cấp độ với bối cảnh khóa học và chỉnh sửa vai trò đó. Tất nhiên, nếu bạn chỉnh sửa một vai trò ở cấp độ trang web, tất cả các khả năng có sẵn để chỉnh sửa.
- Nếu bạn không chắc chắn những gì một khả năng thực hiện, click vào nó để đi đến trang tài liệu chính thức Moodle.org cho thêm chi tiết về khả năng đó:



- Chọn các giá trị mới cho các khả năng mà bạn muốn chỉnh sửa-Kế thừa, phép, ngăn chặn, hoặc Cấm.
- Lưu thay đổi.
- Kiểm tra kết quả!

### **Đề xuất cho làm việc với vai trò**

Vai trò thay đổi có thể có ý nghĩa, và tác dụng đôi khi bất ngờ trên trang web của bạn. Điều này đặc biệt đúng khi chúng ta thay đổi vai trò ở cấp trang web. Trước khi bạn bắt đầu sửa đổi và tạo ra vai trò, hãy xem xét các khuyến nghị sau.

- Một số quản trị viên trang web bắt đầu thay đổi vai trò thậm chí trước khi họ đã xây dựng được bất kỳ khóa học. Nếu bạn có kinh nghiệm với các hệ thống dựa trên vai trò khác, chẳng hạn như một hệ thống quản lý nội dung-Plone hoặc Drupal, bạn có thể có một ý tưởng tốt như thế nào bạn muốn thiết lập vai trò trong Moodle. Nó là hấp dẫn để xem xét khả năng của từng vai trò và ngay lập tức bắt đầu sửa đổi chúng theo nhu cầu của bạn. Tuy nhiên, không tùy chỉnh hoặc tạo ra vai trò cho đến khi bạn đã sử dụng các trang web và có bằng chứng cho thấy vai trò tiêu chuẩn không làm việc theo cách bạn muốn. Vai trò tiêu chuẩn đã được phát triển với đầu vào từ nhiều người sử dụng. Hàng ngàn các trang web sử dụng chúng. Khám phá chúng kỹ lưỡng trước khi tùy biến vai trò của bạn.
- Không thay đổi vai trò giữa các ý ở cấp trang web. Tạo một bản sao về vai trò tiêu chuẩn, và sau đó sửa đổi các bản sao. Bằng cách này, bạn luôn luôn giữ vai trò tiêu chuẩn trong trường hợp bạn cần nó. Đây là thực tế phổ biến cho bất kỳ phần mềm dựa trên vai trò. Đó là an toàn hơn nhiều để thay đổi vai trò tại các khóa học và mức độ hoạt động.
- Trên trang vai trò, có rất ít lý do khi bạn có thể phải sử dụng các thiết lập cấm. Hiệu quả của việc sử dụng thiết lập này có thể có ý nghĩa và bất ngờ. Vì vậy, sử dụng nó một cách thận trọng.

### **Tổng kết**

Mở rộng trang Moodle của bạn với các mô-đun bổ sung là một công cụ mạnh mẽ để tùy biến và phân biệt trang web học tập điện tử của bạn. Không ngại để thêm các mô-đun bên ngoài với các gói cài đặt Moodle. Nếu bạn đang lo lắng về sự ổn định hay khả năng tương thích của tiện ích module, bạn có thể dễ dàng cài đặt một Moodle ví dụ chỉ để thử nghiệm các mô-đun mới. Làm việc với quản trị hệ thống của bạn để thiết lập một bản sao lưu và phục hồi thông thường. Add-on module, nâng cấp Moodle, và nâng cấp mà dịch vụ lưu trữ web của bạn làm cho phần mềm của họ có thể mang xuống trang web của bạn hoặc bị hỏng dữ liệu của bạn. Một phần mềm và dữ liệu sao lưu đầy đủ là một đầu tư thông minh.

Chỉnh sửa và tạo ra vai trò cung cấp cho bạn kiểm soát tốt hơn quyền của người sử dụng của bạn. Trước khi làm điều này, sử dụng các tài liệu chính thức để nghiên cứu từng khả năng bạn đang xem xét thêm hoặc loại bỏ từ một vai trò. Cố gắng chỉnh sửa những vai trò trong bối cảnh của một khóa học thử nghiệm, vì vậy bạn hoàn toàn có thể kiểm tra những tác động của các sửa đổi của bạn trên trải nghiệm người dùng.

### Vai trò Được xây dựng trong Moodle

Cài đặt mặc định của Moodle có bảy vai trò. Bạn có thể chỉnh sửa những vai trò này và tạo ra vai trò bổ sung. Chúng được mô tả trong bảng dưới đây:

Vai trò	Mô tả
Quản trị viên	Vai trò này có thể làm bất cứ điều gì trong các khóa học trên trang web. Nếu cùng một người là người một quản trị viên cũng dạy, tôi đặc biệt khuyên người sử dụng thông tin đăng nhập khác nhau cho các vai trò khác nhau của quản trị viên và giáo viên.
Người tạo khóa học	Vai trò này có thể tạo ra các khóa học mới và giảng dạy trong đó. Theo mặc định, vai trò của giáo viên có thể chỉnh sửa và giảng dạy một khóa học, nhưng không tạo ra một cái mới. Người tạo khóa học có thể tạo, chỉnh sửa, và giảng dạy các khóa học.
Giáo viên	Vai trò này có thể tạo ra các khóa học mới và giảng dạy trong đó. Theo mặc định, vai trò của giáo viên có thể chỉnh sửa và giảng dạy một khóa học, nhưng không tạo ra một cái mới. Tạo khóa học có thể tạo, chỉnh sửa, và giảng dạy các khóa học....
Giáo viên không chỉnh sửa	Vai trò này có thể dạy trong một khóa học, nhưng không chỉnh sửa khóa học. Do đó, một giáo viên biên tập không thể cho điểm cho một hoạt động, nhưng không thể thay đổi hoạt động.
Sinh viên	Vai trò này cho phép người dùng truy cập vào một khóa học và khả năng tham gia vào các hoạt động của nó.
Khách vắng lai	Vai trò này là dành cho những người dùng đã không được ghi danh vào một khóa học. Như bạn đã thấy trước đó trong cuốn sách, một số trang web cấm khách truy cập trong khi những người khác cho phép nó. Ngoài ra, khách truy cập có thể bị cấm / cho phép trên một cơ sở cho mỗi khóa học. Nếu khách được

	cho phép, họ thường không thể vào bất kỳ văn bản bất cứ nơi nào hoặc xem các lớp của học sinh theo học.
người dùng xác thực	Tất cả người dùng đăng nhập có vai trò này, thêm vào bất kỳ vai trò khác mà họ đã được giao

### Chỉ định một vai trò

Nhớ lại rằng một vai trò được chỉ định ở một mức độ cụ thể, hoặc trong một bối cảnh cụ thể. Vì vậy, bạn có thể chỉ định một người nào đó về vai trò của người tạo khóa học, các cấp độ danh mục khóa học hoặc mức độ khóa học. Mỗi người sẽ có một ảnh hưởng khác nhau, như đã nêu trong bảng dưới đây

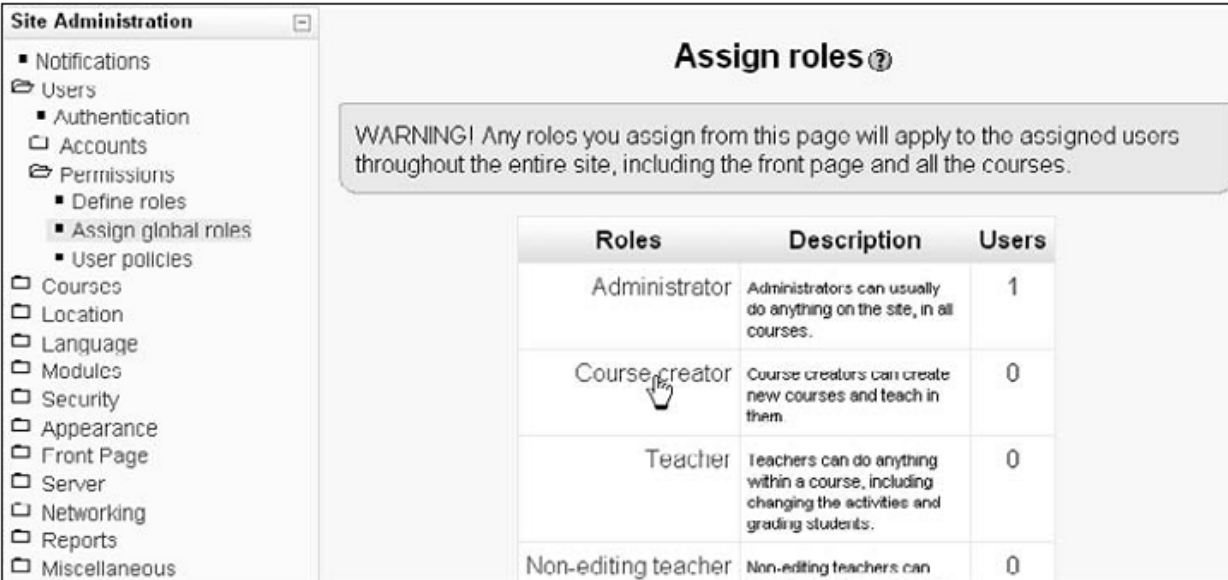
<b>Nếu bạn chỉ định vai trò của người tạo ra học trong bối cảnh này ...</b>	<b>Người sử dụng sẽ có thể ...</b>
Trang web	Tạo và dạy các khóa học bất cứ nơi nào trên trang web, và trong bất kỳ thể loại.
Danh mục khóa học	Tạo và dạy các khóa học chỉ trong danh mục mà người sử dụng đã được đưa ra các khóa học hoặc tạo vai trò.
<b>Nếu bạn chỉ định vai trò của người tạo khóa học hoặc trong bối cảnh này ...</b>	<b>Người sử dụng sẽ có thể ...</b>
Khóa học	Chỉnh sửa và chỉ dạy các khóa học mà người sử dụng đã được đưa ra các khóa học hoặc tạo ra khóa học. Một giáo viên cũng có thể chỉnh sửa một khóa học. Nếu bạn muốn cung cấp cho quyền chỉnh sửa cho người dùng để chỉ một khóa học, nó sẽ làm cho ý nghĩa hơn để chỉ định vai trò cho giáo viên.

Như bạn có thể nhìn thấy từ bảng trên, một người sáng tạo khóa học có thể thực hiện các hành động tương tự ở các cấp độ khác nhau, tùy theo nội dung, trong đó vai trò được giao.

Không phải tất cả vai trò có thể chỉ định cho mỗi vai trò khác. Nói chung, vai trò mạnh mẽ hơn có thể chỉ định người dùng vai trò ít mạnh mẽ. Một quản trị viên trang web có thể chỉ định tất cả các vai trò khác. Một người tạo khóa học có thể phân công giáo viên, giáo viên không chỉnh sửa, sinh viên, và khách mời. Lưu ý rằng tác giả khóa học chỉ có thể thực hiện những bài tập trong bối cảnh mà người đó là công cụ tạo trình. Vì vậy, nếu bạn là một người sáng tạo khóa học trong một thể loại khóa học cụ thể, bạn có thể gán các giáo viên cho các khóa học chỉ trong thể loại đó. Giáo viên có thể chỉ định giáo viên không chỉnh sửa, sinh viên, và khách mời.

### Chỉ định một vai trò cho người dùng ở cấp trang web

1. Từ menu quản trị, chọn **Users | Permissions | Assign system roles**:



**Assign roles** ?

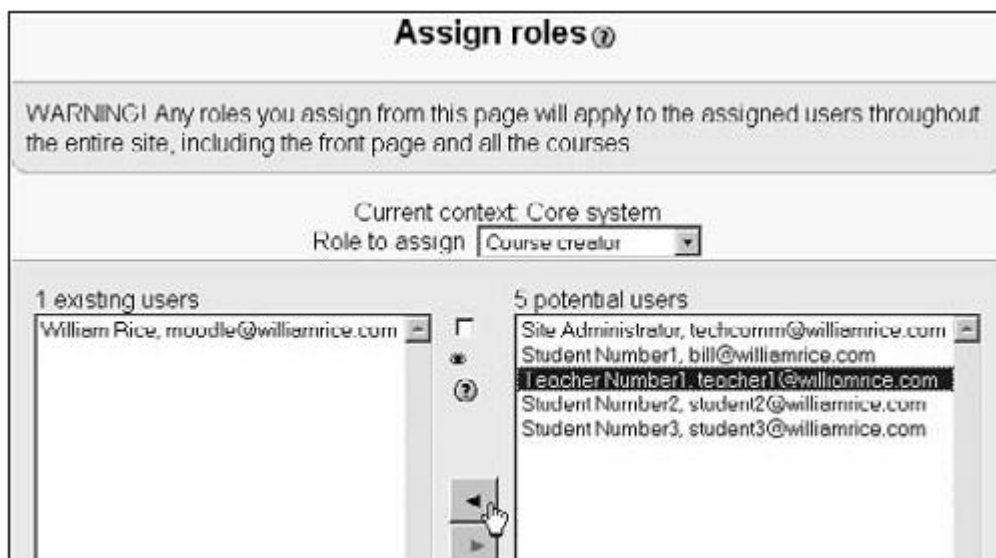
WARNING! Any roles you assign from this page will apply to the assigned users throughout the entire site, including the front page and all the courses.

Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	1
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and create...	0

2. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định.

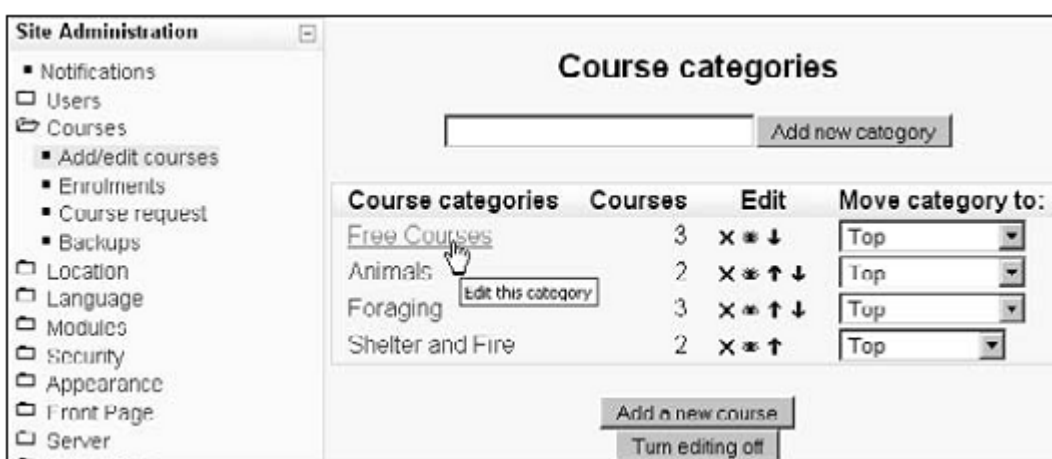
3. Từ danh sách các khả năng ở bên phải, chọn người sử dụng mà bạn muốn chỉ định vai trò. Bạn có thể sử dụng Ctrl + click chọn nhiều người sử dụng. Nếu trang web của bạn có quá nhiều người sử dụng thì sử dụng các lĩnh vực tìm kiếm ở dưới cùng của cửa sổ để thu hẹp danh sách.

4. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng vai trò:



**Chỉ định một vai trò để người sử dụng trong thời hạn một ngành học**

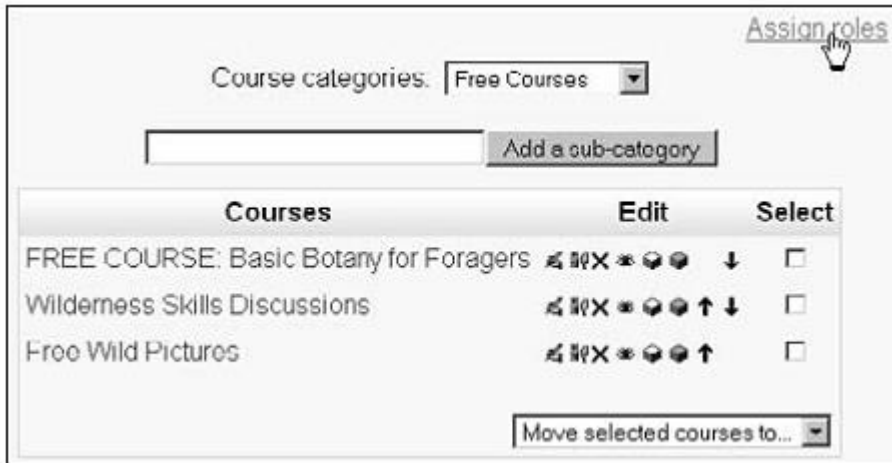
1. Từ menu quản trị, chọn **Courses | Add/edit courses:**



2. Chọn danh mục khóa học mà bạn muốn gán vai trò. Trong ví dụ trước, người dùng đã lựa chọn khóa học miễn phí

3. Trên trang kết quả danh mục khóa học, chọn liên kết chỉ định vai trò:





4. Trang chỉ định vai trò được hiển thị. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định.
5. Từ danh sách các khả năng ở bên phải, chọn người sử dụng mà bạn muốn chỉ định vai trò. Bạn có thể sử dụng Ctrl + click chọn nhiều người sử dụng. Nếu trang web của bạn có quá nhiều người sử dụng hãy sử dụng các lĩnh vực tìm kiếm ở dưới cùng của cửa sổ để thu hẹp danh sách.
6. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng vai trò...

**Chỉ định một vai trò cho người trong một khóa học (Đó là ghi danh cho một sinh viên hoặc chỉ định một giáo viên)**

Sau đây là các bước:

1. Từ trang chủ của khóa học, chọn chỉ định vai trò thuộc khối quản trị:



2. Lựa chọn liên kết này sẽ đưa bạn đến trang chỉ định vai trò:

Roles		
Assign roles		Override roles
Assign roles ?		
Roles	Description	Users
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	1
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	1
Student	Students generally have less privileges within a course.	10
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0
Authenticated user	All logged in users.	0

3. Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉ định cho người sử dụng. Trang sẽ thay đổi:

### Assign roles ?

Current context: Course: FREE COURSE: Basic Botany for Foragers  
Role to assign: Teacher

1 existing users

William Rice, techcomm@williamrice.com

20 potential users

CourseCreator Number1, coursecreator1@williamrice.com  
 Student Number1, bill@williamrice.com  
**Teacher Number1, teacher1@williamrice.com**  
 CourseCreator Number2, coursecreator2@williamrice.com  
 Student Number2, student2@williamrice.com  
 Teacher Number2, teacher2@williamrice.com  
 Student Number3, student3@williamrice.com  
 Student Number4, student4@williamrice.com

\* ?

← →

Màn hình này liệt kê tất cả người dùng xác thực trong hệ thống. Bất kỳ người dùng xác thực có thể được đưa ra bất kỳ vai trò trong khóa học.

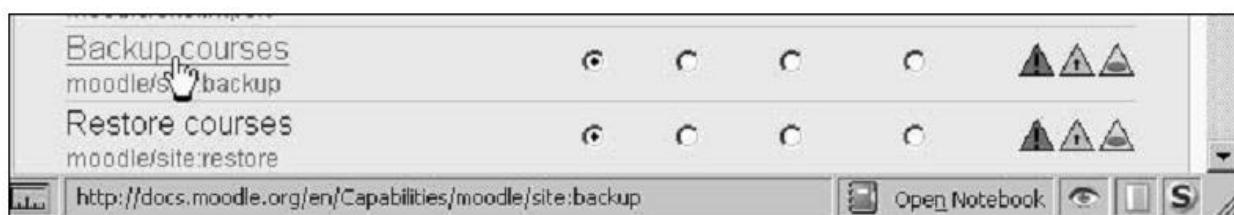
Lưu ý danh sách thả xuống bên cạnh vai trò chuyển nhượng, gần đầu của trang. Bạn không cần phải rời khỏi trang này để gán vai trò khác nhau trong khóa học.

4. Trong cột bên phải, chọn người dùng mà bạn muốn chỉ định một vai trò. Nếu người dùng không được liệt kê, bạn có thể sử dụng hộp tìm kiếm để tìm thấy những người sử dụng. Để chọn nhiều người dùng, sử dụng Ctrl + click.

5. Nhấp vào mũi tên bên trái để chỉ định người sử dụng lựa chọn cho vai trò.

### Chỉnh sửa năng lực của một vai trò

Khi bạn muốn biết năng lực nhất định của một vai trò, bạn có thể tìm kiếm các năng lực trên xem trang chi tiết vai trò, hoặc bạn có thể đăng nhập như là một người sử dụng với vai trò đó và thử nghiệm nó. Tôi thích làm cả hai. Để có được các xem trang chi tiết vai trò, chọn **Site Administration** | **Users** | **Permissions** | **Define roles**. Nếu bạn muốn một lời giải thích cho một năng lực, click vào nó và bạn sẽ được đưa đến trang web tài liệu Moodle cho khả năng đó. Trong hình bên dưới, bạn sẽ nhìn thấy URL của trang tài liệu cho các năng lực, các khóa học Backup.



Như đã nói ở trên, bạn có thể chỉnh sửa một vai trò bằng cách thêm và loại bỏ năng lực. Các chỉnh sửa bạn thực hiện là dành cho các bối cảnh trong đó bạn chỉnh sửa vai trò. Vì vậy, nếu bạn chỉnh sửa một vai trò ở cấp độ trang web, bạn đã thay đổi vai trò cho mỗi người dùng trên trang web. Nếu bạn chỉnh sửa một vai trò trong một khóa học, bạn đã thay đổi vai trò chỉ dành cho khóa học đó. Và nếu bạn chỉnh sửa một vai trò trong một hoạt động, bạn đã thay đổi vai trò chỉ cho rằng hoạt động trong khóa học đó. Trước khi bạn chỉnh sửa một vai trò, bạn nên xem xét và hiểu các khả năng mà vai trò đã có. Các hướng dẫn sau đây sẽ giúp bạn làm điều đó.

### Để chỉnh sửa khả năng của một vai trò

Đến với bối cảnh mà bạn muốn chỉnh sửa vai trò.

- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho toàn bộ trang web, hãy vào trang chủ trang web của bạn.
- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một khóa học, vào trang chủ của khóa học.
- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một hoạt động, hãy vào trang chỉnh sửa của hoạt động và tìm kiếm một nút để đọc, cập nhật này .... Nút có thể sẽ được ở góc trên bên phải của trang:

Update this Wiki

- Nếu bạn muốn chỉnh sửa vai trò cho một loại khóa học, từ menu quản trị chọn **Courses** | **Add/edit courses** và sau đó chọn danh mục khóa học.

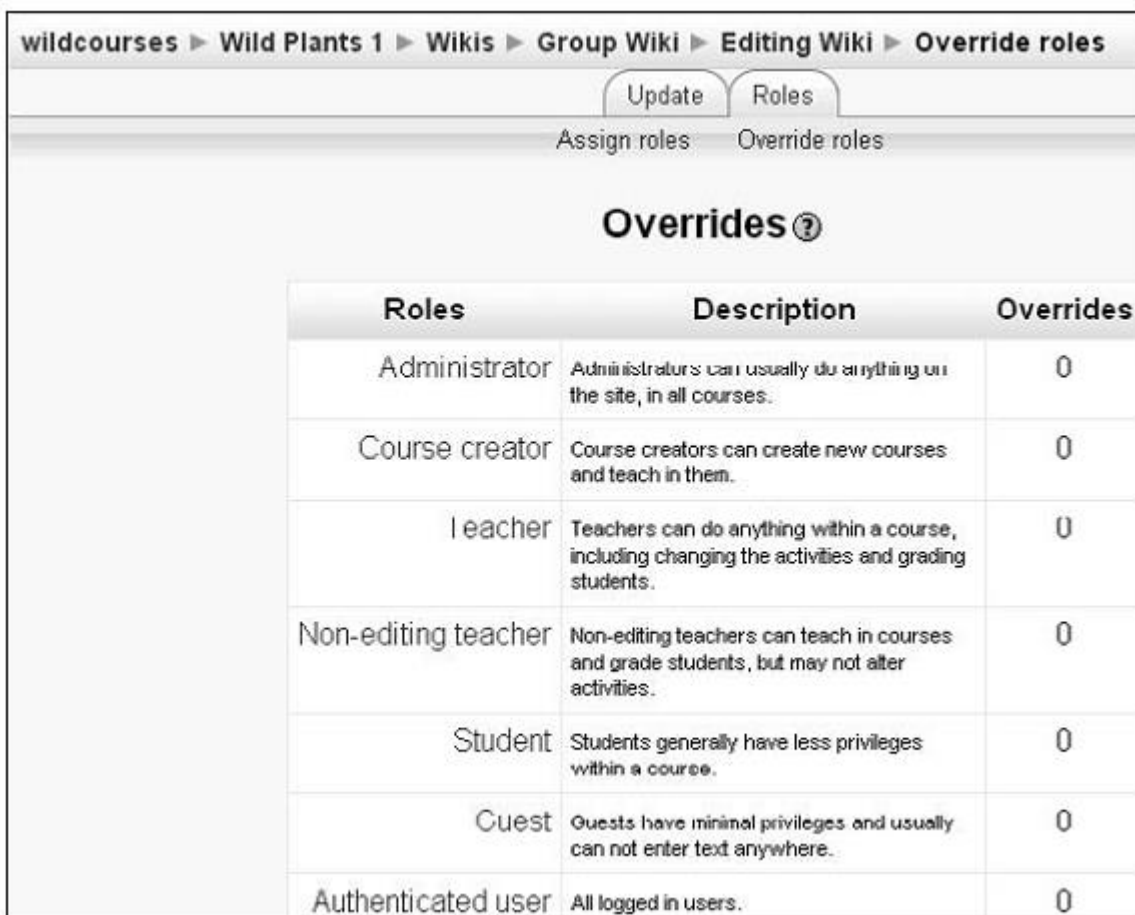
Những gì bạn làm gì tiếp theo phụ thuộc vào ngữ cảnh mà bạn muốn chỉnh sửa vai trò:

- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho toàn bộ trang web, chọn Users | Permissions | Define roles từ menu quản trị tại trang chủ của trang web.
- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một khóa học, sau đó từ trang chủ khóa học, chọn chỉ định vai trò dưới khối quản trị.
- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một hoạt động, chọn tab vai trò:



- Nếu bạn đang chỉnh sửa vai trò cho một loại khóa học, chọn liên kết chỉ định vai trò (nó nằm ở góc trên bên phải của trang) từ trang chuyên mục khóa học.

Kết quả sẽ được rằng bạn ghi trên trang vai trò chỉ định bất cứ điều gì là bối cảnh mà bạn đã chọn. Trong ví dụ này, người sử dụng trong vai trò trang chỉ định cho một wiki



Roles	Description	Overrides
Administrator	Administrators can usually do anything on the site, in all courses.	0
Course creator	Course creators can create new courses and teach in them.	0
Teacher	Teachers can do anything within a course, including changing the activities and grading students.	0
Non-editing teacher	Non-editing teachers can teach in courses and grade students, but may not alter activities.	0
Student	Students generally have less privileges within a course.	0
Guest	Guests have minimal privileges and usually can not enter text anywhere.	0
Authenticated user	All logged in users.	0

- Chọn liên kết ghi đè lên vai trò.

- Chọn các vai trò mà bạn muốn chỉnh sửa. Trong hình bên dưới, chỉnh sửa vai trò của người dùng thì giáo viên không được phép chỉnh sửa trong bối cảnh của một wiki:

WilliamRice > Wild Plants 1 > Wikis > Group Wiki > Editing Wiki

Settings Locally assigned roles Override permissions

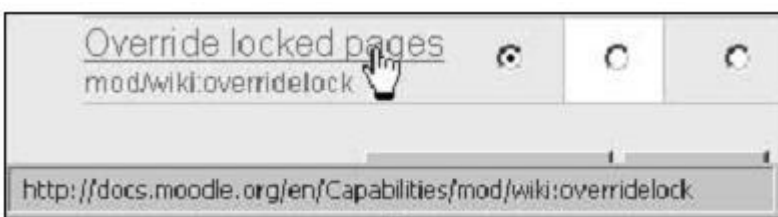
### Override permissions in Activity module: Group Wiki ?

Role to override: Non-editing teacher

Capability	Inherit	Allow	Prevent	Prohibit	Risks
<b>System</b>					
Access all groups moodle/site:accessallgroups	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
<b>Wiki</b>					
Edit wiki pages mod/wiki:participate	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Manage wiki settings mod/wiki:manage	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Override locked pages mod/wiki:overridelock	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	

Save changes Cancel

- Lưu ý rằng chỉ có một số khả năng có thể được chỉnh sửa cho vai diễn. Như là bối cảnh thay đổi, do đó, khả năng có thể được chỉnh sửa. Nếu bạn muốn thay đổi một năng lực cho giáo viên không chỉnh sửa mà không được liệt kê ở đây, bạn sẽ cần phải đi lên một cấp độ với bối cảnh khóa học và chỉnh sửa vai trò đó. Tất nhiên, nếu bạn chỉnh sửa một vai trò ở cấp độ trang web, tất cả các khả năng có sẵn để chỉnh sửa.
- Nếu bạn không chắc chắn những gì một khả năng thực hiện, click vào nó để đi đến trang tài liệu chính thức Moodle.org cho thêm chi tiết về khả năng đó:



- Chọn các giá trị mới cho các khả năng mà bạn muốn chỉnh sửa-Kế thừa, phép, ngăn chặn, hoặc Cấm.
- Lưu thay đổi.
- Kiểm tra kết quả!

### **Đề xuất cho làm việc với vai trò**

Vai trò thay đổi có thể có ý nghĩa, và tác dụng đôi khi bất ngờ trên trang web của bạn. Điều này đặc biệt đúng khi chúng ta thay đổi vai trò ở cấp trang web. Trước khi bạn bắt đầu sửa đổi và tạo ra vai trò, hãy xem xét các khuyến nghị sau.

- Một số quản trị viên trang web bắt đầu thay đổi vai trò thậm chí trước khi họ đã xây dựng được bất kỳ khóa học. Nếu bạn có kinh nghiệm với các hệ thống dựa trên vai trò khác, chẳng hạn như một hệ thống quản lý nội dung-Plone hoặc Drupal, bạn có thể có một ý tưởng tốt như thế nào bạn muốn thiết lập vai trò trong Moodle. Nó là hấp dẫn để xem xét khả năng của từng vai trò và ngay lập tức bắt đầu sửa đổi chúng theo nhu cầu của bạn. Tuy nhiên, không tùy chỉnh hoặc tạo ra vai trò cho đến khi bạn đã sử dụng các trang web và có bằng chứng cho thấy vai trò tiêu chuẩn không làm việc theo cách bạn muốn. Vai trò tiêu chuẩn đã được phát triển với đầu vào từ nhiều người sử dụng. Hàng ngàn các trang web sử dụng chúng. Khám phá chúng kỹ lưỡng trước khi tùy biến vai trò của bạn.
- Không thay đổi vai trò giữa các ý ở cấp trang web. Tạo một bản sao về vai trò tiêu chuẩn, và sau đó sửa đổi các bản sao. Bằng cách này, bạn luôn luôn giữ vai trò tiêu chuẩn trong trường hợp bạn cần nó. Đây là thực tế phổ biến cho bất kỳ phần mềm dựa trên vai trò. Đó là an toàn hơn nhiều để thay đổi vai trò tại các khóa học và mức độ hoạt động.
- Trên trang vai trò, có rất ít lý do khi bạn có thể phải sử dụng các thiết lập cấm. Hiệu quả của việc sử dụng thiết lập này có thể có ý nghĩa và bất ngờ. Vì vậy, sử dụng nó một cách thận trọng.

### **Tổng kết**

Mở rộng trang Moodle của bạn với các mô-đun bổ sung là một công cụ mạnh mẽ để tùy biến và phân biệt trang web học tập điện tử của bạn. Không ngại để thêm các mô-đun bên ngoài với các gói cài đặt Moodle. Nếu bạn đang lo lắng về sự ổn định hay khả năng tương thích của tiện ích module, bạn có thể dễ dàng cài đặt một Moodle ví dụ chỉ để thử nghiệm các mô-đun mới. Làm việc với quản trị hệ thống của bạn để thiết lập một bản sao lưu và phục hồi thông thường. Add-on module, nâng cấp Moodle, và nâng cấp mà dịch vụ lưu trữ web của bạn làm cho phần mềm của họ có thể mang xuống trang web của bạn hoặc bị hỏng dữ liệu của bạn. Một phần mềm và dữ liệu sao lưu đầy đủ là một đầu tư thông minh.

Chỉnh sửa và tạo ra vai trò cung cấp cho bạn kiểm soát tốt hơn quyền của người sử dụng của bạn. Trước khi làm điều này, sử dụng các tài liệu chính thức để nghiên cứu từng khả năng bạn đang xem xét thêm hoặc loại bỏ từ một vai trò. Cố gắng chỉnh sửa những vai trò trong bối cảnh của một khóa học thử nghiệm, vì vậy bạn hoàn toàn có thể kiểm tra những tác động của các sửa đổi của bạn trên trải nghiệm người dùng.